

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÁNH HÒA**

**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TỈNH KHÁNH HÒA
(1975 – 2005)**

**BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY KHÁNH HÒA
- 2007 -**

**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TỈNH KHÁNH HÒA (1975 – 2005)**

**CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN
BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY KHÁNH HÒA**

**ĐỒNG CHỦ BIÊN
TS. NGUYỄN HỮU CÁT
Viện trưởng Viện lịch sử Đảng
HOÀNG VĂN TRƯỜNG, Ủy viên Ban Thường vụ -
Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy**

CÁC TÁC GIẢ

- 1. Cử nhân* **NGUYỄN TỈNH KHẨM**
- 2. Tiến sĩ* **HOÀNG THỊ KIM THANH**
- 3. Tiến sĩ* **ĐÀO TRỌNG CẢNG**
- 4. Cử nhân* **LÊ VĂN THỈNH**
- 5. Thạc sĩ* **CHU ĐÌNH LỘC**
- 6. Thạc sĩ* **CAO THỊ HÀ**
- 7. Cử nhân* **PHAN THỊ HÒA BÌNH**
- 8. Cử nhân* **NGUYỄN THỊ SÂM**

LỜI GIỚI THIỆU

Dưới sự lãnh đạo tài tình của đảng, cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 của quân và dân cả nước nói chung, Khánh Hòa nói riêng đã giành được thắng lợi vẻ vang, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ, đưa đất nước ta bước vào thời kỳ mới, thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Ba mươi năm sau giải phóng, một quãng thời gian không dài nối liền quá khứ oanh liệt với hiện tại sôi động của công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Khánh Hòa đã vượt muôn vàn khó khăn, thử thách, khắc phục hậu quả chiến tranh, nỗ lực phấn đấu và đã giành được những thành tựu quan trọng trong sự nghiệp xây dựng chế độ mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

*Nhằm ghi lại những trang sử vẻ vang của thời kỳ lịch sử này, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Khánh Hòa đã chỉ đạo biên soạn và xuất bản cuốn **“Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Khánh Hòa 1975 - 2005”** để nối tiếp cuốn **“Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Khánh Hòa 1930 -1975”** xuất bản năm 2001.*

*Với thời gian chuẩn bị hơn hai năm để thực hiện các công việc: sưu tầm tài liệu, xây dựng đề cương, viết bản thảo, tổ chức các cuộc hội thảo tham gia đóng góp ý kiến của các đồng chí có tham gia hoạt động cách mạng trong thời kỳ lịch sử này, nhất là các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các đồng chí nguyên là lãnh đạo chủ chốt của tỉnh qua các thời kỳ đã đóng góp nhiều ý kiến và cung cấp nhiều tư liệu quý báu bổ sung trong bản thảo; Đồng thời, có sự tham gia biên soạn của các đồng chí chuyên viên nghiên cứu thuộc Viện Lịch sử Đảng - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, đã góp phần quan trọng tạo nên giá trị lịch sử và khoa học của tập sách này. Cùng với cuốn **“Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Khánh Hòa 1930 -1975”**, cuốn **“Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Khánh Hòa 1975 - 2005”** sẽ góp phần giúp bạn đọc ôn lại lịch sử hào hùng của Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh trong suốt chặng đường từ khi thành lập Đảng bộ Khánh Hòa năm 1930 đến năm 2005. Tuy nhiên, viết về thời kỳ này - một thời kỳ sôi động và mới mẻ, nhiều vấn đề còn mang tính thời sự, địa phương hợp nhất rồi lại chia tách... thực sự là điều hết sức khó khăn, không sao tránh khỏi những thiếu*

sót và hạn chế, Ban Thường vụ Tỉnh ủy mong nhận được những ý kiến đóng góp của đồng chí, đồng bào và bạn đọc gần xa nhằm tiếp tục bổ sung, nâng cao chất lượng cuốn sách trong những dịp tái bản sau. Cũng nhân dịp này, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chân thành cảm ơn Viện Lịch sử Đảng - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, các đồng chí lão thành cách mạng, cán bộ, đảng viên, nhân dân trong tỉnh đã giúp đỡ, tạo điều kiện hoàn thành cuốn sách này.

*Với mong muốn đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Khánh Hòa trân trọng giới thiệu cuốn: “**Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Khánh Hòa 1975 – 2005**” với cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh cùng bạn đọc.*

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY KHÁNH HÒA

PHẦN THỨ TƯ

**ĐẢNG BỘ KHÁNH HÒA SAU NGÀY GIẢI PHÓNG TỈNH
VÀ TRONG THỜI KỲ HỢP NHẤT ĐẢNG BỘ TỈNH PHÚ KHÁNH
(4/1975 – 6/1989).**

Chương XV

**ĐẢNG BỘ KHÁNH HÒA LÃNH ĐẠO KHẮC PHỤC HẬU QUẢ
CHIẾN TRANH, ỔN ĐỊNH TÌNH HÌNH TRONG TỈNH SAU
GIẢI PHÓNG (4/1975 – 11/1975)**

I. BỐI CẢNH LỊCH SỬ TỈNH KHÁNH HÒA SAU NGÀY GIẢI PHÓNG

Chiến dịch giải phóng Tây Nguyên tháng 3-1975 thắng lợi, tạo đà cho quân dân miền Nam tổng tiến công và nổi dậy giải phóng quê hương. Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và sự hỗ trợ của bộ đội chủ lực, Đảng bộ, quân và dân tỉnh Khánh Hòa anh dũng chiến đấu giành thắng lợi, giải phóng hoàn toàn tỉnh nhà vào ngày 02-4-1975. Nha Trang, Khánh Hòa giải phóng, tạo thế và lực mới cho quân và dân ta, nhất là các quân đoàn chủ lực tiến vào giải phóng Sài Gòn, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Ngày 30-4-1975, chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng, giải phóng Sài Gòn - Gia Định, giải phóng hoàn toàn miền Nam, mở ra thời kỳ mới cho cách mạng Việt Nam - thời kỳ cả nước thống nhất cùng đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Bước vào thời kỳ mới, Đảng bộ, quân và dân Khánh Hòa có những thuận lợi cơ bản nhưng cũng không ít khó khăn. Thuận lợi lớn và cơ bản nhất là quê hương hoàn toàn giải phóng, thắng lợi có ý nghĩa lịch sử trọng đại đối với Khánh Hòa qua mấy chục năm đấu tranh gian khổ. Từ đây, quân và dân toàn tỉnh được sống trong tự do hòa bình, phấn khởi bước vào xây dựng quê hương và cuộc sống mới. Đảng bộ và nhân dân Khánh Hòa vốn có truyền thống đấu tranh anh dũng, được rèn luyện thử thách trong quá trình đấu tranh cách mạng.

Sau ngày giải phóng, đội ngũ cán bộ được tăng cường bổ sung từ nhiều nguồn, có sự hỗ trợ lẫn nhau, gấp rút đào tạo bồi dưỡng lực lượng mới, sớm đưa các mặt công tác từng bước ổn định, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Chính phủ, Đảng bộ và nhân dân toàn tỉnh càng quyết tâm đoàn kết xây dựng lại quê hương, đất nước.

Khánh Hòa có vị trí địa lý thuận lợi, địa hình đa dạng, bao gồm: miền núi, đồng bằng, biển - đảo; có tiềm năng về nhiều mặt: đất đai, rừng, biển, văn hóa, du lịch, lực lượng lao động dồi dào, có điều kiện để phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh những thuận lợi, Đảng bộ và nhân dân Khánh Hòa cũng phải đối mặt với những khó khăn, thách thức. Đó là, hậu quả của 30 năm chiến tranh để lại khá nặng nề: Nền kinh tế về cơ bản vẫn còn là sản xuất nhỏ, mất cân đối và lệ thuộc nước ngoài cả về vốn, kỹ thuật, vật tư, hàng hóa. Sản xuất công nghiệp hầu như không có gì, sản xuất tiểu thủ công là chủ yếu. Nông nghiệp kém phát triển sản xuất manh mún, thô sơ, lạc hậu. Ở miền núi, qua nhiều năm bị địch đánh phá ác liệt, hàng vạn đồng bào bị đói, đau, lạt, rách. Ở vùng nông thôn đồng bằng, gần 2 vạn héc ta ruộng đất bị hoang hóa. Hàng vạn đồng bào bị địch tập trung ở các khu dồn dân trở về làng cũ chưa có nơi ăn, ở. Số người sống ở thị trấn, thị xã quá đông, phần lớn làm các nghề buôn bán, dịch vụ¹. Hàng vạn người thất nghiệp cùng với hàng vạn nguy quân, nguy quyền tan rã tại chỗ, làm cho đội quân thất nghiệp tăng cao; giá cả tăng vọt². Bên cạnh đó còn hàng ngàn thương phế binh, người tàn tật cần sự cứu trợ, trợ giúp; các tệ nạn xã hội như xì ke, ma túy, mại dâm, trộm cướp và các dịch bệnh thật sự trở thành vấn đề nan giải trong đời sống xã hội.

¹ . Số liệu trước tháng 4-1975, số dân toàn tỉnh Khánh Hoà là 589.783 người. Trong đó Nha Trang 217.000, Cam Ranh 132.422, 4 huyện đồng bằng 228.438 và các huyện miền núi có 11.923 người; 35% số dân làm nghề dịch vụ và buôn bán.

² . Giá cả trước giải phóng: Gạo 79đ/kg, thịt lợn ba chỉ 500đ/kg, cá tươi 100đ/kg, sữa đặc 200đ/hộp, bột ngọt 1.760đ/kg.

Sau giải phóng giá các mặt hàng tương ứng trên: 220đ/kg, 1.600đ/kg, 800đ/hộp, 10.000đ/kg và 300đ/lít.

Khánh Hòa có vị trí chiến lược quan trọng, đặc biệt là Cam Ranh và Nha Trang, bởi vậy nơi đây Mỹ-ngụy tập trung xây dựng bộ máy ngụy quyền, ngụy quân và cơ sở vật chất phục vụ chiến tranh khá lớn¹.

Trước nguy cơ sụp đổ của chế độ tay sai, một kế hoạch hậu chiến được Mỹ - ngụy bàn tính, sắp đặt, sẵn sàng gây bạo loạn, lật đổ chính quyền cách mạng, phá rối trật tự an ninh, tiến hành tuyên truyền tâm lý gây hoang mang trong nhân dân, nhất là thanh niên, học sinh và những khu vực có đông đồng bào theo đạo.

Với bản chất ngoan cố, phản động, hòng ngăn chặn bước tiến của quân giải phóng, liên tiếp trong các ngày 8 và 10-4-1975 quân ngụy Sài Gòn cho máy bay ném bom, bắn phá khu vực đèo Rù Rì, khóm Tháp Bà và khu I phường Tân Lập, giết hại gần 100 dân thường, làm bị thương trên 200 người, phá hủy một số nhà cửa. Sau đó, chúng tiếp tục cho máy bay ném bom ở Cam Ranh gây nhiều thiệt hại cho nhân dân địa phương. Khi quân giải phóng tiến công truy kích địch, hàng trăm đồng bào các nơi bị địch lừa gạt, dụ dỗ đi tản bằng đường thủy đã bị lính ngụy giết hại để cướp tài sản, trong đó có gần 100 xác chết trôi dạt vào bờ biển Nha Trang. Lợi dụng tình hình trên, bọn phản động tung tin, tuyên truyền hù dọa: Mỹ sẽ chiếm lại Nha Trang, đồng bào không nên ở lại với Việt cộng; rằng, máy bay tiếp tục ném bom hủy diệt Nha

¹ . Trước ngày giải phóng, toàn tỉnh có 27 ty và các cơ sở dân vận, y tế, viễn thông, cải huấn, đài phát thanh, truyền hình; cấp liên tỉnh Khánh Hoà - Cam Ranh có 4 ty và một phân khu kiều lệ; cấp phân khu và Quân khu II gồm 13 khu, nha và hệ thống tổ chức bộ máy kìm kẹp từ tỉnh đến thôn ấp. Lực lượng của địch tại Khánh Hoà có 58.245 ngụy quân, 10.501 ngụy quyền và 3.030 cảnh sát. Sau khi bị thất thủ ở Tây Nguyên, tàn quân địch chạy về Khánh Hoà, Nha Trang với số lượng ngụy quân, ngụy quyền ngày càng tăng vọt, làm cho tình hình trở nên hỗn loạn, không thể kiểm soát nổi. Bên cạnh đó, toàn tỉnh còn có 21 tổ chức đảng phái phản động do Mỹ cung cấp tài chính, phương tiện hoạt động, với tổng số 31.385 tên. Trong đó: Đảng Dân chủ có 18.838, Đảng Tự do 2.311, Đảng Liên minh dân chủ xã hội 2.677, Việt Nam quốc dân đảng 1.900, Nhân xã đảng 4.447, Đại Việt 380 và Đảng cứu nguy dân tộc có 752 . Các đảng phái phản động có tổ chức chặt chẽ từ tỉnh đến huyện thị và các chi bộ ở cơ sở. Trên địa bàn tỉnh có một số trường quân sự của ngụy quân như : Quân trường Lam Sơn-Dục Mỹ, Trại dân sự chiến đấu Trung Dũng, Trường hạ sĩ quan quân lực Việt Nam Cộng hòa tại Đồng Đế, Liên đoàn 5 biệt kích Trung Dũng đóng tại Bình Tân, Trung tâm huấn luyện Hải quân, Trung tâm huấn luyện Không quân, Liên đoàn 6 biệt kích Trung Dũng đóng tại Đồng Bà Thìn, Duyên đoàn 25 Hải thuyền tại Hòn Khói, Duyên đoàn 26 tại Cam Ranh, Tiểu đoàn 5 An ninh thiết lộ.

Trang, Cam Ranh, v.v... khiến cho một bộ phận nhân dân hoang mang, dao động.

Những ngày đầu mới giải phóng, lợi dụng lúc giao thời và những nơi ta chưa kịp tiếp quản, số lưu manh cùng với bọn ác ôn trong đám tàn binh ngụy, trong các tổ chức chống đối nổi lên đập phá các cơ sở công cộng, kho tàng, trụ sở, chợ và các hiệu buôn để cướp phá tài sản, nhất là khu chợ Đầm, Lãnh sự quán Mỹ và cướp phá nhà dân trên đường Độc Lập (nay là đường Thống Nhất) ở Nha Trang. Tại thị xã Cam Ranh, một số sĩ quan ngụy do tên Long, trung tá hải quân, cố vấn của "Đảng phong trào quốc gia cấp tiến" một tổ chức phản động tự xưng là lực lượng thứ ba do hắn làm chủ tịch, Trần Đức làm phó chủ tịch, câu kết với một số tên khác tập hợp thanh niên, phân phát vũ khí, tự đứng ra thành lập chính quyền và điều hành hoạt động chi phối nhân dân. Thậm chí chúng còn ngang ngược yêu cầu chính quyền cách mạng cùng hợp tác với chúng; tên Nguyễn Thượng Trí (chủ tịch liên đoàn quốc gia ngụy, cố vấn đảng Dân chủ phản động) còn viết thư đề nghị cách mạng tranh thủ lực lượng này. Ở một số nơi như Cam Ranh, Nha Trang, một số tên phản động được cài cắm vào cơ quan, trường học cải trang che dấu tội lỗi, chờ thời cơ móc nối hoạt động chống phá chính quyền cách mạng.

Mặc dù bị thất bại trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, nhưng đế quốc Mỹ và các thế lực phản động vẫn chưa từ bỏ âm mưu lật đổ, chống phá cách mạng, thực hiện chiến lược "kế hoạch hậu chiến" đối với Việt Nam. Tại Khánh Hòa, một số ngụy quân, ngụy quyền tuy thoát khỏi chiến tranh nhưng lại lo sợ cách mạng trả thù, mặc cảm, xa lánh với bà con xóm làng. Lợi dụng diễn biến của tình hình khó khăn sau giải phóng, bọn ác ôn có nhiều nợ máu với nhân dân trốn tránh trình diện, tiếp tục móc nối với bọn phản động đội lốt tôn giáo và trong các đảng phái phản động, tổ chức các vụ ám sát cán bộ, bộ đội, ném lựu đạn vào doanh trại bộ đội; tuyên truyền xuyên tạc chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ, kích động quần chúng, lôi kéo những phần tử chống đối, quá khích rải truyền đơn, viết khẩu hiệu, tung tin thất thiệt để nói xấu chế độ mới. Từ cuối tháng 5-1975, hoạt động phá hoại ngầm của địch có

chiều hướng gia tăng ở Hóc Chim (Vạn Ninh), chùa Nước Đổ (Diên Khánh), chùa Thái Thông (Vĩnh Xương), nhà thờ Đá ngã sáu (Nha Trang), Suối Hai, Suối Rua và vùng giáp ranh Cam Ranh - Ninh Thuận... Liên tiếp trong các tháng 6, 7 và 8-1975, một số tàn quân ngụy sống lén lút trong vùng rừng núi Ninh Hòa, Diên Khánh, Cam Ranh, Vạn Ninh móc nối với các tổ chức phản động khác tiếp tục hoạt động. Ngày 4-6 và các đêm 6, 10, 28 tháng 7, chúng rải truyền đơn và khẩu hiệu bướm ở ngã tư, ngã sáu, đường Lê Đại Hành, Mê Linh, Lê Văn Duyệt, phường Phước Tân, khóm Duy Thọ và chợ Hòn Chồng (Nha Trang). Ngày 13-7, chúng viết khẩu hiệu lên tường trường Tiểu học Cam Thịnh, Cam Ranh, xuyên tạc cuộc vận động nhân dân đi xây dựng vùng kinh tế mới. Đêm 29-7 rải truyền đơn ở Diên Khánh. Những ngày đầu tháng 8, chúng đồng loạt rải truyền đơn, dán áp phích ở Cam Ranh, Nha Trang, Diên Khánh... cho đến cuối tháng 9-1975, tại Nha Trang, Cam Ranh, Diên Khánh, Ninh Hòa vẫn xuất hiện nhiều truyền đơn, khẩu hiệu phản động. Một số tổ chức phản động tự xưng là “Mặt trận liên minh những người Việt Nam thuần túy”, “Việt Nam thanh niên anh dũng đoàn”... do một số tên sĩ quan ngụy lẩn trốn thành lập và tổ chức các hoạt động chống phá. Bọn tàn quân ngụy còn móc nối với tổ chức FULRO ở Lâm Đồng, ở Khánh Dương, Đắk Lắk hoạt động đốt nhà cướp của, kích động chia rẽ đoàn kết Kinh - Thượng, chuẩn bị các điều kiện gây bạo loạn, lật đổ chính quyền cách mạng ở một số xã. Bên cạnh đó, bọn tội phạm hình sự tiếp tục gây ra các vụ trộm cắp, cướp của, giết người ở Cam Tân, Cam Xuân, Cam Thịnh. Chỉ riêng tháng 7-1975, chúng gây ra 67 vụ trộm cướp, có vụ giết lái xe ở Diên Khánh cướp gần 1 triệu đồng. Đêm 22-8, một nhóm tội phạm có vũ trang dùng súng, lựu đạn khống chế xe chở khách từ Nha Trang đi Sài Gòn (tại khu vực đồng Bà Thìn, cách Cam Ranh 17 km), cướp toàn bộ tài sản của khách. Từ tháng 5-1975, trên địa bàn tỉnh xuất hiện các vụ tuyên truyền, kích động lôi kéo tổ chức đưa người vượt biên trái phép ra nước ngoài... Tình hình trên làm cho trật tự trị an diễn biến phức tạp và ảnh hưởng xấu đến đời sống, sinh hoạt của nhân dân trong tỉnh.

Cùng với những khó khăn, thách thức bộn bề, hệ thống tổ chức của Đảng bộ, chính quyền và các đoàn thể cách mạng chưa được củng cố, kiện toàn. Đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành vừa thiếu, vừa yếu về trình độ nhận thức và năng lực quản lý điều hành, chưa đáp ứng kịp yêu cầu và nhiệm vụ cách mạng của thời kỳ mới.

Trong bối cảnh của tỉnh mới giải phóng, vừa có những thuận lợi cơ bản, vừa đứng trước những khó khăn, thử thách to lớn, đòi hỏi Đảng bộ và nhân dân Khánh Hòa từng bước vượt qua khó khăn, nhanh chóng khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định tình hình xã hội và đời sống của nhân dân; bước đầu khôi phục sản xuất, phát triển kinh tế - văn hóa xã hội trên địa bàn toàn tỉnh.

II. LÃNH ĐẠO KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, ỔN ĐỊNH TÌNH HÌNH MỌI MẶT SAU GIẢI PHÓNG

Ngay sau ngày giải phóng tỉnh Khánh Hòa, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định thành lập Ủy ban Quân chính tỉnh¹, do đồng chí Lê Tụng làm Chủ tịch; đồng thời đề ra một số nhiệm vụ trước mắt là nhanh chóng tiếp thu quản lý các cơ sở vật chất, kỹ thuật của địch; tăng cường an ninh trật tự ổn định tình hình xã hội, ổn định đời sống nhân dân; từng bước củng cố bộ máy chính quyền các cấp và các đoàn thể quần chúng cách mạng làm chỗ dựa vững chắc cho việc phát động các phong trào tiếp theo. Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy, ngày 5 và 6-4-1975 các cơ quan ban, ngành của tỉnh về đến Nha Trang và khẩn trương triển khai mọi nhiệm vụ. Tại số nhà 16, đường Duy Tân (nay là Bảo tàng tỉnh, đường Trần Phú, thành phố Nha Trang), Tỉnh ủy kịp thời họp bàn việc thành lập Ủy ban Quân chính các cấp và các Ban tự quản khóm, phường; truy quét bọn ác ôn, phản động, nhanh chóng đưa thị xã và các vùng trong tỉnh trở lại cuộc sống bình thường, tập trung chi viện chiến trường Nam Bộ và giải phóng quần đảo Trường Sa.

¹ . Sau ít ngày, tất cả Ủy ban Quân chính tỉnh, quận, huyện đổi thành Ủy ban Quân quản tỉnh, quận, huyện.

Công tác tiếp quản vùng giải phóng, nhất là các thị xã, thị trấn được các đơn vị, ban ngành trong tỉnh tiến hành khẩn trương. Chỉ trong thời gian ngắn, ta đã tiếp quản toàn bộ các cơ quan công sở, kho tàng, sân bay, bến cảng, bệnh viện, trường học; các cơ sở nghiên cứu như Viện Pasteur, Viện Hải dương học, Đại học Duyên Hải; các cơ sở: Đài phát thanh, nhà máy điện, máy nước, ngân hàng... Đi đôi với việc tiếp quản, các lực lượng của ta cũng tiến hành vận động giao nộp vũ khí, thực hiện việc kiểm kê, quản lý cơ sở vật chất, kỹ thuật thu được của địch, bao gồm: 34 máy bay, 69.870 khẩu súng các loại, trên 300.000 tấn đạn, 150 xe vận tải quân sự, 1.603.200 lít xăng, 1.052.500 lít dầu lửa, 10 tấn dầu nhớt, 342.900 lít gazol, trên 20.000 tấn phân bón, 165 tấn gạo, 9 triệu đồng (tiền chế độ cũ) và nhiều loại khác.

Tuy nhiên, do thiếu lực lượng quản lý nên việc tiếp thu, bảo quản chiến lợi phẩm có nơi làm chậm; tình trạng mất mát, kẻ xấu phá hoại gây thiệt hại không nhỏ. Khắc phục tình trạng đó, Tỉnh ủy có sự chỉ đạo chặt chẽ hơn, đến cuối tháng 4-1975 công tác tiếp quản trong toàn tỉnh cơ bản hoàn thành, hầu hết các cơ sở của chế độ cũ và tài sản thu được đều được kiểm kê và có lực lượng quản lý, bảo vệ, hạn chế thất thoát tới mức thấp nhất.

Với khí thế cách mạng sôi nổi, cán bộ và quân dân Khánh Hòa hăng hái thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của chính quyền cách mạng. Hưởng ứng lời kêu gọi của chính quyền cách mạng, tại Nha Trang, Cam Ranh, gần 1.000 viên chức và công nhân trở lại làm việc trong các công sở; các cơ sở như Đài phát thanh, nhà máy điện, máy nước, ngân hàng, bệnh viện, bưu điện hoạt động trở lại bình thường; giao thông vận tải trong thị xã và đi các tỉnh phía Nam, phía Bắc, đi Tây Nguyên thông suốt.

Tỉnh Khánh Hòa được giải phóng trong không khí sôi động của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, thị xã Nha Trang và khu vực Nam Khánh Hòa trở thành địa bàn hậu cứ của chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, với hơn 4.000 tấn xăng, 1.000 tấn dầu ma dút... được tập kết tại Nha Trang, hơn 2.000 tấn gạo ở Cam Ranh. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, nhân dân Khánh Hòa tiếp tục đóng góp sức người, sức của phục vụ chiến dịch Hồ Chí

Minh, 1.000 xe cơ giới được huy động vận tải cho bộ đội; nhân dân Diên Khánh, Cam Ranh vừa tổ chức vận động quyên góp tiếp tế lương thực, thực phẩm, vừa trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cán bộ, bộ đội ta trên đường truy kích địch. Với những đóng góp của quân và dân Khánh Hòa đã được Bộ Tư lệnh tiền phương và Hội đồng chỉ viện chiến dịch của Quân khu V đóng tại Nha Trang đánh giá cao và khen ngợi.

Ngày 1-5-1975, tại sân vận động Nha Trang và ở các địa phương trong tỉnh, hàng chục vạn lượt người tham dự Lễ mít tinh kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động và mừng chiến thắng Sài Gòn - Gia Định hoàn toàn giải phóng. Lễ mít tinh tạo ra niềm phấn khởi, tin tưởng của các tầng lớp nhân dân đối với cách mạng, thu hút đông đảo quần chúng tham gia vào các hoạt động do Đảng bộ và chính quyền phát động.

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về tổ chức mở hội mừng Đại thắng trong cả nước, từ ngày 15 đến 19-5-1975 tất cả các tỉnh, thành phố ở cả hai miền Nam-Bắc đều tổ chức mít tinh, diễu hành, hoạt động văn hóa, thể thao mừng đại thắng.

Quán triệt Chỉ thị số 218 và 219-CT/TW ngày 19-4-1975 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về *chính sách đối với tù hàng binh, ngụy quân, ngụy quyền và công tác đấu tranh chống phản cách mạng, thiết lập trật tự ở vùng giải phóng*, thực hiện chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, chính quyền cách mạng ra thông cáo và thông báo trên Đài phát thanh thị xã yêu cầu ngụy quân, ngụy quyền, tình báo, cảnh sát, cốt cán của các đảng phái phản động ra khai báo trình diện. Đến ngày 31-5-1975, toàn tỉnh Khánh Hòa có 62.119 đối tượng ra trình diện. Trong đó có 4.526 sĩ quan¹; số ngụy quyền, cảnh sát, mật vụ... có 4.397 người² và 369 người trong các đảng phái phản động. Hết tháng 6-1975 (thời hạn chấm dứt việc trình diện) toàn tỉnh có 65.551 người khai báo trình diện, tất cả đều được phân loại cho học tập để họ nhận rõ tội lỗi và hiểu rõ

¹ . Gồm 2 đại tá, 35 trung tá, 201 thiếu tá, 658 đại úy, 1389 trung úy, 1384 thiếu úy và 857 chuẩn úy.

² . Gồm: 1 Chủ tịch hội đồng tỉnh, 1 Phó chủ tịch hội đồng tỉnh, 29 trưởng phó ty, 8 đoàn trưởng bình định, 5 đoàn trưởng và 44 đoàn phó phòng vệ dân sự, 34 liên toán trưởng,, 386 chánh phó chủ tịch hội đồng xã, 359 trưởng phó phường xã, 399 bình định nông thôn, 216 tên phượng hoàng, 277 mật vụ, 19 tên chiêu hồi, 321 cảnh sát viên, 2.298 cảnh sát dã chiến và cảnh sát xã.

đường lối, chính sách khoan hồng của cách mạng. Hầu hết trong số này (trừ loại ác ôn nguy hiểm hoặc những trường hợp phải xử lý theo pháp luật) còn lại đều được khôi phục quyền công dân, không phân biệt đối xử kể cả bản thân và gia đình họ, được trả về địa phương tiếp tục làm ăn, sinh sống. Một lần nữa, chính sách đại đoàn kết dân tộc, chính sách nhân đạo của Đảng, Nhà nước ta thể hiện rõ tình dân tộc, nghĩa đồng bào, không có các "cuộc tắm máu", trả thù sau giải phóng như luận điệu tuyên truyền, đe dọa của bọn đế quốc, phản động.

Cùng với việc đăng ký trình diện đối với nguy quân, nguy quyền và các đảng phái phản động, lực lượng an ninh và lực lượng vũ trang địa phương phối hợp tăng cường tuần tra, kiểm soát, tiếp tục truy lùng bọn ác ôn trốn tránh trình diện và trấn áp bọn lưu manh, côn đồ gây rối trật tự, bảo vệ tính mạng và tài sản nhân dân, tài sản của Nhà nước. Cuối tháng 8-1975, được sự giúp đỡ của nhân dân, lực lượng an ninh của tỉnh điều tra khám phá một số tổ chức phản động có âm mưu bạo loạn vũ trang, gây rối trật tự trong dịp kỷ niệm Quốc khánh 2-9, như "Hội thanh niên hùng tâm dũng trí" ở Cam Ranh do Nguyễn Văn Cương cầm đầu, tổ chức "Thanh niên tranh đấu" ở Ninh Hòa do Tâm và An cầm đầu. Tại Nha Trang, ta bắt gọn 7 tên trong tổ chức "Thanh niên anh dũng đoàn" do Lê Quang Cương cầm đầu. Ta còn điều tra khám phá 6 vụ, bắt hàng chục tên, thu toàn bộ vũ khí, tài liệu tang vật buộc chúng phải thú nhận tội lỗi, điển hình như chuyên án "K80".

Tại khu vực đèo Cả (Vạn Ninh), bọn sĩ quan nguy trong tổ chức CIA do Phan Văn Thu, thiếu tá nguy đội lột thầy tu tự xưng "Thánh vương tôn luân" lấy chùa "Thiền viện Hồng trúc lâm" làm nơi tập hợp lực lượng, lập mật khu ở Núi Chúa (Phú Yên) để hoạt động chống phá. Từ ngày 18 đến 30-7-1975, lực lượng vũ trang Khánh Hòa phối hợp với Phú Yên tổ chức bao vây bắt 9 tên tại chùa (trong đó có các tên Tửu, Châu và Dương Ngọc Lan), tiếp tục tấn công truy quét mật khu Núi Chúa, bắt 68 tên (có 15 tên cầm đầu, trong đó có Phan Văn Thu) ẩn núp ở xã Đại Lãnh, huyện Vạn Ninh. Mở rộng chuyên án, ta tổ chức bao vây truy quét khu Đồng Bò, suối Nước Đổ, kiểm tra bọn tàn quân đội

lốt thầy tu lẫn trốn trong các chùa Thiên Nam, Thiên Thiên (Ninh Hòa), Thiên Ngọc (Diên Khánh), xoá bỏ các tụ điểm ở khu vực đèo Cả.

Các lực lượng vũ trang của tỉnh còn điều tra khám phá 10 vụ tàng trữ cất giấu vũ khí, thu trên 60 khẩu súng các loại (có cả cối 81), nhiều đạn dược và các chất gây cháy nổ. Sau nhiều đợt tuyên truyền, vận động nhân dân, các cơ quan chức năng thu hồi trên 1.000 tấn vũ khí, chất nổ, chất cháy và nhiều phương tiện giao thông, thông tin liên lạc của địch để lại. Công tác phòng chống cháy, nổ được coi trọng; chính quyền đã xây dựng và phổ biến qui định phòng cháy chữa cháy, thành lập lực lượng phòng chống cháy ở các nhà máy, kho tàng và một số cơ quan, chỉ riêng ở Nha Trang thành lập được 24 tổ chữa cháy, tăng cường kiểm tra, hạn chế các vụ cháy nổ xảy ra. Từ tháng 6 đến tháng 10-1975, toàn tỉnh điều tra khám phá 175 vụ trộm cắp tài sản công dân, thu hồi trên 10 triệu đồng, 80 xe Honda, xe đạp trả cho người bị hại; bắt 250 đối tượng, trong đó có 6 tên trong nhóm cướp có vũ trang; chính quyền cách mạng mở phiên toà công khai xét xử bọn tội phạm, trong đó tuyên phạt tử hình 1 tên gây nhiều tội ác. Bên cạnh đó ta còn tổ chức đưa đi tập trung học tập cải tạo gần 1.000 tên trộm cướp, nghiện ngập xì ke, gái điếm chuyên nghiệp. Đến cuối tháng 9-1975, lực lượng an ninh phục kích bắt 7 vụ gồm 120 đối tượng tổ chức đưa người trốn ra nước ngoài; trong đó triệt phá đường dây từ Sài Gòn - Nha Trang do Lý Tam Dương (người Hoa ở Nha Trang) cầm đầu và đường dây do Nguyễn Thái Phụng, Thị Bích tổ chức, tịch thu toàn bộ tài sản, vũ khí và phương tiện vượt biên trái phép. Những hoạt động tích cực trên góp phần làm ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở thị xã và vùng nông thôn sau giải phóng.

Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm của Đảng bộ lúc này là nhanh chóng ổn định đời sống nhân dân, khôi phục và đẩy mạnh sản xuất, chính quyền cách mạng các cấp kịp thời vận động nhân dân cứu trợ, giúp đỡ các gia đình bị nạn, nhanh chóng khắc phục hậu quả của cuộc oanh kích dã man do máy bay địch gây ra những ngày đầu tháng 4-1975; đồng thời giải quyết việc chống đói, đau, lụt, rách. Tháng 4-1975, tỉnh chỉ viện cho hai huyện Vĩnh Khánh và Vĩnh Sơn

51 tấn muối, 30.000m vải, hàng ngàn lít dầu ăn và một số hàng hóa nhu yếu phẩm khác. Trong tổng số hơn 7.583 tấn lương thực nhập từ sau giải phóng đến 18-7-1975, tỉnh đã xuất cứu đói cho dân hơn 287 tấn. Đồng thời, cấp cho các hoạt động kinh tế và dân sinh gần 290 tấn xăng, hơn 365 tấn dầu lửa, 877 tấn dầu gazol và gần 18 tấn dầu nhờn. Đến tháng 7-1975, chỉ riêng ở Cam Ranh, chính quyền đã cấp cho dân hơn 753 tấn gạo. Từ tháng 4 đến cuối tháng 8-1975, tỉnh đưa lên các huyện miền núi 86 tấn muối, 37.872m vải, 2.334 lít dầu lửa và 13.900 viên đá lửa; về cơ bản tình hình thiếu muối của nhân dân miền núi được giải quyết, song tình trạng thiếu ăn và mặc rách vẫn còn nhiều.

Nhằm giải quyết nạn đói, Tỉnh ủy chỉ đạo các huyện phải khẩn trương tổ chức tăng gia sản xuất, trồng các loại cây lương thực, các huyện Vĩnh Sơn, Khánh Sơn, Khánh Vĩnh đã tria hàng ngàn gia giống bắp (trong đó Vĩnh Sơn tria 1.177 gia), hàng chục vạn gốc mì, cán bộ ban ngành trong huyện sản xuất tự túc trồng gần 30 vạn gốc mì tại Gia Lê và Suối Gia. Huyện Vĩnh Sơn chọn các xã Sơn Hòa, Liên Sang và Sơn Thành làm thí điểm cấy lúa nước. Toàn tỉnh có 45.670 ha, trong đó ruộng đất đang canh tác là 27.618 ha, còn lại là ruộng hoang hóa; diện tích ruộng được tưới nước qua hệ thống thủy lợi chỉ chiếm 44,27%, diện tích bị hạn còn lớn. Hưởng ứng chủ trương của Đảng, nhân dân trong tỉnh tích cực đào mương, đắp đập, nạo vét kênh mương, tu bổ các đập: Đá Bàn ở Ninh Hoà, Cầu Dứa ở Vĩnh Xương. Nhân dân Diên Khánh đắp 5 đập bồi, 10 bờ xe nước, xây dựng 1 tổ bơm gồm 4 máy tưới cho gần 1.000 ha. ở Ninh Hòa, toàn huyện đắp xong đập Sông Cái và 2 tuyến mương về 7 xã, đảm bảo nước tưới cho hơn 1.000 ha và chống úng cho 500 ha vùng Ninh Giang, Ninh Hà.

Đi đôi với việc làm thủy lợi đảm bảo nước tưới, tiêu phục vụ sản xuất, chính quyền cũng phát động nhân dân đẩy mạnh khai hoang phục hóa ở Đồng Trăng, Đồng Tròn (Diên Khánh); Xuân Sơn, Hóc Chim, Đồng Bé (Vạn Ninh); Đồng Nảy, Cung Hòa, Quảng Thiện, Tân Lâm, Tân Tứ (Ninh Hòa)... được 500 ha đưa vào sản xuất.

Mặc dù Đảng bộ và nhân dân toàn tỉnh có nhiều cố gắng, song việc ổn định đời sống nhân dân, giải quyết việc làm, xây dựng vùng kinh tế mới, thúc đẩy tăng gia sản xuất đạt hiệu quả thấp, chưa tạo thành một phong trào sâu rộng thu hút đông đảo quần chúng tham gia, ủng hộ. Để khắc phục tình hình trên, từ ngày 9 đến 11 tháng 7-1975 Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp mở rộng, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ từ sau ngày giải phóng tỉnh, nghiêm túc kiểm điểm những thiếu sót, hạn chế; chỉ rõ những nguyên nhân khách quan và chủ quan của những yếu kém, đó là: Các cấp ủy Đảng, chính quyền và các ngành chưa nắm chắc tình hình, thiếu sâu sát, thấu hiểu đời sống, tâm trạng của quần chúng để giải quyết kịp thời. Tổ chức bộ máy, sự chỉ đạo và lề lối làm việc của cán bộ ở nhiều nơi còn rời rạc, phân tán, chưa chuyển kịp với tình hình và yêu cầu nhiệm vụ mới; sự phối hợp giữa các ngành dưới sự lãnh đạo thống nhất của cấp ủy Đảng chưa được thực hiện nghiêm túc; một bộ phận cán bộ có tư tưởng chủ quan, tự mãn, quan liêu, mệnh lệnh, cá nhân cục bộ công thân... Bên cạnh đó, một bộ phận nhân dân chưa thật sự tin tưởng vào chính quyền, các cơ sở sản xuất của tư nhân chưa yên tâm để phục hồi sản xuất, kinh doanh. Hội nghị đề ra nhiệm vụ, mục tiêu phấn đấu và các biện pháp nhằm đẩy mạnh sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp, tài chính ... trong thời gian tiếp theo.

Việc đưa những người không có công ăn việc làm ở thành phố, thị xã, thị trấn về nông thôn để sản xuất nông nghiệp, phục hồi khai hoang và xây dựng vùng kinh tế mới, Hội nghị đề ra mục tiêu phấn đấu đến cuối năm 1975, đưa khoảng 8 vạn người ở Nha Trang về sản xuất nông nghiệp tại các địa phương trong tỉnh, trong đó về Ninh Hòa 3 vạn, Diên Khánh 3 vạn, Vạn Ninh 1 vạn, Cam Ranh 1 vạn, ngoài ra phải giải quyết hàng ngàn người khác trong khu quân cảng Cam Ranh về sản xuất ở các vùng trong huyện. Hội nghị xác định đây là một công tác lớn, có nhiều khó khăn phức tạp, do đó phải phát động quần chúng để hình thành một phong trào lao động sản xuất sôi nổi, có sự phối hợp của nhiều cấp, nhiều ngành. Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhất trí phân công đồng chí Nguyễn Quyết làm Trưởng ban vận động nhân dân thành phố về nông

thôn, trực tiếp nghiên cứu phương án, kế hoạch cụ thể và lãnh đạo các ngành liên quan thực hiện tốt công tác này. Trách nhiệm của Quận ủy I và II thị xã Nha Trang phải phối hợp chặt chẽ với các Huyện ủy để thực hiện tốt chủ trương của Tỉnh ủy. Tỉnh chọn phường Phước Tân (quận II Nha Trang) làm thí điểm rút kinh nghiệm, sau đó phổ biến nhân rộng trong toàn tỉnh.

Phương hướng sản xuất nông nghiệp trong thời gian tới là phải phục hồi hết ruộng hoang hóa, trước mắt coi trọng sản xuất lương thực, về lâu dài cần đưa cây ăn quả chế biến xuất khẩu lên thành hướng phát triển chính của nông nghiệp. Đối với thủy lợi, phải khai thác nước tự chảy là chính, thay thế cho máy bơm, đẩy mạnh xây dựng hệ thống mương, đập để giải quyết nước cho nông nghiệp, cố gắng duy trì và phát triển sức kéo bằng cơ giới, coi trọng sức kéo trâu, bò.

Lâm nghiệp cần có những biện pháp cấp bách bảo vệ rừng, khôi phục cơ sở khai thác và chế biến gỗ, đẩy mạnh khai thác lâm sản; phát triển thủy sản trở thành một ngành chính của tỉnh, trong hoàn cảnh thiếu nhiên liệu cần chuyển một phần ghe, thuyền với trọng tải nhỏ sang dùng buồm để có thể duy trì mức sản xuất cần thiết, đẩy mạnh chế biến thủ công, cố gắng khắc phục khó khăn, giữ và tăng cường thêm trang thiết bị cơ giới trong khâu khai thác và chế biến thủy sản. Cần nghiên cứu và chuẩn bị tiến tới tổ chức khai thác và chế biến quốc doanh với quy mô lớn.

Công nghiệp địa phương phải khôi phục gấp những cơ sở tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp trong tỉnh có thể còn tiếp tục những mặt hàng trước đây đã sản xuất. Hướng phát triển cần chú ý chế biến thủy sản và hoa quả, chế biến gỗ, cơ khí và sửa chữa: ô tô, máy nông nghiệp, máy thuyền phục vụ sản xuất. Giao thông vận tải tổ chức bảo dưỡng tốt các tuyến đường hiện có, tạo điều kiện giao lưu, kết hợp 2 vùng kinh tế mới trong tỉnh; khai thác và lưu thông hàng hóa bình thường, từng bước xây dựng lực lượng vận tải quốc doanh.

Thương nghiệp và tài chính cần sử dụng thương nhân một cách hợp lý, có chỉ đạo, mâu dịch quốc doanh nắm được những mặt hàng chiến lược ở khâu

bán buôn. Mở rộng trao đổi hàng hóa giữa đồng bằng và miền núi, thúc đẩy sản xuất, phát triển cải thiện đời sống nhân dân.

Hội nghị cũng đề ra một số biện pháp nhằm tăng cường và củng cố chính quyền, nâng cao chất lượng hoạt động của các đoàn thể quần chúng ở cơ sở, mở đợt phát động quần chúng, tăng cường và củng cố thêm một bước về chính quyền và các đoàn thể quần chúng ở xã, phường, thôn, khóm. Phải lựa chọn người tốt, lý lịch trong sạch, rõ ràng, có tín nhiệm với quần chúng đưa vào bộ máy chính quyền (ủy ban, xã hội, an ninh) và cơ quan lãnh đạo các đoàn thể. Kiên quyết đưa những người trước đây làm tề ngụy cho bọn đế quốc, không được nhân dân tín nhiệm ra khỏi bộ máy chính quyền cách mạng. Các cấp ủy huyện, quận chịu trách nhiệm củng cố và tăng cường tổ chức ở cơ sở¹.

Sau hội nghị, tình hình trong tỉnh có những chuyển biến khá tích cực. Đến cuối tháng 8-1975, toàn tỉnh vận động đưa 24.320 người ở thị xã, thị trấn về nông thôn và vùng kinh tế mới trực tiếp tham gia sản xuất. Ở Nha Trang, đưa được 1.372 gia đình về các vùng: Củ Chi, Diên Lâm, Diên Thọ (Diên Khánh); Phú Nhơn, Cung Hòa, Quảng Thiện (Ninh Hòa); Lỗ Lương, Đồng Lác, Núi Hời, Vĩnh Cầm (Cam Ranh). Tại Cam Ranh có 852 hộ gồm 1.660 người đi khai hoang những nơi đất trống. Ngoài việc giúp đỡ hỗ trợ đối với đồng bào đi xây dựng kinh tế về lương thực, giống cây trồng, xăng dầu, phân bón, thuốc trừ sâu, nông cụ và cho vay để ổn định cuộc sống và đầu tư vào sản xuất, chính quyền cũng tập trung xe ủi giúp dân ủi đất khai hoang, phân bổ đất ở và đất sản xuất, lập bệnh xá, trường học, cửa hàng mậu dịch, phòng thông tin...; Ở khu vực Củ Chi (Diên Khánh), tỉnh huy động 138 thanh niên xung phong và 70 thanh niên thường trực làm 12 km đường, xây dựng 5 lán trại. Những biện pháp tích cực đó đã giúp cho đồng bào đi xây dựng kinh tế mới sớm ổn định cuộc sống trên quê hương mới.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy về vận động đồng bào vùng cao xuống thấp, các địa phương tiến hành qui hoạch địa điểm, đất đai và vận động đồng

¹ . Từ khổ cuối trang 11 đến các trang 12, 13 và 2 dòng đầu trang 14 là nội dung Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy mở rộng họp từ ngày 9 đến 11 tháng 7-1975 và ra Nghị quyết số 65-NQTV ngày 26-7-1975 - Tài liệu lưu Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Khánh Hoà.

bào đến địa điểm mới. Ở huyện Khánh Vĩnh, đồng bào các xã Giang Ly, Sơn Thái, Khánh Bắc, Khánh Hiệp đã chuyển đến khu định canh, định cư mới.

Khắp các vùng nông thôn đẩy lên phong trào tháo gỡ bom mìn, làm thủy lợi, khai hoang, phục hóa. Các tổ vùn công, đổi công, tập đoàn sản xuất được thành lập. Tổ chức nông hội phát triển rộng khắp với 222 tổ gồm 2.678 hội viên, góp phần vận động nông dân chấp hành các chính sách của Đảng và Nhà nước, đẩy mạnh sản xuất làm tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước, tăng cường đoàn kết trong nhân dân và xây dựng chính quyền cách mạng.

Cùng với nông nghiệp, Khánh Hòa có diện tích rừng và đất rừng chiếm 76% (434.500 ha) diện tích chung toàn tỉnh; trong đó rừng tốt chiếm 58%, rừng nghèo 23%, còn lại là đồi trọc và núi đá. Việc khai thác và chế biến lâm sản được hoạt động trở lại với 23 trại mộc, 18 chủ lò gồm 150 lò đốt than, 12 công ty tư nhân khai thác, chế biến gỗ. Ở Cam Ranh thu hồi 8.975m³ gỗ đưa vào sản xuất, tổ chức các trạm kiểm lâm, hướng dẫn nhân dân phát rẫy, chặt củi, đốt than, bước đầu hạn chế nạn đốt phá rừng bừa bãi; huyện còn lập các vườn sản xuất giống cây, cung cấp cho phong trào trồng cây “Nhớ ơn Bác Hồ”.

Ngư nghiệp và thủy sản vốn là một trong ba thế mạnh kinh tế của tỉnh. Trước giải phóng có 17.000 ngư dân với 7.326 chiếc tàu thuyền. Sau giải phóng do thiếu nguyên, nhiên liệu nên chỉ khai thác được 30% công suất, việc đánh bắt xa bờ là rất khó khăn. Trước thực trạng đó, ngành hải sản tiến hành điều tra, lập qui hoạch cơ bản về nhu cầu mọi mặt phục vụ phát triển ngư nghiệp, diêm nghiệp. Nhờ sự giúp đỡ của chính quyền các cấp, các ngành và nỗ lực của ngư dân, sản lượng đánh bắt thủy hải sản trong tháng 7 tăng gấp 2 lần tháng 6-1975. Chỉ riêng huyện Cam Ranh đã cung cấp cho hoạt động ngư nghiệp, diêm nghiệp 557.652 lít xăng dầu, tạo điều kiện cho ngư dân đánh bắt thu hoạch hàng trăm tấn cá, tôm, mực, sản xuất 86.000 lít nước mắm, mở rộng diện tích làm muối lên 67 ha, sản xuất 2.000 tấn muối; giải quyết việc làm và tạo thu nhập cho 4.000 ngư dân trong huyện.

Sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp được chú trọng. Toàn tỉnh có 550 cơ sở kỹ nghệ, tiểu thủ công nghiệp hầu hết của tư nhân; các nhà máy

điện Nha Trang, Ninh Hòa, Vạn Ninh, Cam Ranh đi vào hoạt động nhưng công suất chưa cao do thiếu nhiên liệu. Để khắc phục khó khăn về thiếu nhiên liệu, tỉnh chủ trương nhanh chóng hoàn thành việc xây dựng đường điện cao thế từ Phan Rang ra Cam Ranh, Nha Trang, Ninh Hòa và Vạn Ninh để sử dụng nguồn điện của nhà máy thủy điện Đa Nhim, chuyển các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp từ dùng nhiệt điện sang dùng mạng thủy điện.

Đối với giao thông vận tải, tỉnh huy động hàng vạn ngày công tu sửa cầu đường và xây dựng các tuyến đường mới. Đoạn đường sắt Cam Ranh - Đại Lãnh dài 93 km được phục hồi và đưa vào sử dụng. Các bến cảng Nha Trang, Ba Ngòi, Cam Ranh đi vào hoạt động, giải quyết cho gần 1.200 người có việc làm. Nhân dân các huyện Khánh Sơn, Khánh Vĩnh cũng đóng góp hàng ngàn công lao động tham gia làm đường Lục Đại - Ba Cùm I, Dục Mỹ - Diên Khánh, công trường làm đường T12 và một số tuyến đường từ huyện xuống xã. Các phương tiện vận tải được bảo đảm, phục vụ phát triển kinh tế và dân sinh.

Cùng với giao thông vận tải, ngành Bưu điện có cố gắng trong việc lắp đặt thêm các trạm bưu điện, đường dây điện báo, điện thoại phục vụ công tác chỉ đạo của tỉnh, huyện và đời sống nhân dân.

Các chính sách thuế, tiền tệ được thực hiện. Hơn hai tháng sau ngày giải phóng, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam nghiên cứu ban hành các chính sách thuế mới, nhằm động viên sự đóng góp công bằng hợp lý của các tầng lớp nhân dân vào sự nghiệp xây dựng lại đất nước. Nhiều khoản thuế mà chính quyền Sài Gòn trước đây đặt ra được bãi bỏ, thay vào đó thực hiện một số chính sách thuế mới, khuyến khích phát triển sản xuất và đóng góp một phần nghĩa vụ đối với Nhà nước. Thực hiện chính sách của Đảng và Nhà nước, trong 3 tháng 5, 6, 7-1975 ngành tài chính, ngân hàng tỉnh Khánh Hòa thu trên 100 triệu đồng các loại thuế¹ và hơn 20.000 gia lúa, trong đó cho vay để phát triển sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp gần 50 triệu đồng². Để đưa nền kinh tế miền Nam từng bước khắc phục tình trạng mất cân đối và

¹ và ². Tiền chính quyền Sài Gòn cũ, trước ngày đổi tiền 22-9-1975.

lệ thuộc vào nước ngoài, đáp ứng yêu cầu quản lý nền kinh tế mới, ngày 22-9-1975, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam quyết định thu đổi tiền của chính quyền Sài Gòn cũ và Ngân hàng quốc gia Việt Nam, phát hành các loại tiền của Ngân hàng Việt Nam thay thế đồng tiền cũ. Tại Khánh Hòa, từ ngày 22 đến 25-9-1975 việc thu đổi tiền cũ sang tiền mới diễn ra nhanh gọn, an toàn.

Nhằm tiến lên xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, trước mắt tạo điều kiện để ổn định và phát triển sản xuất, ổn định và bảo đảm đời sống của nhân dân, ngày 10-9-1975 Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ra tuyên bố về một số chính sách khôi phục và phát triển công thương nghiệp, bãi trừ lũng loạn, đầu cơ, phá rối thị trường của giai cấp tư sản mại bản. Thực hiện chủ trương này, ngành công thương tổ chức họp mặt 450 nhà công kỹ nghệ và tiểu công nghệ trong toàn tỉnh để phổ biến chính sách của Chính phủ cách mạng lâm thời nhằm động viên mọi người cùng hăng hái tham gia khôi phục và phát triển sản xuất; tích cực tham gia trong đợt đầu cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh.

Giải quyết đất sản xuất là vấn đề cấp thiết đối với nông dân sau ngày giải phóng, tạo điều kiện để nông dân phát triển sản xuất nông nghiệp. Thực hiện chủ trương của Chính phủ và chỉ đạo của Khu ủy, Tỉnh ủy Khánh Hòa đề ra mục tiêu đến cuối năm 1975 đối với các huyện, thị và đến quý I-1976 đối với Cam Ranh, phải hoàn thành chính sách ruộng đất, chia công điền, công thổ cho nông dân thiếu và chưa có ruộng cày; đồng thời chỉ đạo Nông hội tỉnh cùng với Ty Nông nghiệp tiến hành điều tra, lập phương án, kế hoạch chia ruộng đất cho nông dân trong tỉnh. Ngày 1-10-1975, Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 101-CT/TU về *tịch thu tài sản của bọn địa chủ ác ôn trên địa bàn tỉnh*, trong đó nêu rõ đối tượng phải tịch thu và yêu cầu các huyện, xã triển khai nhanh chóng, chính xác. Ngày 16-10-1975, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua kế hoạch chia ruộng đất công điền, công thổ cho nông dân lao động. Quán triệt chủ trương của Đảng và chỉ thị của Tỉnh ủy, ngày 20-10-1975 tại Nha Trang,

Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức hội nghị cán bộ lãnh đạo huyện, thị, các cơ quan, đoàn thể học tập chủ trương chính sách ruộng đất của Đảng, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác này; đồng thời chọn các xã làm điểm, rút kinh nghiệm để triển khai trong toàn tỉnh¹.

Dưới chế độ mới, sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế được Đảng bộ và chính quyền cách mạng đặc biệt chú trọng. Các bệnh viện tiếp tục hoạt động trở lại. Hệ thống y tế được mở rộng và hoạt động xuống tận các xã, phường, số lượt người bệnh được khám và điều trị tại các cơ sở y tế, bệnh viện, bệnh xá ngày càng tăng lên. Tại Nha Trang, phòng y tế được giải thể để thành lập phòng y tế quận I và quận II. Nhằm giảm bớt lượt người ở phòng khám Bệnh viện trung tâm, ngành y tế thành lập 3 phòng khám chuyên khoa là tai mũi họng, răng hàm mặt, mắt và tổ chức phòng giải phẫu bệnh lý. Ở Cam Ranh, bệnh viện 100 giường được triển khai và đầu tư thêm trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ người bệnh, đồng thời tổ chức được 15 trạm y tế ở các phường. Tỉnh còn thành lập được trạm điều dưỡng cán bộ gồm 100 giường đưa vào hoạt động. Hàng chục đội y tế lưu động khám chữa bệnh, phát thuốc cho nhân dân không lấy tiền và kịp thời dập tắt ổ dịch hạch, sốt xuất huyết, sởi ở Cam Ranh, Vạn Ninh; phòng dịch tả ở Sơn Hòa (Vĩnh Sơn)... Hàng vạn lượt người được tiêm phòng các bệnh dịch hạch, dịch tả, sởi, đậu mùa, sốt xuất huyết, thương hàn, đau mắt đỏ và phòng ngừa bệnh sốt rét, bệnh chó dại. Phong trào vệ sinh phòng bệnh được phát động ở cả thành thị và nông thôn, thu hút hàng ngàn lượt người tham gia dọn vệ sinh ở phường, khóm. Ngành y tế tỉnh mở được 3 lớp đào tạo y, dược tá và nữ hộ sinh gồm 267 học viên, bồi dưỡng nghiệp vụ cho 78 vệ sinh viên. Sau giải phóng, mặc dù còn nhiều khó khăn song Viện Pasteur vẫn duy trì hoạt động, tiếp tục nghiên cứu và sản xuất được nhiều loại vắc xin, phục vụ kịp thời việc phòng ngừa và điều trị có hiệu quả dịch bệnh bùng phát trên địa bàn tỉnh.

Về lĩnh vực giáo dục, thực hiện Thông tư số 409 của Khu Trung trung Bộ, tỉnh tích cực tiếp thu, tiếp quản, công lập hóa các trường tư thục và triển khai

¹ . Theo Chỉ thị số 517/ĐB ngày 16-10-1975 của Thường vụ Tỉnh ủy Khánh Hòa.

công tác theo chỉ đạo của Trung ương. Đội ngũ quản lý và phần lớn giáo viên cũ của các trường phổ thông được lưu dụng trở lại làm việc. Ngành giáo dục sớm ổn định tình hình, tổ chức bồi dưỡng về quan điểm chính trị và nghiệp vụ cho 2.847 giáo viên, bồi dưỡng lớp tu nghiệp cho 1.935 giáo viên cũ, mở lớp sư phạm ngăn ngày đào tạo cấp tốc 280 giáo sinh kịp thời phục vụ cho năm học mới. Ngày 17-6-1975, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 221-CT/TW về công tác giáo dục ở miền Nam sau ngày hoàn toàn giải phóng. Thực hiện Chỉ thị của Ban Bí thư, hơn 400 trường phổ thông cấp I, II và III bước vào khai giảng năm học 1975-1976. Hệ thống giáo dục phổ thông vẫn giữ hệ 12 năm nhưng chương trình học và sách giáo khoa được thay thế theo chương trình giáo dục của chính quyền cách mạng. Nhờ những nỗ lực của Đảng bộ, chính quyền cách mạng và của ngành giáo dục, năm học đầu tiên sau giải phóng, chỉ riêng ở Cam Ranh mở lại 500 lớp học với gần 30.000 học sinh các cấp, số giáo viên lưu dụng gần 800 người. Tại huyện miền núi Khánh Vĩnh, ngành giáo dục mở lại 15 lớp vỡ lòng và lớp 1 với 208 học sinh; đội ngũ giáo viên có 70 người, trong đó có 34 giáo viên dân tộc thiểu số. Viện đại học cộng đồng Duyên Hải được mở lại gồm 545 sinh viên. Các trường chuyên nghiệp như Sư phạm Nha Trang và trung học kỹ thuật thu hút hơn 700 học viên.

Phong trào xóa nạn mù chữ và bổ túc văn hóa được phát động, thu hút hàng vạn người tham gia học tập. Nhằm nâng cao trình độ học vấn cho cán bộ, công nhân viên chức cơ quan, xí nghiệp, tỉnh mở trường bổ túc công nông, bước đầu có 257 người học. Huyện Khánh Vĩnh mở được 2 lớp bổ túc văn hóa cho 42 cán bộ địa phương theo học. Hưởng ứng chiến dịch "ánh sáng văn hóa" do tỉnh phát động, nhiều giáo viên từ đồng bằng xung phong lên miền núi mở lớp xóa mù chữ cho đồng bào.

Hoạt động văn hóa có chuyển biến tích cực. Tàn dư của những ấn phẩm văn hóa phản động, đồi trụy bị lên án và từng bước được đẩy lùi. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ cách mạng phát triển rộng khắp, thu hút đông đảo quần chúng, nhất là thanh thiếu niên tham gia. Từ sau giải phóng đến giữa

tháng 5-1975, ngành văn hóa thông tin tổ chức 157 buổi biểu diễn văn nghệ, chiếu phim, mở phòng triển lãm tại trung tâm Nha Trang và ở các huyện, phục vụ gần 30 vạn lượt người xem. Đồng thời còn tổ chức các cuộc thi đấu thể thao như bóng đá, bóng bàn, chạy, bơi thuyền, bơi lội thu hút hàng trăm vận động viên tham gia. Các đài phát thanh Đồng Đế, các rạp chiếu bóng, nhà in, hiệu sách được tiếp thu và đưa vào sử dụng. Mạng lưới loa truyền thanh được tăng cường ở các quận, huyện với 86 loa, trong đó thị xã Nha Trang có thêm 30 loa. Hệ thống truyền thanh, sách báo cách mạng góp phần tích cực tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. Các tệ nạn xã hội của chế độ cũ để lại như thất nghiệp, xì ke, ma túy, bệnh xã hội, trộm cướp, gái bán dâm, trẻ em mồ côi lang thang cơ nhỡ... dần dần được khắc phục.

Thực hiện Chỉ thị số 75-CT/TU của Tỉnh ủy Khánh Hòa *về tổ chức kỷ niệm lần thứ 30 Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh nước Việt Nam dân chủ cộng hòa*, các địa phương trong tỉnh đều phát động phong trào thi đua rộng khắp, tổ chức các hoạt động chào mừng bằng nhiều hình thức phong phú sôi động. Tại Nha Trang tổ chức trọng thể Lễ mít tinh, diễu binh, diễu hành biểu dương lực lượng; cùng với Nha Trang, lễ mít tinh kỷ niệm được tổ chức ở hầu khắp các huyện, xã trong tỉnh, thu hút hàng chục vạn người tham dự. Tỉnh Khánh Hòa còn tổ chức đoàn đại biểu gồm các gia đình có công với cách mạng đi dự kỷ niệm Quốc khánh 2-9-1975 tại Thủ đô Hà Nội.

Công tác xây dựng lực lượng vũ trang và an ninh của tỉnh ngày càng vững mạnh, nâng cao sức chiến đấu, làm nòng cốt cho việc bảo vệ chính quyền, giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội là một trong những nhiệm vụ quan trọng được Tỉnh ủy đặc biệt quan tâm. Cơ quan Tỉnh đội đến các Huyện, Thị đội, các phòng, ban chức năng được củng cố, kiện toàn và hoàn thiện hơn. Trước giải phóng, lực lượng bộ đội địa phương ở tỉnh và huyện có 1.040 người; du kích, tự vệ xã, phường, khóm, ấp chỉ có 51 người. Sau giải phóng, chỉ riêng lực lượng du kích tự vệ phát triển lên 3.161 người, trong đó lực lượng du kích có 2.670 người; đến 31-5-1975 phát triển thêm 214 người, đưa tổng số lên 3.375 người, có 1.630 tay súng được chọn lọc. Trong số thanh niên thuộc thành phần

cơ bản, tỉnh tuyển chọn 403 người đưa đi huấn luyện, bổ sung cho bộ đội địa phương và an ninh vũ trang của tỉnh¹. Các huyện, thị đều xây dựng kế hoạch, phối hợp với Tỉnh đội mở các lớp tập huấn cho cán bộ xã đội, trung, tiểu đội du kích tự vệ nhằm nâng cao trình độ chính trị, kỹ chiến thuật cho lực lượng bán vũ trang địa phương đáp ứng yêu cầu tình hình nhiệm vụ mới.

Khi tiếp quản, lực lượng an ninh mới có 28 cán bộ, chiến sĩ. Đến cuối tháng 10-1975, hệ thống ngành an ninh được xây dựng và kiện toàn từ tỉnh đến các huyện thị với tổng số 309 người, trong đó có 203 đảng viên và 52 đoàn viên thanh niên. Lực lượng an ninh xã, phường, thôn, khóm được hình thành, củng cố. Nhằm nâng cao nhận thức chính trị tư tưởng và tình hình nhiệm vụ trong giai đoạn mới, Ty An ninh Khánh Hòa tổ chức chính huấn cho toàn lực lượng và phát động phong trào thi đua “Quyết thắng” trong toàn ngành.

Thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh ủy và của ngành cấp trên, Ty An ninh phối hợp chặt chẽ với bộ đội địa phương và các ngành, các cấp thực hiện nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo chức năng tham mưu cho cấp ủy và chính quyền; trực tiếp tham gia chiến đấu truy quét địch và là lực lượng nòng cốt trong việc tổ chức đăng ký trình diện số ngụy quân, ngụy quyền, đảng phái phản động; phân loại các đối tượng thuộc diện tập trung cải tạo; tăng cường công tác tuần tra, bảo vệ các cơ quan Đảng, chính quyền, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh. Đặc biệt, từ tháng 4 đến cuối tháng 10-1975, lực lượng an ninh vũ trang Khánh Hòa bảo đảm an toàn tuyệt đối cho 40 đoàn cán bộ lãnh đạo cao cấp của Đảng, Nhà nước, của quân đội và các đoàn khách quốc tế đến thăm và làm việc với tỉnh, các buổi mít tinh, kỷ niệm lớn ở tỉnh.

Đi đôi với nhiệm vụ giữ gìn trật tự trị an, lực lượng an ninh tỉnh tham gia tích cực vào việc xây dựng chính quyền cách mạng các cấp. Qua công tác tiếp quản, thu hồi hàng trăm hồ sơ tài liệu của địch, ngành an ninh khai thác phát hiện 280 trường hợp đầu hàng, khai báo hoặc cộng tác viên, mật báo viên của

¹. - Bổ sung cho các huyện đội Vạn Ninh 53 tân binh, Ninh Hoà 35, Nha Trang 31 và Cam Ranh 40 tân binh.

- Bổ sung cho an ninh vũ trang tỉnh 91 chiến sĩ, Cam Ranh 29, Ninh Hoà 40 và Vạn Ninh 37 chiến sĩ an ninh.

địch, góp phần thanh lọc và làm trong sạch bộ máy chính quyền cách mạng. Đồng thời giúp các cơ quan của Đảng, chính quyền tiến hành thuần khiết nội bộ, điều chuyển những người không đảm bảo về chính trị ra khỏi những cương vị quan trọng; xây dựng phương án chống nội gián, ngăn chặn kẻ địch chui vào bộ máy cơ quan, đoàn thể.

Dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, ngành an ninh nghiên cứu ban hành các qui tắc về trật tự an toàn giao thông đường bộ, qui định đăng ký hành nghề kinh doanh đặc biệt. Các văn bản ban hành được tuyên truyền phổ biến rộng rãi trong nhân dân. Qua công tác đăng ký quản lý các phương tiện giao thông, lực lượng an ninh phát hiện 120 xe các loại của kẻ gian; thực hiện quản lý 20 khách sạn, quán trọ, 1 nhà in tư nhân và các hiệu khắc dấu trên địa bàn tỉnh. Phối hợp với ngành văn hóa thông tin, lực lượng an ninh thu hồi, tiêu hủy hàng chục ngàn ấn phẩm sách báo, hàng ngàn băng nhạc, phim có nội dung phản động, đồi trụy.

III. XÂY DỰNG ĐẢNG BỘ, CHÍNH QUYỀN VÀ CÁC ĐOÀN THỂ CÁCH MẠNG

Đi đôi với công tác lãnh đạo khắc phục hậu quả chiến tranh, nhanh chóng ổn định tình hình mọi mặt sau giải phóng, công tác xây dựng Đảng bộ được đặc biệt quan tâm, coi đó là nhiệm vụ trọng tâm của toàn Đảng bộ.

Ngày mới giải phóng, Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa có 689 đảng viên, số đảng viên ở các chi bộ, tổ Đảng xã, thôn chỉ có 74 đồng chí. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh có 25 đồng chí, trong đó có 2 đồng chí dân tộc thiểu số, đồng chí Võ Cừ giữ chức Quyền Bí thư Tỉnh ủy. Đến đầu tháng 5-1975, đồng chí Mai Dương, Ủy viên Khu ủy V được điều về làm Bí thư Tỉnh ủy. Toàn Đảng bộ có 9 Đảng bộ quận, huyện trực thuộc Tỉnh ủy, gồm 117 đồng chí trong Ban Chấp hành, trong đó có 52 đồng chí Huyện ủy của 3 huyện miền núi. Đến cuối tháng 6-1975, tổ chức Đảng ở cơ sở vẫn còn quá mỏng, trong tổng số 64 xã, phường toàn tỉnh mới có 21 chi bộ và 5 tổ Đảng, số đảng viên tăng lên 109 đồng chí. Tuy số đảng viên ở cơ sở có tăng so với trước, nhưng nhiều xã vẫn chưa có chi

bộ, tổ Đảng. Từ tháng 4 đến tháng 6-1975, Trung ương tăng cường cho Khánh Hòa 327 cán bộ chuyên môn, Khu ủy tăng cường 24 cán bộ, phần lớn là cán bộ kỹ thuật, nghiệp vụ và cán bộ tập kết ở miền Bắc về. Nhờ có cán bộ bổ sung từ nhiều nguồn khác nhau, bộ máy các ban, ngành của Đảng và chính quyền từ tỉnh đến cơ sở từng bước được kiện toàn.

Thực hiện chủ trương của Thường vụ Tỉnh ủy, để xây dựng tổ chức bộ máy của Đảng đủ sức lãnh đạo phong trào cách mạng của tỉnh trong tình hình mới, các Ban Đảng được kiện toàn và tăng cường cán bộ; trong đó: Ban Tổ chức Tỉnh ủy (4 đồng chí), Ban Kiểm tra Tỉnh ủy (2 đồng chí), Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy (2 đồng chí), Văn phòng Tỉnh ủy (5 đồng chí) và Ban Dân vận Mặt trận (4 đồng chí). Cùng với việc kiện toàn các Ban Đảng cấp tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định thành lập Đảng bộ Dân Chính Đảng của các cơ quan tỉnh.

Ngày 6-4-1975, Ủy ban Quân chính tỉnh quyết định tách Nha Trang - Vĩnh Xương thành 3 đơn vị hành chính trực thuộc là huyện Vĩnh Xương, Quận I và Quận II. Ủy ban Quân chính huyện Vĩnh Xương do đồng chí Trần Bá Ngọc, Bí thư Huyện ủy kiêm Chủ tịch; Ủy ban Quân chính Quận I do đồng chí Huỳnh Đức Tâm, Bí thư Ban Cán sự Quận ủy làm Chủ tịch; Ủy ban Quân chính Quận II do đồng chí Nguyễn Văn Tự, Bí thư Ban Cán sự Quận ủy làm Chủ tịch. Đến ngày 9-4-1975, Ủy ban Quân chính các huyện Diên Khánh, Ninh Hòa, Vạn Ninh, Vĩnh Sơn, Vĩnh Khánh và Khánh Sơn đều được thành lập. Ủy ban Quân chính Quận I và Quận II Nha Trang đã có 18 cán bộ. Chính quyền cơ sở được thành lập ở 39 xã và 11 phường gồm 319 cán bộ, 205 ban tự quản thôn và 48 khóm gồm 571 người.

Tháng 5-1975, Tỉnh ủy họp mở rộng để kiểm điểm những việc đã làm, đề ra biện pháp khắc phục những thiếu sót trên các mặt công tác, xây dựng phương án kiện toàn hệ thống chính quyền cách mạng trong toàn tỉnh. Thực hiện chỉ đạo của Trung ương, Ủy ban Quân quản thành phố, thị xã, tỉnh, huyện chuyển giao nhiệm vụ cho Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời. Tại Khánh Hòa, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh do đồng chí Lê Tụng làm Chủ

tịch; Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy là Bùi Hồng Thái, Nguyễn Quyết và Nguyễn Ngọc Hoanh làm Phó Chủ tịch¹. Tỉnh cũng thành lập và kiện toàn được các Ty Lương thực - thực phẩm, Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Thủy sản, Công nghiệp, Xây dựng, Thương nghiệp, Tài chính, Vật tư kỹ thuật, Giáo dục, Y tế, Văn hóa- Thông tin, Ủy ban Kế hoạch tỉnh, Chi cục Thống kê và chi nhánh Ngân tín. Đến cuối tháng 6-1975, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời các huyện, thị xã đều được thành lập. Ở Nha Trang, ngày 25-7-1975, theo Quyết định số 147/UB-QĐ của Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời Quận I thành lập do đồng chí Mai Xuân Cống làm Chủ tịch, Quận II do đồng chí Đinh Hòa Khánh làm Chủ tịch. Nhằm tiếp tục kiện toàn một bước cấp ủy trực thuộc, tháng 9-1975 Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ định Quận ủy quận I do đồng chí Nguyễn Sơn làm Bí thư, Huỳnh Đức Tâm làm Phó Bí thư Quận ủy; Quận ủy quận II do đồng chí Trần Quốc Khánh làm Bí thư và Đinh Hòa Khánh làm Phó Bí thư Quận ủy.

Ngày 10-10-1975, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Quyết định số 805-TC/QĐ về việc thống nhất Quận I và II, thành lập Đảng bộ thị xã Nha Trang và chỉ định Thường trực Thị ủy, do đồng chí Lê Tụng, ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh, trực tiếp làm Bí thư và đồng chí Huỳnh Đức Tâm, Phó Bí thư Quận ủy I làm Thường trực Thị ủy. Cùng thời gian này, do có việc sáp nhập huyện Vĩnh Xương và Diên Khánh thành huyện Khánh Xương, tổ chức Đảng của huyện Khánh Xương cũng được thành lập và kiện toàn kịp thời. Ở các xã, phường, thôn, khóm, hệ thống chính quyền được thành lập bằng hình thức chỉ định tại 53 xã, 11 phường và 48 khóm, gồm 1.112 cán bộ. Mặc dù còn nhiều trở ngại, song chính quyền cách mạng các cấp có nhiều cố gắng trong việc ổn định tình hình trật tự xã hội, ổn định đời sống nhân dân, tổ chức thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Chính phủ trên địa bàn toàn tỉnh.

¹ . Các đồng chí Nguyễn Thành Công, Ủy viên thư ký; Hoài Sơn, Nguyễn Văn Ánh, Dương Minh Tiến, Đinh Hòa Khánh, Nguyễn Phụng, Đinh Văn Tuyền, Trần Vĩnh Phúc và Pinăng Huỳnh làm ủy viên Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh.

Cùng với công tác tổ chức, công tác chính trị tư tưởng được coi trọng. Cán bộ, đảng viên được học tập những vấn đề cơ bản về lý tưởng của Đảng, về chỉ thị đặc biệt của Tỉnh ủy Khánh Hòa, bài diễn văn của đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng, về đạo đức cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và về công tác vận động quần chúng. Thông qua các đợt học tập chính trị, cán bộ, đảng viên nâng cao trình độ lý luận, nhận thức đúng đắn về chủ trương, chính sách, tư tưởng chiến lược tiến công, quan điểm quần chúng và lập trường giai cấp của Đảng.

Đi đôi với việc xây dựng, củng cố hệ thống tổ chức Đảng và chính quyền nhân dân cách mạng các cấp, các tổ chức đoàn thể cách mạng được củng cố và phát triển. Ban Mặt trận tổ chức tiếp xúc với trên 3.000 công thương gia trong 70 ngành nghề khác nhau, mở các cuộc tọa đàm với đại biểu trí thức và một số vị chức sắc đứng đầu các tôn giáo để tuyên truyền vận động làm cho họ nhận thức rõ hơn về chính sách đoàn kết dân tộc, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước, qua đó kêu gọi các vị chức sắc và giáo dân tham gia hưởng ứng các phong trào xây dựng lại quê hương, đất nước, xóa bỏ mặc cảm giáo lương, tin tưởng vào cách mạng và chế độ mới.

Đến tháng 6-1975, tổ chức đoàn thể phụ nữ phát triển rộng khắp với 3.265 tổ gồm 58.339 hội viên, tăng 2.640 tổ và 50.236 hội viên so với tháng 4-1975; các cấp Hội phụ nữ giải phóng có 1.365 cán bộ. Tổ chức Hội thanh niên phát triển được 218 chi hội và 334 phân hội với 37.744 hội viên, trong đó có 17.231 nữ. Đối với nông dân, tổ chức Nông hội phát triển được 500 tổ với 7.638 hội viên. Hoạt động của các tổ chức hội quần chúng góp phần tích cực vào việc vận động hội viên tham gia các phong trào vệ sinh phòng bệnh, hoạt động văn nghệ, thể thao, xây dựng chính quyền, đẩy mạnh tăng gia sản xuất, ổn định cuộc sống và các phong trào khác.

Ở các cơ quan, đơn vị sản xuất, tổ chức Công đoàn mới hình thành ở 14 đơn vị, trong đó có 13 Ban Chấp hành công đoàn và 25 tổ công đoàn cơ sở, gồm hơn 8.000 đoàn viên. Các Ban vận động công nhân được thành lập trong các xí nghiệp. Hoạt động của tổ chức Công đoàn có tiến bộ, tích cực tuyên

truyền vận động công nhân khắc phục khó khăn về vật tư, nguyên nhiên liệu, duy trì sản xuất, đảm bảo kế hoạch được giao.

Các đoàn thể quần chúng cách mạng mặc dù tổ chức phát triển chưa đều khắp, hoạt động còn bỡ ngỡ và hiệu quả chưa cao, song bước đầu đã phối hợp với chính quyền cách mạng các cấp trong việc tuyên truyền, giáo dục, vận động hội viên, đoàn viên tích cực tham gia vào các phong trào hành động cách mạng như giữ gìn trật tự an ninh, giúp nhau sản xuất ổn định cuộc sống, giúp những người trước đây lầm đường lối bước sớm hòa nhập với cộng đồng và chế độ mới; xoá bỏ tàn dư đồi bại của chế độ cũ, thực hiện nếp sống văn hóa mới... Trong các phong trào đó có hàng chục ngàn thanh niên trong tỉnh hăng hái tham gia xây dựng nếp sống văn hóa mới, xây dựng thôn xóm văn minh, vệ sinh.

Bằng sự cố gắng nỗ lực vượt bậc của cán bộ, đảng viên, các cấp, các ngành, lực lượng vũ trang và của toàn dân, đến cuối năm 1975 tình hình Khánh Hòa có những chuyển biến rõ rệt, chính trị và kinh tế - xã hội từng bước được ổn định, trật tự trị an được giữ vững. Nhân dân trong tỉnh đoàn kết, phấn khởi, tin tưởng và góp sức mình vào việc xây dựng chế độ mới.

Tháng 10-1975, Đảng bộ, quân và dân tỉnh Khánh Hòa vinh dự được đón Chủ tịch nước Tôn Đức Thắng vào thăm và làm việc tại tỉnh. Thay mặt Trung ương Đảng, Nhà nước và Chính phủ, Chủ tịch nhiệt liệt biểu dương thành tích đạt được của Đảng bộ, quân và dân Khánh Hòa, góp phần xứng đáng cùng quân và dân cả nước đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Chủ tịch nhắc nhở Đảng bộ và quân dân trong tỉnh tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng, tiến hành truy quét tàn quân ngụy và các tổ chức phản động; xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng; giải quyết tốt vấn đề ăn, mặc, ở, đi lại, học tập của nhân dân, coi trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đáp ứng nhiệm vụ của giai đoạn cách mạng mới.

Chủ tịch Tôn Đức Thắng đến thăm và làm việc với tỉnh là nguồn động viên cổ vũ to lớn đối với Đảng bộ và quân dân Khánh Hòa, là sự quan tâm của Đảng và Chính phủ đối với cách mạng miền Nam nói chung, Khánh Hòa nói

riêng. Sau 8 tháng khắc phục hậu quả nặng nề của cuộc chiến tranh, Đảng bộ và nhân dân Khánh Hòa tiếp tục phát huy truyền thống yêu nước và ý chí cách mạng tiến công, dũng cảm vượt qua khó khăn thử thách, làm thay đổi bộ mặt quê hương. Sản xuất được phục hồi, tình hình trật tự xã hội và đời sống nhân dân từng bước ổn định; thực hiện có kết quả các chính sách lớn của Đảng và Nhà nước, đó là chính sách hòa giải, hòa hợp dân tộc và chính sách xã hội, đẩy lùi các tệ nạn xì ke, mại dâm, trộm cướp và những tàn dư văn hóa nô dịch của chế độ cũ; tiến hành thắng lợi cuộc đấu tranh chống âm mưu phá hoại của bọn phản động và các thế lực thù địch. Sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa mới được xác lập. Công tác xây dựng Đảng bộ, chính quyền và các tổ chức quần chúng cách mạng được quan tâm chú trọng. Đó là những điều kiện căn bản để Đảng bộ và quân dân Khánh Hòa bước vào thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, an ninh quốc phòng của tỉnh Phú Khánh hợp nhất.

Chương XVI

ĐẢNG BỘ TỈNH PHÚ KHÁNH LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN TRONG TỈNH CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI, BƯỚC ĐẦU THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG (11/1975 - 6/1989)

I. THÀNH LẬP ĐẢNG BỘ TỈNH PHÚ KHÁNH, LÃNH ĐẠO CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA, KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI (11/1975 - 1980)

Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mở ra giai đoạn mới của cách mạng nước ta. Tháng 8-1975, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) họp Hội nghị lần thứ 24, quyết định nhiệm vụ chiến lược của

cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới nhằm hoàn thành sự nghiệp thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước bước vào chặng đường đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Để đảm bảo thống nhất lãnh đạo và phù hợp với tình hình miền Nam sau giải phóng, Hội nghị quyết định giải thể Trung ương Cục miền Nam và các Khu ủy ở cả hai miền, sáp nhập một số tỉnh thành những đơn vị hành chính kinh tế với qui mô cần thiết.

Nhằm cụ thể hóa Nghị quyết Hội nghị lần thứ 24 của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị ra các Nghị quyết số 245-NQ/TW ngày 29-9-1975 về việc *bỏ khu hợp tỉnh* và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 20-10-1975 về *điều chỉnh việc hợp nhất một số tỉnh ở miền Nam*. Theo chủ trương của Trung ương, hai tỉnh Khánh Hòa và Phú Yên được hợp nhất thành tỉnh mới, lấy tên là tỉnh Phú Khánh.

Ban Bí thư Trung ương Đảng ra quyết định thành lập Đảng bộ tỉnh Phú Khánh và chỉ định Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 38 đồng chí, Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 15 đồng chí, đồng chí Nguyễn Xuân Hữu, Ủy viên Ban Thường vụ Khu ủy V làm Bí thư Tỉnh ủy, hai đồng chí Mai Dương, Lê Trọng Khoan, Ủy viên Khu ủy V làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị và Quyết định của Ban Bí thư, từ ngày 20-10-1975 đến ngày 3-11-1975, tại Thị xã Nha Trang, Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh Phú Khánh họp hội nghị lần thứ 1 (Hội nghị hợp nhất Tỉnh ủy Khánh Hòa và Tỉnh ủy Phú Yên) với sự tham dự của các đồng chí Tỉnh ủy viên hai tỉnh. Hội nghị quán triệt tinh thần Nghị quyết 24 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Nghị quyết, Quyết định của Bộ Chính trị. Trong không khí đoàn kết, Hội nghị nhất trí với chủ trương của Trung ương về việc hợp nhất tỉnh Khánh Hòa và tỉnh Phú Yên thành tỉnh mới là Phú Khánh, lấy thị xã Nha Trang làm tỉnh lỵ. Đồng thời bàn kế hoạch hợp nhất bộ máy tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể, bàn việc ổn định ăn ở, lễ lễ làm việc của các cơ quan mới hợp nhất; ra nghị quyết về tình hình, nhiệm vụ mới và phương hướng, mục tiêu kế hoạch năm 1976 của Đảng bộ tỉnh Phú Khánh. Về phương hướng và nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới, Hội nghị nêu rõ:

"Phát huy thắng lợi sự nghiệp giải phóng miền Nam, nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, động viên một cao trào cách mạng sôi nổi của quần chúng, trấn áp bọn phản cách mạng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội. Ra sức xây dựng và củng cố hệ thống chuyên chính cách mạng nhất là ở cơ sở, tăng cường đoàn kết toàn dân, đẩy mạnh và khôi phục kinh tế toàn diện, giữ vững và cải thiện đời sống nhân dân, trước mắt tập trung đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, khôi phục và phát triển các ngành nghề thủ công, công nghiệp chế biến và các cơ sở công nghiệp sẵn có, tích cực giải quyết nạn thất nghiệp, quét sạch tàn dư về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội nô dịch và phản động, xây dựng văn hóa xã hội lành mạnh, hoàn thành những việc còn lại của nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ, tạo điều kiện cải tạo và xây dựng cách mạng xã hội chủ nghĩa, tiến hành 3 cuộc cách mạng, tăng cường xây dựng Đảng đủ sức thực hiện nhiệm vụ mới". Trong đó, "nhiệm vụ trung tâm là ra sức khôi phục và phát triển kinh tế, giữ vững và cải thiện đời sống nhân dân".

Ngày 29-10-1975, Ủy ban nhân dân cách mạng Khu Trung Trung bộ ra Quyết định số 155 về việc hợp nhất hai tỉnh Khánh Hòa và Phú Yên thành tỉnh mới, lấy tên là tỉnh Phú Khánh; giải thể Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Phú Yên, Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Khánh Hòa, thành lập Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Phú Khánh gồm 13 người, đồng chí Mai Dương làm Chủ tịch, các đồng chí Trần Suyền, Lê Tụng, Hồ Ngọc Nhưường, Nguyễn Hữu Ái làm Phó Chủ tịch.

Thực hiện quyết định của Ủy ban nhân dân cách mạng Khu Trung Trung bộ, ngày 17-11-1975 tại thị xã Nha Trang, toàn thể Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Khánh Hòa, Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Phú Yên và các thành viên Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Phú Khánh họp Hội nghị liên tịch, có đại biểu các Ty và đại biểu Ủy ban nhân dân cách mạng các huyện, thị của hai tỉnh tham dự. Hội nghị công bố danh sách Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Phú Khánh và bàn kế hoạch thực hiện hợp nhất các cơ quan chính quyền hai tỉnh, quyết định hợp nhất các huyện, thị trong tỉnh, trong đó trên địa bàn Khánh Hòa

hợp nhất các huyện: Vạn Ninh và Ninh Hòa thành huyện Khánh Ninh; Diên Khánh và Vĩnh Xương thành huyện Khánh Xương; Vĩnh Khánh và một nửa huyện Vĩnh Sơn thành huyện Khánh Vĩnh; Khánh Sơn và số xã còn lại của huyện Vĩnh Sơn thành huyện Khánh Sơn; hợp nhất quận I và quận II thành thị xã Nha Trang.

Ngày 02-12-1975, tại thị xã Nha Trang trên 1.000 đại biểu thay mặt cho các cơ quan lãnh đạo Đảng, chính quyền, Mặt trận dân tộc giải phóng tỉnh, các đoàn thể nhân dân trong tỉnh dự lễ công bố thành lập tỉnh Phú Khánh và ra mắt Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh.

Tỉnh Phú Khánh là một trong những tỉnh có vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh, quốc phòng đối với cả nước; có diện tích gần một vạn km², dân số 1.047.250 người, trong đó thị trấn, thị xã có 331.470 người; nông thôn, đồng bằng có 680.780 người; miền núi có 35.000 người (trong đó dân tộc thiểu số 24.000 người). Ngoại kiều có 6.100 người Hoa, 35 người Ấn; đồng bào theo đạo chiếm gần 1/3 dân số, trong đó 24 vạn người theo đạo Phật, 8 vạn người theo đạo Thiên Chúa, 5.000 người theo đạo Cao Đài, gần 4.000 người theo đạo Tin Lành. Tỉnh mới có 6 huyện đồng bằng (Đồng Xuân, Tuy An, Tuy Hòa, Khánh Ninh, Khánh Xương, Cam Ranh), 4 huyện miền núi (Miền Tây, Sơn Hòa, Khánh Sơn, Khánh Vĩnh) và 2 thị xã (Nha Trang, Tuy Hòa), Nha Trang là tỉnh lỵ tỉnh Phú Khánh. Rừng núi, đồng bằng và biển tạo cho Phú Khánh một tiềm năng kinh tế lớn để phát triển toàn diện tất cả các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp...

Nhân dân tỉnh Phú Khánh có lòng yêu nước nồng nàn và tinh thần đấu tranh cách mạng kiên cường, vốn gắn bó với nhau qua lịch sử đấu tranh của dân tộc, đặc biệt qua hai cuộc kháng chiến trường kỳ anh dũng chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Nhân dân Phú Khánh có truyền thống lao động cần cù, sáng tạo, hiền hòa, nguồn lao động khá dồi dào, khối đoàn kết liên minh công - nông vững chắc. Trên địa bàn tỉnh có một số trung tâm nghiên cứu khoa học, kỹ thuật và các trường của quốc gia như Viện nghiên cứu biển (Viện Hải Dương học), Viện Pasteur, Vacxin, các trường sĩ quan kỹ thuật của quân đội...

Đảng bộ Phú Khánh được rèn luyện qua nhiều thử thách, tích lũy được nhiều kinh nghiệm đấu tranh cách mạng. Đây là một trong những yếu tố hàng đầu để Phú Khánh vượt qua khó khăn, thử thách, giành thắng lợi trong chặng đường mới.

Những thuận lợi trên là cơ sở quan trọng để Đảng bộ và nhân dân Phú Khánh vững bước cùng cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, cùng với những khó khăn chung của cả nước, Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh còn đối mặt với nhiều khó khăn, phức tạp, phải nỗ lực rất lớn mới vượt qua. Đó là, hậu quả của chiến tranh do chính sách cai trị của chế độ thực dân cũ và mới để lại khá nặng nề. Mặc dù sau giải phóng, Đảng bộ và quân dân Phú Yên, Khánh Hòa có rất nhiều cố gắng, nỗ lực để hàn gắn vết thương chiến tranh, song kết quả đạt được chưa nhiều. Tình hình kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân còn nhiều vấn đề bức xúc đặt ra cho Đảng bộ, chính quyền cần có biện pháp giải quyết. Tỉnh Phú Khánh bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội từ nền kinh tế trong tình trạng sản xuất nhỏ, cơ sở vật chất kỹ thuật nghèo nàn, lạc hậu, sản xuất hàng hóa chưa phát triển; trong khi kinh nghiệm, trình độ quản lý kinh tế - xã hội của đội ngũ cán bộ, đảng viên còn nhiều mặt yếu kém. Bên cạnh đó, địa hình tỉnh Phú Khánh phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, khi sáp nhập qui mô lớn, điều kiện cơ sở vật chất phục vụ quá thiếu so với yêu cầu tối thiểu cần có để chỉ đạo, điều hành công việc xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội, an ninh...

Ngày 3-1-1976, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 228-CT/TW về lãnh đạo Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của cả nước.

Quán triệt chỉ thị của Bộ Chính trị, từ tháng 2-1976 Đảng bộ Phú Khánh đẩy mạnh công tác chỉ đạo, tuyên truyền động viên mọi người tích cực tham gia bầu cử và đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sản xuất, hoàn thành kế hoạch Nhà nước. Cuộc tuyên truyền vận động bầu cử có ý nghĩa chính trị rộng lớn, lần đầu tiên sau 30 năm chiến tranh, nhân dân Phú Khánh lại được thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân của nước Việt Nam thống nhất.

Ngày 25-4-1976 thực sự là ngày hội lớn, cùng với cử tri cả nước, trên 99% cử tri toàn tỉnh đi bỏ phiếu bầu đại biểu Quốc hội, cơ quan quyền lực cao nhất của nước Việt Nam thống nhất. Thắng lợi của Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của cả nước là sự thể hiện ý chí và mong muốn của toàn dân ta đối với việc xây dựng nước Việt Nam độc lập, thống nhất và chủ nghĩa xã hội.

Từ ngày 24-6 đến 2-7-1976, tại Hà Nội, Quốc hội của nước Việt Nam thống nhất họp kỳ thứ nhất, quyết định đổi tên nước là Cộng Hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; quy định Quốc kỳ, Quốc huy và Quốc ca của nước Cộng Hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Hà Nội là Thủ đô; thành phố Sài Gòn - Gia Định được vinh dự mang tên thành phố Hồ Chí Minh. Quốc hội quyết định công nhận Quốc hội này là Quốc hội khóa VI.

Trong không khí phấn khởi của cả nước, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Phú Khánh vinh dự được đón đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng về thăm và làm việc từ ngày 29 đến 30 tháng 3-1976. Sau khi nghe đồng chí Bí thư Tỉnh ủy báo cáo tình hình, đồng chí Lê Duẩn có những ý kiến chỉ đạo quan trọng, góp phần nâng cao nhận thức và soi sáng công tác của Đảng bộ trong giai đoạn cách mạng mới. Đồng thời chỉ ra cho Đảng bộ phương hướng suy nghĩ và công tác nhằm vận dụng một cách sáng tạo và đạt hiệu quả cao đường lối chung và đường lối phát triển kinh tế của Đảng vào hoàn cảnh cụ thể của tỉnh.

Tháng 7-1976, đồng chí Phạm Văn Đồng, Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Thủ tướng Chính phủ về thăm và nói chuyện với đông đảo cán bộ trong tỉnh. Thủ tướng yêu cầu Đảng bộ và nhân dân toàn tỉnh *"làm thế nào mà bằng sức của mình, bằng lao động sáng tạo của mình, bằng cái hy sinh phấn đấu của mình đem lại cho nhân dân trong tỉnh đời sống từng bước tốt hơn, đồng thời đóng góp cho Nhà nước ngày càng lớn hơn để công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa"*.

Các đồng chí lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước đến thăm tỉnh thể hiện sự quan tâm chỉ đạo kịp thời, động viên cổ vũ Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh tiếp tục sự nghiệp khôi phục, phát triển kinh tế - xã hội, hàn gắn vết

thương chiến tranh và giành được những thắng lợi bước đầu hết sức quan trọng.

Năm 1976, phong trào khai hoang, phục hóa phát triển mạnh, thực sự trở thành cao trào thi đua sôi nổi, được các cấp ủy Đảng và chính quyền tập trung chỉ đạo; kết hợp chặt chẽ 3 hình thức khai hoang: tỉnh làm, huyện làm, dân làm, lấy dân làm là chính để nhanh chóng mở rộng diện tích sản xuất. Kết quả năm 1976, toàn tỉnh khai hoang 12.500 héc ta, đưa vào sản xuất 8.800 héc ta (tăng 25,7% so với năm 1975), thu hút thêm hàng chục ngàn lao động vào sản xuất nông nghiệp. Tổng sản lượng quy thóc đạt 243.000 tấn (tăng 34,2% so với năm 1975). Trên diện tích lúa 02 vụ, năng suất bình quân toàn tỉnh đạt 5,5 tấn/héc ta/năm.

Thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng, đến tháng 9 năm 1976 về cơ bản giai cấp địa chủ bị xoá bỏ, các hình thức bóc lột phong kiến khác bị thủ tiêu, trên 16.000 héc ta ruộng đất được chia cho 26 vạn nông dân không có ruộng hoặc thiếu ruộng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đưa nông dân đi vào con đường làm ăn tập thể.

Nghề cá và nghề muối, mặc dù còn khó khăn về nhiên liệu nhưng với nhiều eo vịnh, đầm đìa, thuận lợi cho việc nuôi trồng hải sản. Năm 1976, sản lượng đánh bắt cả tỉnh đạt 53.400 tấn cá, xuất khẩu 240 tấn cá, tôm đông lạnh, sản xuất 12 triệu lít nước mắm và 43.000 tấn muối.

Các cơ sở công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp sản xuất được một số mặt hàng như máy tuốt lúa, máy ép mía... phục vụ sản xuất, đời sống, giải quyết việc làm cho hàng nghìn dân ở thị xã, thị trấn.

Là cầu nối giữa sản xuất và đời sống, ngành thương nghiệp cố gắng tổ chức nắm nguồn hàng, thu mua, trao đổi hàng hóa phục vụ nhân dân. Năm 1976 tổng trị giá hàng mua vào là 40 triệu đồng, lương thực Nhà nước bán ra (qui gạo) là 15.113 tấn. Thu ngân sách đạt 97,6% kế hoạch. Mạng lưới thương nghiệp được mở rộng, với tổng số 47 cửa hàng mậu dịch, 86 hợp tác xã mua bán. Ngành vật tư có nhiều cố gắng khai thác, thu hồi các loại vật tư phế thải, tiếp nhận tốt các loại vật tư do Trung ương chi viện, kịp thời phục vụ sản xuất,

công tác quản lý vật tư đi dần vào nề nếp. Tuy nhiên, lưu thông phân phối vẫn còn là khâu yếu trong nền kinh tế của tỉnh, thu tài chính còn nhiều vướng mắc, vấn đề chính sách chưa được giải quyết kịp thời.

Hoạt động giao thông vận tải và bưu điện có nhiều cố gắng. Vận chuyển hàng hóa đạt 83% kế hoạch, vận chuyển hành khách tăng gấp đôi năm 1975, làm mới 190 km đường phục vụ các vùng kinh tế mới, nối liền các huyện miền núi và đồng bằng, tạo điều kiện giao lưu kinh tế giữa hai vùng, góp phần cải thiện đời sống đồng bào một số vùng miền núi. Những yêu cầu về thông tin liên lạc phục vụ chỉ đạo của Đảng và chính quyền, yêu cầu về báo chí và thư tín của nhân dân được giải quyết tốt hơn.

Sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa xã hội cũng được Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh đặc biệt quan tâm. Hệ thống trường phổ thông, mẫu giáo phát triển, năm học 1976-1977, các huyện, thị trên địa bàn Khánh Hòa có 144 trường: 93 trường cấp I, 43 trường cấp II, 8 trường cấp III, 3479 giáo viên và 122.018 em học sinh; một số huyện, thị, xã, phường căn bản hoàn thành được nạn mù chữ.

Mạng lưới y tế phát triển, năm 1976 trên địa bàn Khánh Hòa có 103 cơ sở gồm 1.584 giường, ở các xã miền núi và vùng kinh tế mới đã tổ chức phun thuốc diệt muỗi, kịp thời ngăn chặn các bệnh dịch.

Công tác thông tin văn hóa, văn nghệ ngày càng phát triển, góp phần tích cực đưa đường lối chính sách của Đảng đến nhân dân, giải quyết một bước ảnh hưởng văn hóa nô dịch, đòi trụ do chế độ cũ để lại, bước đầu xây dựng nếp sống mới, tươi vui lành mạnh.

An ninh chính trị và trật tự xã hội trong tỉnh được giữ vững và ngày càng ổn định. Ngày 23-2-1976, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp quyết định phát động phong trào toàn Đảng, toàn quân và toàn dân đề cao cảnh giác, kiên quyết đập tan các tổ chức phản động, giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội. Tiếp đó, ngày 13-3-1976, Thường vụ Tỉnh ủy ra chỉ thị về việc mở chiến dịch truy quét địch còn đang lẩn trốn và các tổ chức phản động.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, các lực lượng vũ trang liên tục truy quét địch, kịp thời phát hiện âm mưu thủ đoạn của bọn phản động, phá hàng chục tổ chức chính trị và vũ trang của chúng mới nhen nhóm, triệt phá một số tổ chức phản động như "Mặt trận cứu nguy dân tộc", "Dân quân phục quốc", "Tổ chức tình báo phục quốc"..., bắt một số tên cầm đầu các ổ vũ trang phản cách mạng. Đồng thời chính quyền nhân dân tổ chức học tập, cải tạo có kết quả hàng vạn nguy quân, nguy quyền. Nhờ những cố gắng của Đảng bộ và quân dân, đến cuối năm 1976 tình hình an ninh, chính trị được ổn định hơn so với trước.

Sau hơn một năm phấn đấu khắc phục khó khăn, Đảng bộ Phú Khánh nói chung, Đảng bộ và nhân dân các huyện, thị trên địa bàn Khánh Hòa nói riêng từng bước giành được những kết quả quan trọng trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng nhất là trong lĩnh vực khai hoang phục hóa, xây dựng vùng kinh tế mới, phát triển sản xuất nông nghiệp, tự lực giải quyết vấn đề lương thực, cơ bản đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Tuy nhiên, so với tiềm lực các mặt của tỉnh thì những kết quả đạt được còn rất hạn chế, bước phát triển của phong trào nhìn chung còn chậm, phong trào cách mạng của quần chúng chưa thật sôi nổi, sâu rộng với tinh thần làm chủ tập thể tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Sức lao động và tài nguyên dồi dào nhưng chưa được khai thác tốt. Việc lãnh đạo và chỉ đạo công tác tư tưởng, tổ chức, cán bộ không theo kịp nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Khánh lần thứ I (vòng 1)

Thực hiện chủ trương của Trung ương về chuẩn bị cho Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Khánh lần thứ I (vòng 1) tiến hành tại thành phố Nha Trang từ ngày 11 đến 17-11-1976, có 223 đại biểu chính thức thay mặt cho trên 10.000 đảng viên toàn tỉnh về dự. Đại hội nghiên cứu Dự thảo Báo cáo chính trị và Điều lệ Đảng (sửa đổi) của Ban Chấp hành Trung ương trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV và bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đảng toàn quốc.

Từ ngày 14 đến 20-12-1976, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng được tổ chức tại thủ đô Hà Nội. Trên cơ sở phân tích đặc điểm tình hình của đất nước, Đại hội xác định đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới ở nước ta là: *"Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học-kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt, đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa; xoá bỏ chế độ người bóc lột người, xoá bỏ nghèo nàn và lạc hậu; không ngừng đề cao cảnh giác, thường xuyên củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội, xây dựng thành công Tổ quốc Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội"*. Đại hội thông qua phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch 5 năm 1976-1980, quyết định đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng là Đại hội thống nhất Tổ quốc và đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi của Đại hội IV có tác động mạnh mẽ đến mọi mặt đời sống chính trị, tư tưởng và kinh tế - xã hội của đất nước nói chung và của Đảng bộ, nhân dân Phú Khánh nói riêng.

Sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, Tỉnh ủy chỉ đạo toàn Đảng bộ tập trung lãnh đạo, tổ chức học tập, nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết Đại hội IV của Đảng. Qua đợt học tập, nghiên cứu, trình độ nhận thức về cách mạng xã hội chủ nghĩa trong Đảng bộ và nhân dân được nâng lên một bước, niềm tin vào đường lối cách mạng của Đảng được củng cố.

Đại hội Đảng bộ tỉnh Phú Khánh lần thứ I (vòng 2)

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng, từ ngày 21 đến 26-3-1977, tại thành phố Nha Trang diễn ra Đại hội đại biểu Đảng bộ

tỉnh Phú Khánh lần thứ I (vòng 2). Trên cơ sở phân tích sâu sắc tình hình mọi mặt của tỉnh, nhận rõ những thuận lợi và khó khăn, đánh giá thành tích và khuyết điểm, Đại hội khẳng định những tiềm năng to lớn của tỉnh về ba thế mạnh (nông nghiệp, ngư nghiệp và lâm nghiệp), coi đó là những thuận lợi cơ bản để giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, phát triển nghề biển, nghề rừng, ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng cần thiết cho đời sống và xuất khẩu bằng nguyên liệu địa phương.

Đại hội thông qua phương hướng, nhiệm vụ chung và các mục tiêu lớn của kế hoạch 5 năm (1976-1980), đề ra nhiệm vụ của Đảng bộ tỉnh trong hai năm 1977-1978 là: *"Nắm vững chuyên chính vô sản, ra sức xây dựng, kiện toàn hệ thống chuyên chính vô sản từ tỉnh đến cơ sở; thực hiện và không ngừng phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, quán triệt nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ là công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, khẩn trương thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội; tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng, tổ chức lại sản xuất, phân bổ lại lao động, giải quyết nạn thất nghiệp, sắp xếp lại ngành, nghề; xây dựng và mở rộng các cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết cho chủ nghĩa xã hội, hình thành từng bước cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp, từng bước xây dựng huyện, thị thành đơn vị kinh tế nông - công nghiệp (hay nông-công-ngư nghiệp ở đồng bằng, nông-lâm-công nghiệp ở miền núi) theo hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Tăng cường quản lý kinh tế, đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và xuất khẩu, ổn định thị trường và giá cả, phát triển công tác văn hóa, y tế, giáo dục, xây dựng các cơ sở phúc lợi, cải thiện từng bước đời sống nhân dân. Luôn luôn đề cao cảnh giác, xây dựng lực lượng chính trị, vũ trang vững mạnh, sẵn sàng đập tan mọi hành động phá hoại của kẻ địch, giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội. Ra sức phấn đấu xây dựng Đảng, nhất là tổ chức cơ sở Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, tích cực đào tạo và bồi dưỡng cán bộ đủ sức đáp ứng nhiệm vụ chính trị trước mắt và chuẩn bị đầy đủ cho kế hoạch các năm tiếp theo".*

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Phú Khánh (khóa I) gồm 37 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết. Ban Thường vụ Tỉnh ủy có 11 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Xuân Hữu - Ủy viên Trung ương Đảng được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy; các đồng chí Mai Dương, Trần Suyền làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Nhằm cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, từ ngày 21-6 đến 4-7-1977 Hội nghị lần thứ 2 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IV) họp bàn về phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp. Hội nghị xác định những việc phải làm ngay là đẩy mạnh vượt bậc về sản xuất nông nghiệp theo ba mục tiêu:

- Bảo đảm lương thực cho toàn xã hội, bao gồm cả thức ăn cho chăn nuôi và có lương thực dự trữ.
- Cung ứng nguyên liệu nông sản, lâm sản, hải sản cho công nghiệp.
- Tăng nhanh nguồn xuất khẩu.

Tháng 8-1977, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa I) họp hội nghị để nghiên cứu quán triệt và thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Trung ương Đảng. Hội nghị tập trung bàn về phát triển nông nghiệp, chủ trương tập trung sức đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp toàn diện, giải quyết yêu cầu cấp bách về lương thực, thực phẩm, tạo ra những điều kiện vật chất thuận lợi để thực hiện cùng một lúc hai yêu cầu cơ bản và cấp bách là xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân.

Thực hiện Chỉ thị số 17-TV/CT ngày 03-6-1977 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc *phát động quần chúng khai hoang mở rộng diện tích canh tác*, nhân dân trong tỉnh thi đua khai hoang, phục hóa, mở rộng diện tích canh tác, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp toàn diện. Trong ba năm (1976-1978) toàn tỉnh phục hóa khai hoang trên 4 vạn héc-ta, tổ chức cho 7 vạn dân trở về quê cũ, khôi phục sản xuất ở những vùng nông thôn còn trống, diện tích canh tác từ gần 6 vạn héc-ta lúc mới giải phóng tăng lên 10 vạn héc-ta năm 1978. Do bình quân ruộng đất quá thấp (600m²/đầu người) vì vậy nhiều hợp tác xã sản xuất nông nghiệp thực hiện việc cân đối đất đai, ngành nghề xây dựng cơ sở 2, đưa

dân tại chỗ đi khai hoang, trải dân đến sinh cơ lập nghiệp. Từ 1976 đến quý I năm 1979, toàn tỉnh vận động trên 12.200 gia đình với hơn 63.000 người trong đó có hơn 28.600 lao động đi xây dựng các vùng kinh tế mới trong tỉnh. Đây là một hình thức mở rộng diện tích, phân bố lại lực lượng lao động trong nội bộ hợp tác xã một cách ít tốn kém nhưng đạt hiệu quả kinh tế cao. Huy động lực lượng lớn thanh niên xung phong đi xây dựng nông trường Sơn Thành, Sơn Hội và công trường Dục Mỹ... Ở miền núi hình thành nhiều vùng định canh, định cư, xuất hiện những nhân tố mới như mạng lưới giao thông, nhà ngôi, vườn cây ăn quả, thủy lợi, lúa nước, diện tích trồng cây công nghiệp, máy xay xát nhỏ...

Trong quá trình lãnh đạo khôi phục và phát triển sản xuất, công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế được coi trọng. Thực hiện Chỉ thị số 15/BBT (tháng 8-1977) của Ban Bí thư Trung ương Đảng *về xây dựng hợp tác xã nông nghiệp thí điểm ở miền Nam*, nhằm rút kinh nghiệm cho công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở miền Nam, ngày 1-8-1977 Tỉnh ủy Phú Khánh ra Chỉ thị số 27-CT/TU, chủ trương "*Tiến hành đợt 1 thí điểm cuộc vận động cải tạo quan hệ sản xuất trong nông nghiệp, xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, tổ chức lại sản xuất, lấy xã Hòa Bình và huyện Tuy Hòa làm nơi thí điểm của tỉnh, các huyện Cam Ranh (lấy xã Cam Tân), Diên Khánh (lấy Diên An), Khánh Ninh (lấy Ninh Quang), Xuân An (lấy Xuân Sơn), mỗi huyện thí điểm ở một xã*".

Qua sản xuất tập thể, các hợp tác xã thí điểm thể hiện được ưu thế của quan hệ sản xuất mới, sản xuất được giữ vững và phát triển, lao động được tổ chức và sử dụng tốt, bước đầu xây dựng được một số cơ sở vật chất kỹ thuật, thu nhập của xã viên và giá trị ngày công tương đối khá... Trên cơ sở kết quả của việc làm thí điểm hợp tác xã sản xuất nông nghiệp ở các huyện, đồng thời quán triệt Chỉ thị 43-CT/TW tháng 4-1978 của Bộ Chính trị *về nắm vững và đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở miền Nam*, Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 5 (khóa I) ra nghị quyết đẩy mạnh cải tạo nông nghiệp, mở rộng phong trào xây dựng hợp tác xã, đồng thời triển khai tích cực các mặt đào

tạo, bồi dưỡng cán bộ cho tập đoàn sản xuất và hợp tác xã nông nghiệp, phân vùng quy hoạch nông nghiệp ở từng huyện, đi đôi với quy hoạch tổ chức tập đoàn và hợp tác xã trên địa bàn huyện.

Đến đầu tháng 5-1979 các huyện, thị trên địa bàn Khánh Hòa tổ chức được 104 hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, đưa 90% hộ nông dân và 83% lao động nông nghiệp vào làm ăn tập thể, trong đó có 57 hợp tác xã quản lý sản xuất kinh doanh và phân phối từ 1 đến 3 vụ. Các huyện Vạn Ninh, Ninh Hòa, Diên Khánh và thị xã Nha Trang căn bản hoàn thành xây dựng hợp tác hóa nông nghiệp; hơn 85% diện tích canh tác và số trâu bò cày kéo của tỉnh được tập thể hóa. Một số hợp tác xã như Ninh Quang, Diên An... nhanh chóng khắc phục được những mặt yếu kém ban đầu, tổ chức sản xuất vươn lên đạt nhiều kết quả trong khai hoang, quản lý lao động, tăng năng suất, tăng thu nhập cho xã viên, xây dựng cơ sở vật chất, làm tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước, thể hiện tính ưu việt của cách làm ăn tập thể về cả 3 mặt: diện tích, năng suất và sản lượng¹. Cuộc vận động hợp tác hóa sản xuất nông nghiệp ở Phú Khánh cơ bản hoàn thành vào cuối năm 1979.

Trong quá trình vận động hợp tác hóa, tỉnh cũng chú ý đúng mức đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ phục vụ phong trào hợp tác hóa nông nghiệp. Đến tháng 5-1979, có 47.663 cán bộ được đào tạo, trong đó có 3.316 cán bộ nghiệp vụ, 32.347 cán bộ xây dựng tổ đổi công, tập đoàn sản xuất. Các lớp ngắn ngày do huyện tổ chức, đào tạo được 12.000 cán bộ tại chỗ gồm đội trưởng, đội phó, cán bộ nghiệp vụ, kế toán...

Thắng lợi về cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp và phát triển sản xuất nông nghiệp là thắng lợi bước đầu có ý nghĩa quan trọng nhất của tỉnh. Tuy nhiên, phong trào xây dựng hợp tác xã nông nghiệp vẫn còn những tồn tại và khó khăn. Tồn tại chủ yếu nổi bật nhất là tính vững chắc của phong trào chưa thực sự bảo đảm. Hầu hết các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đều mới được tổ chức, bộ máy quản lý điều hành còn yếu, thiếu lại chưa có nhiều

¹ . Hợp tác xã Ninh Quang mặc dù lúa bị rầy nâu phá hoại nghiêm trọng nhưng năng suất cả năm 1978 đạt 49 tạ/héc-ta, hơn hẳn năng suất lúa của nông dân còn làm ăn cá thể ở xung quanh. Năm 1979, hợp tác xã Diên An huyện Diên Khánh lần đầu tiên làm 3 vụ lúa trên diện tích 90 ha, năng suất đạt 10-11 tấn/ha/năm.

kinh nghiệm, tư liệu sản xuất chủ yếu có nơi tập thể hóa chưa triệt để; phương hướng sản xuất của các hợp tác xã còn nhiều sai sót, cơ cấu cây con, ngành nghề nhiều nơi bố trí không hợp lý, chưa thực sự phù hợp với đất, nước, thời tiết, khí hậu và lao động vốn có. Năng xuất, sản lượng của hợp tác xã đạt được chưa tương xứng với điều kiện và tiềm năng của tỉnh. Việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho hợp tác xã, nhất là việc đầu tư làm thủy lợi, chuồng trại chăn nuôi, nhà kho, sân phơi... còn quá ít, chưa đảm bảo phục vụ sản xuất và mở rộng sản xuất. Sự lãnh đạo và chỉ đạo của các cấp, các ngành chưa đồng bộ, đồng thời tổ chức hoạt động của các đoàn thể, quần chúng còn khó khăn lúng túng. Những biểu hiện tiêu cực như tham ô, ức hiếp quần chúng, lấn chiếm đất đai của tập thể làm của riêng... đã xuất hiện ở một số nơi.

Một trong những nguyên nhân của yếu kém, khuyết điểm đó là một số cấp ủy huyện, xã chưa thật quán triệt đường lối, chính sách hợp tác hóa của Đảng, nhất là thực hiện nguyên tắc tự nguyện với phương châm "tích cực, khẩn trương nhưng vững chắc" trong việc tổ chức hợp tác xã, do đó một số nơi khi thực hiện nôn nóng, chạy theo thời gian và số lượng, gò ép, mệnh lệnh, đánh trống ghi tên.

Việc chọn lựa, bồi dưỡng cán bộ có nơi chưa quan tâm thích đáng, bộ máy quản lý của một số hợp tác xã còn yếu. Công tác kiểm tra đôn đốc làm chưa thật tốt và thường xuyên, quyền làm chủ tập thể của xã viên chưa được tôn trọng.

Nhằm phát huy tốt nhất những thắng lợi giành được, khắc phục có hiệu quả những khó khăn yếu kém, đảm bảo cho phong trào xây dựng hợp tác xã nông nghiệp phát triển nhanh, mạnh và vững chắc theo hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, đòi hỏi Đảng bộ, các cấp, các ngành, các địa phương và các hợp tác xã phải tiếp tục phát huy sức mạnh tổng hợp, ra sức củng cố và hoàn thiện các hợp tác xã đã có làm nhiệm vụ trung tâm; tiếp tục tổ chức tốt hơn nữa các hợp tác xã trên những địa bàn còn lại, đảm bảo hoàn thành vững chắc phong trào hợp tác hóa nông nghiệp ở tỉnh.

Đi đôi với cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của toàn Đảng bộ và nhân dân Phú Khánh trong giai đoạn cách mạng mới. Nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản được thực hiện theo chủ trương của Bộ Chính trị là rút ngắn thời gian hoàn thành cơ bản từ 5 năm xuống 2 năm (1977-1978).

Đầu năm 1977, lực lượng và hoạt động công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp và thương nghiệp tư doanh chiếm trên 90% lực lượng trong tỉnh. Các thành phần này tập trung chủ yếu ở thị xã và thị trấn, hoạt động không có tổ chức, chuyên đầu cơ, gây rối loạn giá cả thị trường, làm ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến sản xuất, đời sống của nhân dân và trật tự trị an trong tỉnh. Trước tình hình đó, ngày 20-4-1977, Tỉnh ủy ra Nghị quyết về cải tạo công thương nghiệp tư doanh, xác định: *"Trong hai năm 1977-1978 hoàn thành về cơ bản nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh, trước hết là xóa bỏ thương nghiệp tư bản chủ nghĩa; đồng thời tổ chức lại các ngành, nghề quan trọng trong tiểu công nghiệp, sắp xếp và chuyển phần lớn tiểu thương sang sản xuất"*.

Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, Đảng bộ và nhân dân Phú Khánh tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp trên tất cả các lĩnh vực. Trong năm 1977, tình hình cải tạo chuyển biến chậm, mới chuẩn bị xong phương án cải tạo, hướng dẫn các hộ chuyển vốn sang sản xuất; lĩnh vực giao thông vận tải mới cải tạo được bước một; hoàn thành cơ bản cải tạo khách sạn, quán trọ. Năm 1978, về căn bản hoàn thành cải tạo tư sản thương nghiệp, chuyển 474 trong tổng số 684 hộ tư sản trung và tiểu thương sang sản xuất. Tổ chức lại sản xuất cho 2,7 vạn trong tổng số 6,2 vạn lao động công nghiệp và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, chuyển 1.594 lao động trong tổng số 19.499 lao động thương nghiệp sang trực tiếp sản xuất. Xây dựng được 31 cơ sở công tư hợp doanh, 147 hợp tác xã, 372 tập đoàn sản xuất công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, với giá trị sản phẩm là 25,8 triệu đồng, chiếm 22% giá trị sản phẩm toàn ngành công nghiệp.

Sản xuất công nghiệp cũng gặp nhiều khó khăn như vật tư cung ứng không kịp thời, máy móc, thiết bị cũ kỹ, không có phụ tùng thay thế, lao động có trình độ kỹ thuật, tay nghề không cao nên sản xuất công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp tăng trưởng chậm, không đủ sản phẩm cung cấp cho nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân. Trong hơn hai năm (1977-1979), toàn tỉnh khôi phục và xây dựng 37 cơ sở quốc doanh, trên 3.000 cơ sở tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp với gần 2 vạn lao động. Bước đầu hình thành mạng lưới cơ khí từ tỉnh đến cơ sở với trên 700 máy công cụ các loại. Các nhà máy xi măng Hòn Khói, đại tu ô tô, cơ khí trung tâm, xí nghiệp mộc Trịnh Phong, nhà máy muối bột và một số xí nghiệp công nghiệp khác được xây dựng và đi vào sản xuất. Hệ thống điện lưới được mở rộng đến một số huyện, thị trong tỉnh; năm 1978 hoàn thành đường dây 35kv Nha Trang - Ninh Hòa - Hòn Khói. Khôi phục, mở rộng và xây dựng mới các cơ sở gia công, chế biến những mặt hàng từ nguyên liệu địa phương như đồ gỗ, giấy, thủy tinh, đường, nước ngọt, vật liệu xây dựng... hạn chế được một phần tình trạng khó khăn về thiếu hàng tiêu dùng cho nhân dân. Tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp có bước phát triển, tạo ra được nhiều cơ sở sản xuất. Toàn tỉnh có 13 xí nghiệp, 127 hợp tác xã, 1.300 tổ hợp làm được các mặt hàng tiêu dùng và xuất khẩu, tạo ra giá trị sản lượng 100 triệu đồng/năm.

Thi hành Quyết định 87-QĐ/HĐBT ngày 24-4-1978 của Hội đồng Bộ trưởng về việc thống nhất tiền tệ trong cả nước, từ ngày 2 đến 10-5-1978, các huyện, thị trên địa bàn tỉnh đã hoàn thành công tác thu đổi tiền. Từ đây trong cả nước cùng thống nhất một loại tiền của Ngân hàng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Kết quả đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi hàng hóa giữa tỉnh Phú Khánh với các tỉnh, thành trong cả nước.

Đến cuối năm 1978, công tác cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh trên địa bàn tỉnh Phú Khánh hoàn hành căn bản, đảm bảo đúng chủ trương của Bộ Chính trị đề ra, góp phần phục vụ đời sống nhân dân, góp phần tích cực bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Tuy nhiên, công tác cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh vẫn còn hạn chế, công tác xây dựng, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới còn chậm, chưa gắn chặt giữa cải tạo và xây dựng, lấy xây dựng là chính, nhiều chính sách cải tạo và xây dựng không được chấp hành nghiêm chỉnh và triệt để, gây ảnh hưởng xấu đến sản xuất và lưu thông phân phối; khu vực quốc doanh và tập thể còn ít và yếu kém, hàng hóa nhất là nông sản thực phẩm chưa tập trung cao vào Nhà nước, giá cả tăng vọt, đời sống của cán bộ và nhân dân lao động gặp rất nhiều khó khăn, ảnh hưởng tiêu cực đến nhiều mặt khác trong đời sống xã hội. Việc tổ chức lại sản xuất và phát triển sản xuất, phát triển phân phối lưu thông không có mục đích rõ ràng cho nên cải tạo không tận dụng được những cơ sở hiện có, chưa phát huy được thế mạnh của lực lượng khoa học kỹ thuật.

Trong cải tạo còn biểu hiện chủ quan nóng vội, nặng về xóa bỏ và cấm đoán, thiếu kế hoạch xây dựng, làm ồ ạt, nặng về biện pháp hành chính. Một số ngành, địa phương trong tỉnh có rất nhiều cố gắng nhưng nói chung sự cố gắng đó chưa đủ để giải quyết dứt điểm nhiệm vụ công tác cải tạo và xây dựng.

Cùng với công tác cải tạo nông nghiệp, công thương nghiệp tư bản tư doanh, nhiệm vụ cải tạo một số ngành kinh tế khác cũng được chú trọng.

Về hải sản, tỉnh cố gắng duy trì nghề cá, bảo đảm khả năng hoạt động của 5.871 thuyền gấn máy; xóa bỏ bóc lột của tư sản nậu, vừa, bước đầu tổ chức lại sản xuất và chế biến. Tỉnh cũng bắt đầu xây dựng hệ thống bến cá, quy hoạch lại việc khai thác hải sản; hàng năm đánh bắt 5 vạn tấn cá, tôm, mực, thu mua hàng chục ngàn tấn hải sản. Hai năm 1977-1978, toàn tỉnh xây dựng 60 tổ hợp tác, 15 tập đoàn, 1.104 tổ đoàn kết, 7 hợp tác xã nghề cá.

Nghề rừng được quy hoạch lại, có kế hoạch bảo vệ rừng và trồng rừng, chọn cây trồng thích hợp, thực hiện phủ kín đồi thấp bằng cây mít và bãi cát bằng cây dứa. Các lực lượng khai thác bằng cơ giới tư nhân được cải tạo, chuyển thành xí nghiệp khai thác lâm sản. Bộ máy tổ chức của ngành lâm nghiệp với đội ngũ cán bộ, công nhân và hệ thống cơ sở vật chất, bao gồm các lâm trường, vườn ươm, chế biến gỗ, trạm cung ứng lâm sản... được xây dựng.

Bước đầu điều tra tài nguyên rừng, xây dựng các phương án về quy hoạch phát triển lâm nghiệp ở các huyện. Mỗi năm, toàn tỉnh khai thác được trên 3 vạn mét khối gỗ, chế biến trên 10 nghìn mét khối. Trong hai năm 1977-1978 toàn tỉnh trồng mới 12.000 héc-ta rừng.

Tuy nhiên, công tác quản lý, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh đất đai rừng của tỉnh vẫn còn hạn chế, chưa lập được quy hoạch trồng rừng, xem nhẹ việc tổ chức nhân dân trồng rừng và bảo vệ rừng, khai thác gỗ chưa đảm bảo được nhu cầu xây dựng của Nhà nước và nhân dân, nạn chặt phá rừng vẫn còn phổ biến, hiệu quả trồng rừng rất thấp.

Hoạt động giao thông vận tải và xây dựng cơ bản từng bước được đầu tư. Hệ thống cầu, đường nối liền đồng bằng với miền núi và vùng kinh tế mới được xây dựng, tạo thành hệ thống các trục đường chính từ tỉnh về địa phương. Tỉnh xây dựng được hai công ty quốc doanh vận chuyển hàng hóa và hành khách, cùng với việc cải tạo các cơ sở công - tư hợp doanh và hình thành các hợp tác xã vận tải, tạo thành mạng lưới vận tải kết hợp giữa cơ giới với thô sơ, bảo đảm nhu cầu vận chuyển của tỉnh. Công tác xây dựng cơ bản được tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng; 2 năm 1977, 1978, tỉnh đầu tư xây dựng một khối lượng công trình trị giá 66 triệu đồng. Trong 3 năm (1976, 1977, 1978), tổng số vốn đầu tư của tỉnh mỗi năm một tăng. So với năm 1975, năm 1976 tăng 280%, năm 1977 tăng 452%, năm 1978 tăng 486%, trong đó chủ yếu là đầu tư xây dựng các cơ sở phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Sản xuất vật liệu xây dựng có bước phát triển, đáp ứng được nhu cầu xây dựng của Nhà nước và nhân dân; sản lượng năm 1979 so với năm 1976 về gạch tăng 7,5 lần, ngói tăng 6 lần, vôi tăng 12 lần, đá chẻ tăng 15 lần và sỏi sạn tăng 15 lần.

Hoạt động xuất khẩu hình thành được một số mặt hàng có giá trị như tôm, mực, cá đông lạnh. Giá trị hàng xuất khẩu mỗi năm đều tăng lên từ 50% đến 60%. Tuy nhiên, so với tiềm năng của địa phương thì xuất khẩu chưa đạt yêu cầu, vì cơ sở nhỏ yếu, công nghệ lạc hậu.

Công tác quốc phòng - an ninh được tăng cường và củng cố một bước. Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta thắng lợi nhưng bọn đế quốc và các thế lực phản động thù địch không muốn có một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, chúng ráo riết tập hợp mọi lực lượng phản động nhằm chống phá cách mạng nước ta; gây ra cuộc chiến tranh dọc biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc. Hàng loạt người Hoa đang sinh sống tại Việt Nam bị dụ dỗ, cưỡng ép di cư sang Trung Quốc.

Ở Phú Khánh, bọn tình báo, gián điệp quốc tế câu kết với bọn phản động trong nước tăng cường hoạt động chống phá. Lợi dụng tình hình khó khăn phức tạp của ta, một số nguy quân, nguy quyền chưa chịu cải tạo móc nối với bọn phản động đội lốt tôn giáo ngóc đầu ngấm ngấm và công khai chống phá chế độ mới. Chúng thực hiện chiến tranh tâm lý, xuyên tạc đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, lợi dụng thần quyền để mê hoặc, kích động, lôi kéo quần chúng. Các hoạt động của chúng ngày càng nhiều, tính chất nghiêm trọng và quy mô tăng dần. Các vụ vượt biên trái phép bằng đường biển diễn ra với mức độ cao; năm 1976 có 32 vụ vượt biển, năm 1977 có 81 vụ, 5 tháng đầu năm 1978 có 61 vụ¹.

Trước những âm mưu, thủ đoạn của bọn phản động, Tỉnh ủy chỉ đạo tiến hành nhiều đợt phát động quần chúng kết hợp với công an, bộ đội, dân quân du kích địa phương truy lùng và tiêu diệt các toán vũ trang phản cách mạng, ngăn chặn và làm thất bại những âm mưu phá hoại của địch, diệt và bắt 2.951 tên, trong đó có một số tên đầu sỏ, thu 650 súng, 400 lựu đạn. Đồng thời, phát hiện và bắt giữ hàng trăm vụ vượt biển, đưa người trốn đi nước ngoài trái phép và các tổ chức phản động từ bên ngoài thâm nhập vào. Phong trào quần chúng tham gia truy quét địch, giữ vững an ninh trật tự có chuyển biến tích cực, góp phần giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong tỉnh.

¹ . Trong số 61 vụ vượt biên đầu năm 1978, ta bắt được 42 vụ gồm 753 người, trong số này có 125 người Việt gốc Hoa, 34 nguy quân, 18 nguy quyền, 35 nhân viên tạm tuyển hợp đồng, 73 học sinh, sinh viên, 11 người trong lực lượng vũ trang và bán vũ trang của ta, 43 người làm biển, 51 người buôn bán và hàng trăm người thuộc các thành phần khác.

Hưởng ứng lời kêu gọi ngày 4-3-1979 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và lệnh tổng động viên ngày 5-3-1979 của Chủ tịch nước, toàn tỉnh dấy lên làn sóng căm thù và bừng bừng khí thế sẵn sàng chiến đấu bảo vệ biên giới của Tổ quốc. Hàng vạn thanh niên trong tỉnh hăng hái khám sức khỏe sẵn sàng đi bộ đội và chờ lệnh ra tiền tuyến đánh giặc. Thực hiện quân sự hóa thanh niên, toàn tỉnh thành lập hàng trăm đội thanh niên xung kích bảo vệ cơ quan, kho tàng, nhà máy, xí nghiệp. Tỉnh Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh mở lớp tập huấn đào tạo cán bộ quân sự trong thanh niên để xây dựng mỗi cơ quan, xí nghiệp là một đại đội, tiểu đoàn, mỗi xã là một đại đội, mỗi huyện là một sư đoàn thanh niên xung kích bảo vệ Tổ quốc. Thi đua với tiền tuyến, thanh niên trong tỉnh xây dựng 150 công trình thanh niên bảo vệ Tổ quốc. Lực lượng vũ trang nhân dân của tỉnh phát triển cả về số lượng và chất lượng. Nhiều đơn vị vũ trang, thanh niên xung phong của tỉnh đi chiến đấu ở biên giới phía Tây Nam và giúp nước bạn được cấp trên khen thưởng.

Trong bối cảnh tình hình kinh tế - xã hội hết sức khó khăn, phức tạp, Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IV) họp từ ngày 18 đến 27-8-1979. Trên cơ sở phân tích tình hình kinh tế đất nước, Hội nghị đề ra hai Nghị quyết quan trọng: Nghị quyết số 20-NQ/TW về *"Tình hình và nhiệm vụ cấp bách"* và Nghị quyết số 21 về *"Phương hướng nhiệm vụ phát triển hàng công nghiệp tiêu dùng và hàng công nghiệp địa phương"*. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IV) là tín hiệu mới có tính chất khởi đầu của quá trình tìm kiếm giải pháp tháo gỡ cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội. Những chính sách kích thích lực lượng sản xuất phát triển, tháo gỡ một số trói buộc của cơ chế sản xuất cũ trong thời kỳ chiến tranh, tạo ra những động lực mới cho sản xuất "bung ra".

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Khánh lần thứ II

Thực hiện Chỉ thị số 55-CT/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Đại hội Đảng các cấp và để đánh giá những thành tựu đạt được trong giai đoạn 1977-1979, đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - văn hóa 3 năm (1980-1982), Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Khánh lần thứ II

được tổ chức từ ngày 12 đến 19-10-1979 tại Thành phố Nha Trang. Dự Đại hội có 330 đại biểu chính thức thay mặt cho 11.400 đảng viên ở 970 chi bộ và Đảng bộ cơ sở.

Đại hội tập trung thảo luận báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và nhất trí khẳng định: Hơn hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất trong tình hình cả nước và trong tỉnh có nhiều khó khăn phức tạp, dưới ánh sáng của đường lối chung và các Nghị quyết của Trung ương, Đảng bộ đã nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy năng lực và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tinh thần cách mạng tiến công, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, ý chí tự lực tự cường cố gắng phấn đấu vượt qua mọi khó khăn, giành được thắng lợi to lớn về nhiều mặt, nhất là về sản xuất nông nghiệp, từ năm 1975 đến 1979 diện tích canh tác tăng thêm 4 vạn héc-ta, tổng sản lượng lương thực tăng 12 vạn tấn, tổ chức trên 200 hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và 200 tập đoàn sản xuất là thắng lợi to lớn, không những khắc phục tình hình khó khăn về lương thực, bảo đảm được yêu cầu tối thiểu về đời sống của nhân dân mà còn tạo được cơ sở bước đầu cho phát triển công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp, cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ chế độ người bóc lột người, cơ bản hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp, phân công lại một bước lực lượng lao động xã hội, giải quyết việc làm cho hàng vạn người chưa có việc làm, chăm lo đời sống các mặt của nhân dân, kịp thời phát hiện và đập tan các âm mưu và hành động phá hoại của bọn phản cách mạng; phát triển các mặt văn hóa, giáo dục, y tế, xây dựng và củng cố hệ thống chuyên chính vô sản từ tỉnh đến cơ sở.

Đại hội cho rằng những thắng lợi đạt được vừa qua là lớn, cơ bản và toàn diện. Tuy nhiên, so với nhiệm vụ, mục tiêu của Đại hội Đảng bộ tỉnh Phú Khánh lần thứ I đề ra và với tiềm năng vốn có thì thắng lợi đạt được còn thấp, sự tiến bộ không đồng đều, sản xuất các mặt phát triển chậm. Rừng và biển là hai thế mạnh chưa được khai thác và phát huy đúng mức, năng xuất lao động thấp, sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp phát triển chậm, chưa chú ý

sử dụng đúng đắn các thành phần kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, đời sống của nhân dân còn nhiều khó khăn...

Đại hội xác định phương hướng nhiệm vụ chung cho những năm tới và chủ trương, biện pháp thực hiện trong hai năm 1980-1981 là:

Tiếp tục quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng và các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng trong tình hình mới, nhất là Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ VI, động viên cao độ tinh thần yêu nước và chủ nghĩa xã hội, truyền thống đoàn kết chống ngoại xâm, tinh thần tự lực tự cường của toàn Đảng bộ, toàn dân, toàn quân trong tình, nắm vững chuyên chính vô sản, ra sức phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động, đẩy mạnh công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, tăng nhanh tiềm lực kinh tế và quốc phòng, xây dựng hậu phương vững mạnh, luôn luôn đề cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, kiên quyết đập tan mọi âm mưu của địch hòng làm suy yếu, phá hoại và xâm lược nước ta; chăm lo tốt hơn đời sống các mặt của nhân dân, tăng cường tổ chức quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Xây dựng Đảng bộ vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, bảo đảm hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu của kế hoạch 2 năm 1980-1981 và hoàn thành tốt nghĩa vụ quốc tế được giao.

Đại hội đề ra 3 nhiệm vụ cấp bách:

Một là, đẩy mạnh sản xuất, ổn định và bảo đảm đời sống nhân dân.

Hai là, tăng cường quốc phòng và an ninh sẵn sàng chiến đấu chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc.

Ba là, kiên quyết đấu tranh khắc phục những mặt tiêu cực trong hoạt động kinh tế và xã hội, nhất là tệ ăn cắp, hối lộ, ức hiếp quần chúng.

Để thực hiện thắng lợi 3 nhiệm vụ cấp bách trên, mục tiêu phấn đấu của 2 năm 1980 - 1981 là:

- Tập trung sức giải quyết vấn đề lương thực, thực phẩm, bảo đảm đến cuối năm 1981, bình quân mỗi người dân đạt 330 kg lương thực, 24 kg cá, 6 lít

nước mắm trên cơ sở tổ chức và củng cố các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp và nghề cá.

- Đẩy mạnh sản xuất tiểu, thủ công nghiệp và công nghiệp địa phương, đưa giá trị sản lượng lên 200 triệu đồng, phấn đấu không để thiếu các mặt hàng tiêu dùng thông thường mà tỉnh có khả năng về nguyên liệu và cơ sở kỹ thuật.

- Hàng xuất khẩu đến năm 1981 đạt 25 triệu đồng.

- Xây dựng các cơ sở vật chất kỹ thuật trên địa bàn huyện như cơ khí sửa chữa, cơ sở chế biến lương thực, giống, bảo vệ thực vật, sản xuất vật liệu xây dựng, phát triển thủy lợi... đi đôi và tăng cường bộ máy cấp huyện một cách đồng bộ nhằm xây dựng huyện nông - công nghiệp.

- Xây dựng lực lượng vũ trang, bán vũ trang và công an nhân dân vững mạnh, đủ sức chủ động trong mọi tình huống.

- Tạo bước chuyển biến mới về tư tưởng và tổ chức, bảo đảm đưa lên cao trào cách mạng của quần chúng liên tục, sôi nổi nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II.

Đại hội cũng đề ra mục tiêu cụ thể trong năm 1980 và bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa II) gồm 43 ủy viên chính thức, 2 ủy viên dự khuyết. Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 13 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Xuân Hữu - Ủy viên Trung ương Đảng được bầu lại làm Bí thư Tỉnh ủy; các đồng chí Mai Dương, Nguyễn Phụng Minh làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Ngày 02-3-1980, Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng đã thảo luận và bàn kế hoạch thực hiện Thông tri của Trung ương về việc đón và rước đuốc Bác Hồ vào ngày 21-3-1980.

Hội nghị nhấn mạnh ý nghĩa, tầm quan trọng đặc biệt của việc đón và rước đuốc Bác Hồ, từ đó làm cho toàn Đảng bộ, toàn quân, toàn dân quán triệt sâu sắc mục đích, nội dung của việc rước đuốc Bác Hồ; các địa phương, cơ quan, đơn vị, bộ đội, nhà máy, trường học, các xã, phường...phải biến việc rước đuốc Bác Hồ thành những ngày hội lớn của quần chúng nhân dân trong

toàn tỉnh, tiến công vào mặt trận lao động sản xuất, đẩy mạnh phong trào thi đua thực hiện hoàn thành kế hoạch Nhà nước năm 1980 mà Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh đã đề ra. Đồng thời, đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân hiểu sâu về cuộc đời hoạt động và sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Bác.

Hưởng ứng và tham gia cuộc hành trình “cả nước rước đuốc Bác Hồ”, nhân dân trong tỉnh đã đẩy lên phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa rộng lớn, mạnh mẽ với những hành động cách mạng thiết thực như: bà con nông dân dồn sức ra đồng chăm bón lúa, làm thủy lợi, đẩy mạnh chăn nuôi, trồng rau màu, xây dựng tốt lực lượng vũ trang, tăng cường công tác quân sự toàn dân... và đã thu được một số kết quả đáng khích lệ.

Đến năm 1980, năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II, năm cuối cùng của kế hoạch 5 năm (1976-1980), sản xuất nông nghiệp của tỉnh có tiến bộ. Toàn tỉnh khai hoang phục hóa đưa diện tích sử dụng vào nông nghiệp từ 80.500 ha (năm 1976) lên 107.539 ha (năm 1980). Diện tích gieo trồng năm 1980 đạt 146.429 ha tăng 37.822 ha so với năm 1976, trong đó diện tích cây lương thực đạt 132.001 ha, bằng 90,1% tổng diện tích gieo trồng. Sản lượng lương thực qui thóc đạt 310.727 tấn, tăng 68.493 tấn so với 1976; bình quân lương thực đạt 256,6 kg (tăng 47,6 kg so với 1976). Từ một tỉnh thiếu lương thực Trung ương phải chi viện, đến năm 1978 Phú Khánh lần đầu tiên tự trang trải được lương thực và có đóng góp với Nhà nước.

Diện tích cây công nghiệp ngắn ngày đạt 8.698 ha, trong đó diện tích và sản lượng mía, thuốc lá, mè đều tăng so với năm 1976.

Nhận thức thủy lợi là khâu rất quan trọng trong sản xuất nông nghiệp, các huyện, thị trên địa bàn Khánh Hòa ra sức củng cố và phát huy các công trình thủy lợi đã có, xây dựng mới một số công trình, phát động phong trào làm thủy lợi nhỏ. Đến cuối năm 1976, hầu hết các công trình thủy lợi xây dựng trước giải phóng đã được sửa chữa, khôi phục. Năm 1977, hai công trình thủy lợi có quy mô lớn được khởi công xây dựng là Hồ chứa nước Suối Trầu xã Ninh Xuân, huyện Khánh Ninh (huyện Ninh Hòa ngày nay) năng lực thiết kế tưới

1.000 héc-ta¹ và Trạm bơm Cầu Đôi - Diên Khánh năng lực thiết kế tưới 3.200 héc-ta². Tỉnh đầu tư 30 triệu đồng và nhân dân đóng góp 10 triệu ngày công xây dựng nhiều hồ chứa nước, trạm bơm, mương, đập... Tuy nhiên, trong công tác thủy lợi còn xem nhẹ thủy lợi nhỏ; chất lượng công trình thấp nhất là tại các đập đất tạo hồ chứa như Hồ Suối Trầu xảy ra hai lần vỡ và một lần rò đập chính gây thiệt hại lớn vào cuối năm 1977. Đến năm 1978, hầu hết các công trình thủy nông cũ được tu bổ, đặc biệt là hệ thống thủy nông Đồng Cam, đưa diện tích được tưới nước từ 8.000 ha năm 1976 lên 19.700 ha năm 1980. Làm mới đập Tam Giang, xây dựng mới 6 công trình loại vừa, xây đúc 316 hạng mục công trình¹. Công tác quản lý thủy nông được chú ý, hầu hết các huyện thành lập được tổ quản lý thủy nông, các hệ thống lớn do công ty quản lý thủy nông đảm nhận.

Cùng với thủy lợi, phong trào làm phân hữu cơ bón ruộng được chú ý. Năm 1978-1979, bình quân 1 ha lúa bón từ 2,5 - 3 tấn phân, đến năm 1980 nhiều hợp tác xã đã bón từ 4-5 tấn phân/ha/vụ. Hợp tác xã Diên An (Diên Khánh) gieo trồng điền canh và cây đậu xanh làm phân bón ruộng sau gặt lúa hè thu. Các biện pháp thâm canh, tăng vụ, sử dụng giống lúa mới có năng suất cao và làm thuốc trừ sâu bệnh bằng thảo mộc được áp dụng vào sản xuất.

Đi đôi với sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi có bước phát triển. Năm 1979 so với năm 1976, trên địa bàn Khánh Hòa có đàn trâu 9.160 con (tăng 554 con), đàn lợn có 53.005 con (tăng 4.513 con). Riêng đàn bò, toàn tỉnh Phú Khánh năm 1976 có 101.589 con, đến năm 1979 chỉ còn 99.865 con; địa bàn Khánh Hòa giảm 8.239 con so với năm 1976. Sở dĩ đàn bò giảm sút là vì công tác tuyên truyền giải thích khi tiến hành xây dựng hợp tác hóa nông nghiệp làm chưa tốt. Đến cuối năm 1980, công tác cải tạo quan hệ sản xuất có tiến bộ, việc chăn nuôi được chấn chỉnh kịp thời, đàn bò được khôi phục, cả tỉnh đạt 104.203 con, tăng 6,8% so với năm 1979; đàn lợn có 143.425 con, tăng 33% so với năm 1976 và 12,7% so với năm 1979. Tuy nhiên, chăn nuôi khu vực quốc

¹. Khởi công xây dựng ngày 2-4-1977.

². Khởi công xây dựng ngày 4-10-1977.

¹. trong đó có 20 xi phông, 160 cống, 290 đập thời vụ, 1.500 ao giếng và hàng chục bờ xe nước.

doanh và tập thể hàng năm có tăng nhưng chiếm tỷ lệ thấp, trong số 226 hợp tác xã nông nghiệp toàn tỉnh mới có gần 100 hợp tác xã tổ chức chăn nuôi lợn tập thể.

Trong quá trình chỉ đạo phát triển sản xuất nông nghiệp, các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông, lâm nghiệp được củng cố một bước. Kể từ bước xây dựng thí điểm hợp tác xã (năm 1977), đến năm 1979 phong trào hợp tác hóa có bước phát triển, toàn tỉnh xây dựng được 216 hợp tác xã, thu hút 81,1% số hộ nông dân. Năm 1980, công tác cải tạo quan hệ sản xuất trong nông nghiệp chủ yếu củng cố và xác định qui mô hợp tác xã, đến cuối năm, toàn tỉnh có 226 hợp tác xã; thu hút 87,5% số hộ, 87,4% số lao động và 94,3% số trâu bò cày kéo và tư liệu sản xuất khác được tập thể hóa. Trong đó, huyện Diên Khánh có 91-94% và các xã miền núi huyện Cam Ranh có 45-51% số hộ vào hợp tác xã nông nghiệp. Bình quân 1 hợp tác xã có 335 ha, dưới 200 ha chiếm 23%, trên 500 ha chiếm 5,7% tổng số hợp tác xã. Qua công tác củng cố, nhiều hợp tác xã khắc phục được hạn chế trong công tác quản lý, đi dần vào thể ổn định, số cán bộ tham ô, ức hiếp quần chúng bị phê phán, xử lý.

Sản xuất lâm nghiệp có cố gắng, năm 1980 trồng mới 743 ha rừng, vượt kế hoạch 1,7%. Tuy nhiên, công tác bảo vệ và quản lý rừng chưa chặt chẽ, chỉ riêng tệ phá rừng làm nương rẫy năm 1980 là 2.000 ha (gấp gần 3 lần diện tích rừng trồng mới), sản lượng khai thác gỗ tròn chỉ đạt 1,6 vạn mét khối, so với năm 1976 giảm 1 vạn mét khối.

Năm 1980, nghề đánh bắt hải sản có chuyển biến, toàn tỉnh đánh bắt 2,8 vạn tấn cá (vượt kế hoạch 33,6%), thu mua 10.429 tấn (vượt 20,6%), đông lạnh xuất khẩu đạt 286 tấn (vượt 14% kế hoạch).

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tiếp tục được cải tạo và xây dựng. Đến cuối năm 1980, toàn tỉnh có 44 xí nghiệp công nghiệp quốc doanh và công tư hợp doanh, với 6.500 lao động; 10 xí nghiệp hợp tác, 146 hợp tác xã chuyên nghiệp, 160 hợp tác xã kiêm sản xuất tiểu thủ công nghiệp, 266 tổ hợp và 15.904 hộ sản xuất cá thể với 6,6 vạn lao động. Từ năm 1976 đến năm 1980, ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có nhiều cố gắng, nỗ lực khắc phục

khó khăn, song chưa năm nào hoàn thành kế hoạch được giao; năm 1980 đạt cao nhất 81%. Trong 9 ngành công nghiệp, công nghiệp lương thực thực phẩm có giá trị sản lượng hàng năm đạt cao, chiếm gần 70% giá trị sản lượng toàn ngành.

Mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa được xây dựng. Tỷ trọng doanh số mua tại địa phương trong tổng doanh số mua vào từ 39% năm 1976 tăng lên 54% năm 1979. Doanh số bán lẻ của thị trường có tổ chức từ 19,7% năm 1976 tăng lên 38% năm 1979. Toàn tỉnh có 300 điểm bán lẻ, bình quân gần 4.000 dân có một điểm bán lẻ của thị trường có tổ chức.

Tuy nhiên công tác lưu thông phân phối vẫn còn nhiều yếu kém: hoạt động mua bán của các hợp tác xã còn yếu, phương thức phân phối hàng chưa hợp lý, hiện tượng tham ô, ăn cắp và buôn bán bất hợp pháp hàng của Nhà nước như phân bón, dầu... vẫn còn diễn ra.

Để tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất hàng hóa phát triển, tháng 8-1979, Chính phủ ban hành quyết định bãi bỏ các trạm kiểm soát mang tính "ngăn sông, cấm chợ" cho phép lưu thông hàng hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao lưu hàng hóa giữa các địa phương trong tỉnh và giữa tỉnh Phú Khánh với các tỉnh, thành trong cả nước, thúc đẩy ngành thương nghiệp phát triển.

Ngày 23-6-1980, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 26-NQ/TW về *cải tiến công tác phân phối lưu thông*. Nghị quyết 26 của Bộ Chính trị đã cụ thể hóa tinh thần tạo điều kiện cho sản xuất "bung ra" của Hội nghị Trung ương 6 (khóa IV).

Quán triệt và vận dụng chủ trương của Đảng, Tỉnh ủy Phú Khánh ra Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 26 của Bộ Chính trị, ngành thương nghiệp tập trung vật tư, tiền vốn và lao động, kết hợp nhiều phương thức thu mua giá cao, hợp đồng kinh tế hai chiều và đổi hàng ... Đến cuối năm 1980, tổng giá trị hàng mua vào đạt 137,2 triệu đồng, tăng 86,3 triệu đồng so với năm 1976, trong đó nguồn hàng nông sản và công nghệ của địa phương chiếm tỷ lệ cao. Mạng lưới hợp tác xã mua bán phát triển lên 145 hợp tác xã/170 xã, phường với doanh số bán ra bình quân đạt 28,6 triệu đồng/năm.

Nhờ cố gắng của thương nghiệp quốc doanh và tập thể, công tác phân phối lưu thông bước đầu đáp ứng một phần nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân.

Sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế được coi trọng. Văn hóa, thông tin truyền thực hiện nhiệm vụ trọng tâm là cung cấp cho nhân dân đầy đủ thông tin về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, kết hợp chặt chẽ giữa cải tạo tàn dư văn hóa chế độ cũ với xây dựng nền văn hóa mới. Thông qua hoạt động của các đoàn thể và Mặt trận, phong trào văn hóa văn nghệ được đẩy mạnh với các loại hình sinh hoạt phong phú như văn nghệ, thể dục thể thao, vui chơi giải trí, thơ ca, hò vè... Đến giữa năm 1978, toàn tỉnh có 3 đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp, 188 đội văn nghệ nghiệp dư, 26 đội chiếu bóng (trong đó 13 đội chiếu bóng lưu động), 8 đội thông tin lưu động ở huyện, tỉnh và 70 đội thông tin lưu động xã, phường. Đây là những đội xung kích mang đường lối chính sách của Đảng xuống tận cơ sở. Công tác thông tin, báo chí, phát thanh, truyền thanh, truyền hình, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao góp phần phát triển nền văn hóa mới và xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, đưa đường lối của Đảng, chủ trương, chính sách của Nhà nước, những kiến thức về khoa học - kỹ thuật... đến với nhân dân.

Phong trào xóa mù chữ được phát động, thu hút hàng ngàn thanh niên ở các thị xã, thị trấn và các cơ quan cùng cán bộ ngành giáo dục tham gia. Sau ba năm kiên trì phấn đấu, nạn mù chữ sớm được xóa bỏ. Năm 1976, tuy đất nước còn nhiều khó khăn, nhưng Chính phủ đã thực hiện miễn học phí cho học sinh. Hệ thống nhà trường xã hội chủ nghĩa bao gồm giáo dục phổ thông, mẫu giáo, cao đẳng, bổ túc văn hóa được xây dựng và mở rộng. Trẻ em đến tuổi đều được đi học nhiều hơn trước. Năm học 1979-1980, số trường phổ thông các cấp có 225 trường gồm 7.068 lớp (so với 1976 tăng 73 trường và 1.733 lớp); số học sinh các cấp phổ thông và mẫu giáo có 34,7 vạn em (trong đó học sinh phổ thông là 29,8 vạn em, tăng 5,2% so với năm học 1978-1979). Năm 1980, trường mẫu giáo phát triển nhanh với 98 trường thu hút 49 ngàn cháu đến lớp. Tổng số người đi học chiếm 29,7% so với dân số; 97,8% tổng số trẻ em đến tuổi đi học đã đến trường. Đội ngũ giáo viên toàn tỉnh có 7.662 người, tăng

1.273 người so với năm 1976. Phong trào giáo dục ở miền núi thu được những thành tích lớn: thanh toán nạn mù chữ, bổ túc văn hóa cho cán bộ và nhân dân.

Cùng với giáo dục, năm 1977 Nhà nước thực hiện khám và chữa bệnh miễn phí cho nhân dân. Năm 1979, ngành y tế khám và điều trị bệnh cho 2,5 triệu lượt người, tăng 26,6% so với năm 1978. Mạng lưới y tế phát triển từ tỉnh đến xã, năm 1980 có 192 cơ sở (so với năm 1975 tăng 85 cơ sở), trong đó tuyến tỉnh có 2 bệnh viện đa khoa, 1 bệnh viện y học dân tộc và 2 viện điều dưỡng; tổng số 3.410 giường bệnh; 2.667 cán bộ y tế. Bình quân cứ 600 ngàn dân có 1 cơ sở chữa bệnh, 1 vạn dân có 22,2 cán bộ y tế. Ở miền núi, hầu hết các buôn, xã đều có trạm xá và cán bộ y tế phụ trách. Đi đôi với việc xây dựng mạng lưới y tế, phong trào vệ sinh phòng bệnh, chống sốt rét được phát động rộng rãi và liên tục, vận động nhân dân thực hiện ăn chín, uống nước đun sôi, gia đình có hố xí, giếng nước, nhà tắm, làm chuồng nhốt gia súc..., giảm bỏ các tập tục lạc hậu có hại, làng xóm sạch sẽ... Mạng lưới phòng bệnh và chữa bệnh được mở rộng, dập tắt nhiều bệnh dịch, từng bước tiêu diệt bệnh sốt rét, hàng ngàn người nghiện xì ke, ma túy được ngành y tế của tỉnh cứu chữa trở thành những người lao động chân chính. Việc trồng và sản xuất thuốc nam góp phần chữa trị đáng kể cho nhân dân ở cơ sở.

Những năm 1978-1980, tình hình có nhiều diễn biến tác động trực tiếp đến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân, Đảng bộ tiến hành liên tục những đợt giáo dục, học tập sâu rộng Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV và các Nghị quyết của Trung ương, Nghị quyết của Tỉnh ủy, về tình hình và nhiệm vụ mới, về thời sự, chính sách và truyền thống cách mạng. Nâng cao nhận thức về đường lối chính trị của Đảng; chăm lo bồi dưỡng giáo dục lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin cho hàng ngàn cán bộ, đảng viên; hình thành hệ thống tổ chức làm công tác tư tưởng - văn hóa trong toàn tỉnh, coi trọng giáo dục tinh thần chịu đựng gian khổ, tự lực tự cường "vì cả nước, với cả nước" trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Qua đó tạo được sự nhất trí cao về quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, về phương hướng nhiệm vụ trong giai

đoạn mới, củng cố lòng tin của cán bộ, đảng viên và quần chúng đối với sự lãnh đạo của Đảng.

Công tác xây dựng Đảng là nhiệm vụ chính trị hàng đầu của Đảng bộ Phú Khánh trong giai đoạn mới. Khi mới hợp nhất, toàn Đảng bộ có 414 chi bộ với 6.545 đảng viên, trong đó đảng viên ở cơ sở rất ít. Đến cuối năm 1980, toàn tỉnh có 669 tổ chức cơ sở Đảng (92 Đảng bộ, 577 chi bộ), gồm 12.187 đảng viên. Trong 3 đợt phát thẻ Đảng, có 379 tổ chức cơ sở, 5.629 đảng viên được nhận thẻ. Việc phát triển đảng viên mới được chú trọng; năm 1980 kết nạp 617 đồng chí, tăng 1,5 lần so với 1979 (407 đồng chí), trong số đảng viên mới dưới 30 tuổi chiếm 78,6%. Công tác kiểm tra, kỷ luật được tăng cường; trong ba năm (1978-1980), Đảng bộ thi hành kỷ luật 868 trường hợp vi phạm Điều lệ Đảng. Chỉ riêng năm 1980, ủy ban Kiểm tra các cấp phát hiện và nhận thư tố giác 1.416 đảng viên, 5 tổ chức cơ sở Đảng, trong đó thi hành kỷ luật 379 trường hợp (khai trừ và đưa ra khỏi Đảng bằng các hình thức khác là 153 người). Số chi bộ vững mạnh đạt 8,4%, khá 72,6% (tăng 17%), yếu 16,7% (giảm 7,3%) và kém còn 2,3% (giảm 7,7%) so với trước.

Đảng bộ được củng cố, niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với Đảng được nâng lên. Bên cạnh đó Tỉnh ủy cũng sớm có chủ trương gắn việc kiện toàn tổ chức cơ sở với xây dựng huyện; quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ, từng bước gắn xây dựng Đảng với xây dựng chính quyền, đoàn thể, quần chúng, làm cho hệ thống chuyên chính vô sản sớm được xây dựng đồng bộ và ngày càng được củng cố trong toàn tỉnh. Những hội nghị cán bộ xã, phường do Tỉnh ủy triệu tập thường kỳ hàng năm góp phần quan trọng trong việc bồi dưỡng cán bộ và tăng cường năng lực chiến đấu của các tổ chức cơ sở. Năm 1978, đợt tăng cường cán bộ cho cơ sở và Đại hội Đảng các cấp đã góp phần củng cố mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng, nâng trình độ của các tổ chức cơ sở lên một bước mới.

Tầm quan trọng của cấp huyện ngày càng tăng lên với việc từng bước xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông - công nghiệp. Tỉnh ủy tăng cường những cán bộ có kinh nghiệm và từng bước tăng thêm cán bộ khoa học kỹ

thuật cho cơ sở. Năm 1979, số đồng chí có chuyên môn, khoa học kỹ thuật tăng hơn 15% so với năm 1976, tuổi đời bình quân so với trước thấp hơn 2 tuổi.

Đảm bảo cho công tác cải tạo và phát triển kinh tế, Tỉnh ủy sớm có những chủ trương kiện toàn và củng cố hệ thống chính quyền các cấp, trong đó công tác xây dựng huyện được chú trọng. Thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng, dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và qua các lần bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, bộ máy chính quyền các huyện, thị trên địa bàn tỉnh từng bước được kiện toàn, phát huy được chức năng của mình trong chỉ đạo sản xuất, chăm lo đời sống nhân dân.

Ngày 10-3-1977, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 49/CP về việc hợp nhất và điều chỉnh địa giới một số huyện thuộc tỉnh Phú Khánh; Ủy ban nhân dân tỉnh đã quyết định việc hợp nhất các huyện và thành phố trong tỉnh theo phương hướng và quy mô phát triển kinh tế, văn hóa, dân số, tầm quan trọng về chính trị và yêu cầu về tổ chức bộ máy quản lý hành chính của đơn vị huyện là cấp quản lý toàn diện. Theo Quyết định 49/CP, trên địa bàn Khánh Hòa điều chỉnh như sau:

1. Thị xã Nha Trang được nâng lên thành phố Nha Trang trực thuộc tỉnh Phú Khánh.

Địa phận thành phố Nha Trang gồm: khu vực nội thành 17 phường của thị xã Nha Trang cũ. Khu vực ngoại thành gồm 7 xã của huyện Khánh Xương cắt chuyển đến là: Vĩnh Thái, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Trung, Vĩnh Lương, Vĩnh Phương, Vĩnh Hiệp, Vĩnh Ngọc và một số xã mới của vùng kinh tế mới Đồng Bò thuộc Nha Trang, các hải đảo phía biển đông mà điểm xa nhất là đảo Hòn Nọc trong đó có các đảo Hòn Lớn, Hòn Tre, Hòn Miếu, Hòn Tằm, Hòn Một, Hòn Mun hiện có dân cư.

2. Hợp nhất hai huyện Khánh Xương và Khánh Vĩnh thành huyện mới Diên Khánh.

Địa phận huyện Diên Khánh bao gồm: 6 xã miền núi của huyện Khánh Vĩnh cũ và 17 xã đồng bằng còn lại của huyện Khánh Xương, sau khi đã cắt 7 xã sáp nhập vào thành phố Nha Trang, cộng là 23 xã.

3. Hợp nhất hai huyện Cam Ranh và huyện Khánh Sơn thành huyện Cam Ranh.

Địa phận huyện Cam Ranh mới bao gồm 17 xã đồng bằng của huyện Cam Ranh cũ, 5 xã miền núi của huyện Khánh Sơn và các đảo của Hòn Nội, Hòn Ngoại, Bình Ba.

Sau khi điều chỉnh, tỉnh Phú Khánh gồm 1 thành phố (Nha Trang) trực thuộc tỉnh và 6 huyện (Xuân An, Tây Sơn, Tuy Hòa, Khánh Ninh, Diên Khánh và Cam Ranh).

Đến ngày 5-3-1979, theo Quyết định số 85-CP, huyện Khánh Ninh lại tách ra thành hai huyện Ninh Hòa và Vạn Ninh.

Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội và Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân các cấp, ngày 15-5-1977, cử tri trong tỉnh nô nức đi bầu cử Hội đồng nhân dân ba cấp đạt 98,95% cử tri đi bầu, có 94 đại biểu trúng cử vào Hội đồng nhân dân tỉnh. Kỳ họp thứ nhất Hội đồng nhân dân tỉnh bầu Ủy ban nhân dân tỉnh gồm 15 đồng chí. Đồng chí Mai Dương được bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; các đồng chí: Hồ Ngọc Nhường, Nguyễn Hữu Ái, Nguyễn Quyết được bầu làm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thắng lợi của cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có ý nghĩa lịch sử quan trọng trong đời sống chính trị của nhân dân. Đây là lần đầu tiên sau hàng trăm năm đấu tranh cực kỳ gian khổ và anh dũng, nhân dân trong tỉnh mới thực sự được hưởng quyền tự do dân chủ, tự mình bầu ra Hội đồng nhân dân - cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất ở địa phương.

Bộ máy chính quyền ở cơ sở qua các lần bầu cử Hội đồng nhân dân đã được sàng lọc và củng cố một bước.

Dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, các đoàn thể quần chúng trên địa bàn Khánh Hòa được củng cố, từng bước kiện toàn về tổ chức, tăng cường số lượng và chất lượng. Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phát động truyền thống "nơi nào cần thanh niên có, nơi nào khó có thanh niên", đi đầu trong

phong trào "3 xung kích, 3 sẵn sàng".. Chăm sóc, giáo dục thiếu niên, nhi đồng, bồi dưỡng và giới thiệu những đoàn viên ưu tú cho Đảng xem xét và phát triển Đảng. Hội phụ nữ làm nòng cốt trong các phong trào "người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc", "phụ nữ 3 đảm đang", thực hiện sinh đẻ có kế hoạch... Hội nông dân đi đầu trong phong trào lao động tập thể, sản xuất đạt 5 điểm cao: thủy lợi, diện tích, năng suất, chăn nuôi, nghề phụ. Công đoàn thực hiện phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất lao động, tham gia quản lý cơ quan, xí nghiệp, nhà máy, công trường đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Mặt trận Tổ quốc các cấp củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, tập hợp mọi lực lượng yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội vào trong các đoàn thể quần chúng, vận động tầng lớp trí thức hăng hái thi đua xây dựng chủ nghĩa xã hội... tạo nên sự nhất trí cao về chính trị và tinh thần trong toàn xã hội.

Sau hơn 5 năm (11-1975 - 1980), Đảng bộ, quân và dân các huyện, thị, thành phố trên địa bàn Khánh Hòa nói riêng và quân dân Phú Khánh nói chung vượt qua thời kỳ khó khăn, gian khổ đầy thử thách, với tinh thần tự lực tự cường và ý chí cách mạng tiến công, phấn đấu vượt mọi khó khăn, vươn lên chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu, từng bước khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội thu được những thành tựu rất quan trọng trên tất cả các lĩnh vực, tạo tiền đề để toàn tỉnh tiếp tục phát huy trong giai đoạn cách mạng tiếp theo.

II. LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KINH TẾ - VĂN HÓA XÃ HỘI, THỰC HIỆN ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ KINH TẾ (1981-1985).

Những năm cuối của thập kỷ 70 thế kỷ XX, đất nước ta ngày càng lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội. Nền kinh tế quốc dân mất cân đối nghiêm trọng. Sản xuất phát triển chậm trong khi dân số tăng nhanh. Thu nhập quốc dân chưa bảo đảm được tiêu dùng xã hội. Đời sống kinh tế, văn hóa và an toàn xã hội có những biểu hiện tiêu cực kéo dài... Nguyên nhân là do hậu quả của cuộc chiến tranh chống Mỹ chưa được khắc phục triệt để, đất nước lại phải đương đầu với cuộc chiến tranh ở biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc,

với chiến tranh phá hoại nhiều mặt của các thế lực thù địch và do những sai lầm, chủ quan, duy ý chí trong lãnh đạo và quản lý kinh tế, xã hội, bên cạnh đó mấy năm liên tiếp xảy ra thiên tai.

Tình hình kinh tế - xã hội của Phú Khánh nói chung, trên địa bàn Khánh Hòa nói riêng cũng gặp nhiều khó khăn, thậm chí có mặt gay gắt. Tài nguyên đất đai, lao động và ngành nghề chưa được phát huy; phát triển công nghiệp nhẹ, tiểu thủ công nghiệp và sản xuất hàng tiêu dùng, xuất khẩu chưa coi trọng đúng mức. Công tác quản lý kinh tế chưa có kinh nghiệm và còn nhiều lúng túng, sơ hở, năng suất lao động và hiệu quả kinh tế đạt thấp. Việc cải tiến công tác kế hoạch hóa làm chậm, chưa bám sát nghị quyết và chỉ thị của Đảng, việc vận dụng các chính sách mới chuyển biến chậm. Đời sống người lao động ăn lương còn khó khăn. Các hiện tượng tiêu cực trong kinh tế và xã hội chậm được khắc phục.

Trong điều kiện khó khăn, từ kết quả làm thử khoán sản phẩm ở một số địa phương và để khắc phục nhược điểm trong cải tạo nông nghiệp, tiếp tục tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp, ngày 13-1-1981 Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 100-CT/TW về *cải tiến công tác khoán, mở rộng "khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động" trong hợp tác xã nông nghiệp* (gọi tắt là khoán 100). Mục đích của khoán sản phẩm là bảo đảm phát triển sản xuất và nâng cao hiệu quả kinh tế trên cơ sở lôi cuốn được mọi người hăng hái lao động, kích thích tăng năng suất lao động, sử dụng tốt đất đai và các cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, tiết kiệm chi phí sản xuất, củng cố và tăng cường quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn; không ngừng nâng cao thu nhập và đời sống của xã viên, tăng tích lũy của hợp tác xã, làm tròn nghĩa vụ và không ngừng tăng khối lượng nông sản cung ứng cho Nhà nước. Nhằm mục đích này, các hợp tác xã phải bảo đảm các nguyên tắc quản lý chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả tư liệu sản xuất; tổ chức tốt việc quản lý và điều hành lao động; phải nắm được sản phẩm và phát huy quyền tự chủ của hợp tác xã và quyền làm chủ tập thể của xã viên. Phương hướng chủ yếu để cải tiến công tác khoán là khuyến khích mạnh mẽ lợi ích chính đáng của người lao động, làm cho mọi người thực sự gắn bó với sản

phẩm cuối cùng. Phương pháp khoán là hoàn chỉnh chế độ "ba khoán"¹, chế độ thưởng phạt công minh, xác định mức khoán hợp lý và ngăn ngừa tình trạng "khoán trắng".

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương (khóa IV) *về những nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch những năm sắp tới và kế hoạch năm 1981*, Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 5 *về phương hướng nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch 5 năm (1981-1985)*, ngày 20-2-1981, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 24-NQ/TU *về phương hướng, nhiệm vụ kinh tế và xã hội năm 1981*, nêu rõ 10 nhiệm vụ trong năm là:

1. Tập trung cao cho nông nghiệp, cả trồng trọt và chăn nuôi, đặc biệt là lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp, cây xuất khẩu;
2. Đẩy mạnh xuất khẩu bao gồm xuất khẩu qua ngành dọc, xuất khẩu tiểu ngạch và tại chỗ, coi công tác xuất khẩu là chìa khóa để giải quyết khó khăn về vật tư, nhiên liệu;
3. Đẩy mạnh sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nhất là sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, bằng nguyên liệu địa phương;
4. Hướng công tác vận tải phục vụ tốt hơn cho sản xuất, xây dựng, thu mua, cung ứng vật tư kỹ thuật và đời sống nhân dân; chú ý các tuyến miền núi;
5. Trong xây dựng cơ bản, chú trọng đầu tư theo chiều sâu, đồng bộ, dứt điểm, trước tiên là các công trình trọng điểm đang làm dở;
6. Tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết 26 của Bộ Chính trị, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, đồng bộ trên mặt trận phân phối lưu thông;
7. Tập trung sức củng cố hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp, mở rộng hình thức khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động theo Chỉ thị 100 CT/TW của Ban Bí thư;
8. Quản lý tốt lao động xã hội chủ nghĩa, tiếp tục thực hiện phân bổ lao động, từng bước bố trí lao động phù hợp với đất đai, ngành nghề của từng vùng nhằm tăng thêm của cải cho xã hội;
9. Bảo đảm nhu cầu quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự xã hội;

¹ . "Ba khoán": Khoán chi phí sản xuất, khoán công điểm và khoán sản phẩm.

10. Đẩy mạnh hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao.

Triển khai Chỉ thị 100-CT/TW của Ban Bí thư, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 19-CT/TU về *khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp*. Từ năm 1981, cấp ủy và chính quyền các cấp chỉ đạo tích cực chủ trương khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động đối với toàn bộ diện tích màu, đồng thời chỉ đạo mỗi huyện làm thử một hợp tác xã khoán sản phẩm trên toàn bộ diện tích lúa.

Khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động tạo động lực thúc đẩy phong trào thâm canh, tăng năng suất cây trồng, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật. Nhiều hợp tác xã như Ninh Quang (Ninh Hòa), Diên An (Diên Khánh) đạt năng suất lúa từ 8 đến 11 tấn trên một hécta hai vụ lúa/năm. Xuất hiện một số hợp tác xã kết hợp được nông - công nghiệp, vận dụng có kết quả nhiều chính sách, có tác dụng thiết thực thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển, xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa. Các vùng chuyên canh sắn, dừa, thuốc lá, bông... dần dần được xác định. Phương thức mở rộng diện tích theo hướng xây dựng "cơ sở 2" đạt hiệu quả kinh tế, được nhiều hợp tác xã hưởng ứng. Thực hiện phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", trong một thời gian ngắn, tỉnh đã hoàn thành một số công trình thủy lợi (trong đó có đập Cam Ranh thượng), bảo đảm nước tưới chắc chắn cho hàng trăm hécta lúa và xây dựng mới hai trạm thủy điện nhỏ.

Đi đôi với công tác khoán, việc kiểm tra được thực hiện ở 20 hợp tác xã (trong đó có cả hợp tác xã khá), phát hiện nhiều biểu hiện tiêu cực như quản lý tư liệu sản xuất (ruộng đất, trâu bò...) lỏng lẻo, các nguyên tắc, chế độ và kế toán tài vụ bị vi phạm nghiêm trọng. Chỉ riêng năm 1981, kết quả của công tác kiểm tra toàn tỉnh thu hồi trên 500 ha ruộng đất bị lấn chiếm, hàng chục ngàn đồng, hàng trăm tấn thóc và hàng chục tấn vật tư khác. Đến cuối năm 1981, sau khi củng cố, toàn tỉnh còn 241 hợp tác xã và 254 tập đoàn sản xuất nông nghiệp; trong đó có 120 tập đoàn sản xuất tương đối khá. Việc củng cố hợp tác xã và tập đoàn sản xuất gắn liền với khoán sản phẩm thúc đẩy sản xuất phát triển, dần dần tháo gỡ những khó khăn lớn

trong nông nghiệp. Lợi ích của Nhà nước, hợp tác xã và xã viên đều tăng, nhất là lợi ích của người lao động. Đời sống nhân dân có bước cải thiện.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II về phương hướng phát triển ngành thủy sản, ngày 13-1-1981 Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 18 về *cải tạo và tổ chức lại sản xuất ngành thủy sản*. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, từ năm 1980 trở đi ngành thủy sản hạn chế được sự giảm sút nhanh về năng lực tàu thuyền và sản lượng cá, tự cân đối được một phần vật tư, nâng dần trở lại sản lượng đánh bắt và chế biến, tăng thêm lao động, phát triển thêm nghề nuôi trồng thủy sản ở các đầm Nha Phu, Thủy Triều, Ô Loan. Thu mua mỗi năm một nhiều hơn, năm cao nhất một vạn tấn. Hải sản xuất khẩu chiếm hơn 40% kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh. Sản xuất và tiêu thụ muối dần dần ổn định và trên đà mở rộng.

Các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng cơ bản, giao thông vận tải, mặc dù có nhiều cố gắng trong việc sắp xếp tổ chức sản xuất, khắc phục khó khăn về nguyên, nhiên, vật liệu, nhưng kết quả sản xuất đạt thấp so với kế hoạch; đời sống người lao động làm việc trong các ngành kinh tế quốc dân rất khó khăn, một bộ phận lao động trong biên chế đã xin thôi việc.

Để khắc phục tình trạng trì trệ trong sản xuất công nghiệp và với tinh thần làm cho sản xuất “bung ra”, ngày 21-1-1981 Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định 25-CP về *“một số chủ trương và biện pháp nhằm phát huy quyền chủ động sản xuất kinh doanh và quyền tự chủ về tài chính của các xí nghiệp quốc doanh”* và Quyết định 26-CP về *“mở rộng hình thức trả lương khoán, lương sản phẩm và vận dụng hình thức tiền thưởng trong các đơn vị kinh doanh của Nhà nước”*. Quán triệt và vận dụng Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương (khóa IV) và các Quyết định 25-CP, 26-CP của Chính phủ, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của tỉnh bắt đầu có chuyển biến, nhịp độ phát triển khá hơn, sản xuất thêm một số sản phẩm mới, hình thành bước đầu các ngành quan trọng như đường, giấy, vật liệu xây dựng, dệt... khôi phục và phát triển một số ngành nghề ở các hợp tác xã nông nghiệp. Tạo tiền đề để xây dựng cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp trên địa bàn huyện.

Tuy giá trị sản lượng công nghiệp còn thấp, nhưng với mạng lưới cơ khí tinh, huyện được xây dựng, mở ra khả năng từng huyện hình thành một số cụm kinh tế - kỹ thuật ở xã, hợp tác xã phục vụ cho việc phát triển sản xuất nông nghiệp.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Khánh lần thứ III (vòng 1)

Trước yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (1981-1985) và những năm 80, sau Đại hội Đảng bộ cơ sở, từ ngày 8 đến 16-1-1982 diễn ra Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Khánh lần thứ III (vòng 1). Đại hội thảo luận đóng góp ý kiến vào các văn kiện của Trung ương trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng, bầu đại biểu đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V. Thông qua việc thảo luận, đóng góp ý kiến vào các văn kiện của Trung ương, các đại biểu vừa nâng cao nhận thức về quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, vừa tạo được sự nhất trí cao giữa Trung ương với địa phương trong quá trình triển khai nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Từ ngày 27 đến 31-3-1982, tại Hà Nội, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng họp và quyết định hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Về kinh tế, Đại hội chủ trương: *“Trong 5 năm 1981-1985 và những năm 80: Tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng; kết hợp nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong một cơ cấu công - nông nghiệp hợp lý”*¹. Đó là nội dung chính của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường trước mắt. Đại hội đề ra giải pháp quan trọng: *“Thích ứng với nền kinh tế ấy, phải có một cơ chế quản lý năng động, có khả năng xóa bỏ tập trung quan liêu, bảo thủ trì trệ và bao cấp tràn lan, thực hiện*

*đúng nguyên tắc tập trung dân chủ”*².

¹ . Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1982, tr.26.

² . Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1982, tr.72.

Đến cuối năm 1982, trước Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III (vòng 2), chủ trương khoán sản phẩm được thực hiện rộng khắp gắn với áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, phong trào cấy lúa đưa năng suất và sản lượng lương thực lên cao. Mặc dù thời tiết không thuận và ảnh hưởng do hậu quả lũ lụt cuối năm 1981, nhưng tổng sản lượng lương thực qui thóc cả năm 1982 vẫn đạt 31,3 vạn tấn, vượt kế hoạch 6.000 tấn. Chăn nuôi được phục hồi và phát triển khá. Cây công nghiệp bước đầu có chuyển biến tốt, diện tích trồng mới 40 ha dừa, 460 ha đào lộn hột... Tuy nhiên, cơ cấu màu lương thực giảm so với năm 1981; kinh tế vườn phát triển chậm và chưa được qui hoạch; mở rộng diện tích theo phương thức “cơ sở 2” của hợp tác xã đạt kết quả thấp. Bên cạnh đó, việc chỉ đạo khoán chưa chặt chẽ, vài nơi xảy ra tình trạng khoán trắng (trong đó, huyện Cam Ranh có 19 hợp tác xã), một số nơi định mức khoán quá cao hoặc quá thấp như Ninh Hòa, Vạn Ninh.

Ngày 6-11-1982, Hội đồng Bộ trưởng ra Quyết định số 184 về phát triển nghề rừng và đẩy mạnh việc giao đất, giao rừng cho hợp tác xã. Từ năm 1982, lâm nghiệp bắt đầu thực hiện cơ chế quản lý mới, bước đầu giao đất, giao rừng cho hợp tác xã sản xuất kinh doanh, lấy rừng nuôi rừng. Việc tổ chức lại lực lượng khai thác, vận dụng khoán sản phẩm có kết quả, xác định cây trồng thích hợp từng vùng, xuất hiện một số điển hình về trồng cây ở đồi thấp và bãi cát ven biển. Chỉ riêng năm 1982, rừng trồng tập trung đạt 287 ha, vượt 43%; khai thác 2,2 vạn mét khối gỗ, vượt 47% kế hoạch năm.

Ngành hải sản có tiến bộ trong đánh bắt đạt 3,3 vạn tấn, vượt 600 tấn; thu mua 10,3 ngàn tấn, vượt 3%; sản xuất 43,5 ngàn tấn muối, vượt 20%; thu mua 38,5 ngàn tấn muối, vượt 24% kế hoạch. Song, việc cải tạo nậu vựa, nuôi trồng thủy sản chưa chuyển biến tích cực.

Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phát triển một bước. Mặc dù gặp nhiều khó khăn về vật tư, nguyên liệu do Nhà nước cung ứng chỉ đảm bảo 30%-40% yêu cầu sản xuất, cung ứng điện hạn chế và không ổn định... nhưng sau khi thực hiện các Quyết định 25, 26 và 64 của Chính phủ về trả lương sản phẩm, lương khoán,

tiền thưởng và mở rộng quyền chủ động sản xuất kinh doanh cho các xí nghiệp quốc doanh, tình hình sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của tỉnh có chuyển biến tốt. Đặc biệt, từ năm 1980, Tỉnh ủy chỉ đạo tích cực triển khai thực hiện Chỉ thị 81-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về *đấu tranh khắc phục các hiện tượng tiêu cực trong quản lý kinh tế và xã hội*, nhờ vậy các xí nghiệp đẩy mạnh sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Năm 1982, giá trị sản lượng công nghiệp (tính theo giá cố định) đạt 146,4 triệu đồng, bằng 109% kế hoạch, tăng 45% so với năm 1981; 7 trong 10 huyện, thành phố, thị xã, 23/50 xí nghiệp quốc doanh hoàn thành và vượt kế hoạch năm. Tiểu, thủ công nghiệp các huyện phía Nam phát triển khá hơn các huyện phía Bắc. Ngành tiểu, thủ công nghiệp bước đầu chú ý khai thác nguyên liệu địa phương, và với cơ sở vật chất hiện có, tranh thủ giúp đỡ của các tỉnh bạn đã sản xuất thêm một số mặt hàng mới, có sản lượng khá là đường ly tâm, đường kết tinh, cốm, rượu, giấy, mắm cô, thủy tinh, sành sứ... Hợp tác xã Diên An (Diên Khánh) kết hợp khá tốt công nghiệp với nông nghiệp và với các cơ sở được xây dựng: cơ khí, đường ly tâm, cốm, chế biến thức ăn gia súc phục vụ tốt cho phát triển nông nghiệp của hợp tác xã. Phong trào làm thủy điện nhỏ, điện sử dụng sức gió... tạo thêm điện năng bước đầu đem lại hiệu quả thiết thực ở một vài huyện và được mở rộng ở các huyện khác trong tỉnh. Nhưng sự tiến bộ không đều, năng suất của các cơ sở quốc doanh thấp, có xí nghiệp chỉ hoạt động từ 1/3 đến 1/2 công suất máy móc, mạng lưới cơ khí từ tỉnh đến huyện còn lúng túng trong phương hướng phát triển sản xuất, điện đi-ê-zen ở các huyện phía Bắc ngày càng khó khăn.

Tổng mức vốn đầu tư xây dựng cơ bản đạt 33 triệu đồng, bằng 103,7% kế hoạch của tỉnh, 180% kế hoạch Trung ương giao. 9/12 công trình trọng điểm, 50/94 công trình khác được hoàn thành dứt điểm, tăng giá trị tài sản cố định lên 42,3 triệu đồng. Huy động hàng chục triệu đồng vốn của nhân dân đưa vào xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện nhỏ, giao thông, trường học...

Ngành giao thông vận tải sửa chữa, nâng cấp và làm mới trên 700 km đường ô tô, 1.000m cầu kiên cố, mở rộng hệ thống giao thông ở nông thôn và miền núi, phát triển phương tiện vận tải thô sơ và bước đầu phát triển vận tải thủy ở Cam Ranh...

đáp ứng được phần lớn yêu cầu phát triển kinh tế, văn hóa và sự đi lại của nhân dân.

Mạng lưới bưu điện ngày càng được củng cố và mở rộng. Hệ thống điện thoại được nối liền với các huyện, thị xã và hơn 1/2 số xã, phường trong tỉnh, bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt từ tỉnh đến cơ sở.

Ngày 19-5-1981, Bộ Chính trị ra Chỉ thị số 109-CT/TW về tiếp tục thi hành Nghị quyết 26-NQ/TW về cải tiến công tác phân phối lưu thông. Cùng với các biện pháp đẩy mạnh sản xuất, nắm nguồn hàng mở rộng kinh doanh thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, tăng cường quản lý thị trường, phụ cấp lương cho công nhân... Bộ Chính trị quyết định điều chỉnh hệ thống giá nhằm đảm bảo hạch toán kinh tế.

Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, phân phối lưu thông của tỉnh bước đầu cải tạo và sắp xếp thương nghiệp tư doanh, mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa xây dựng được 17 công ty, 336 cửa hàng và điểm bán hàng, 149 hợp tác xã mua bán. Việc nắm hàng vào tay Nhà nước khá hơn, nhất là các mặt hàng chủ yếu như lương thực, thịt, cá và kết hợp mở rộng kinh doanh bán lẻ, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa góp phần làm tăng thu ngân sách, giữ được giá cả thị trường không để biến động quá mức. Giá trị xuất khẩu mỗi năm một tăng, năm 1982 tăng gấp 6 lần so với năm 1980 và qua xuất khẩu của địa phương đã nhập được một số vật tư, hàng hóa cần thiết phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân.

Cùng với việc phát triển sản xuất, cơ sở vật chất, kỹ thuật của các huyện, thị, thành phố Nha Trang, Ninh Hòa, Diên Khánh, Cam Ranh từng bước được mở rộng, năng lực sản xuất ngày càng phát triển, các cơ sở văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, nghiên cứu khoa học được tăng cường.

Kết quả sản xuất làm cho đời sống nhân dân tương đối ổn định. Các vùng bị chiến tranh tàn phá, miền biển, miền núi và một số vùng ở nông thôn đồng bằng nhiều mặt được cải thiện hơn trước, nhất là về ăn và ở. Hàng chục vạn người ở thành thị được sắp xếp việc làm ổn định. Đời sống của đồng bào các dân tộc ở miền núi được cải thiện hơn trước. Việc đi lại, học hành, hoạt động văn hóa, văn nghệ, vui chơi giải trí được mở rộng. Chăm sóc bà mẹ và trẻ em ngày càng tốt hơn. Đối

với công nhân viên chức đời sống còn nhiều khó khăn, chỉ hưởng lương và được phân phối 9 mặt hàng theo định lượng.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Khánh lần thứ III (vòng 2)

Từ ngày 31-1 đến 3-2-1983, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Khánh lần thứ III (vòng 2) được tổ chức tại thành phố Nha Trang. Dự Đại hội có 350 đại biểu thay mặt hơn 12.000 đảng viên trong toàn tỉnh về dự. Đại hội kiểm điểm đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II, nhất là việc thực hiện khoán sản phẩm trong nông nghiệp. Quán triệt và cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, Đại hội xác định phương hướng, nhiệm vụ chung trong thời gian tiếp theo là: *Trên cơ sở quán triệt và phổ biến sâu rộng Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng và Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần này, tạo ra một sự nhất trí cao về chính trị, tư tưởng trong toàn Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh, phát động mạnh mẽ phong trào cách mạng của quần chúng, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tăng cường hiệu lực bộ máy Nhà nước và nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng ở các cấp, đẩy mạnh đồng thời 3 cuộc cách mạng, kết hợp chặt chẽ cải tạo với xây dựng, xây dựng với cải tạo để hoàn thành tốt cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và lực lượng sản xuất mới ngày càng lớn mạnh, ra sức xây dựng huyện, tăng cường xây dựng thành phố, thị xã, vùng ven biển và miền núi bảo đảm thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược, 4 mục tiêu kinh tế - xã hội và hoàn thành tốt nghĩa vụ quốc tế.*

Đại hội đề ra mục tiêu phấn đấu đến năm 1985 là:

1. Về sản xuất và xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, đạt sản lượng lương thực quy thóc 40 vạn tấn, tăng giá trị sản lượng công nghiệp bình quân hàng năm 20%. Xây dựng Nha Trang thành một trung tâm du lịch. Đưa giá trị xuất khẩu lên 15 triệu rúp đô la, phấn đấu thu ngân sách của tỉnh từ 1,3 đến 1,5 tỷ đồng, thực hiện tiết kiệm 10% trong sản xuất và xây dựng cơ bản.

2. Về cải tạo xã hội chủ nghĩa, tiếp tục củng cố các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật, hình thành từng bước cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp.

3. Giải quyết vững chắc vấn đề lương thực và thực phẩm, bảo đảm lương thực đủ ăn, có dự trữ, bình quân đầu người 20 kg cá, 7,5 lít nước mắm, 10 kg đường trong một năm.

4. Về an ninh quốc phòng, tăng cường xây dựng nền quốc phòng toàn dân, phòng tuyến an ninh nhân dân, xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

5. Xây dựng Đảng bộ vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa III) gồm 41 ủy viên chính thức và 3 ủy viên dự khuyết. Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 13 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Xuân Hữu - Ủy viên Trung ương Đảng được bầu lại làm Bí thư Tỉnh ủy; các đồng chí Nguyễn Phụng Minh, Hồ Ngọc Nhường làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Phú Khánh lần thứ III về phát triển nông nghiệp và mục tiêu phấn đấu đến năm 1985 là *“Tập trung sức phát triển nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, bảo đảm đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, kết hợp chặt chẽ nông nghiệp với công nghiệp, sớm hình thành cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp”*, Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo mùa vụ, coi trọng thâm canh, xác định những vùng lúa năng suất cao của tỉnh như Diên Khánh, Ninh Hòa, thành phố Nha Trang; xác định rõ vị trí màu trong cơ cấu lương thực, thực hiện khoán mới, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, mở rộng diện tích giống lúa mới, tăng cường công tác bảo vệ thực vật... đề ra các chủ trương chỉ đạo sát hợp với tình hình sản xuất từng vùng. Nhờ có những biện pháp giải quyết phù hợp nên diện tích, năng suất, sản lượng lương thực hàng năm đều tăng. Năm 1984, trên địa bàn Khánh Hòa (Nha Trang, Vạn Ninh, Ninh Hòa, Diên Khánh, Cam Ranh) diện tích cây lương thực đạt 60.406 ha, sản lượng lương thực qui thóc đạt 167.808 tấn. Đến năm 1985, diện tích cây lương thực cả tỉnh Phú Khánh đạt 13,4 vạn héc-ta, riêng lúa đạt 9,56 vạn héc-ta. Toàn tỉnh có 37 hợp tác xã đạt 10 tấn trở lên; 7 hợp tác xã có diện tích 3 vụ lúa đạt năng suất từ 14,3 đến 17,9 tấn/ha. Sản lượng lương thực qui thóc đạt 47 vạn tấn. Khai hoang và đưa vào sản xuất 6.298 ha đạt 63% kế hoạch. Phân bố lao động cho kinh tế mới 1.525 người, đạt 38,1% kế hoạch.

Vừa tập trung sản xuất, giải quyết nhiệm vụ trọng tâm là lương thực và thực phẩm, Tỉnh ủy cũng coi trọng chỉ đạo công tác đổi mới cơ cấu cây trồng, từng bước hình thành và phát triển các vùng chuyên canh lúa cao sản, sắn (Cam Ranh, Diên Khánh), mía (Đồng Bò), dừa (Vạn Ninh, Ninh Hòa, Nha Trang, Cam Ranh), cà phê... nhằm phá vỡ thế độc canh, đi vào làm ăn có kế hoạch hơn.

Phong trào chăn nuôi với hai hình thức tập thể và gia đình, kể cả gia đình nông dân và gia đình công nhân, viên chức đều phát triển. Năm 1985, toàn tỉnh có đàn trâu đạt 1,78 vạn con (vượt 5% kế hoạch), so với năm 1983 tăng 3.100 con; đàn bò 18,57 vạn con (vượt kế hoạch 3,7%), tăng 5 vạn con so với 1983, đàn lợn 23,8 vạn con, tăng 1,9 vạn con so với năm 1984 và 5,7 vạn con so với 1983; cùng với chăn nuôi trâu, bò, lợn, một số nơi còn phát triển chăn nuôi ngựa, dê; chăn nuôi gà, vịt được giữ vững.

Ngày 29-11-1984, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp và ra Nghị quyết số 16 về công tác lâm nghiệp, nêu rõ: cần nhanh chóng tạo cho được chuyển biến mạnh mẽ trong toàn Đảng bộ và toàn dân trong tỉnh có nhận thức đúng về rừng và kinh tế rừng của tỉnh, chấm dứt ngay nạn đốt, phá rừng, tích cực xây dựng vốn rừng, tổ chức và quản lý tốt khai thác rừng, chế biến tốt lâm sản. Ngày 29-1-1985, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị giao đất, giao rừng đến hộ nông dân, gắn quyền hạn, trách nhiệm và lợi ích vật chất để khuyến khích nông dân tích cực lao động sản xuất. Cùng ngày, Ban Bí thư ra Chỉ thị về củng cố và tăng cường quan hệ sản xuất ở nông thôn miền núi, nhằm đẩy mạnh 3 cuộc cách mạng, nâng cao đời sống của nhân dân vùng cao. Thực hiện chủ trương phát triển mạnh lâm nghiệp, đến cuối năm 1985 toàn tỉnh trồng mới 9.800 ha rừng, 18 triệu cây phân tán, tỷ lệ cây sống cao hơn năm trước, khai thác bình quân hàng năm 2 vạn mét khối gỗ, giao 4,3 vạn hecta rừng, đất rừng cho hợp tác xã sản xuất, kinh doanh. Riêng Ninh Hòa đã gieo 7 tấn hạt táo nhân (keo đậu) để phủ xanh đồi trọc.

Về thủy sản, bình quân đánh bắt hàng năm trên 3 vạn tấn, thu mua 1,1 vạn tấn, xuất khẩu tăng khá. 5 năm (1981-1985) mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản lên 1.600 ha mặt nước, có bước phát triển mới về nuôi tôm, trồng rau câu và chế biến Aga xuất khẩu. Đặc biệt năm 1984, lần đầu tiên ở nước ta, các nhà khoa học trong

tỉnh đã cho sinh sản nhân tạo thành công con tôm sú, tạo tiền đề để phát triển nghề nuôi tôm sú trong tỉnh và cả nước. Sản xuất muối hàng năm tăng cả về diện tích, năng suất, tổng sản lượng và lượng muối xuất khẩu.

Quán triệt và vận dụng Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương (khóa IV) và Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương (khóa V), sản xuất công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp có chuyển biến tích cực. Sự kết hợp giữa nông nghiệp và công nghiệp trong tỉnh và từng huyện ngày càng gắn bó. Các ngành công nghiệp lấy nông nghiệp làm mục tiêu phục vụ. Ngành cơ khí tuy chưa trang bị được máy móc chế biến nông sản, thực phẩm, nhưng đã cố gắng sửa chữa máy móc nông nghiệp, trang bị tương đối đầy đủ công cụ cầm tay. Công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp nhẹ, công nghiệp thực phẩm bước đầu hướng vào khai thác thế mạnh của địa phương.

Tổng giá trị sản lượng công nghiệp tăng bình quân hàng năm 22,1%, sản lượng vải, xi măng, đường, giấy, xà phòng... tăng khá. Đến cuối năm 1985, giá trị sản lượng công nghiệp (giá cố định năm 1982) đạt 2,29 tỷ đồng, vượt 2,81% kế hoạch. Trong đó công nghiệp địa phương đạt 1,76 tỷ đồng, vượt 3,56% kế hoạch. Riêng quốc doanh đạt 947,2 triệu đồng; tiểu, thủ công nghiệp 1,34 tỷ đồng; các ngành điện năng, nhiên liệu, dệt, sành sứ, thủy tinh, gạch, ngói, xà phòng, nhựa đều vượt kế hoạch. Ngành nghề và cơ sở sản xuất tiểu, thủ công nghiệp được mở rộng, có thêm mặt hàng mới cho tiêu dùng và xuất khẩu. Giá trị sản lượng công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp chiếm 40% giá trị sản lượng nông - công nghiệp. Cơ sở thủy điện nhỏ được chú ý xây dựng ở một số nơi, tăng cường nhiệt điện cho thị xã, thị trấn. Bước đầu sắp xếp và phát huy các xí nghiệp cơ khí (Đại tu ô tô, Cơ khí Phú Khánh).

Giao thông vận tải có tiến bộ trong đóng mới và sửa chữa phương tiện, kết hợp sử dụng cơ giới với các phương tiện vận tải thô sơ. Khối lượng vận chuyển hàng hóa và hành khách bình quân hàng năm 18%, xây dựng cầu đường tăng 20%, xây dựng mới và nâng cấp 1.163 km đường ô tô, sắm mới gần 5.000 tấn phương tiện vận tải thủy. Riêng năm 1985, vận chuyển trên 1,38 triệu tấn hàng; 9,05 triệu lượt

hành khách, vượt 18,2% kế hoạch; vận chuyển thủy 10,4 vạn tấn hàng, vượt 52% kế hoạch.

Ngành bưu điện có cố gắng bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt, mở thêm mạng lưới, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật.

Vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách địa phương được tăng dần, chủ động và tập trung hơn cho các công trình trọng điểm. Tổng số vốn đầu tư trong 5 năm (1981 -1985) dành cho nông nghiệp 27,4%, công nghiệp 22,4%, giao thông xây dựng 12,2% và văn hóa xã hội 15%. Thực hiện phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm” đã có thêm một số công trình thủy lợi vừa và nhỏ, thủy điện nhỏ, xưởng chế biến, công trình phúc lợi công cộng... Nhiều công trình hoàn thành đưa vào sản xuất và phục vụ đời sống như xí nghiệp được phẩm Nha Trang, Dệt Nha Trang, Hồ Đá Bàn, Hồ Am Chúa, Hồ Suối Hành, mở rộng nhà máy xi măng Hòn Khói....

Thực hiện mục tiêu ổn định tình hình kinh tế - xã hội, Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương (khóa V) họp từ ngày 10 đến 17-6-1985 bàn về giá - lương - tiền. Hội nghị chủ trương dứt khoát xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, thực hiện đúng chế độ tập trung dân chủ, hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Triển khai Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương (khóa V) và Nghị quyết 28 của Bộ Chính trị, Tỉnh ủy chỉ đạo tiến hành vận dụng bước 1: bù giá vào lương và thí điểm đưa lương vào giá thành, phí lưu thông; bước 2: thực hiện các chính sách giá - lương - tiền mới gắn với chuyển hẳn sang cơ chế quản lý mới. Việc thực hiện giá - lương - tiền của tỉnh được gắn liền với công tác cải tạo thương nghiệp và quản lý thị trường, tổ chức sắp xếp các chợ, mở rộng mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, đấu tranh chống đầu cơ buôn lậu, giữ vững giá cả chống hành động phá hoại của địch. Chỉ đạo làm thử tính giá thành ở 3 xí nghiệp. Sắp xếp một bước tổ chức nhằm giảm cấp trung gian, giảm biên chế ở cơ sở, ngành 1.500 người. Hệ thống thương nghiệp được chấn chỉnh, mạng lưới mở rộng hơn. Công tác thu đổi tiền được hoàn thành nhanh gọn, bảo đảm yêu cầu bí mật, an toàn, nắm được lượng tiền mặt phân bổ trong các tầng lớp dân cư. Đến cuối năm 1985,

về cơ bản xếp xong hệ thống lương mới cho cán bộ, công nhân viên chức, hưu trí và thương binh; thực hiện mặt bằng giá mới đối với các sản phẩm.

Trên mặt trận phân phối lưu thông của tỉnh đạt được những kết quả đáng kể. Huy động lương thực đạt 12 vạn tấn (qui thóc) vượt 21% kế hoạch. Đóng góp cho Nhà nước 3,5 vạn tấn (qui thóc), vượt 16,7% kế hoạch trung ương giao. Bán ra 6,45 vạn tấn (qui gạo) vượt 24% kế hoạch.

Thương nghiệp mua vào 557 triệu đồng vượt 47,3% kế hoạch. Trong đó mua địa phương 318,8 triệu đồng. Bán ra 635,8 triệu đồng vượt 24,4% kế hoạch.

Giá trị hàng xuất khẩu 15 triệu Rúp (kế hoạch tính đề ra 25 triệu Rúp)¹. Tỉnh Phú Khánh cùng với các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên (trừ Quảng Nam- Đà Nẵng) tổ chức công ty liên doanh xuất nhập khẩu khu vực.

Toàn tỉnh có 250 cửa hàng quốc doanh, 1.100 điểm bán hàng của hợp tác xã mua bán, 80% chợ nông thôn (124/154) có cửa hàng, quầy hàng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa. 3.965 hộ tư thương được sắp xếp thành lô sạp, 220 điểm bán lương thực. Kinh tế quốc doanh và hợp tác xã làm chủ thị trường 64% (đạt 80% kế hoạch).

Năm 1985, thu ngân sách đạt 288,5 triệu đồng, vượt 11,5% kế hoạch trong đó ngân sách địa phương 155,8 triệu đồng; chi 11 tháng 227,6 triệu đồng, đạt 86,87% kế hoạch. Huy động tiền gửi tiết kiệm 14,37 triệu đồng. Mua công trái (đến 20-10-1985) đạt 1.917.090 đồng và 408 tấn thóc (chỉ tiêu 11 triệu đồng và 2.012 tấn lương thực). Vận động tiết kiệm giúp đồng bào Bình Trị Thiên và các tỉnh bị bão lụt trên 400 tấn lúa giống, 100 tấn gạo...

Cùng với đẩy mạnh phát triển sản xuất, công tác củng cố quan hệ sản xuất được chú trọng. Đối với nông nghiệp tiếp tục củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất đi đôi với thực hiện chính sách khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động, các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất có bước phát triển mới. Nhiều hợp tác xã làm ăn giỏi và khá, cơ sở vật chất kỹ thuật tăng như Vạn Ninh, Diên Khánh, Ninh Hòa, Nha Trang.

¹ . Rúp-đôla.

Về hải sản, đến năm 1986 có 64% lao động với 60% công suất tàu, thuyền đi vào làm ăn tập thể; song còn tồn tại một số vấn đề về quy mô, hình thức, bước đi, chính sách tiếp tục phải giải quyết. Lâm nghiệp chưa tổ chức lại khâu khai thác và chế biến gỗ, việc quản lý còn phân tán. Đối với công thương nghiệp, chưa quan tâm đầy đủ việc xây dựng và củng cố thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa. Thiếu chính sách, kế hoạch cụ thể sắp xếp tiểu thương, giải quyết việc làm cho số dư thừa, nên số người buôn bán càng phát triển, thị trường tự do mở rộng, làm suy yếu thị trường xã hội chủ nghĩa, ảnh hưởng không tốt đến sản xuất và đời sống của nhân dân lao động.

Lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế tiếp tục phát triển. Cùng với việc xây dựng nền kinh tế mới xã hội chủ nghĩa, việc xây dựng nền văn hóa mới và con người mới cũng được chú trọng. Dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, chính quyền, và các tổ chức đoàn thể, các huyện, thị, thành phố trên địa bàn Khánh Hòa đã vận động nhân dân xóa bỏ các tệ nạn xã hội do chế độ cũ để lại, từng bước phát triển văn hóa, văn nghệ xã hội chủ nghĩa, làm thay đổi dần nếp nghĩ và tập quán cũ của mọi người. Toàn tỉnh có 12/15 huyện, thị xã, thành phố thực hiện chỉ tiêu xây dựng đời sống văn hóa cơ sở; 10/15 huyện, thị, thành phố có đài truyền thanh. Hoạt động phát thanh, truyền thanh, truyền hình, báo chí, phim ảnh, triển lãm... có bước tiến bộ trong việc tuyên truyền phổ biến đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, những nhân tố mới và điển hình tiên tiến, những kiến thức văn hóa và khoa học kỹ thuật cho nhân dân. Ở một số huyện bước đầu hình thành điểm văn hóa, cụm văn hóa huyện, có nhà văn hóa, rạp chiếu bóng, sân vận động...

Công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng và công tác in ấn, xuất bản góp phần giáo dục truyền thống cách mạng, giáo dục tư tưởng tình cảm, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa cho quần chúng lao động. Văn nghệ có bước phát triển mới, nhất là ở cơ sở. Các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp có tiến bộ, nhưng kịch bản còn nghèo, tính tư tưởng và nghệ thuật chưa cao. Hoạt động thể dục thể thao có phát triển và tiến bộ. Công tác thương binh xã hội đã giải quyết chính sách cho hầu hết thương binh, gia đình liệt sĩ và người có

công trong hai cuộc kháng chiến. Quan tâm chăm lo đối với những người hưu trí và thực hiện chính sách hậu phương quân đội.

Trên mặt trận giáo dục, hoàn thành xóa nạn mù chữ, xây dựng hệ thống giáo dục cách mạng, thống nhất chương trình giảng dạy chung của cả nước. Tất cả các xã trong tỉnh có trường phổ thông cơ sở, các huyện đều có trường phổ thông trung học. Đến năm 1985 bình quân 3,5 người dân có một người đi học. Năm học 1985-1986 so với năm 1984-1985, hệ giáo dục phổ thông tăng 27 trường, 1.125 lớp và 1.727 giáo viên, tổng số học sinh nhập học 40,59 vạn em (vượt 11,6% kế hoạch), tăng 3,7 vạn học sinh. Trên địa bàn Khánh Hòa (Nha Trang, Vạn Ninh, Ninh Hòa, Diên Khánh, Cam Ranh), năm học 1984-1985 hệ phổ thông có 151 trường, 4.333 lớp gồm 5.179 giáo viên và 159.194 học sinh, trong đó có 2.205 học sinh dân tộc thiểu số.

Mạng lưới y tế được mở rộng và xây dựng đến cơ sở, so với lúc mới giải phóng, số giường bệnh tăng 1,5 lần. Năm 1984, tỉnh Phú Khánh có 15 bệnh viện, 5 viện điều dưỡng, 186 trạm y tế, hộ sinh xã, với tổng số 4.065 giường bệnh; so với năm 1982 tăng 1 bệnh viện, 14 trạm y tế, hộ sinh xã và 412 giường bệnh. Đến năm 1985, số giường bệnh cả tỉnh đạt 4.360 giường, vượt 2,8% kế hoạch; số người áp dụng các biện pháp sinh đẻ có kế hoạch tăng 2,7% so với năm 1984. Trên địa bàn Khánh Hòa, riêng năm 1984 đã có 8 bệnh viện, 106 trạm y tế, hộ sinh và 2.198 giường bệnh. Phong trào vệ sinh phòng bệnh, xây dựng ba công trình, trồng và sử dụng thuốc nam ngày càng phát triển rộng rãi. Việc kết hợp đông và tây y trong khám và chữa bệnh, ngăn ngừa, khống chế các bệnh dịch đi dần vào nề nếp.

Đi đôi với nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa xã hội, công tác an ninh - quốc phòng được tăng cường. Đảng bộ tỉnh Phú Khánh đặt nhiệm vụ hàng đầu là bảo vệ thành quả cách mạng, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội đi đôi với việc khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục phát triển kinh tế, xây dựng và củng cố Đảng, chính quyền cách mạng.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, toàn dân, toàn quân tỉnh Phú Khánh với khí thế cách mạng sôi nổi, kiên quyết, kịp thời đấu tranh trấn áp bọn phản cách

mạng, tập trung cải tạo những đối tượng có tội ác, giáo dục và cảm hóa những người làm việc dưới chế độ cũ, tích cực truy quét bọn lưu manh côn đồ, giải quyết các tệ nạn xã hội; khẩn trương xây dựng hệ thống chính quyền cách mạng từ tỉnh đến xã, phường. Tăng cường giáo dục, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng cho toàn dân, phát huy quyền làm chủ tập thể của cán bộ và nhân dân tích cực bảo vệ an ninh, trật tự ở từng thôn xã, cơ quan, xí nghiệp, đơn vị; phát huy hiệu lực của các cơ quan chuyên chính, huy động các cấp, các ngành trong nhiệm vụ bảo vệ an ninh, củng cố quốc phòng và giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Thực hiện Nghị quyết số 31 của Bộ Chính trị *“về nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị và giữ gìn trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới”* và Chỉ thị số 92-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng *“về xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch, vững mạnh và đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc”*, Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 28 để thi hành Nghị quyết số 31 của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 209 thực hiện Chỉ thị số 92 của Ban Bí thư. Dưới sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng và chính quyền, các ngành, các cấp, nhất là lực lượng công an và quân sự đoàn kết hiệp đồng chặt chẽ, được quần chúng nhân dân tích cực tham gia đấu tranh chống hoạt động phá hoại, kiên quyết trấn áp mạnh mẽ bọn phản cách mạng và các bọn tội phạm khác, thu được nhiều kết quả, củng cố và giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, góp phần phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ tỉnh.

Nhiệm vụ bảo vệ an ninh, củng cố quốc phòng hàng đầu là tập trung đấu tranh chống hoạt động tình báo gián điệp, nội gián, chống phá hoại kinh tế, chiến tranh tâm lý của địch; củng cố các vùng xung yếu phòng chống bạo loạn, chống xâm nhập và chống trốn đi nước ngoài. Tổ chức thường xuyên truy quét các ổ nhóm phản động vũ trang lẩn trốn, các toán FULRO, kiên quyết trấn áp mạnh mẽ bọn phản cách mạng phá hoại, điều tra khám phá các tổ chức phản động. Tuy tình hình phức tạp, âm mưu hoạt động của địch ráo riết, quyết liệt, nhưng toàn tỉnh đã chủ động phòng ngừa, chủ động tấn công, tấn công liên tục không để xảy ra gây rối, gây bạo loạn, phá hoại lớn về kinh tế, quốc phòng, bảo vệ các ngày lễ, ngày tết, các cuộc mít tinh lớn, bảo vệ an toàn Đại hội

Đảng bộ các cấp và các đồng chí lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, các đoàn khách nước ngoài đến thăm.

Công tác đấu tranh chống hoạt động tình báo, gián điệp được các ngành chức năng xây dựng các biện pháp phòng ngừa, các phương án bảo vệ ở địa bàn Cam Ranh, Nha Trang, các mục tiêu kinh tế, quốc phòng trọng điểm. Việc quản lý nội bộ, tích cực phòng chống nội gián, thuần khiết nội bộ được thực hiện, điều chuyển hàng trăm đối tượng ra khỏi các bộ phận cơ mật, quan trọng; tiến hành kế hoạch làm trong sạch một số địa bàn trọng điểm ở Cam Ranh, Nha Trang, Vạn Ninh. Điều chuyển chỗ ở của các đối tượng nguy hiểm khỏi các khu vực trọng yếu. Nhiều địa phương có tuyến biển đã kết hợp công tác phát động quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc với xây dựng mạng lưới an ninh nhân dân, gắn liền với việc củng cố tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng ở cơ sở. Từng bước tiến hành xây dựng phòng tuyến an ninh nhân dân, bước đầu có tác dụng trong công tác đấu tranh chống hoạt động thu thập tình báo của địch, chống xâm nhập và chống trốn đi nước ngoài.

Trong tình hình mới, nhiều cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương kết hợp chặt chẽ giữa công tác phòng ngừa chống địch phá hoại kinh tế với công tác bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, chống tham ô trộm cắp. Các cơ quan, đơn vị, xí nghiệp chú trọng công tác giáo dục, phát động trong cán bộ công nhân viên chức phát huy quyền làm chủ tập thể, ý thức trách nhiệm, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, tích cực tham gia đấu tranh chống địch phá hoại kinh tế, chống tệ ăn cắp, tham ô, củng cố các ban bảo vệ, xây dựng nội quy, quy trình kỹ thuật trong sản xuất và bảo vệ sản xuất. Chỉ riêng năm 1985, toàn tỉnh phát hiện 67 vụ xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, gây thiệt hại 44,3 vạn đồng; điều tra, khám phá 34 vụ, bắt 56 đối tượng, thu hồi 16,7 vạn đồng.

Công tác chống địch phá hoại tư tưởng văn hóa được coi trọng. Thực hiện Nghị quyết số 36 của Ban Bí thư, các cấp ủy Đảng đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nâng cao tinh thần cảnh giác cho cán bộ, đoàn viên, công nhân viên và nhân dân; vận động quần chúng tích cực tham gia đấu tranh chống chiến tranh tâm lý của địch. Nhiều nơi có phong trào quần chúng khá, các luận điệu

chiến tranh tâm lý của địch đều được quần chúng phát hiện đấu tranh dập tắt. Các cơ quan chuyên môn phối hợp cùng các ngành tổ chức nhiều đợt truy quét văn hóa phẩm phản động, đồi trụy, bắt xử lý hàng trăm đối tượng.

Kịp thời đấu tranh ngăn chặn âm mưu hoạt động của các tổ chức vũ trang nhen nhóm phản động và tổ chức đưa người trốn đi nước ngoài. Toàn tỉnh điều tra, triệt phá 76 tổ chức phản động, bắt xử lý và giáo dục cải tạo trên hai nghìn đối tượng, không để xảy ra gây rối, gây bạo loạn. Các cấp, các ngành đẩy mạnh phát động quần chúng phối hợp cùng lực lượng công an, bộ đội, du kích, tích cực đấu tranh ngăn chặn người trốn đi nước ngoài; tăng cường các biện pháp quản lý hành chính, quản lý nội bộ, tuần tra kiểm soát tuyến ven biển, đảo, phát hiện bắt giữ hàng ngàn người trốn đi nước ngoài.

Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng nếp sống mới ở thành phố và nông thôn được phát động. Thực hiện Chỉ thị số 92 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc bước đầu phát huy tác dụng trong việc xây dựng đoàn kết thôn, xóm, khu phố, giúp đỡ nhau trong lao động sản xuất, thúc đẩy thực hiện nghĩa vụ công dân, tập trung giải quyết công ăn việc làm cho hàng vạn người, tăng cường các biện pháp đấu tranh trấn áp kiên quyết với bọn lưu manh côn đồ, bọn xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, tích cực giải quyết các tệ nạn xã hội, đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực, vi phạm pháp luật góp phần gìn giữ an ninh, trật tự ở xã, phường. Qua phân loại năm 1984 có 318/822 cơ quan, xí nghiệp và 166/198 xã, phường có phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc đạt loại khá.

Đi đôi với nhiệm vụ bảo vệ an ninh, chính trị, củng cố quốc phòng và giữ gìn trật tự an toàn xã hội, các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Nhà nước, hướng dẫn của Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng đều được quán triệt sâu rộng, kết hợp tốt cả hai mặt tổ chức xây dựng với bạo lực trấn áp trên cơ sở bảo đảm đúng đường lối, chính sách, luật pháp. Lực lượng công an, quân sự được tăng cường củng cố từ tỉnh đến xã, phường. Đến năm 1984, chỉ riêng lực lượng dân quân tự vệ toàn tỉnh đã chiếm 1,5 vạn người. Công tác tuyển quân hoàn thành tốt, năm 1984 vượt chỉ tiêu 8,47%, năm 1985 vượt 10,39% (5741/5450 người).

Tỉnh xây dựng được 1 tiểu đoàn (D97) đi làm nghĩa vụ quốc tế. Nhờ những cố gắng nỗ lực của Đảng bộ và toàn quân, toàn dân trong tỉnh, tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức được đẩy mạnh. Ngày 15-5-1981, Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bàn về tình hình và nhiệm vụ trước mắt của công tác tư tưởng, nêu rõ: "Công tác tư tưởng phải có tính chiến đấu sắc bén, kiên quyết phê phán và đấu tranh khắc phục những khuynh hướng chính trị và tư tưởng sai lầm, lối sống không lành mạnh, chống lại những luận điệu phản tuyên truyền và các thế lực thù địch, vạch trần và đánh bại chiến tranh tâm lý của chúng, giữ vững không khí lành mạnh về chính trị và tư tưởng trong Đảng và trong xã hội. Gắn chặt công tác tư tưởng với thực hiện nhiệm vụ chính trị trước mắt, với công tác tổ chức. Phấn đấu tổ chức tốt đời sống vật chất và văn hóa của quần chúng".

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, toàn Đảng bộ tiến hành liên tục những đợt giáo dục sâu rộng Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, các nghị quyết của Trung ương và của Tỉnh ủy. Qua các đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn, được đông đảo cán bộ, đảng viên quần chúng tham gia, tạo được sự nhất trí cao về quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, về đánh giá tình hình, về phương hướng nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới, củng cố lòng tin đối với sự lãnh đạo của Đảng. Nhiều hiện tượng tiêu cực được đấu tranh ngăn chặn.

Đến năm 1982, Đảng bộ Phú Khánh có số lượng đảng viên tăng gấp 4,3 lần so với lúc mới giải phóng. Trong 5 năm (1981-1985) kết nạp gần 4.000 đảng viên, bằng 23% tổng số đảng viên hiện có (17.000). Tổ chức cơ sở Đảng có đều khắp ở xã, phường, cơ quan, xí nghiệp. Toàn Đảng bộ có 892 tổ chức cơ sở Đảng (trong đó có 208 chi bộ, đảng bộ xã, phường, thị trấn) tăng 217 cơ sở so với năm 1981. Thực hiện các Nghị quyết của Trung ương về củng cố tổ chức cơ sở Đảng, nâng cao chất lượng đảng viên, việc chỉ đạo củng cố cơ sở, xây dựng nề nếp sinh hoạt Đảng, quản lý đảng viên, thực hiện tự phê bình và phê bình, đấu tranh chống tiêu cực có tiến bộ. Năng lực lãnh đạo và sức chiến

đầu của nhiều tổ chức cơ sở Đảng được nâng lên. Đặc biệt là vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, chỉ riêng năm 1985 Tỉnh ủy có 5 lần Hội nghị bàn những vấn đề quan trọng của tỉnh:

- Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 9 (2-1985) kiểm điểm thực hiện kế hoạch 1984, đề ra nhiệm vụ kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1985 và bàn một số công tác tổ chức cán bộ;

- Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 10 (5-1985) kiểm điểm thực hiện kế hoạch 5 tháng, thành lập 3 huyện mới ở miền núi và bàn một số công tác tổ chức, cán bộ;

- Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 11 (7-1985): Quán triệt Nghị quyết 8-NQ/TW và chuẩn bị kế hoạch của tỉnh về thực hiện Nghị quyết Trung ương 8;

- Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 12 (8-1985) thông qua tổng kết kinh tế 10 năm và chiến lược kinh tế đến năm 2000 của tỉnh, phương hướng mục tiêu kế hoạch 1986-1990, soát lại việc chuẩn bị thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 và phân công cán bộ;

- Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 13 (11-1985) kiểm điểm việc thực hiện kế hoạch năm 1985, phương hướng kế hoạch 1986.

Thực hiện Thông tri số 103-TT/TW của Ban Bí thư, trong hai năm 1980-1981, Tỉnh ủy biểu dương và tặng cờ "Đảng bộ cơ sở vững mạnh" cho 144 tổ chức cơ sở Đảng. Đến năm 1985, có 349 chi bộ, Đảng bộ cơ sở được Tỉnh ủy xét công nhận trong sạch và vững mạnh; tỉnh đề nghị Ban Bí thư biểu dương 3 Đảng bộ huyện vững mạnh 2 năm 1984-1985, trong đó có Đảng bộ huyện Ninh Hòa.

Công tác kiểm tra của các cấp ủy theo Chỉ thị 34-CT/TW của Ban Bí thư được tăng cường. Một số vụ vi phạm kỷ luật được giải quyết kịp thời. Chỉ riêng năm 1985, toàn Đảng bộ tiến hành kiểm tra 247 đảng viên vi phạm; giải quyết dứt điểm 85/189 đảng viên bị tố cáo, 22/38 trường hợp khiếu nại. Xử lý kỷ luật 175 đảng viên, trong đó khai trừ 40, đưa ra khỏi Đảng bằng các hình thức khác 13 người.

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị 83 ngày 26-11-1979 của Ban Bí thư về phát triển Đảng, đến cuối năm 1984 toàn Đảng bộ có 13.742 đảng viên được nhận thẻ Đảng.

Đi đôi với xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở, công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện theo Chỉ thị số 33 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 33 của Hội đồng Chính phủ đạt được kết quả bước đầu. Nhiều ngành ở tỉnh đã thực hiện phân cấp cho huyện. Nhiều huyện cố gắng phấn đấu vươn lên thực hiện vai trò, chức năng của cấp huyện.

Về tổ chức bộ máy, bước đầu thực hiện Nghị quyết số 32 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 16 của Hội đồng Bộ trưởng, chức năng nhiệm vụ và các mối quan hệ công tác của các cơ quan quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước được xác định rõ hơn. Ngày 26-4-1981, cử tri toàn tỉnh nô nức đi bầu đại biểu Quốc hội khóa VII và Hội đồng nhân dân 3 cấp (tỉnh, huyện, xã). Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Khánh khóa II họp kỳ thứ nhất bầu ra Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng chí Hồ Ngọc Nhường được bầu làm Chủ tịch và các đồng chí: Cao Xuân Thiêm, Nguyễn Quyết, Phạm Hồng Quang, Cao Sơn Hà làm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Cuối năm 1983, đồng chí Hồ Ngọc Nhường được điều về Trung ương, đồng chí Võ Hòa làm Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh.

Nhằm tạo điều kiện cho các huyện phát triển theo tiềm năng, thế mạnh của từng vùng đồng bằng, miền núi, hải đảo, ngày 27-6-1985, Hội đồng Bộ trưởng ra Quyết định số 189-HĐBT về việc điều chỉnh địa giới một số huyện thuộc tỉnh Phú Khánh. Theo Quyết định số 189-HĐBT, trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa điều chỉnh như sau:

Huyện Cam Ranh lại tách thành hai huyện : huyện Cam Ranh và huyện miền núi Khánh Sơn.

Huyện Diên Khánh tách thành hai huyện: huyện Diên Khánh và huyện Khánh Vĩnh.

Đến năm 1985 ở tỉnh (kể cả cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể, các công ty kinh doanh trực thuộc tỉnh) có 67 cơ quan; ở huyện, thị xã, thành phố có từ 15-18 ban (chưa tính các ban xây dựng Đảng, Văn phòng cấp ủy, trường

Đảng huyện và các đoàn thể). Một số sở, ngành bước đầu có sự sắp xếp về tổ chức theo hướng gọn nhẹ, hợp lý. Nhiều huyện bỏ các phòng lương thực, thương nghiệp, thủy lợi... nhập vào các công ty.

Công tác cán bộ có nhiều cố gắng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trước mắt của Đảng bộ. Đội ngũ cán bộ của tỉnh được tập hợp từ nhiều nguồn khác nhau, nhiều đồng chí được đào tạo, bồi dưỡng chính quy, có hệ thống, có trình độ năng lực khá. Số cán bộ khoa học, chuyên môn nghiệp vụ lên tới 6.000 đồng chí, trong đó có 9 trên đại học và 2.000 đại học. Qua thực tiễn công tác, nhiều đồng chí ngày càng hiểu rõ tình hình thực tế ở địa phương, ngành mình hoạt động, tích lũy được kinh nghiệm. Số đông cán bộ giữ vững phẩm chất cách mạng, nếp sống giản dị, lành mạnh, tận tụy với nhiệm vụ được giao. Trong ba năm 1980-1982, có 4.622 đồng chí được cử đi học ở các trường văn hóa, lý luận, nghiệp vụ tập trung do Trung ương và tỉnh mở. Chỉ riêng 2 năm (1984-1985), toàn tỉnh có gần 200 đồng chí được cử đi học các trường ở Trung ương, 11 đồng chí đi học ngoài nước, hơn 1.000 cán bộ học trường Đảng tỉnh, gần 7.000 cán bộ học các trường cấp huyện. Toàn tỉnh có 70 sở, ban, ngành xây dựng qui hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý; 9 huyện xây dựng được qui hoạch cán bộ chủ chốt huyện, 3 huyện làm qui hoạch đến cán bộ cấp xã. Đề bạt 102 trưởng, phó ty, ban, ngành tỉnh, 300 trưởng, phó phòng các cơ quan tỉnh, huyện, giám đốc, phó giám đốc và các chức vụ tương đương ở các đơn vị cơ sở sự nghiệp, sản xuất, kinh doanh; bố trí phân công lại 16 bí thư, chủ tịch huyện, tăng cường cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ khoa học kỹ thuật vào các chức vụ lãnh đạo quản lý ở tỉnh, huyện. Việc chăm lo giải quyết chính sách đối với cán bộ được chú ý hơn trước và đạt một số tiến bộ mới.

Quán triệt quan điểm "Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng", Đảng bộ Phú Khánh không ngừng quan tâm chỉ đạo công tác vận động quần chúng. Ngày 6-3-1985, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 18-NQ/TU về *tăng cường công tác quần chúng của Đảng*. Sau khi đánh giá tình hình quần chúng và phong trào cách mạng của quần chúng từ sau ngày giải phóng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề ra phương hướng, nhiệm vụ công tác quần chúng những năm

tiếp theo và nêu rõ: Cần làm cho toàn Đảng bộ nhận thức rõ công tác quần chúng là một khâu then chốt của công tác Đảng, là nhiệm vụ trực tiếp và thiết thân của các cấp ủy Đảng, các cấp, các ngành, của mọi cán bộ, đảng viên. Dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy và các cấp ủy Đảng cơ sở, hoạt động của các đoàn thể quần chúng với nhiều hình thức phong phú góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị của Đảng.

Công đoàn được tổ chức rộng khắp, hoạt động có tiến bộ trong việc chăm lo giáo dục xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân, tổ chức phong trào thi đua, tham gia quản lý kinh tế - xã hội. Mặc dù đời sống còn nhiều khó khăn, nhưng đại đa số cán bộ, nhân viên cố gắng công tác, đóng góp nhiều sáng kiến trong việc khắc phục thiếu nguyên liệu, vật tư, năng lượng... Chỉ riêng 2 năm (1984-1985), Công đoàn thực hiện hàng trăm công trình trọng điểm, then chốt, đóng góp hàng ngàn sáng kiến có giá trị, làm lợi cho Nhà nước hàng trăm triệu đồng. Nhiều đơn vị đăng ký thi đua giành danh hiệu "Tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa".

Hội nông dân tiếp tục phát huy thắng lợi các mặt trong sản xuất nông nghiệp, động viên hội viên tăng cường làm thủy lợi, cải tạo đồng ruộng, tích cực trồng trọt, chăn nuôi, phát triển ngành nghề đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; tạo điều kiện cho giai cấp nông dân đẩy mạnh phong trào "xây dựng nông thôn mới" và phong trào quyên góp ủng hộ đồng bào các tỉnh biên giới và đồng bào các vùng bị thiên tai lụt bão.

Hội liên hiệp phụ nữ qua đại hội Hội các cấp có bước chuyển biến mới về giáo dục chính trị tư tưởng, kiện toàn tổ chức và phương thức hoạt động. Phát động được các phong trào như "người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc", "Phụ nữ tài năng", chăm sóc nuôi dạy con theo phương pháp khoa học thu hút đông đảo phụ nữ tham gia. Tổ chức hội thi phụ nữ tài năng, các hội thi cấy, thi thợ giỏi, đóng góp hàng ngàn sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trên mặt trận sản xuất trong các ngành kinh tế của tỉnh.

Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có bước phát triển mới về số lượng và chất lượng, giới thiệu nhiều đoàn viên ưu tú cho Đảng. Trong 2 năm

(1984-1985), có 20.986 thanh niên được kết nạp vào Đoàn; năm 1985 có 660 đoàn viên ưu tú được kết nạp vào Đảng. Lực lượng thanh niên, đoàn viên tham gia xây dựng hàng ngàn công trình, đóng góp hàng vạn ngày công trên công trường hồ chứa nước Đá Bàn, mở vùng đất mới Sông Hinh và các công trình thủy lợi khác. Đồng thời tham gia nghiên cứu nhiều đề tài khoa học, đóng góp hàng ngàn sáng kiến, làm lợi hàng chục triệu đồng.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp tập hợp lực lượng các giới tham gia có kết quả vào thực hiện các chủ trương, công tác của Đảng và Nhà nước, góp phần tích cực vào việc tổ chức, giáo dục, động viên quần chúng tham gia tốt các cuộc vận động chính trị lớn của tỉnh như: Bầu cử Quốc hội khóa VII (ngày 26-4-1981), bầu cử Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Khánh khóa II ngày 26-4-1981 và trong cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp.

III. ĐẢNG BỘ PHÚ KHÁNH NHỮNG NĂM ĐẦU LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG (1986 – 6/1989)

Bước vào năm 1986, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Phú Khánh nói chung, trên địa bàn Khánh Hòa nói riêng tiếp tục phải đối mặt với những khó khăn thách thức mới phát sinh. Cơ chế khoán 100 bộc lộ những nhược điểm do cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp để lại; số hợp tác xã “khoán trắng” ngày càng nhiều; thu nhập của xã viên hợp tác xã tuy có tăng, song chưa tương xứng với công sức lao động... Do chưa đáp ứng được nguyện vọng chính đáng của nhân dân, sự hồ hởi của người lao động bị chững lại. Việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khóa V) có một số sai lầm và khuyết điểm về giá - lương - tiền gây ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống của nhân dân. Công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp bộc lộ nhiều yếu kém, giá trị sản lượng chỉ đạt 83,2% kế hoạch. Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển so với kế hoạch đạt thấp. Mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa có mở rộng nhưng việc nắm nguồn hàng và làm chủ thị trường còn yếu. Công tác cải tạo thương nghiệp tư doanh, quản lý thị trường bị buông lỏng, tư thương phát triển tự do, giá cả thị trường tiếp tục tăng vọt. Từ năm 1980 đến năm 1986, thời tiết không thuận lợi:

hạn hán, lũ lụt diễn ra liên tiếp, nhất là trận lụt lớn cuối năm 1986 gây thiệt hại nặng nề về người và cơ sở vật chất, tổng sản lượng lương thực qui thóc cả tỉnh đạt 41,4 vạn tấn (bằng 83% kế hoạch, giảm 10% so với năm 1985). Đời sống nhân dân đứng trước những khó khăn gay gắt; tiêu cực trong xã hội gia tăng; văn hóa- xã hội xuống cấp; đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, các thế lực thù địch vẫn tiếp tục hoạt động chống phá cách mạng Việt Nam, đẩy mạnh chiến tranh phá hoại nhiều mặt; vùng biên giới luôn trong tình trạng không ổn định. Trong khi tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp; các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô khủng hoảng nghiêm trọng, tác động rất lớn đến nước ta.

Trong bối cảnh đó, Đảng ta phải tìm giải pháp để đưa nước ta ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Để chuẩn bị cho Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng và Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV, theo Chỉ thị số 80 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Tỉnh ủy Phú Khánh chỉ đạo các Huyện ủy, Thị, Thành ủy và các Đảng ủy trực thuộc tiến hành Đại hội Đảng bộ các cấp, đóng góp ý kiến vào các văn kiện trình Đại hội VI của Đảng.

Đại hội Đảng bộ tỉnh Phú Khánh lần thứ IV

Từ ngày 20 đến 26-10-1986, Đảng bộ tỉnh Phú Khánh tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ IV tại thành phố Nha Trang. Dự Đại hội có 409 đại biểu chính thức thay mặt cho hơn 17.000 đảng viên thuộc 904 tổ chức cơ sở Đảng trong toàn tỉnh.

Đại hội sôi nổi thảo luận đóng góp ý kiến bổ sung vào bản Dự thảo Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa V) trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI. Đại hội nhất trí với tinh thần “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật” và sửa đổi một số điểm trong Điều lệ Đảng, các quan điểm của Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương về chủ trương đổi mới của Đảng, kiên quyết đổi mới tư duy trước hết đổi mới tư duy kinh tế.

Đại hội tập trung đánh giá tình hình thực hiện các mặt công tác do Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III đề ra. Đánh giá tổng quát tình hình kinh tế - xã hội 3

năm (1983-1985) của tỉnh, Đại hội nêu rõ có 9 trong số 14 chỉ tiêu chủ yếu do Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III đề ra đạt và vượt mức kế hoạch. Đến cuối năm 1984, một số chỉ tiêu quan trọng của kế hoạch 5 năm (1981-1985) được thực hiện trước một năm. Tổng sản lượng lương thực tăng bình quân hàng năm 8,2%. Trong 5 năm, khai hoang 3 vạn héc-ta, tăng năng lực tưới nước cho 4.300 ha, bước đầu hình thành và phát triển các vùng chuyên canh lúa cao sản, sắn, mía, đào, cà phê, dừa... Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, giá trị sản lượng tăng bình quân hàng năm 22,1%. Sản lượng vải, xi măng, đường, giấy, xà phòng... tăng khá. Ngành nghề và cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp được mở rộng, có thêm mặt hàng mới cho tiêu dùng và xuất khẩu. Giá trị sản lượng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chiếm 40% giá trị sản lượng công nông nghiệp toàn tỉnh. Sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế được duy trì và có chuyển biến tích cực trên một số mặt. An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Thực hiện nghĩa vụ quốc tế đối với tỉnh kết nghĩa Stung-treng (Campuchia) đạt hiệu quả tích cực. Công tác xây dựng Đảng bộ, chính quyền, đoàn thể nhân dân được chú trọng thường xuyên.

Trên cơ sở đánh giá đúng những ưu điểm, khuyết điểm, căn cứ vào tình hình cụ thể của tỉnh, Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (1986-1990): Tiếp tục thực hiện thắng lợi 2 nhiệm vụ chiến lược và 4 mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV và V, phấn đấu xây dựng tỉnh Phú Khánh trở thành một trong những tỉnh “giàu về kinh tế, mạnh về quốc phòng, đẹp về văn hóa”. Mục tiêu tổng quát của những năm tới là: *Trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất theo cơ cấu kinh tế, ổn định tình hình kinh tế-xã hội, ổn định và cải thiện một bước đời sống nhân dân, tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, thực hiện cơ chế quản lý mới, tiếp tục củng cố an ninh quốc phòng và làm tròn nghĩa vụ quốc tế.*

Đại hội đề ra 5 nhiệm vụ lớn là:

1. Trước hết phải thực hiện sự ổn định về sản xuất, sử dụng hết lực lượng lao động xã hội, huy động các thành phần kinh tế dưới sự chỉ đạo, hướng dẫn của Nhà nước. Khai thác, sử dụng tối đa những tiềm năng sản xuất hiện có. Đẩy mạnh sản xuất công - nông nghiệp, tập trung cao cho mặt trận hàng đầu là nông nghiệp. Đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu. Từng bước tạo tích lũy từ nội bộ nền kinh tế. Tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

2. Ổn định và cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân; tạo ra chuyển biến mới về xã hội; từng bước xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

3. Tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục suốt cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Phải tăng cường chỉ đạo, nhất là đối với cải tạo công thương nghiệp tư doanh. Tiếp tục củng cố và nâng cao chất lượng quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa. Thực hiện cơ chế quản lý mới, phát huy quyền tự chủ của cơ sở.

4. Nâng cao cảnh giác cách mạng, hành động kiên quyết cùng cả nước làm thất bại cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của các thế lực thù địch, đế quốc và phản động quốc tế, sẵn sàng đối phó với chiến tranh xâm lược.

5. Làm tròn nghĩa vụ quốc tế. Tăng cường đoàn kết hữu nghị và hợp tác toàn diện với tinh kết nghĩa Stung treng. Mở rộng hợp tác kinh tế với các nước xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện phương hướng, nhiệm vụ trên, Đại hội quyết định nhiệm vụ, mục tiêu cụ thể trên các lĩnh vực: Sản xuất nông nghiệp, đến năm 1990 đạt 650 ngàn tấn lương thực. Giá trị sản lượng công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp tăng bình quân hàng năm 22%. Phấn đấu đến 1990 tổng giá trị xuất khẩu đạt 50 triệu rúp (đôla). Trong kế hoạch 1986-1990, tạo thêm việc làm cho 4 vạn lao động; giảm tỷ lệ phát triển dân số xuống 1,5% vào năm 1990...

Đại hội nhấn mạnh: Mấu chốt để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đề ra là xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, đoàn kết nhất trí cao trên cơ sở các quan

điểm, đường lối và nguyên tắc của Đảng thể hiện trong các Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV, V, VI của Đảng.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa IV gồm 60 đồng chí, trong đó có 45 đồng chí ủy viên chính thức. Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm có 13 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Duy Luân - Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy; các đồng chí Bùi Hồng Thái, Võ Hòa được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật, đánh giá đúng sự thật, từ ngày 15 đến 18-12-1986 tại Hà Nội, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng họp đã nghiêm khắc kiểm điểm sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước. Chỉ rõ những sai lầm, khuyết điểm, nguyên nhân khách quan, chủ quan và rút ra bài học kinh nghiệm lớn. Trên cơ sở đó, Đại hội đề ra đường lối đổi mới: đổi mới tư duy lý luận, trước hết là tư duy kinh tế; đổi mới tổ chức cán bộ và phong cách lãnh đạo của Đảng; thực hiện ba chương trình kinh tế lớn: lương thực, thực phẩm; hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, nhằm từng bước đưa nước ta thoát khỏi tình trạng khủng hoảng và tiếp tục đi lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đại hội lần thứ VI của Đảng đánh dấu bước chuyển có ý nghĩa chiến lược của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV được Tỉnh ủy chỉ đạo tổ chức học tập, quán triệt cho toàn thể cán bộ, đảng viên và phổ biến sâu rộng trong toàn dân. Qua học tập, cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu được đường lối đổi mới và quyết tâm đổi mới của Đảng. Nhận thức quan trọng nhất của cán bộ, đảng viên trong đổi mới tư duy kinh tế là tập trung xóa bỏ cơ chế quan liêu, bao cấp, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, hiệu quả kinh tế là mục tiêu hàng đầu trong sản xuất kinh doanh.

Nhằm cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, từ ngày 1 đến 9-4-1987, Hội nghị lần thứ 2 Ban Chấp hành Trung ương (khóa VI) họp bàn giải quyết những vấn đề khó khăn, ách tắc trong phân phối lưu thông, tạo đà đẩy mạnh công cuộc đổi mới.

Tháng 8-1987, Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới cơ chế quản lý, quyết định chuyển hoạt động của các đơn vị kinh tế cơ sở quốc doanh sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đổi mới cơ chế quản lý Nhà nước về kinh tế...

Phú Khánh thực hiện Nghị quyết của Đảng trong tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh vẫn còn khó khăn nhiều mặt. Hội nghị Tỉnh ủy (khóa IV) họp lần thứ 3 từ ngày 13 đến 14-2-1987, sau khi nghiên cứu và thảo luận tình hình thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1986, Hội nghị thông qua phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1987 và những chỉ tiêu chủ yếu, những biện pháp lớn để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đề ra. Hội nghị chỉ rõ kế hoạch năm 1987 hướng tập trung vào 3 chương trình mục tiêu (sản xuất lương thực, thực phẩm; sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu). Phát động mạnh mẽ phong trào quần chúng lao động sản xuất, phân bố lại lao động, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, cải tiến quản lý, chấn chỉnh tổ chức bộ máy và cán bộ, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, tạo sự chuyển biến tích cực trong việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh.

Trên cơ sở củng cố và phát huy sức mạnh của làm ăn tập thể, thực hiện khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động; thúc đẩy sản xuất phát triển, cơ sở vật chất kỹ thuật và tích lũy của hợp tác xã tăng cường. Nhiều hợp tác xã phát triển kinh doanh tổng hợp, mở rộng ngành nghề, nhân tố mới và điển hình tiên tiến xuất hiện, bước đầu hình thành một số cụm kinh tế - kỹ thuật nông - công nghiệp từ cơ sở.

Kết quả sản xuất và hợp tác hóa nông nghiệp là thành tựu to lớn, có ý nghĩa nhiều mặt, góp phần quan trọng tạo ra bộ mặt nông thôn mới xã hội chủ nghĩa, bảo đảm đủ lương thực, thực phẩm cho nhân dân, làm nghĩa vụ với nhà nước ngày càng tăng, đời sống nông dân được ổn định, nhiều vùng được cải thiện rõ rệt, an ninh chính trị và an toàn xã hội ở nông thôn được giữ vững.

Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp có chiều hướng tăng chậm, không ổn định, sản lượng lương thực và đàn gia súc không đạt kế hoạch. Diện tích trồng màu giảm. Sản lượng nông sản hàng hóa chưa đáng kể, một số vùng ở miền

núi, ven biển, hải đảo còn mang tính tự cấp, tự túc. Tài nguyên rừng giảm nghiêm trọng do không kết hợp chặt chẽ giữa các khâu trồng rừng, quản lý, bảo vệ và khai thác.

Cải tạo nông nghiệp còn nóng vội, giản đơn, vận dụng qui mô, hình thức, bước đi chưa sát hợp với điều kiện cụ thể về tự nhiên, xã hội, trình độ quản lý của từng địa phương, từng vùng. Một số hợp tác xã qui mô lớn, hình thức cao không đủ sức quản lý, dẫn đến yếu kém kéo dài. Nhiều tập đoàn sản xuất chỉ là hình thức, phần lớn là làm ăn cá thể, đời sống xã viên khó khăn. Tình trạng nông dân trả lại ruộng khoán, xin ra hợp tác xã, đòi lại ruộng đất cũ để làm ăn riêng lẻ xảy ra ở một số nơi.

Việc giao đất, giao rừng còn là hình thức, nhiều hợp tác xã chưa tổ chức kinh doanh nghề rừng; các hộ gia đình chưa được giao đất, giao rừng hoặc chưa muốn nhận đất, nhận rừng để sản xuất. Việc quản lý và khai thác chế biến lâm sản bị buông lỏng.

Các nông - lâm trường quốc doanh phần lớn làm ăn hiệu quả chưa cao, bộ máy quản lý, điều hành còn nhiều tiêu cực. Một thời gian dài chưa có chính sách kinh tế gia đình, kinh tế tư nhân, chưa tổ chức liên doanh, liên kết giữa các thành phần kinh tế...

Trước thách thức của cơ chế thị trường, sản xuất nông nghiệp của cả nước có chiều hướng chững lại và giảm sút. Cơ chế “khoán 100” trong nông nghiệp tạo hiệu quả kinh tế lớn, song cũng bộc lộ những nhược điểm. Để tìm lối thoát, tiếp tục đưa nông nghiệp phát triển, từ kinh nghiệm thực tiễn thực hiện Chỉ thị 100-CT/TW về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong các hợp tác xã nông nghiệp ở các địa phương, Bộ Chính trị tổng kết và ra Nghị quyết 10-NQ/TW ngày 5-4-1988 *về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp*, xác định hộ nông dân là đơn vị kinh tế tự chủ, tiến tới giao quyền sử dụng ruộng đất ổn định lâu dài cho hộ xã viên.

Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (khóa VI) đánh dấu sự mở đầu cho thời kỳ đổi mới nông nghiệp và nông thôn nước ta. Thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, Tỉnh ủy Phú Khánh tổ chức học tập quán triệt cho cán bộ, đảng viên

và nhân dân, nhất là vùng nông thôn và các khu vực kinh tế nông - lâm - ngư nghiệp tập thể, quốc doanh.

Từ ngày 20 đến 22-6-1988, Hội nghị Tỉnh ủy Phú Khánh lần thứ 11 (khóa IV) họp quán triệt Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, kiểm điểm tình hình sản xuất và hợp tác hóa nông nghiệp, quyết định phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp¹. Đồng thời chỉ đạo các Đảng bộ xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (gọi tắt là khoán 10).

Trên mặt trận sản xuất và phân phối lưu thông, từ thực trạng kinh tế - xã hội của tỉnh và trên tinh thần đổi mới, Đảng bộ bước đầu có cách nhìn thực tế hơn. Đầu năm 1988 Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo xây dựng đề án 3 chương trình kinh tế, tuy chưa hoàn chỉnh và chưa được thông qua nhưng trong chỉ đạo điều hành của Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh, từng ngành, từng địa phương chú trọng hướng vào 3 chương trình, khắc phục dần tình trạng phân tán của các năm trước, dành ưu tiên cho các công trình trọng điểm và các công trình phục vụ 3 chương trình kinh tế. Năm 1986, toàn tỉnh có hơn 120 công trình đang thi công, đến năm 1987 còn 65 công trình và năm 1988 còn lại 37 công trình được đầu tư theo nguồn vốn ngân sách. Tổng mức đầu tư hai năm 1987-1988 gần 5 tỷ đồng (vốn ngân sách 3,2 tỷ đồng), riêng 3 chương trình kinh tế chiếm 60-70% mức vốn đầu tư. Xây dựng cơ bản mở ra triển vọng lớn về liên doanh, liên kết và huy động vốn ngoài ngân sách, về chỉ đạo tập trung dứt điểm từng công trình sớm đưa vào sử dụng và phát huy hiệu quả nhanh.

Đi đôi với việc bố trí lại cơ cấu đầu tư, tỉnh từng bước sắp xếp lại sản xuất, tinh giảm biên chế và bố trí lại cán bộ (giảm bớt một phần lực lượng gián tiếp)...

Trong hai năm 1987-1988, chương trình lương thực - thực phẩm tăng thêm đáng kể diện tích được tưới nước, bao gồm cả thủy lợi nhỏ, bảo đảm nguồn phân bón và thuốc trừ sâu, diện tích lúa có năng suất cao được tăng

¹ . Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp, số 09-NQ/TU ngày 27-6-1988.

thêm, sản lượng lương thực qui thóc năm 1988 đạt 41,6 vạn tấn, tăng hơn 1 vạn tấn (2,7%) so với năm 1987, nhưng mới đạt 88,5% kế hoạch năm. Do nắng hạn, diện tích màu và cây công nghiệp giảm nhiều, so với diện tích gieo trồng diện tích màu chỉ đạt 9,9%, riêng diện tích ngô tăng khá, tỷ trọng màu trong cơ cấu lương thực chiếm 12%. Cây công nghiệp phát triển khá là cà phê, hồ tiêu, dừa và cây đào, so với cuối 1986 tăng 40-50% diện tích.

Nhờ có chủ trương mở rộng chăn nuôi khu vực gia đình và cho tự do lưu thông, đàn trâu bò tiếp tục phát triển mạnh, tỷ lệ tăng hàng năm trên 3%, so với năm 1986 tăng gần 7% (riêng đàn heo có xu hướng giảm, chăn nuôi công nghiệp giảm nhiều do giá cả, thức ăn và con giống không đảm bảo).

Nuôi trồng thủy sản, nhất là nuôi tôm xuất khẩu phát triển mạnh ở cả 3 khu vực quốc doanh, tập thể và cá thể. Triển khai hợp tác với nước ngoài về phát triển nuôi tôm có năng suất cao và đánh bắt hải sản.

Năm 1988 biển mất mùa cá, an ninh vùng biển không đảm bảo làm cho ngư dân thiếu yên tâm, sản lượng đánh bắt chỉ đạt 3,89 vạn tấn, bằng 97% kế hoạch. Thu mua và chế biến hải sản tăng hơn các năm trước. Quản lý thu mua nguồn hải sản xuất khẩu chưa tốt, sản xuất muối có chiều hướng chững lại do việc tiêu thụ gặp khó khăn (tồn kho hàng vạn tấn muối).

Thu mua và cân đối lương thực năm 1988 mới đạt 71% kế hoạch (10/14 vạn tấn), bằng 77% khối lượng lương thực huy động năm 1987. Bình quân lương thực giảm dần (năm 1985: 393 kg/người, năm 1988: 284kg/người), do sản lượng lương thực tăng chậm và dân số tăng nhanh (trên 2%). Tình trạng thiếu đói cục bộ xảy ra ở hầu hết các huyện miền núi và rải rác ở 1 số xã vùng đồng bằng do thiên tai nặng. Số người thiếu đói có lúc lên đến gần 2 vạn người.

Mặc dù triển khai chưa đồng bộ và còn chậm, nhưng chương trình lương thực, thực phẩm có những tiến bộ đáng kể. Tình trạng nông dân đòi lại ruộng đất xảy ra ở một vài nơi khi thực hiện khoán 10 đã được Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo quyết liệt, kịp thời, vấn đề đòi lại ruộng đất căn bản được giải quyết. Tư duy mới thể hiện qua chủ trương, chính sách, cơ chế quản lý kinh tế đi dần vào

cuộc sống; chính sách kinh tế gia đình, mô hình hợp tác xã kinh doanh tổng hợp, khoán theo đơn giá thanh toán gọn trong hợp tác xã nông nghiệp, ổn định giá trao đổi vật tư nông nghiệp và thóc giữa Nhà nước với nông dân. Việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp như dùng giống mới, tăng diện tích tưới nước, đảm bảo nguồn vật tư cho nông nghiệp, nhất là phân bón, ... tạo cơ sở cho nông nghiệp phát triển vững chắc hơn. Ngành thủy sản chuyển hướng từ tập trung cho hợp tác xã và tập đoàn sau mở rộng đầu tư phát triển khu vực cá thể, cho ngư dân góp vốn mua sắm tàu thuyền và ngư lưới cụ, phát triển cơ sở nuôi trồng, tăng nhập khẩu các trang thiết bị cho nghề cá, hai năm 1987-1988 đầu tư đạt 2,3 triệu đôla, đóng thêm 2,5 vạn tàu thuyền, khôi phục và phát triển hàng ngàn hecta mặt nước nuôi tôm. Phương thức kinh doanh của ngành thủy sản có nhiều chuyển biến tốt. Xuất hiện nhiều nhân tố mới, nông dân, ngư dân gắn bó với ruộng đất và tàu thuyền. Đời sống ngư dân có sự thay đổi về nhiều mặt.

Tuy nhiên chương trình lương thực, thực phẩm, sản xuất nông nghiệp còn phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên. Chưa chủ động chuyển hướng cây trồng cho phù hợp với đặc điểm từng vùng. Nạn phá rừng chưa được ngăn chặn kịp thời, làm ảnh hưởng đến môi trường, nguồn nước và là một trong những nguyên nhân gây ra hạn hán và lũ lụt.

Chương trình sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu có chuyển biến tích cực. Từ đầu năm 1987, thực hiện Nghị quyết 306 của Bộ Chính trị và Quyết định 217 của Hội đồng Bộ trưởng, quyền chủ động sản xuất - kinh doanh của đơn vị cơ sở được xác định. Việc liên doanh, liên kết tạo thêm nguồn vật tư, tiêu thụ sản phẩm, tranh thủ được nguồn vốn của tư nhân, tập thể cả ở địa phương và nước ngoài mang lại kết quả rõ rệt. Các xí nghiệp hợp tác, liên doanh sản xuất và gia công hàng xuất khẩu trên địa bàn Nha Trang có kết quả bước đầu, mở ra nhiều triển vọng.

So với năm 1987, năm 1988 các mặt hàng tăng khá như nông cụ cầm tay (tăng 30%), phụ tùng xe đạp (tăng 20%), thuốc chữa bệnh (tăng 120%), xà phòng, đường thủ công, thuốc lá (tăng 12-15%), vải các loại (tăng 5-10%). Giá

trị sản lượng năm 1988 đạt trên 1 tỷ đồng. Một số mặt hàng mới có khả năng mở rộng như dây khóa kéo, mũi giày, may mặc xuất khẩu, xà phòng thương phẩm, phụ tùng máy dệt, đồ điện...

Công tác xuất nhập khẩu có tiến bộ. Năm 1988 kim ngạch xuất khẩu đạt 13,5 triệu Rúp. Các ngành và địa phương chú ý hơn trong việc đầu tư phát triển các vùng chuyên canh, cây con có giá trị xuất khẩu lớn như cà phê, tiêu, đào, dừa, lạc và nuôi tôm... Phát triển thêm một số mặt hàng hải sản có giá trị xuất khẩu như mực lột da, mực tẩm, sứa muối phen... Việc nhập khẩu được chấn chỉnh lại và ưu tiên nhập tư liệu sản xuất (73,40%). Nhờ phát triển mạnh các mặt hàng xuất khẩu trực tiếp sang khu vực 2, nên bước đầu chủ động được việc cung ứng vật tư, nguyên liệu cho sản xuất, nhất là phân bón, máy móc cho nông nghiệp và ngư lưới cụ cho nghề cá.

Tuy nhiên, so với tiềm năng, khả năng hiện có thì chương trình sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu đạt thấp. Hàng tiêu dùng sản xuất trong tỉnh chưa đáp ứng được nhu cầu, mới chiếm 30% lượng hàng bán ra của thương nghiệp trên thị trường trong tỉnh. Chưa khắc phục được vấn đề vật tư, nguyên nhiên vật liệu cho sản xuất, nhất là thiếu điện ở khu vực phía bắc tỉnh. Công suất, thiết bị, máy móc sử dụng 45-50%. Công nghiệp chế biến yếu, không khai thác hết nguồn nguyên liệu sẵn có ở địa phương. Giá cả biến động nhanh làm cho xí nghiệp không xử lý kịp đầu vào lẫn đầu ra. Mặt khác ảnh hưởng của cơ chế cũ vẫn còn nặng, các đơn vị sản xuất kinh doanh đi vào hạch toán bậc lộ nhược điểm về trình độ quản lý, về tiêu thụ sản phẩm và chậm ứng dụng tiến bộ kỹ thuật. Nghị quyết 16 và các nghị định 27-28 và 29 của Hội đồng Bộ trưởng chưa được cụ thể hóa và phổ biến sâu rộng đến quần chúng, chưa phát huy và khai thác tốt năng lực sản xuất phong phú trong nhân dân.

Công tác xuất nhập khẩu tuy có nhiều cố gắng nhưng chuyển biến còn chậm, hiệu quả còn thấp, năm 1988 mới đạt 90,3% kế hoạch. Chưa tạo được mặt hàng xuất khẩu chủ lực với số lượng lớn, chất lượng tốt và ổn định. Một số mặt hàng quý hiếm, có giá trị cao như tôm, trầm kỳ, yến sào, chưa quản lý tốt dẫn đến tình trạng tranh mua, tranh bán, đẩy giá lên cao và chạy ra ngoài tỉnh.

Quy hoạch, tạo vùng sản xuất nông sản xuất khẩu chưa xác định chính xác đầu tư vốn cho chương trình sản xuất hàng xuất khẩu còn thấp, tỷ giá đồng Việt Nam và ngoại tệ chênh lệch lớn làm cho xuất khẩu bị ách tắc, thậm chí thua lỗ. Kết hối ngoại tệ đối với Trung ương quá cao (10-30%). Chính sách xuất nhập khẩu của Trung ương và địa phương còn gò bó, thiếu thống nhất, bộ máy ngành xuất khẩu của tỉnh chưa được củng cố, thiếu cán bộ có nghiệp vụ giỏi. Hoạt động kinh tế đối ngoại yếu, chưa lường hết diễn biến của thị trường quốc tế, thiếu nhạy bén để thu hút nguồn vốn từ bên ngoài.

Sau cuộc tổng điều chỉnh giá - lương - tiền, mặt trận phân phối lưu thông tiếp tục rối ren, nguyên nhân chủ yếu là do mất cân đối giữa cung và cầu, giữa sản xuất và tiêu dùng, giữa tiền và hàng. Việc điều chỉnh giá, nâng giá đi đôi với phát hành tiền mới càng làm cho vấn đề quản lý tiền, hàng và giá cả thêm phức tạp, tác động xấu đến sản xuất.

Trong bối cảnh đó, ngành thương nghiệp quốc doanh tỉnh Phú Khánh có nhiều cố gắng trong việc cung ứng hàng hóa và cải tiến phương thức mua bán, từng bước nâng cao tính cạnh tranh trong thị trường tự do, góp phần bình ổn giá cả, đảm bảo kinh doanh có hiệu quả, phục vụ sản xuất và đời sống. Doanh số mua vào và bán ra mỗi năm đều tăng, năm 1987 mua vào vượt kế hoạch 27%, bán ra vượt 15%. Năm 1988 mua vào 91 tỷ đồng (mua địa phương 55 tỷ đồng), bán ra 104,5 tỷ đồng. Tuy nhiên, những mặt hàng chủ yếu mua và bán tại địa phương không tăng, có 1 số mặt hàng giảm hơn trước (nhất là hàng nông sản thực phẩm). Một số công ty còn nặng chạy theo các mặt hàng có chênh lệch giá lớn, chưa khai thác tốt các mặt hàng sản xuất ở địa phương để khuyến khích sản xuất phát triển, các điểm ăn uống, dịch vụ, giải khát phát triển quá nhiều làm cho thị trường, giá cả càng rối ren hơn. Trong kinh doanh thương nghiệp nặng về khu vực thành thị, vùng nông thôn đồng bằng và miền núi ít chú ý, những nhu cầu tối thiểu của quần chúng ở những vùng này không đáp ứng được, bán lẻ của ngành thương nghiệp mới đạt 56% thị trường xã hội. Từ đầu năm 1989 thị trường, giá cả có những điểm mới, hàng hóa phong phú, giá cả giảm dần... Thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán thiếu

nhảy bèn, phương thức mua bán không chuyển biến nên các hoạt động kinh doanh bị thua lỗ, đình đốn.

Công tác quản lý thị trường được chấn chỉnh lại. Các chợ, các trung tâm buôn bán, dịch vụ được sắp xếp lại, các biện pháp kiểm tra và quản lý thị trường được tăng cường. Song bộ máy ngành thuế còn yếu, triển khai chưa đều khắp, thiếu biện pháp đồng bộ, chưa gắn với chính quyền xã, phường để nắm chắc số hộ kinh doanh và cấp giấy phép kinh doanh (mới cấp giấy phép 13.057/23.304 hộ, đạt 56%), xử lý số người kinh doanh trái phép, đầu cơ, buôn lậu chưa kiên quyết. Số hộ buôn chuyển đường dài và tư thương phát triển, các cơ quan, đơn vị không có chức năng thương nghiệp cũng phát triển kinh doanh, dịch vụ nên thuế công thương nghiệp thất thu còn rất lớn.

Từ tháng 7-1988, Ngân hàng Nhà nước chuyển hướng hoạt động theo cơ chế mới, có hạch toán kinh doanh, lập thêm 2 ngân hàng công thương và nông nghiệp. Việc quản lý tiền mặt được chặt chẽ hơn, giảm được tốc độ bội chi tiền mặt so với trước.

Với cơ chế mới, các đơn vị sản xuất kinh doanh trực tiếp vay vốn ngân hàng, bước đầu tạo thế chủ động về tài chính của xí nghiệp, quay nhanh vòng vốn, tạo được nguồn vốn để hoạt động, hiện tượng ỷ lại vào vốn ngân sách đã giảm nhiều.

Ngân hàng tập trung hỗ trợ cho chương trình lương thực, thực phẩm 22 tỷ (riêng cho thu mua 10,5 tỷ), chương trình sản xuất hàng tiêu dùng 6,5 tỷ, chương trình sản xuất hàng xuất khẩu 8,1 tỷ, khu vực kinh tế gia đình vay gần 1 tỷ. Tuy có chuyển biến so với trước, song chưa theo kịp những biến động về giá và tiền, các hình thức thanh toán cũng như các hoạt động của ngân hàng còn kém năng động, thiếu biện pháp để giám sát các nguồn vốn cho vay và thu hồi các nguồn vốn ở các đơn vị sản xuất kinh doanh, huy động tiền nhàn rỗi trong nhân dân chưa nhiều. Bội chi tiền mặt còn lớn, riêng năm 1988 bội chi 16,3 tỷ đồng. Thực hiện Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị về chống lạm phát, Tỉnh ủy có chương trình chống lạm phát 6 tháng cuối năm 1988, nhưng chưa được triển khai tổ chức thực hiện một cách nghiêm túc.

Hai năm (1987-1988), huy động cho ngân sách có nhiều tiến bộ so với trước, mỗi năm tăng 4 đến 5 lần, từng bước trang trải nhu cầu cơ bản cho phát triển kinh tế - văn hóa xã hội, giải quyết nhu cầu về đời sống, bảo đảm cấp phát kịp thời về tiền lương và bù giá cho cán bộ, công nhân viên chức trong tỉnh và làm tròn nghĩa vụ nộp ngân sách cho Trung ương.

Tuy vậy, động viên tích lũy cho ngân sách còn hạn chế, chưa tạo được nhiều nguồn thu mới, thất thu thuế công thương nghiệp còn lớn. Chính sách tài chính còn nhiều mặt bất hợp lý, đặc biệt là chính sách thuế chưa khuyến khích được sản xuất và phân phối lưu thông, chưa điều tiết được các khoản thu nhập bất hợp lý trong các ngành và các thành phần kinh tế.

Đổi mới cơ chế quản lý và áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật có chuyển biến. Thực hiện Nghị quyết 306 của Bộ Chính trị và Quyết định 217 của Hội đồng Bộ trưởng, tỉnh chọn 1 số đơn vị làm thí điểm, sau khi sơ kết được triển khai rộng rãi. Kết quả bước đầu, các xí nghiệp chủ động bố trí được phương án sản xuất kinh doanh, giảm đáng kể bộ phận gián tiếp, xem xét lại các định mức kinh tế kỹ thuật, thực hiện lương khoán, tuyển lao động hợp đồng... đến cuối năm 1988 hầu hết các đơn vị quốc doanh trong tỉnh đi dần vào thực hiện Quyết định 217 nhưng còn lúng túng, những điều kiện cơ bản để thực hiện chưa bảo đảm (thiếu vật tư, năng lượng, vốn lưu động...). Quyền tự chủ của xí nghiệp chưa được tôn trọng, các cơ quan chủ quản cấp trên chưa tạo điều kiện thuận lợi cho cơ sở, chưa đảm bảo các điều kiện cần thiết, thiếu chính sách đòn bẩy về giá và khuyến khích lợi ích vật chất. Chưa mạnh dạn giao quyền cho xí nghiệp, các yếu tố vướng mắc phát sinh trong quá trình sản xuất chưa được giải quyết kịp thời. Mặt khác lại buông lỏng quản lý không đảm bảo nghĩa vụ nộp ngân sách... Giám đốc xí nghiệp vẫn còn tư tưởng ỷ lại, xử lý trong quá trình sản xuất thiếu năng động, chưa tiếp cận tốt với thị trường và thị hiếu người tiêu dùng, chất lượng sản phẩm chưa tốt, giá thành sản phẩm còn cao, chưa thể hiện rõ yếu tố cạnh tranh trong sản xuất.

Ngành nông nghiệp áp dụng giống lúa có năng suất cao và giống chịu sâu bệnh, nâng trọng lượng xuất chuồng đàn heo. Các hợp tác xã nông nghiệp, từ

khoán sản phẩm đến xây dựng mô hình hợp tác xã nông-công-thương-tín đã tạo điều kiện cho các hợp tác xã nông nghiệp phát triển. Chính sách kinh tế gia đình được nông dân hưởng ứng, tạo được không khí lao động, sản xuất sôi nổi ở nông thôn. Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (khóa VI) nhanh chóng đi vào cuộc sống. Với cơ chế khoán 10 tạo bước chuyển biến mạnh trong nông nghiệp, khơi dậy động lực sản xuất, nông dân an tâm, phấn khởi hơn trước.

Ngành thủy sản đi đôi với khắc phục những thiếu sót trong công tác cải tạo nghề cá, bước đầu khuyến khích ngư dân bỏ vốn khôi phục phát triển nghề cá cả đánh bắt, nuôi trồng và chế biến, thu mua hàng xuất khẩu, nhập ngư lưới cụ phục vụ cho nghề cá, đầu tư mạnh cho các cơ sở nuôi trồng thủy sản. Hình thức liên doanh thủy sản 3 cấp mang lại hiệu quả rõ rệt.

Lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp bao gồm tập thể và cá thể có tiến bộ khá, nhân dân bỏ ra hàng ngàn lượng vàng để phát triển sản xuất. Giá trị sản lượng bằng 80% toàn ngành công nghiệp, riêng hàng tiểu thủ công nghiệp chiếm 25% kim ngạch xuất khẩu của tỉnh.

Thực hiện cơ chế mới tuy còn nhiều hạn chế, song tạo được sự chuyển biến tích cực trong các thành phần kinh tế, từng bước phát huy tiềm năng đất đai, lao động, ngành nghề, nguồn vốn, cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có.

Năm 1987-1988, toàn tỉnh có 60 đề tài khoa học kỹ thuật được áp dụng chủ yếu phục vụ 3 chương trình kinh tế, trong đó có 35 đề tài thuộc chương trình hàng tiêu dùng và 18 đề tài thuộc chương trình lương thực, thực phẩm.

Chương trình sản xuất hàng tiêu dùng đã tạo được mô hình liên kết giữa khoa học kỹ thuật và sản xuất, quan tâm sản xuất hàng tiêu dùng bằng nguyên liệu sẵn có ở địa phương, sản xuất các mặt hàng điện tử. Sản xuất hàng xuất khẩu, nghiên cứu phát triển tôm giống, thức ăn cho tôm và nuôi tôm tăng sản; phát triển các mô hình hợp tác liên doanh, liên kết trong nước và nước ngoài bước đầu mang lại hiệu quả.

Đi đôi với thực hiện 3 chương trình kinh tế, sự nghiệp văn hóa - xã hội của tỉnh được chú trọng. Thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về *công tác giáo dục 3 năm 1988 - 1990*, các cấp ủy và chính quyền quan tâm chỉ

đạo, sự cố gắng của toàn ngành giáo dục bước đầu hạn chế giảm sút chất lượng dạy và học; huy động được một phần đóng góp của nhân dân để xây dựng trường, mua sắm đồ dùng dạy học, giảm dần việc học 3 ca, phát triển thêm hệ vừa học vừa làm, mở rộng hệ B... Học sinh phổ thông là dân tộc thiểu số tăng hơn trước.

Tuy vậy, chất lượng giáo dục vẫn tiếp tục giảm sút. So với năm học trước, giảm 46 nhà trẻ, nhóm trẻ, tỷ lệ trẻ đến lớp so với độ tuổi chỉ đạt 9,5%. Ngành phổ thông, năm học 1987-1988 tăng 5 trường nhưng giảm gần 5.000 học sinh. Sơ kết kỳ một năm học 1988-1989 số lượng học sinh cuối kỳ so với đầu kỳ giảm 11.000 em và giảm 138 lớp (trong đó cấp II giảm 135 lớp và 9.800 học sinh).

Thực hiện cải cách giáo dục thu được một số kết quả, nhưng còn bất hợp lý trong nội dung cải cách giáo dục, thiếu sách giáo khoa, chương trình học quá cao. Đội ngũ giáo viên không đáp ứng được yêu cầu cải cách, việc đào tạo đội ngũ giáo viên không theo quy hoạch, chất lượng thấp, tình trạng thừa giáo viên các bộ môn khoa học tự nhiên, không bố trí được, trong khi giáo viên các bộ môn sử, địa và khoa học xã hội lại thiếu. Chất lượng dạy và học thấp; qua các kỳ thi có hơn 50% học sinh thực chất yếu kém, trong đó 20-30% học sinh yếu kém toàn diện. Đạo đức của học sinh tiếp tục sa sút, nhiều vụ đánh nhau gây thương tích, đe dọa hành hung thầy cô giáo, gây rối nhà trường xảy ra, ý thức bảo vệ của công, tôn trọng luật pháp kém...

Thực hiện Nghị quyết 05 của Bộ Chính trị về văn hóa, văn nghệ, các hoạt động văn hóa, văn nghệ đi đúng hướng, đáp ứng một phần nhu cầu sinh hoạt văn hóa của nhân dân. Phong trào văn nghệ quần chúng ở cơ sở, hoạt động nghệ thuật của các đoàn chuyên nghiệp có nhiều nét mới, tiến bộ cả về nội dung và trình độ diễn xuất. Các hoạt động điện ảnh, Video, triển lãm, bảo tàng đều có cố gắng. Tuy vậy, từng nơi, từng lúc xuất hiện một số lệch lạc như hợp tác với tư nhân mua băng Video để kinh doanh, lưu hành băng ghi hình, băng nhạc, tranh ảnh có nội dung xấu. Các hoạt động phim ảnh có tính kích động không kiểm soát được. Biện pháp giáo dục, ngăn ngừa bài trừ ấn phẩm văn hóa

đôi truy bị buông lỏng. Các hình thức sinh hoạt văn hóa tập trung nhiều ở thành phố, thị xã và thị trấn, vùng nông thôn, miền núi, ven biển chưa được chú ý. Ý thức phục vụ nhân dân, tuyên truyền cho chủ nghĩa xã hội trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật bị coi nhẹ. Tư tưởng đổi mới theo cái đúng, cái tiến bộ chưa nhiều, chiều hướng bung ra theo thị hiếu tầm thường ngày càng phát triển.

Từ giữa những năm 80 thế kỷ XX, trên địa bàn tỉnh xuất hiện các bệnh dịch tả, dịch hạch, sốt xuất huyết phát triển trên diện rộng, tuy số người mắc bệnh không nhiều nhưng tái diễn dai dẳng. Ngành y tế có cố gắng trong công tác phòng chống dịch, thực hiện chương trình tiêm chủng mở rộng; phát triển sử dụng đông y để điều trị có hiệu quả tốt. Khó khăn là các cơ sở y tế tiếp tục xuống cấp nhất là các huyện miền núi, thuốc chữa bệnh thiếu ảnh hưởng đến công tác điều trị và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Phương tiện khám điều trị và chế độ nuôi dưỡng còn kém, chất lượng điều trị giảm sút.

Trong 2 năm (1987-1988), toàn tỉnh giải quyết việc làm cho 43.000 người. Điều động 3.750 hộ với 18.200 nhân khẩu đi xây dựng các vùng kinh tế. Thực hiện chính sách xã hội đối với 24.000 đối tượng. Cứu trợ kịp thời cho nhân dân các vùng bị hạn hán, lũ lụt.

Tuy nhiên, số người thiếu việc làm ngày càng tăng (trên 6 vạn người). Nạn xì ke, ma túy, gái bán dâm và các hiện tượng tiêu cực khác trong xã hội có chiều hướng gia tăng. Những bất công trong xã hội diễn ra gay gắt; hiện tượng bi quan, thiếu lòng tin ở sự lãnh đạo của Đảng nảy sinh trong xã hội và ngay trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Việc cải tạo, giáo dục thanh, thiếu niên hư và các đối tượng phạm pháp khác kết quả còn hạn chế.

Hoạt động thể dục thể thao tiếp tục phát triển, các vận động viên của tỉnh giành nhiều huy chương trong các kỳ thi đấu quốc gia. Phong trào rèn luyện sức khỏe được đông đảo các tầng lớp nhân dân hưởng ứng.

Công tác quốc phòng - an ninh có nhiều hoạt động tích cực. Sau Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng, ngành công an chuyển hướng hoạt động, tập trung về cơ sở, bám địa bàn. Lực lượng công an từng bước được kiện toàn, tinh

giảm biên chế, củng cố tổ chức phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ mới. Kết hợp với các lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh, bảo vệ vững chắc địa bàn trọng điểm và mục tiêu chính trị, kinh tế quan trọng.

Các biện pháp đấu tranh ngăn ngừa và chống tội phạm hình sự có kết quả. Hưởng ứng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, hầu hết các nguồn tin có giá trị đều do nhân dân cung cấp. Song, tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh tiếp tục diễn biến phức tạp. Vấn đề vượt biên trốn đi nước ngoài ngày càng nghiêm trọng và gây hậu quả xấu. Hai năm 1987-1988 có 287 vụ vượt biển với trên 4.000 người, riêng năm 1988 có 158 vụ với 2.327 người. Địa bàn tập trung là Nha Trang 57% số vụ, số người vượt biển đa số là dân lao động ở địa phương.

Nguyên nhân của tình hình trên có phần do đời sống khó khăn; sự kích động từ bên ngoài; công tác tuyên truyền, giáo dục vận động giải thích cho nhân dân chưa sâu rộng. Tổ chức cơ sở yếu kém chưa nắm chắc được dân, các lực lượng vũ trang trên địa bàn chưa phối hợp chặt. Một số vụ bán bến, bãi, câu móc tổ chức người vượt biển có lực lượng vũ trang và cán bộ cơ sở tham gia chưa kịp thời đưa ra công luận phê phán và xử lý nghiêm túc.

Phạm pháp hình sự tăng lên, số vụ năm sau tăng hơn và có tính chất nghiêm trọng hơn năm trước. Năm 1988, xảy ra 1.508 vụ phạm pháp hình sự, toàn tỉnh điều tra khám phá trên 43% số vụ, trong đó trọng án đạt 80% số vụ (riêng địa bàn Nha Trang chiếm 60% số vụ phạm pháp hình sự). Đối tượng gây án hầu hết là thanh thiếu niên hư và số lang thang không có công ăn việc làm ở các nơi khác đến. Bên cạnh các vụ phạm pháp hình sự, toàn tỉnh xảy ra 61 vụ cháy nổ làm chết 21 người, bị thương 37 người, thiệt hại tài sản gần 1 tỷ đồng. Nghiêm trọng là các vụ cháy gây thiệt hại lớn xảy ra ở đơn vị quân đội và công an chưa được kết luận làm rõ¹. Các vụ xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa có chiều hướng gia tăng. Năm 1988 xảy ra 172 vụ, thiệt hại 165 triệu đồng (tăng gấp 6 lần năm 1987). Hầu hết các vụ mất mát, thâm hụt xảy ra trong khu vực quốc doanh do quản lý lỏng lẻo để kẻ xấu lợi dụng sơ hở lấy cắp (70% số vụ),

¹ . Cháy nhà thông tin của tiểu đoàn 12 thông tin, cháy kho quân trang của lữ đoàn 394, cháy xưởng gỗ của công an tỉnh, cửa hàng nông sản chợ Đầm, hội y học dân tộc.

hoặc nội bộ móc ngoặc thông đồng với tư thương để tuần hàng hóa của Nhà nước ra ngoài. Việc điều tra, xử lý và thu hồi tài sản đạt 20% số vụ. Ngoài ra, tình trạng lãng phí, tham ô cũng gây thất thoát hàng tỷ đồng.

Hưởng ứng “Những việc cần làm ngay”, Thường vụ Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 18 chỉ đạo giải quyết các vụ việc tiêu cực. Các ngành nội chính có sự phối hợp giải quyết các vụ án tồn đọng nhiều năm, góp phần đấu tranh ngăn ngừa tội phạm bảo vệ luật pháp, bảo vệ thành quả cách mạng, duy trì kỷ cương trật tự xã hội, đảm bảo quyền dân chủ của nhân dân.

Từ sau ngày giải phóng, nhất là từ năm 1979 trở đi, tình hình thế giới, khu vực và trong nước diễn biến hết sức phức tạp. Quán triệt Nghị quyết của Trung ương và Bộ Chính trị, Hội nghị Tỉnh ủy Phú Khánh lần thứ 12 (khóa IV) ra Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 10-10-1988 *về xây dựng tỉnh thành khu vực phòng thủ vững chắc*. Sau khi đánh giá nhận định tình hình hoạt động của bọn phản động và các thế lực thù địch trên địa bàn tỉnh, Tỉnh ủy đề ra nhiệm vụ, yêu cầu và nội dung xây dựng tỉnh thành khu vực phòng thủ vững chắc để bảo vệ Tổ quốc.

Mặc dù Đảng, Nhà nước và ngành Công an có nhiều cố gắng hạn chế tiêu cực, song tình hình trật tự xã hội vẫn diễn biến xấu, phức tạp. Tội phạm xảy ra trên nhiều lĩnh vực và đều tăng ở hầu hết các địa phương, nhất là các thành phố lớn, khu vực biên giới, các tuyến giao thông... gây thiệt hại về nhiều mặt, nổi bật bình và lo lắng của quần chúng tăng lên. Ngoài những nguyên nhân khách quan, về chủ quan, công tác bảo vệ trật tự, an toàn xã hội chưa được các cấp, các ngành quan tâm đúng mức, chưa động viên được các lực lượng và quần chúng tham gia. Trước tình hình đó, ngày 14-5-1989 Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ra Chỉ thị số 135-CT/HĐBT *về tăng cường công tác bảo vệ trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới*, yêu cầu các Bộ, các ngành, các đoàn thể, Ủy ban nhân dân các cấp phải chỉ đạo công tác bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội trong phạm vi địa bàn, địa phương mình, thực hiện ngay các biện pháp đã được Hội đồng Bộ trưởng đề ra.

Quán triệt Chỉ thị 135 của Hội đồng Bộ trưởng và chỉ đạo của Tỉnh ủy, ngành Công an tỉnh giúp các cấp ủy và Ủy ban nhân dân xây dựng kế hoạch mở chiến dịch tấn công truy quét tội phạm hình sự trên địa bàn tỉnh.

Công tác xây dựng Đảng bộ và chính quyền tiếp tục được đẩy mạnh, công tác tư tưởng có nhiều cố gắng, động viên toàn Đảng bộ, toàn quân, toàn dân trong tỉnh vượt qua mọi khó khăn hoàn thành nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ. Chuyển biến quan trọng của công tác tư tưởng là sự nhất trí về nhận định tình hình nhiệm vụ, mục tiêu của cách mạng nước ta và quyết tâm thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng. Nhận thức sâu sắc hơn vấn đề xây dựng cơ cấu kinh tế 5 thành phần và vấn đề 3 lợi ích trong lãnh đạo quản lý và điều hành kinh tế. Việc dân chủ hóa và công khai hóa được đông đảo cán bộ, đảng viên và quần chúng hoan nghênh. Tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình có chuyển biến rõ như nói thẳng, nói thật, công khai trên các phương tiện thông tin, đối thoại trực tiếp giữa cán bộ lãnh đạo với quần chúng. Bám sát nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ, tăng cường giáo dục tư tưởng đổi mới, lập trường quan điểm, ý chí chiến đấu, rèn luyện phẩm chất đạo đức, quan điểm "lấy dân làm gốc" cho cán bộ, đảng viên.

Thông qua các đợt sinh hoạt chính trị trong Đảng, việc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, việc củng cố tổ chức cơ sở Đảng gắn liền với xây dựng Đảng bộ huyện vững mạnh và củng cố hệ thống chuyên chính vô sản ở cơ sở có chất lượng hơn. Toàn Đảng bộ có 900 tổ chức cơ sở Đảng (174 Đảng bộ, 726 chi bộ cơ sở; 890 chi bộ dưới cơ sở và 1.677 tổ Đảng), tổ chức cơ sở Đảng chiếm 63,9% so với tổng số các tổ chức hành chính, các đơn vị kinh tế, sự nghiệp. Qua phân loại, số cơ sở Đảng vững mạnh chiếm 26,7%, khá 55%, yếu kém 18,3%. Từ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV đến tháng 9 -1988, toàn Đảng bộ kết nạp 1.400 đảng viên mới, đưa tổng số đảng viên lên 18.872 đồng chí, trong đó đảng viên dưới 40 tuổi chiếm 53,8%. Trình độ học vấn, chuyên môn nghiệp vụ và lý luận Mác-Lênin từng bước được nâng lên.

Công tác kiểm tra của Đảng được tăng cường. Từ tháng 10-1986 đến 7-1989, Ủy ban Kiểm tra các cấp giúp cấp ủy xem xét xử lý 698 vụ kỷ luật, đạt 81% số vụ; đưa ra khỏi Đảng 249 trường hợp. Trong số đảng viên bị xử lý kỷ luật có 0,3% cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý, 12% thuộc diện tỉnh quản lý và 74,9% thuộc diện huyện quản lý. Nội dung sai phạm chủ yếu là tham ô, vi phạm chính sách, pháp luật, nguyên tắc sinh hoạt Đảng, thoái hóa về lối sống; số ít còn lại phạm tiêu chuẩn lịch sử chính trị, trình độ giác ngộ và tác dụng đảng viên thấp.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 34-NQ/TW ngày 28-7-1986 của Bộ Chính trị (khóa V) *về kiện toàn tổ chức, nâng cao hiệu lực của bộ máy chính quyền, đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ kinh tế - xã hội* và Nghị quyết 04 ngày 12-9-1987 của Bộ Chính trị (khóa VI) *Về cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng và bộ máy Nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội*, Đảng bộ có sự chuyển biến bước đầu khá tích cực, tạo điều kiện thuận lợi cho việc sắp xếp tổ chức bộ máy và tăng cường công tác cán bộ của tỉnh. Đến cuối tháng 9-1988, bộ máy cơ quan Đảng, cơ quan quản lý Nhà nước cấp tỉnh giảm 30% đầu mối so với trước (từ 13 ban trực thuộc Tỉnh ủy còn 9 ban; từ 38 sở, ngành trực thuộc Ủy ban còn 27 sở, ngành). Bộ máy cấp huyện từ 251 phòng, ban trực thuộc Ủy ban còn 139 phòng, ban (giảm 44%). Việc sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy được thực hiện đúng qui định của Trung ương; bước đầu giảm đầu mối, bỏ bớt cấp trung gian, giảm cấp phó, chuyển một bộ phận cán bộ sang làm việc theo chế độ cán bộ, chuyên viên. Nhiều nơi xác định lại chức năng nhiệm vụ, sửa đổi qui chế làm việc. Đội ngũ cán bộ, công nhân cả tỉnh có 52.425 người (không kể lực lượng quân sự, công an, biên phòng), trong đó khu vực hành chính sự nghiệp chiếm 52,2%, gần 3.000 cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Trên cơ sở sắp xếp tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ cấp tỉnh và huyện dôi ra gần 1.000 người; trong số này được giải quyết: cho nghỉ chế độ, tự nguyện xin thôi việc hoặc đưa đi đào tạo và tăng

cường cho cơ sở. Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ được chú ý hơn trước. Trình độ mọi mặt của cán bộ được nâng lên một bước, số có trình độ đại học, cao đẳng trở lên chiếm 12,7%, trung học chuyên nghiệp 12,6% tổng số cán bộ, công nhân viên toàn tỉnh. Trên 200 cán bộ được đề bạt làm lãnh đạo, quản lý, trong đó có 38 trưởng, phó ngành cấp tỉnh.

Hơn 13 năm hợp nhất, Đảng bộ Phú Khánh đã lãnh đạo quân và dân trong tỉnh đoàn kết ra sức khắc phục hậu quả nặng nề của chiến tranh, thiên tai; ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đẩy mạnh công cuộc cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên địa bàn tỉnh.

Song quá trình hợp nhất hai tỉnh cũng bộc lộ những mặt hạn chế. Địa bàn tỉnh Phú Khánh quá rộng và phức tạp; điều kiện tự nhiên của hai tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa lại có những đặc điểm khác nhau; truyền thống lịch sử hai tỉnh tuy có những nét chung nhưng đời sống văn hóa tinh thần có khác nhau. Trong quá trình lãnh đạo và điều hành công việc, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh còn bộc lộ nhiều mặt hạn chế, thiếu sót, chưa phát huy được những thế mạnh tiềm năng của tỉnh nhà. Trình độ và khả năng của cán bộ có hạn nên việc chỉ đạo và điều hành bộ máy Đảng và chính quyền gặp nhiều khó khăn. Việc mất đoàn kết nội bộ nảy sinh và tồn tại qua nhiều nhiệm kỳ nhưng chưa được giải quyết kịp thời dẫn đến làm giảm sức mạnh của Đảng bộ, làm tổn thương đến truyền thống tốt đẹp của Đảng bộ và nhân dân Phú Yên và Khánh Hòa. Một trong những nguyên nhân mất đoàn kết là tính cục bộ địa phương biểu hiện trên các mặt: công tác cán bộ, đầu tư xây dựng cơ bản và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Trước nhu cầu phát triển của công cuộc đổi mới, xây dựng đất nước theo tinh thần Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam và xuất phát từ thực tiễn, từ ngày 9 đến 16-2-1989, đồng chí Võ Chí Công, Ủy viên Bộ Chính trị - Chủ tịch Hội đồng Nhà nước và các đồng chí Trần Kiên, Bí thư Trung ương Đảng - Chủ

nhệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, đồng chí Nguyễn Xuân Hữu, Ủy viên Trung ương Đảng- Ủy viên Hội đồng Nhà nước về thăm và làm việc tại tỉnh Phú Khánh. Trong thời gian ở thăm, các đồng chí Võ Chí Công, Trần Kiên, Nguyễn Xuân Hữu đã dự và trực tiếp chỉ đạo Hội nghị lần thứ 13 Tỉnh ủy Phú Khánh (khóa IV) họp ngày 15 đến 18-2-1989. Tại Hội nghị, Tỉnh ủy đã thẳng thắn nhìn thẳng sự thật và đánh giá việc mất đoàn kết nội bộ trong Đảng bộ thời gian qua là nặng nề, phổ biến và kéo dài, chỉ rõ tác hại và những nguyên nhân chủ yếu của tình trạng mất đoàn kết; quyết định những nhiệm vụ cấp bách nhằm nhanh chóng khắc phục tình hình mất đoàn kết trong nội bộ Đảng¹. Hội nghị cũng nêu vấn đề tách tỉnh là một yêu cầu khách quan, phù hợp với khả năng và trình độ quản lý của cán bộ, phù hợp với điều kiện tự nhiên, đặc điểm kinh tế, cũng như tâm lý và lịch sử của nhân dân hai tỉnh.

Căn cứ đề nghị của Tỉnh ủy Phú Khánh, ngày 4-3-1989 Bộ Chính trị ra Quyết định số 83 về việc chia tỉnh Phú Khánh thành hai tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa. Bộ Chính trị chỉ rõ nhiệm vụ công tác tư tưởng của Đảng bộ, nhiệm vụ sắp xếp tổ chức bộ máy và cán bộ, đảm bảo sau khi tách tỉnh phải phát huy tốt năng lực đội ngũ cán bộ hiện có và giải phóng mọi năng lực sản xuất, đảm bảo công tác an ninh quốc phòng, đảm bảo phân chia tài sản đúng nguyên tắc, công bằng hợp lý và có sự đoàn kết nhất trí cao.

Trên tinh thần đó, Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 14 (họp từ 14-15.3.1989) thảo luận, nhất trí cao và nghiêm túc chấp hành Quyết định của Bộ Chính trị. Để đảm bảo thực hiện tốt quyết định của Bộ Chính trị, Hội nghị đã quyết nghị một số vấn đề quan trọng về việc tách tỉnh và xác định: việc tách tỉnh phải đảm bảo kỷ cương, pháp luật, bảo đảm nguyên tắc tập trung, dân chủ, công bằng, hợp

¹ . Xem Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 21-2-1989 của Tỉnh ủy Phú Khánh

"Một số vấn đề cấp bách về giải quyết tình hình mất đoàn kết nội bộ". Tài liệu lưu Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Khánh Hòa.

lý, chống mọi biểu hiện cơ hội, đề phòng kẻ địch và bọn xấu lợi dụng sơ hở để kích động chia rẽ.

Tách tỉnh là vấn đề lớn có liên quan đến sự ổn định và phát triển của Đảng bộ và nhân dân hai tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa. Hội nghị kêu gọi toàn thể cán bộ, đảng viên, công nhân viên chức, các lực lượng vũ trang và nhân dân trong tỉnh vì sự nghiệp lớn, vì sự phát triển phồn vinh và hạnh phúc của nhân dân hai tỉnh, đoàn kết nhất trí, đồng tâm hiệp lực chấp hành nghiêm chỉnh quyết định của Bộ Chính trị và Nghị quyết Tỉnh ủy.

Thực hiện Quyết định 83 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 14 của Tỉnh ủy về việc tách tỉnh, Tỉnh ủy chỉ đạo chặt chẽ về mặt tư tưởng làm cho mọi người nhận rõ chủ trương đúng đắn, phù hợp với thực tế khách quan, tạo điều kiện cho hai tỉnh phát huy tiềm năng và thế mạnh, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới. Chấn chỉnh các hiện tượng lệch lạc gây mất đoàn kết nội bộ, tư tưởng cục bộ địa phương, cá nhân chủ nghĩa, đặt lợi ích lâu dài của Đảng bộ và nhân dân 2 tỉnh lên trên hết, khắc phục mọi khó khăn, hoàn thành việc tách tỉnh đúng thời gian qui định.

Ngày 30-6-1989, kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa VIII ra Nghị quyết tách tỉnh Phú Khánh thành hai tỉnh mới là tỉnh Phú Yên và tỉnh Khánh Hòa. Tỉnh Khánh Hòa có 8 đơn vị hành chính, gồm thành phố Nha Trang và 7 huyện: Cam Ranh, Khánh Sơn, Khánh Vĩnh, Diên Khánh, Ninh Hòa, Vạn Ninh và Trường Sa¹. Tỉnh lỵ là thành phố Nha Trang.

Từ tháng 11-1975 đến tháng 6-1989, Đảng bộ tỉnh Phú Khánh lãnh đạo nhân dân vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, đạt nhiều thành tích quan trọng. Các Đảng bộ huyện, thành phố và quân dân trên địa bàn Khánh Hòa nỗ lực phấn đấu, góp phần đáng kể trong thắng lợi chung của tỉnh Phú Khánh trên các lĩnh vực: chính trị, kinh tế - văn hóa, xã hội, quốc phòng - an ninh và xây dựng

¹ Ngày 28-12-1982, Nghị quyết kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa VII nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã quyết định sáp nhập huyện Trường Sa (nguyên thuộc tỉnh Đồng Nai) vào tỉnh Phú Khánh. Sau ngày chia tách tỉnh, Trường Sa là một huyện thuộc tỉnh Khánh Hòa.

Đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng cách mạng; từng bước khắc phục hậu quả nặng nề của chiến tranh, cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế, khôi phục và phát triển kinh tế - văn hóa xã hội, ổn định đời sống nhân dân và có bước được cải thiện. Công tác quốc phòng - an ninh được củng cố và tăng cường, nhiệm vụ phòng thủ địa phương được triển khai một bước, thực lực chính trị ở cơ sở được xây dựng, củng cố làm nòng cốt trong cuộc đấu tranh chống “chiến tranh phá hoại nhiều mặt” của địch, nhờ vậy an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng ở địa phương, tổ chức cơ sở Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng từ tỉnh đến huyện, xã, phường, thôn, khóm, buôn làng được củng cố và kiện toàn, bảo đảm sự lãnh đạo và tổ chức thực hiện các mặt công tác của Đảng, tạo tiền đề vững chắc và rất cơ bản để Đảng bộ và quân, dân Khánh Hòa giành thắng lợi trong công cuộc đổi mới trên địa bàn tỉnh.

PHẦN THỨ NĂM

TÁI LẬP ĐẢNG BỘ TỈNH KHÁNH HÒA, TIẾP TỤC LÃNH ĐẠO CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI, ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH (7/1989 - 12 /2005).

Chương XVII

ĐẢNG BỘ TỈNH KHÁNH HÒA LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG (7/1989 - 1995)

I. TÁI LẬP ĐẢNG BỘ TỈNH KHÁNH HÒA, ỔN ĐỊNH TỔ CHỨC HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ.

Cuộc khủng hoảng của các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô diễn ra phức tạp, tác động tiêu cực đến nước ta và phong trào cách mạng thế giới. Các thế lực đế quốc và bọn phản động quốc tế triệt để khai thác những khó khăn của các nước xã hội chủ nghĩa, tăng cường can thiệp, phá hoại và thực hiện âm mưu xóa bỏ các nước xã hội chủ nghĩa.

Ở nước ta, sau 3 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đại hội VI đã thu được những kết quả bước đầu quan trọng, chứng tỏ đường lối đổi mới và bước đi của nước ta là đúng đắn, tạo được niềm tin trong Đảng và trong nhân dân.

Tuy nhiên, nước ta vẫn đứng trước những thách thức mới hết sức gay gắt, kinh tế xã hội chưa thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội tiếp tục diễn biến phức tạp. Sự tác động tiêu cực của tình hình các nước xã hội chủ nghĩa và sự phá hoại của các thế lực đế quốc và bọn phản động càng làm cho tình hình chính trị xã hội phức tạp thêm.

Thực hiện Quyết định số 83 của Bộ Chính trị và Nghị quyết của kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa VIII về tái lập tỉnh Khánh Hòa, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra quyết định thành lập Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa và chỉ định Ban Chấp

hành Đảng bộ tỉnh gồm 30 đồng chí, trong đó có 23 ủy viên chính thức và 7 ủy viên dự khuyết, 6 đồng chí trong Ban Thường vụ, đồng chí Bùi Hồng Thái được cử làm Quyền Bí thư Tỉnh ủy²; các đồng chí Võ Hòa, Nguyễn Thị Hồng Vân làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Quyết định của Đảng và Nhà nước về thành lập một số tỉnh mới, trong đó có tỉnh Khánh Hòa đã đáp ứng nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc phấn khởi, tin tưởng, chung sức, chung lòng xây dựng quê hương.

Cùng với cả nước, Đảng bộ và nhân dân Khánh Hòa tập trung sức thực hiện mục tiêu của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng.

Ngày 1-7-1989, lễ tái lập tỉnh Khánh Hòa được tổ chức long trọng tại thành phố Nha Trang. Tại buổi lễ, đồng chí Bùi Hồng Thái, Quyền Bí thư Tỉnh ủy Khánh Hòa có bài phát biểu, nêu rõ: “Đảng bộ, quân và dân tỉnh Khánh Hòa phấn khởi đón mừng quyết định của Quốc hội khóa VIII kỳ họp thứ 5 chia tỉnh Phú Khánh thành hai tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa. Đây là quyết định lớn, một chủ trương sáng suốt, thể hiện tư duy mới, đáp ứng nguyện vọng chính đáng của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân tỉnh Phú Khánh, tạo điều kiện thuận lợi cho mỗi tỉnh phát huy hơn tiềm năng và thế mạnh của mình, khắc phục tình trạng hành chính quan liêu, xa rời quần chúng, khắc phục những hiện tượng tiêu cực trong quản lý, điều hành của bộ máy Đảng, chính quyền các cấp do một địa bàn quá rộng và phức tạp.

Để viết tiếp trang sử vẻ vang của Đảng bộ Khánh Hòa, trước mắt phải đương đầu với không ít khó khăn, thử thách mới. Nhiệm vụ thời gian này của Đảng bộ Khánh Hòa hết sức nặng nề.

1. Trước hết phải khẩn trương điều chỉnh, bổ sung kế hoạch kinh tế - xã hội... Thế mạnh của Khánh Hòa là kinh tế biển trong đó có hải sản và vận tải biển, du lịch - dịch vụ, công nghiệp hàng tiêu dùng và sản xuất nông nghiệp rất đa dạng.

² Ngày 26-10-1989, Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định cử đồng chí Bùi Hồng Thái, quyền Bí thư Tỉnh ủy Khánh Hòa làm Bí thư Tỉnh ủy Khánh Hòa.

2. Mặt trận văn hóa, tư tưởng đang là vấn đề nóng bỏng và phức tạp. Một thời gian dài do một số quan điểm lệch lạc đã buông lỏng lãnh đạo và quản lý các hoạt động văn hóa, văn nghệ, để phim ảnh và băng nhạc có nội dung xấu lưu hành. Công tác xuất bản, báo chí kể cả báo Đảng cũng có một số bài có nội dung thiếu chính xác và thiếu lành mạnh. Tờ báo của Đảng bộ Phú Khánh có lúc trở thành diễn đàn cho một số cá nhân đả kích lẫn nhau hoặc xuyên tạc sự thật.

Tất cả những biểu hiện lệch lạc trên đã không kịp thời uốn nắn, gây tác hại rất nghiêm trọng, đầu độc bầu không khí trong lành của xã hội, kích động tiêu cực và tội ác..., cần phải được chấn chỉnh ngay.

3. Khánh Hòa có hai huyện miền núi Khánh Sơn và Khánh Vĩnh với diện tích khá rộng, có tiềm năng với hàng vạn đồng bào dân tộc có truyền thống kháng chiến kiên cường anh dũng và lao động cần cù; Tỉnh ủy giao cho các cơ quan chức năng điều tra nắm lại tình hình các mặt và căn cứ vào tình hình thực tế để xây dựng phương án phát triển kinh tế - xã hội, nhằm nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của đồng bào các dân tộc.

4. Vấn đề an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, ở nơi này hay nơi khác đã xuất hiện tình trạng vô chính phủ, phải kiên quyết chấn chỉnh tình hình trên. Tăng cường trách nhiệm quản lý, giáo dục của các cơ quan chính quyền đoàn thể và Mặt trận Tổ quốc, nhất là Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

5. Đối với công tác xây dựng Đảng; phải nắm vững những quan điểm, những nguyên tắc cơ bản trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương VI và kết luận của Bộ Chính trị về công tác tư tưởng, nhằm kiên định lập trường, giữ vững lòng tin vào mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa của Đảng ta. Làm cho mọi người phấn khởi, tin tưởng, thấy rõ chia tỉnh là điều kiện tốt để xây dựng tỉnh Khánh Hòa giàu mạnh, trước mắt tuy có khó khăn nhưng có khả năng sớm khắc phục để đi lên”¹.

Phấn khởi đón nhận quyết định tái lập tỉnh của Đảng và Nhà nước, Đảng bộ, quân và dân Khánh Hòa đoàn kết nhất trí, đồng tâm hiệp lực, phát huy các

¹. Các mục 1, 2, 3, 4, 5 là diễn văn của đồng chí Bùi Hồng Thái, Quyền Bí thư Tỉnh ủy đọc tại lễ tái lập tỉnh 1-7-1989.

tiềm năng và thế mạnh của mình, tạo ra lực mới, thế mới, vươn lên xây dựng Khánh Hòa nhanh chóng trở thành một trong những tỉnh giàu và đẹp của cả nước, xứng đáng với sự quan tâm của Trung ương Đảng và Quốc hội.

Ngay sau ngày tái lập tỉnh, Tỉnh ủy đã bám sát đường lối, chủ trương của Trung ương, tăng cường chỉ đạo công tác tư tưởng trong tình hình mới; huy động toàn bộ lực lượng làm công tác tư tưởng cùng các cấp ủy Đảng, chính quyền và các đoàn thể tập trung truyền đạt, phổ biến, tổ chức nghiên cứu, học tập nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nhất là Quyết định 83 của Bộ Chính trị và Nghị quyết của kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa VIII về việc tái lập tỉnh Khánh Hòa. Thông qua hoạt động của công tác tư tưởng, tạo ra một bước chuyển biến đáng kể về mặt tư tưởng, làm cho mọi người nhận rõ đây là chủ trương đúng đắn, phù hợp với thực tế khách quan, tạo điều kiện cho tỉnh phát huy tiềm năng và thế mạnh, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới. Chấn chỉnh các hiện tượng lệch lạc gây mất đoàn kết nội bộ, tư tưởng cục bộ địa phương, cá nhân chủ nghĩa. Phải đặt lợi ích lâu dài của Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh lên trên hết; khắc phục mọi khó khăn hoàn thành tốt công việc của tỉnh mới được tái lập. Tăng cường đoàn kết, thống nhất chủ trương đổi mới, trước hết là đổi mới tư duy về kinh tế, cải tiến quản lý, khơi dậy được khả năng của các thành phần kinh tế, đẩy mạnh liên doanh liên kết. Kiên định quan điểm, lập trường về chủ nghĩa xã hội, về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Những kết quả trên mặt trận tư tưởng cùng với những chuyển biến của tình hình kinh tế - xã hội sau tái lập tỉnh, đã từng bước củng cố niềm tin trong Đảng bộ và nhân dân đối với sự nghiệp đổi mới của Đảng.

Đảng bộ tỉnh tập trung sức lãnh đạo nhân dân thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm, đột xuất như tiếp nhận bàn giao giữa hai tỉnh; kiện toàn và ổn định bộ máy các cấp; chăm lo đời sống nhân dân; lãnh đạo sản xuất, công tác; triển khai các công việc nhằm quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng và tài nguyên khoáng sản; giữ gìn an ninh, trật tự; xây dựng các kế hoạch, quy hoạch.

Việc kiện toàn tổ chức bộ máy được Tỉnh ủy quan tâm và tích cực chỉ đạo thực hiện. Tỉnh ủy cũng tập trung nhiều thời gian chỉ đạo việc sắp xếp tổ chức bộ máy và bố trí lại cán bộ ban, ngành cấp tỉnh, đảm bảo hoàn thành sớm ổn định bộ máy của tỉnh đi vào hoạt động bình thường. Đảng ủy các cơ quan tỉnh được giải thể để lập Đảng ủy Dân chính Đảng tỉnh, nhập Ban Dân vận với Mặt trận, giải thể Công ty lương thực tỉnh lập Công ty lương thực trực thuộc Sở Nông nghiệp, sáp nhập Công ty Liên hiệp Xuất nhập khẩu tỉnh và Công ty Vận tải biển thành Tổng Công ty đầu tư xuất nhập khẩu và vận tải biển. Nhập các trường đoàn thể vào trường Đảng tỉnh thành Trường Đào tạo cán bộ Đảng, đoàn thể. Nhập trường Hành chính và các trường đào tạo cán bộ khối chính quyền thành trường Đào tạo cán bộ chính quyền. Thành lập mới các Ban Đảng là: Ban Tài chính - quản trị Tỉnh ủy, Ban Kinh tế Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy, Ban Bảo vệ chính trị nội bộ và một số cơ quan thuộc chính quyền như: Ban Kinh tế đối ngoại, Sở Du lịch, Sở Địa chính, Cục Đầu tư phát triển. Đồng thời kiện toàn, củng cố 37 sở, ban ngành. Đến đầu năm 1990 về cơ bản mỗi sở, ban ngành đã có cấp trưởng và từ 1 đến 2 cấp phó.

Ngày 23-10-1989, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra các Quyết định số 786-NQNS/TW chỉ định bổ sung 4 đồng chí vào Ủy viên chính thức Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa¹; số 787-NQNS/TW chuẩn y bổ sung 3 đồng chí vào Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy²; số 788-NQNS/TW chuẩn y 7 đồng chí Ủy viên dự khuyết lên Ủy viên chính thức Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa³.

Theo các Quyết định trên, vào thời điểm đó, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa có 34 Ủy viên chính thức, trong đó có 9 đồng chí vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Toàn Đảng bộ thành lập 28 Đảng đoàn và Ban cán sự Đảng gồm 97 thành viên; có 12 đầu mối trực thuộc: 06 Đảng bộ huyện, 01 Đảng bộ thành phố và 05 Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; cấp Huyện ủy và tương đương được

¹ . Gồm: Huỳnh Thanh Bình, Nguyễn Khánh Toàn, Nguyễn Văn Tụ và Nguyễn Bá Cường.

² . Gồm: Phạm Tuấn Kiệt, Trần Minh Duân, Trần Thị Lượng.

³ . Gồm: 7 đồng chí được chỉ định tại Quyết định số 661-NQNS/TW ngày 27-4-1989 của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Các Quyết định trên lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Khánh Hòa.

kiện toàn lại. Cũng có một số Thường trực Huyện ủy ở Vạn Ninh, Ninh Hòa, Diên Khánh, Nha Trang, Khánh Sơn, Khánh Vĩnh.

Quá trình kiện toàn bộ máy, sắp xếp đội ngũ cán bộ các cơ quan Đảng, chính quyền và đoàn thể bước đầu gọn nhẹ, phù hợp hơn và nâng cao được hiệu quả công tác. Số cán bộ có năng lực được tăng cường cho các ban Đảng, các cơ quan tham mưu cho Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh. Một số cán bộ chủ chốt ở các ngành, các cấp được thay đổi phù hợp với điều kiện sức khỏe, năng lực và uy tín để điều hành công việc được phân công, bảo đảm sát cơ sở, sát quần chúng. Việc lập thêm các tổ chức Hội quần chúng đảm bảo được yêu cầu nhiệm vụ thiết thực, đúng pháp luật và được quản lý chặt chẽ.

Việc sắp xếp bố trí chỗ làm việc cho các cơ quan Đảng, các sở thuộc khối chính quyền, đoàn thể một cách hợp lý, tiết kiệm, đưa các cơ sở dôi ra phục vụ sản xuất kinh doanh (qua sắp xếp lại bộ máy và cán bộ đã dôi ra 1.150 cán bộ, công nhân viên).

Xây dựng quy chế làm việc của Tỉnh ủy, giữa Ban Thường vụ Tỉnh ủy với Thường trực Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân và các ngành, các cấp, các đoàn thể... giữ vững chế độ báo cáo, thỉnh thị, thông báo, đảm bảo thông tin thông suốt, chính xác, có chất lượng phục vụ kịp thời cho chỉ đạo. Cũng cố các mạng lưới thông tin, đảm bảo phục vụ trong mọi tình huống.

Ngày 19-11-1989, Tỉnh ủy lãnh đạo tổ chức cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân 3 cấp thành công tốt đẹp. Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 1989-1994 có 60 đại biểu, trong đó có 15 đồng chí Tỉnh ủy viên tham gia Hội đồng nhân dân, 17,7% nữ, 22,2% đại biểu ngoài Đảng. Kiện toàn cơ quan Thường trực Hội đồng nhân dân và các chức danh Trưởng ban của Hội đồng nhân dân.

Cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân 3 cấp thành công thể hiện sự đổi mới về nhận thức đối với vai trò của chính quyền các cấp, trách nhiệm của cử tri trong việc xây dựng chính quyền thông qua bầu cử.

Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp từng bước điều hành công việc theo luật định. Vai trò Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp được đề cao. Việc tổ chức điều hành và quản lý về Nhà nước, quản lý hành

chính - kinh tế có tiến bộ hơn trước. Các cấp ủy Đảng giảm bớt sự bao biện làm thay và can thiệp quá sâu vào công việc của cơ quan chính quyền.

Việc kiện toàn tổ chức bộ máy bước đầu đảm bảo cho sự lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị chặt chẽ hơn, hợp lý hơn. Khắc phục một bước sự lỏng lẻo về tổ chức và về vai trò lãnh đạo của Đảng ở một số nơi. Hoạt động của bộ máy có chuyển biến tích cực, nội bộ đoàn kết nhất trí hơn. Các ban của Đảng có nhiều cố gắng trong việc thực hiện chức năng tham mưu, giúp Tỉnh ủy xây dựng hoặc thẩm định các đề án, hướng dẫn kiểm tra các mặt công tác của Đảng.

Công tác cán bộ được Đảng bộ luôn chú trọng. Sau khi tái lập, tỉnh đã đề bạt 40 đồng chí cấp trưởng, phó ngành cấp tỉnh để thay thế số cán bộ chủ chốt chuyển về công tác ở Phú Yên. Thực hiện Chỉ thị 14 của Ban Bí thư, cấp ủy các cấp và cán bộ chủ chốt đã tự phê bình và phê bình nhằm phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, củng cố đoàn kết nội bộ, tăng cường trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật. Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh ủy, một số Ban Thường vụ và Huyện ủy có những khuyết điểm về trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của mình đã nghiêm khắc kiểm điểm trước Đảng.

Quán triệt Quyết định 44 của Bộ Chính trị, Tỉnh ủy chỉ đạo đưa công tác cán bộ đi vào nguyên tắc: *Đảng thống nhất lãnh đạo và quản lý đội ngũ cán bộ*; đảm bảo đúng quy trình, dân chủ trong các khâu đánh giá, tuyển chọn đề bạt, bầu cử, bổ nhiệm; chú trọng hơn về yêu cầu phẩm chất chính trị, ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần đoàn kết nội bộ khi xem xét đề bạt, bố trí cán bộ. Từng bước sửa chữa các biểu hiện bè phái, cục bộ, bản vị trong việc đánh giá, đề bạt cán bộ. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được Tỉnh ủy quan tâm. Năm 1989 đào tạo, bồi dưỡng 530 cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp, các ngành qua hệ thống trường Đảng. Từ năm 1991 đến năm 1995 đã mở được 92 lớp bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn cho cán bộ, có 13.078 cán bộ các cấp theo học. Trong đó: bồi dưỡng lý luận chính trị 3.285 người, bồi dưỡng kiến thức quản lý kinh tế và các lĩnh vực khác 5.764 người, tập huấn cán bộ Đảng, đoàn thể, chính quyền 3.393 người, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý nhà nước 656 người.

Trong số cán bộ đi học có 677 cán bộ học lý luận chính trị cao cấp và 107 cán bộ học lớp đại học báo chí. Vận dụng và thực hiện tốt các chính sách cán bộ của Đảng và Nhà nước.

Đại hội Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XII (vòng 1)

Thực hiện Chỉ thị số 59-CT/TW ngày 22-5-1990 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tổ chức Đại hội các cấp tiến tới Đại hội toàn quốc lần thứ VII của Đảng, từ ngày 26 đến 30-4-1991 Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa tiến hành Đại hội lần thứ XII (vòng 1). Đại hội thảo luận góp ý vào dự thảo các Văn kiện của Ban Chấp hành Trung ương (khóa VI) trình Đại hội VII của Đảng, bầu đoàn đại biểu của Đảng bộ đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII gồm 11 đồng chí.

Từ ngày 24 đến 27-6-1991, tại Hà Nội diễn ra Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng. Với tinh thần Đại hội của Trí tuệ - Đổi mới - Dân chủ - Kỷ cương - Đoàn kết, Đại hội tổng kết đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, rút ra 5 bài học kinh nghiệm trong tiến trình đổi mới, thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*.

Nhằm quán triệt và vận dụng Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VII của Đảng, Tỉnh ủy Khánh Hòa tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị trong toàn Đảng bộ. Nắm vững nhiệm vụ xây dựng Đảng là then chốt, công tác chính trị, tư tưởng được Đảng bộ coi trọng. Bám sát các Nghị quyết của Trung ương và đặc điểm tình hình trong tỉnh, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng và bằng nhiều hình thức, Đảng bộ kịp thời tổ chức cho đông đảo cán bộ, đảng viên, quần chúng nghiên cứu, quán triệt và tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, chương trình hành động của Tỉnh ủy; giáo dục, bồi dưỡng những quan điểm đổi mới, lý luận chính trị, kiến thức quản lý kinh tế, pháp luật, công tác quần chúng; giáo dục truyền thống cách mạng đi đôi với động viên nhân dân thực hiện công cuộc đổi mới.

Tỉnh ủy và cấp ủy các cấp triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội VII của Đảng với tinh thần tích cực, nghiêm túc. Đại đa số cán bộ, đảng viên đón nhận

Nghị quyết với sự đồng tình, tích cực hưởng ứng các cuộc sinh hoạt Đảng thực hiện Nghị quyết, biểu thị sự nhất trí cao về chủ trương, nguyên tắc và quan điểm đổi mới của Đảng. Việc nắm bắt kịp thời diễn biến tư tưởng trong nội bộ Đảng và quần chúng giúp các cấp uỷ có biện pháp chỉ đạo, củng cố sự thống nhất, nâng cao niềm tin của đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò lãnh đạo của Đảng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; phát huy tinh thần năng động sáng tạo của tổ chức Đảng và quần chúng trong công cuộc đổi mới; nâng cao nhận thức cho một bộ phận cán bộ, đảng viên, đẩy lùi các biểu hiện sai trái trong nhận thức tư tưởng và hành động lệch lạc.

Ưu điểm của công tác tư tưởng thời gian này không chỉ có giáo dục, giải thích, thuyết phục mà góp phần cụ thể hóa đường lối, chủ trương, định hướng hoạt động, bồi dưỡng tư duy kinh tế cho cán bộ, đảng viên. Vì vậy, đường lối đổi mới của Đại hội VI và Đại hội VII của Đảng được quần chúng hưởng ứng, tích cực thực hiện. Không khí dân chủ, cởi mở, quan điểm "*lấy dân làm gốc*" là nét mới trong đời sống chính trị. Tuy mới bước đầu nhưng cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh bày tỏ được ý kiến của mình trước những vấn đề đặt ra của đất nước, góp phần bổ sung đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước. Việc chuyển đổi từ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần là một bước ngoặt lớn được xã hội thừa nhận, quần chúng đồng tình, bước đầu lập lại trật tự và công bằng xã hội. Kiên định được mục tiêu lý tưởng xã hội chủ nghĩa, chống đa nguyên, đa đảng, tuyên truyền nhân tố mới, góp phần đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực trong xã hội.

Bên cạnh ưu điểm, công tác giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng chưa theo kịp tình hình và nhiệm vụ mới. Đặc biệt tình hình mất đoàn kết nội bộ có mặt nghiêm trọng xảy ra ở một số đồng chí trong Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và một vài địa phương, đơn vị, đã làm giảm uy tín lãnh đạo của Tỉnh uỷ và hiệu lực điều hành, quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh. Một bộ phận cán bộ, đảng viên băn khoăn lo lắng, thiếu yên tâm công tác, giảm nhiệt tình và lòng tin đối với sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ, làm hạn chế kết quả đạt được

trên các lĩnh vực và không tiến hành Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII (vòng 2) được.

Trước tình hình của việc mất đoàn kết, từ ngày 2 đến 7-11-1991, Tỉnh ủy Khánh Hòa họp Hội nghị lần thứ 7 để kiểm điểm sự lãnh đạo của Tỉnh ủy và kiểm điểm cá nhân Tỉnh ủy viên trong nhiệm kỳ 1987-1991. Đồng chí Lê Phước Thọ, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng ban Tổ chức Trung ương về dự và chỉ đạo Hội nghị.

Sau khi thống nhất nhận định đánh giá những ưu điểm, những chuyển biến tiến bộ trên các mặt, đặc biệt về kinh tế - xã hội, Hội nghị nghiêm túc phân tích, phê phán tình trạng mất đoàn kết, những biểu hiện mất đoàn kết nội bộ và chỉ rõ nguyên nhân của tình hình, trong đó *"Nguyên nhân bao trùm là tư tưởng cá nhân chủ nghĩa, kéo bè cánh, nhằm thực hiện ý đồ không lành mạnh của một số cá nhân. Nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; nguyên tắc tự phê bình và phê bình bị vi phạm. Kỷ cương, pháp luật không được chấp hành nghiêm túc. Một bộ phận đảng viên thiếu ý thức tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức"*¹.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội nghị ra Nghị quyết về *một số nhiệm vụ cấp bách để giải quyết vấn đề mất đoàn kết nội bộ*¹, đó là:

"1. Tất cả cán bộ, đảng viên, trước hết là các đồng chí trong Tỉnh ủy, Huyện ủy, Thành ủy và các Đảng ủy, Chi ủy cần phát huy dân chủ nội bộ trên tinh thần đồng chí, nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình, liên hệ kiểm điểm vấn đề mất đoàn kết nội bộ, có trách nhiệm phát hiện những cá nhân có biểu hiện gây mất đoàn kết để cùng nhau đấu tranh khắc phục và ngăn ngừa mọi biểu hiện gây mất đoàn kết.

2. Tổ chức một đợt sinh hoạt nhằm quán triệt Nghị quyết này của Tỉnh ủy ở các Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy và các tổ chức cơ sở Đảng để xem xét và có biện pháp xử lý tốt các hiện tượng mất đoàn kết. Những cá nhân, tập thể đã rõ là có hành động gây mất đoàn kết, cần được xử lý nghiêm túc.

¹ . Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 7 (Số 06--NQ/TU, ngày 13-2-1992). Tài liệu lưu Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Khánh Hòa.

¹ Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 7 (Số 06-NQ/TU, ngày 13-2-1992). Tài liệu lưu Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Khánh Hòa.

3. Chỉ đạo xử lý tốt các vụ việc tiêu cực nhất là những vụ việc được đông đảo dư luận quan tâm, những vụ làm mất mát thâm hụt lớn tài sản xã hội chủ nghĩa. Làm rõ những cá nhân có liên quan đến việc xuất bản quyển sách xấu "Tiếng khóc của một loài chim yến" để xử lý nghiêm minh.

4. Chính đôn lệ lỗi làm việc của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh. Bổ sung qui chế làm việc của Tỉnh ủy và làm việc theo qui chế. Đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Tăng cường tính tập thể, bảo đảm đúng pháp luật và nguyên tắc quản lý kinh tế trong việc điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh. Những quyết định lớn phải được tập thể thông qua.

5. Tăng cường giáo dục về phẩm chất đạo đức, giáo dục tình cảm cách mạng, lối sống trong sạch, giản dị, tôn trọng luật pháp cho cán bộ, đảng viên và công nhân viên chức Nhà nước; thường xuyên chăm lo giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong nội bộ Đảng, thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Cần giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình". Làm tốt hơn nữa công tác kiểm tra, thanh tra, đảm bảo kỷ cương, luật pháp, ngăn ngừa những sai phạm mới".

Ngày 3-3-1992, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 12-CT/TU về việc *tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 7 giải quyết vấn đề mất đoàn kết trong Đảng bộ*. Được sự chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy và Ban Thường vụ kiên quyết xử lý những cá nhân gây mất đoàn kết trong Đảng bộ; chỉ đạo xử lý những cấp ủy cấp dưới có tình trạng mất đoàn kết. Đồng thời tiến hành kiện toàn tổ chức bộ máy một số Ban Đảng tỉnh, các Đảng ủy, Đảng đoàn và Ban cán sự Đảng các cơ quan; sắp xếp, bố trí một số cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, huyện và chỉ đạo rà soát, bổ sung qui chế làm việc, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, đưa quy trình công tác cán bộ vào nền nếp là những biện pháp cơ bản để khắc phục hậu quả của việc mất đoàn kết và nâng cao chất lượng lãnh đạo của Đảng bộ.

Việc giải quyết vấn đề mất đoàn kết nội bộ được kết hợp chặt chẽ với việc thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung

ương Đảng (khóa VII) *về đổi mới và chỉnh đốn Đảng*¹; Hội nghị Trung ương 5 *về tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn*²; Chỉ thị số 26-CT/TW ngày 2-8-1993 của Ban Bí thư Trung ương Đảng *về Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng*.

Thực hiện Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng, tháng 3-1994 Hội nghị cán bộ Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa được tiến hành. Hội nghị có nhiệm vụ quán triệt Nghị quyết Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng, thảo luận góp ý kiến vào báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về kiểm điểm đánh giá thực trạng tình hình trong tỉnh từ năm 1990-1993, những việc đã làm và chưa làm được, rút ra những nguyên nhân và kinh nghiệm; xác định mục tiêu, nhiệm vụ, biện pháp chủ yếu hai năm 1994-1995, phấn đấu xây dựng Khánh Hòa trở thành tỉnh giàu mạnh và văn minh, góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới của Đảng.

Tại Hội nghị cán bộ Đảng bộ tỉnh, Ban Bí thư quyết định cho 11 đồng chí rút khỏi Tỉnh ủy, đồng thời chỉ định bổ sung 13 đồng chí vào Ban Chấp hành và điều động 1 đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Trung ương. Cho đến trước Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh có 29 đồng chí, trong đó Ban Thường vụ Tỉnh ủy có 8 đồng chí.

Từ sau Hội nghị cán bộ Đảng thay cho Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ của Đảng bộ tỉnh, công tác xây dựng Đảng bộ có chuyển biến tích cực. Cùng với các giải pháp xử lý tình hình mất đoàn kết nội bộ, Tỉnh ủy đề ra chương trình hành động 8 điểm phù hợp với tình hình Đảng bộ, tập trung vào các khâu then chốt. Kết quả về hành động thể hiện rõ nhất trên một số lĩnh vực như kiên quyết xử lý việc mất đoàn kết nội bộ, tổ chức bộ máy, cán bộ từng bước được kiện toàn, thúc đẩy nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội thu được thành tựu quan trọng về tăng trưởng kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân, giữ vững quốc phòng an ninh; niềm tin của cán bộ đảng viên trong Đảng và trong xã hội được củng cố, có sự thống nhất, ổn định về chính trị.

¹ . Hội nghị họp từ ngày 18 đến 29-6-1992 tại Hà Nội.

² . Hội nghị họp từ ngày 3 đến 11-6-1993 tại Hà Nội.

Năng lực lãnh đạo của các tổ chức Đảng và chất lượng đảng viên được nâng lên đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới.

Về tổ chức cơ sở Đảng, khi tái lập tỉnh, số Đảng bộ, Chi bộ cơ sở có 546 tổ chức. Tỉnh ủy chỉ đạo tiến hành tách các tổ chức cơ sở Đảng ở các doanh nghiệp Nhà nước ra khỏi Đảng ủy Dân chính Đảng và Thành ủy Nha Trang để thành lập Đảng ủy khối doanh nghiệp trực thuộc tỉnh, đến 1995 có 13 Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy gồm 561 tổ chức cơ sở Đảng (75 Đảng bộ và 486 chi bộ cơ sở). Hoàn thành việc lập và củng cố Ban cán sự Đảng trong các cơ quan Nhà nước, Đảng đoàn trong các cơ quan dân cử. Một số Đảng đoàn, Ban cán sự đã xây dựng được quy chế làm việc, cụ thể hóa chức năng và mối quan hệ công tác với các tổ chức có liên quan, gần vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội ngay từ cơ sở.

Tổng số tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh đạt 29,7%, so với năm 1990, tăng 12%; số tổ chức cơ sở yếu kém chiếm 13,5% trong tổng số 561 tổ chức cơ sở Đảng. Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 65 ngày thành lập Đảng (3.2.1930 - 3.2.1995), Tỉnh ủy đã biểu dương 48 tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh 3 năm liền (1992-1994) và đề nghị Ban Bí thư biểu dương 2 tổ chức cơ sở Đảng.

Tuy nhiên, việc chỉnh đốn Đảng về tổ chức vẫn còn một số cấp ủy và tổ chức cơ sở Đảng có biểu hiện tập trung quan liêu, dân chủ hình thức, kỷ luật lỏng lẻo. Phần đông các tổ chức cơ sở Đảng chưa xây dựng được quy chế hoạt động. Hoạt động của các Đảng đoàn, Ban cán sự còn lúng túng. Một số cấp ủy và tổ chức cơ sở vẫn còn biểu hiện mất đoàn kết, có nơi nghiêm trọng nhưng giải quyết còn chậm. Ở một số nơi tổ chức Đảng còn bao biện làm thay các tổ chức Nhà nước. Một số nơi khác lại buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng, có cá nhân không tự đặt mình dưới sự kiểm tra, giám sát của tổ chức Đảng.

Tổ chức bộ máy Đảng, chính quyền, đoàn thể vẫn chưa phân định rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, chế độ trách nhiệm và lễ lối làm việc. Thủ tục hành chính còn rườm rà, gây phiền hà cho cấp dưới.

Việc củng cố tổ chức cơ sở Đảng nhất là chi bộ làm chưa tốt, còn nhiều cơ sở yếu kém và chưa theo kịp với yêu cầu của sự nghiệp đổi mới. Việc xây dựng tổ chức Đảng trong khu vực kinh tế tư nhân, hợp tác liên doanh với nước ngoài chậm.

Về công tác đảng viên, khi tái lập tỉnh, đội ngũ đảng viên toàn tỉnh có 11.500 đồng chí. Việc phát triển Đảng được Đảng bộ tỉnh thường xuyên quan tâm và bước đầu có chuyển biến. Nhiều cấp ủy Đảng chú trọng chất lượng, không chạy theo số lượng, tiến hành rút kinh nghiệm phát triển Đảng, hướng dẫn và mở nhiều lớp bồi dưỡng cho các đối tượng phát triển Đảng. Đến năm 1995, toàn tỉnh kết nạp 1.774 đảng viên, trong đó 75% có trình độ học vấn phổ thông trung học trở lên, 47% là đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, đưa tổng số đảng viên của Đảng bộ lên hơn 13.200 đảng viên (trong đó có 32,8% đảng viên nghỉ hưu). Số đông đảng viên giữ vững phẩm chất đạo đức, tin tưởng vào đường lối đổi mới, phấn đấu thực hiện nhiệm vụ được giao. Số đảng viên đủ tư cách, phát huy tác dụng tốt chiếm 72,76%; đảng viên đủ tư cách nhưng có mặt hạn chế, có khuyết nhược điểm nhưng chưa đến mức phải thi hành kỷ luật chiếm 24,24%; đảng viên vi phạm tư cách chiếm 2,27%; đã đưa ra khỏi Đảng bằng các hình thức 392 người, trong đó khai trừ 146 đảng viên, số còn lại do bản lĩnh chính trị thiếu vững vàng, không thiết tha với Đảng xin rút.

Nhiều cấp ủy Đảng bước đầu làm tốt việc tổ chức và hướng dẫn đảng viên nâng cao trình độ và kiến thức như mở các lớp học văn hóa, chính trị, quản lý kinh tế, ngoại ngữ... nhất là ở khu vực cơ quan, các đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp. Qua đó ý thức tự vươn lên, nhất là số đảng viên trẻ có chuyển biến rõ. Thông tin tư tưởng và báo Đảng đến với tổ chức Đảng và đảng viên nhiều hơn, kịp thời hơn.

Việc phân tích chất lượng đảng viên được đổi mới, thông qua việc xem xét vai trò người đảng viên trong việc thực hiện sự nghiệp đổi mới về công tác được giao. Nâng cao chất lượng đảng viên, chú trọng đưa đảng viên vào hành động thực tiễn, gắn trách nhiệm của đảng viên, của cấp ủy cơ sở và cấp ủy cấp

trên trực tiếp đối với việc phân tích chất lượng đảng viên hàng năm, khắc phục tình trạng đảng vụ đơn thuần trong việc phân tích chất lượng đảng viên.

Song, những chuyển biến về công tác đảng viên chưa đều, còn nhiều hạn chế; một số đảng viên bản lĩnh chính trị thiếu vững vàng, không thiết tha với Đảng; ý thức Đảng của một số đảng viên là cán bộ chuyên môn, cán bộ Nhà nước còn yếu và có những quan niệm lệch lạc. Nội dung và phương pháp công tác giáo dục, rèn luyện, bồi dưỡng nâng cao phẩm chất và kiến thức chưa theo kịp cơ chế mới. Việc phân tích chất lượng đảng viên một số nơi còn hình thức, đảng vụ đơn thuần. Việc quản lý, phân công, kiểm tra, giúp đỡ đảng viên tiến hành chưa thường xuyên. Tuổi bình quân của đảng viên trong toàn Đảng bộ còn cao (trên 44,4 tuổi), trong khi đó nhiều tổ chức Đảng chưa coi trọng công tác phát triển đảng viên mới, đảng viên trẻ.

Công tác kiểm tra kỷ luật Đảng có nhiều cố gắng, góp phần vào việc giải quyết tình trạng mất đoàn kết nội bộ, hạn chế tiêu cực trong nội bộ Đảng, bộ máy Nhà nước, thúc đẩy đổi mới và chỉnh đốn Đảng... Ủy ban Kiểm tra các cấp tiến hành kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng trên 16 ngàn lượt đảng viên và 482 tổ chức Đảng (86%), phát hiện và xử lý kỷ luật 5 tổ chức Đảng và gần 1.000 đảng viên có sai phạm, trong đó có 260 cấp uỷ viên các cấp. Nội dung sai phạm chủ yếu tập trung ở vi phạm nguyên tắc tổ chức Đảng, vi phạm pháp luật, thoái hóa biến chất và lối sống. Song công tác kiểm tra ít chú ý đến ngăn chặn, phòng ngừa, thường bị động, lúng túng chạy theo vụ việc. Xử lý kỷ luật đối với đảng viên vi phạm quy định về nguyên tắc, tổ chức sinh hoạt Đảng được tiến hành kịp thời và nghiêm túc nhưng đối với đảng viên vi phạm pháp luật, gây thất thoát, lãng phí lớn, tham nhũng, buôn lậu, làm giàu bất chính, thoái hóa về đạo đức và lối sống thì xử lý chậm và chưa nghiêm vì khó làm rõ, tính tự giác của đảng viên kém, làm hạn chế tác dụng ngăn chặn tiêu cực, nhất là đối với đảng viên có chức, có quyền.

Để đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, Tỉnh ủy quan tâm đổi mới sự lãnh đạo, quyết tâm sửa chữa những khuyết điểm về công tác tổ chức cán bộ, khắc phục sự lúng túng về phương thức lãnh đạo, tác phong công tác của cấp

ủy, tháo gỡ những vướng mắc trong mối quan hệ giữa cấp ủy, chính quyền. Tích cực nghiên cứu tìm ra phương pháp nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy và nâng cao khả năng quản lý, điều hành của chính quyền và cơ quan quản lý.

Tỉnh uỷ xây dựng quy chế làm việc, xác định quyền hạn trách nhiệm của Đảng bộ tỉnh trong lãnh đạo thực hiện chủ trương đường lối, nghị quyết của Trung ương bằng việc xác định phương hướng, nhiệm vụ, những chủ trương và giải pháp lớn trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, xây dựng Đảng và công tác quần chúng... coi trọng thực hiện chế độ tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Hạn chế việc ra nghị quyết, sau mỗi lần có Nghị quyết của Trung ương được xây dựng bằng chương trình hành động, cụ thể, thiết thực, sát với tình hình thực tiễn của địa phương. Phát huy đầy đủ chức năng quản lý, điều hành của chính quyền các cấp và vai trò của các đoàn thể nhân dân dưới sự lãnh đạo, kiểm tra của Đảng, làm cho bộ máy của hệ thống chính trị hoạt động năng động, có hiệu quả trên cơ sở chấp hành nguyên tắc của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Giữ vững nguyên tắc giới thiệu bổ trí cán bộ cho cơ quan chính quyền, các đoàn thể trên cơ sở đảm bảo về tiêu chuẩn chính trị, phẩm chất, năng lực, có tính Đảng, tính tổ chức kỷ luật cao. Đảm bảo Đảng thống nhất lãnh đạo và quản lý cán bộ nhưng đồng thời phải đảm bảo bầu cử dân chủ, đúng luật pháp của nhà nước và điều lệ của các đoàn thể.

Các cấp ủy từng bước đổi mới phương thức lãnh đạo của mình đối với hệ thống chính trị và xã hội. Thông qua các tổ chức như Ban cán sự, Đảng đoàn để lãnh đạo các cơ quan Nhà nước và các đoàn thể quần chúng, khắc phục một bước sự chỉ đạo dài tay, bao biện. Bước đầu cải tiến phương pháp lãnh đạo, chỉ đạo, chủ yếu tập trung vào các vấn đề trọng tâm, trọng điểm trong từng thời gian.

Thực hiện thông tin nhiều chiều, tiếp thu ý kiến của cán bộ, đảng viên đối với các đề án lớn, phát huy vai trò chủ động của các cơ quan quản lý chính quyền, tăng cường công tác kiểm tra, uốn nắn kịp thời. Mặt khác, giữ mối quan

hệ giữa các cấp ủy, chính quyền, khắc phục tốt hơn những lỏng lẻo, thiếu ăn khớp trong xử lý công việc.

Đi đôi với đổi mới và chỉnh đốn Đảng, bộ máy chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tiếp tục được xây dựng và củng cố. Đảng bộ tổ chức các cuộc sinh hoạt định kỳ với các đoàn thể và Mặt trận để nắm tình hình công tác dân vận, bổ sung chủ trương, nhiệm vụ và uốn nắn những lệch lạc trong công tác của các đoàn thể và Mặt trận.

Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ cuộc bầu cử Quốc hội khóa IX (ngày 19-7-1992) và bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp (20-11-1994) đạt kết quả tốt. Hội đồng nhân dân các cấp thực sự là cơ quan quyền lực ở địa phương và đã bầu ra Ủy ban nhân dân các cấp có năng lực điều hành hoạt động của bộ máy nhà nước từ tỉnh đến cơ sở. Các cấp chính quyền từng bước tăng cường quản lý Nhà nước bằng pháp luật, tháo gỡ những vướng mắc trong sản xuất kinh doanh, lập lại trật tự kỷ cương xã hội; phân định rõ hơn chức năng quản lý Nhà nước trên lĩnh vực kinh tế và chức năng trực tiếp điều hành sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp; cải tiến được một số thủ tục hành chính, giải quyết công việc có nhanh hơn, hiệu quả hơn.

Thường trực Hội đồng nhân dân phối hợp với Mặt trận Tổ quốc tổ chức thu thập ý kiến, nguyện vọng chính đáng của cử tri và bước đầu giao cho các cơ quan chức năng giải quyết. Các kỳ họp Hội đồng nhân dân đã thảo luận và quyết định các chủ trương lớn về kinh tế - xã hội. Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, kiến nghị giải quyết nhiều vấn đề liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội phản ánh được quan điểm của Đảng và nguyện vọng của nhân dân.

Công tác vận động quần chúng có nội dung phù hợp với từng nơi, từng đối tượng quần chúng và yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, góp phần khơi dậy các phong trào cách mạng của quần chúng như: phong trào lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm; nhập ngũ, kế hoạch hóa gia đình, mua công trái; phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, ủng hộ Trường Sa, đóng góp ủng hộ nhân dân các vùng bị bão lụt... Trong việc đổi mới nội dung công tác vận động quần chúng, các phong trào do Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát

động có nội dung phong phú, gắn với thực tế, được quần chúng hưởng ứng và sớm đi vào cuộc sống.

Đảng bộ tỉnh lãnh đạo thực hiện Nghị quyết 8B của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI), Nghị quyết 07 của Bộ Chính trị về đại đoàn kết dân tộc, Nghị quyết 24 của Bộ Chính trị (khóa VI) về công tác tôn giáo, chỉ đạo sơ kết Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ, Nghị quyết 04/TW về công tác thanh niên và các chỉ thị của Ban Bí thư về công tác quần chúng. Đảng bộ tỉnh chỉ đạo mở hội nghị chuyên đề về công tác tôn giáo và có Chỉ thị về công tác tôn giáo ở địa phương trong tình hình mới. Riêng đối với Nghị quyết 8B, Tỉnh ủy đã nghiêm khắc kiểm điểm những khuyết nhược điểm trong công tác quần chúng và xây dựng *Chương trình hành động số 02-NQ/TU ngày 4-6-1990 về thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI)*. Trong chương trình, Tỉnh ủy nêu rõ: “Công tác vận động quần chúng là trách nhiệm của Đảng, chính quyền và các đoàn thể.

- Nghiên cứu bổ sung, tăng cường cán bộ cho các đoàn thể quần chúng và Mặt trận Tổ quốc. Phân công cấp ủy viên phụ trách công tác quần chúng, phân công đồng chí trong Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi và phối hợp hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng.

- Phối hợp chặt chẽ giữa các thành viên của Mặt trận để nâng cao hiệu quả công tác vận động quần chúng. Nắm chắc đường lối chủ trương của Đảng để đi sâu vận động các tầng lớp quần chúng.

- Các đoàn thể phải đổi mới nội dung và phương thức hoạt động phù hợp với từng đối tượng. Đi sâu, đi sát cơ sở. Phát động phong trào quần chúng hành động thiết thực. Thông qua các phong trào mà củng cố tổ chức, phát triển hội viên, đoàn viên. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần tăng cường hơn nữa khối đoàn kết toàn dân, có kế hoạch phát động giáo dục học sinh, sinh viên, trí thức, tôn giáo, nhất là tranh thủ chức sắc trong các tôn giáo.

- Từng đoàn thể phải xây dựng cốt cán trong hội viên, đoàn viên, thông qua cốt cán để nắm hội viên, đoàn viên. Thường xuyên có sinh hoạt cốt cán để phản ánh tình hình, phổ biến chủ trương công tác. Các đoàn thể quần chúng và

Mặt trận phải tập trung xây dựng cơ sở, hướng hoạt động về cơ sở. Cần nghiên cứu các hình thức thích hợp để tập hợp quần chúng như các tổ chức nghề nghiệp, tuổi tác, giới tính...

- Tổ chức tập huấn cho cán bộ xã, phường về công tác vận động quần chúng. Nghiên cứu tổng kết các phong trào quần chúng ở cơ sở để rút kinh nghiệm chỉ đạo”¹.

Thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy, đến năm 1993, công tác quần chúng có bước đổi mới về hình thức, nội dung và phương pháp tập hợp quần chúng. Khắc phục tình trạng phát động phong trào quần chúng một cách chung chung, chú ý hơn đến tính trọng tâm, trọng điểm. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị của tỉnh bước đầu phát huy được tính đặc thù của từng tổ chức, vừa bám sát chủ trương của Trung ương, của Đảng bộ tỉnh vừa gắn chặt với việc giải quyết những vấn đề thiết thực của đối tượng mình quản lý, do đó đáp ứng được tâm tư, nguyện vọng của quần chúng. Chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể như Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân của tỉnh có chuyển biến tích cực.

Qua Đại hội Mặt trận¹ và Đại hội Liên đoàn Lao động tỉnh đã kiện toàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và Ban Chấp hành Liên đoàn Lao động từ tỉnh đến cơ sở, tạo ra sự chuyển biến mới, nhất là về cơ cấu và chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác này. Năm 1994, hoạt động của các đoàn thể chính trị có tiến bộ cả bề nổi và chiều sâu. Nội dung giáo dục truyền thống, giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục pháp luật và các chương trình tham gia phát triển kinh tế - xã hội khá phong phú, sinh động. Các chủ đề, chương trình gắn với từng loại đối tượng hội viên cụ thể, do đó thu hút được đông đảo quần chúng tham gia. Công tác Mặt trận bám sát nhiệm vụ và phục vụ tốt cho nhiệm vụ chính trị, nhất là việc bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp. Năm 1995, cấp ủy và chính quyền các cấp chú trọng hơn đến việc củng cố Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, phát huy vai trò của đội ngũ đảng viên trong các tổ

¹ . Chương trình số 02-NQ/TU ngày 4-6-1990 của Tỉnh ủy Khánh Hoà.

¹ . Đại hội Mặt trận Tổ quốc tỉnh Khánh Hoà nhiệm kỳ 1993-1998.

chức quần chúng, tăng thêm cấp ủy viên làm công tác dân vận, mặt trận nhất là ở cấp huyện và cơ sở. Mặt trận và các đoàn thể các cấp đã chú ý đổi mới một bước về nội dung và phương thức hoạt động, hướng về cơ sở và đa dạng hóa hình thức, nội dung vận động; gắn chăm lo lợi ích của quần chúng với động viên quần chúng thực hiện các nhiệm vụ chính trị. Tổ chức được nhiều phong trào kết hợp hài hòa “ý Đảng lòng dân” như: tín chấp cho nhân dân vay vốn phát triển kinh tế gia đình, hoạt động từ thiện, chăm sóc các đối tượng chính sách, vận động thực hiện kế hoạch hóa gia đình, xây dựng gia đình văn hóa mới, giữ gìn trật tự trị an, phòng chống các tệ nạn xã hội.

Cùng với việc thành lập tổ chức Đảng đoàn và lãnh đạo chặt chẽ Đại hội Mặt trận và các đoàn thể, sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh đối với công tác quần chúng được tăng cường và đưa hoạt động mặt trận và đoàn thể các cấp đi vào nền nếp, thiết thực và hiệu quả hơn, tạo được bầu không khí dân chủ, công khai trong sinh hoạt của nhân dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể, thúc đẩy phong trào hành động cách mạng của quần chúng trên các lĩnh vực, góp phần tích cực vào những thành tựu mà Đảng bộ và nhân dân tỉnh Khánh Hòa đạt được trong những năm 1989 - 1995.

Công tác tuyên truyền, vận động đối với các thành viên trong tổ chức và quần chúng được tăng cường. Các phong trào hành động cách mạng của quần chúng đã bám vào mục tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh, một số chủ đề chính như phong trào lập nghiệp, tuổi trẻ giữ nước của thanh niên; sản xuất giỏi, biết làm giàu của nông dân; giáo dục truyền thống của cựu chiến binh; lao động sáng tạo của công nhân; làm kinh tế gia đình, nuôi con khỏe, dạy con ngoan của phụ nữ đã có những kết quả tốt. Những năm 1989 - 1995, mặc dù dân số tăng nhanh do dân cư nhiều tỉnh đến sinh sống làm ăn, nhưng nhờ có chính sách hợp lý, công tác vận động quần chúng quan tâm đúng mức nên mọi người yên tâm làm ăn, đoàn kết xây dựng quê hương Khánh Hòa ngày càng phát triển.

Với chủ trương xóa đói giảm nghèo của Trung ương, Đảng bộ tỉnh kịp thời chỉ đạo triển khai rộng rãi trong nhân dân, thành lập Ban chỉ đạo xóa đói giảm nghèo ở các cấp nhằm chăm lo tốt phong trào này. Ngoài việc dùng vốn

Trung ương, toàn tỉnh còn vận động nhân dân được trên 6 tỷ đồng để giúp đỡ vốn cho hộ nghèo đói phát triển sản xuất, từng bước ổn định cuộc sống, vượt qua đói nghèo. Cùng với việc hỗ trợ vốn, các ngành, các cấp trong tỉnh còn triển khai các biện pháp đồng bộ, hướng dẫn kiến thức và kinh nghiệm làm ăn, cung cấp giống, phổ biến kỹ thuật mới, gắn với xóa đói giảm nghèo, khuyến khích làm giàu hợp pháp. Đặc biệt, từ năm 1990 đến năm 1995, tỉnh đầu tư gần 73 tỷ đồng cho 2 huyện miền núi, giành một khoản vốn trên 5 tỷ đồng cho 2.645 hộ vay để sản xuất, xóa đói giảm nghèo. Cuộc vận động trở thành phong trào quần chúng tự nguyện, đoàn kết tương trợ nhau về vốn, giống, lao động, về tiến bộ khoa học kỹ thuật, về kinh nghiệm trong sản xuất kinh doanh v.v... góp phần quan trọng giúp cho nhiều hộ gia đình có đời sống khá lên, số hộ nghèo đói giảm rõ rệt, nhất là các huyện đồng bằng.

Phong trào “đền ơn đáp nghĩa”, chăm sóc các gia đình chính sách được Đảng bộ tỉnh quan tâm chỉ đạo một cách thiết thực. Nổi bật nhất là phong trào vận động nhân dân ủng hộ nhận phụng dưỡng và chăm sóc Bà mẹ Việt Nam anh hùng, giúp đỡ các gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng. Nhiều địa phương, ban ngành, xây dựng nhà tình nghĩa cho các gia đình thương binh, liệt sĩ, các Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Vào các ngày Tết và lễ kỷ niệm lịch sử, các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội đã tổ chức thăm hỏi, tặng quà các gia đình có công với nước, với quê hương để lại nhiều ấn tượng tốt đẹp, góp phần động viên và thể hiện sự gắn bó giữa Đảng, chính quyền với nhân dân. Đến năm 1995, toàn tỉnh xây dựng được 123 căn nhà tình nghĩa với tổng số 1,4 tỷ đồng, tu sửa 74 căn nhà trị giá 382 triệu đồng. Tặng 1.700 sổ tiết kiệm tình nghĩa, vận động phụng dưỡng 61 Bà mẹ Việt Nam anh hùng cho đến suốt đời.

Việc làm cho người lao động được Tỉnh ủy quan tâm chỉ đạo các đoàn thể thông qua các hình thức dạy nghề, giới thiệu việc làm, nhận sổ thanh niên tốt nghiệp đại học trong tỉnh chưa có việc làm vào các công ty, xí nghiệp, đồng thời tranh thủ các nguồn vốn tạo việc làm của Trung ương, cùng với việc mở

rộng và phát triển các cơ sở sản xuất kinh doanh. Năm 1994 đã giải quyết cho 12.000 lao động, tăng 2.500 người so với năm 1993.

Tầng lớp trí thức trong tỉnh có những đóng góp tích cực bằng các công trình nghiên cứu khoa học, phục vụ đời sống và tác động thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Giới công thương gia, tiểu chủ, tiểu thương tin tưởng đường lối đổi mới của Đảng, chấp hành pháp luật của Nhà nước, an tâm đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, có những đóng góp tích cực trong việc giải quyết việc làm cho người lao động và các hoạt động xã hội.

Cuộc vận động ủng hộ đồng bào bị bão lụt, ủng hộ nhân dân Cu-Ba cũng được nhân dân tham gia tích cực và đạt kết quả lớn. Các phong trào từ thiện xã hội, người tốt việc tốt... được duy trì thường xuyên ở nhiều địa phương, đơn vị, đoàn thể.

Các phong trào ủng hộ bộ đội, chiến sĩ được nhân dân, Mặt trận, các đoàn thể hưởng ứng tích cực.

Thông qua các hoạt động có hiệu quả, vai trò của Mặt trận và các đoàn thể, các hội quần chúng, hội nghề nghiệp được nâng lên. Thu hút được một bộ phận khá đông quần chúng vào tổ chức.

Tuy nhiên, công tác xây dựng chính quyền, Mặt trận và đoàn thể còn một số hạn chế, yếu kém đáng quan tâm: Việc thực hiện dân chủ có mặt còn hình thức, chưa phù hợp với yêu cầu đổi mới công tác quần chúng của Đảng. Bộ máy chính quyền cấp tỉnh mới được thành lập còn gặp nhiều khó khăn, cán bộ lãnh đạo nhiều người chưa có kinh nghiệm quản lý, còn thiếu cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ giỏi. Các tổ chức Mặt trận, đoàn thể nhân dân tuy có nhiều cố gắng hoạt động nhưng trước cơ chế mới còn lúng túng, bị động. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đoàn viên, hội viên và quần chúng hiệu quả còn thấp. Một số cấp ủy Đảng và đảng viên chưa thường xuyên coi trọng sự lãnh đạo, chỉ đạo công tác vận động quần chúng, xây dựng nòng cốt. Giải quyết công việc hành chính của các cấp chính quyền còn biểu hiện quan liêu, xa dân,

gây phiền hà cho nhân dân. Chính quyền cơ sở còn yếu kém trong quản lý địa bàn và chăm lo lợi ích cho dân.

II. ĐẢNG BỘ KHÁNH HÒA LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, GIÀNH THẮNG LỢI QUAN TRỌNG BƯỚC ĐẦU TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI.

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, từ giữa năm 1989 đến năm 1995, nhất là từ khi có Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, Đảng bộ tỉnh lãnh đạo nhân dân vượt qua mọi khó khăn, trở ngại, phấn đấu giành được nhiều thành tựu trong công cuộc đổi mới về kinh tế. Năm 1989, Tỉnh ủy tiếp tục chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị đối với nông nghiệp. Cùng với việc mở rộng lưu thông tác động về giá cả, khắc phục những yếu kém trong công tác khoán như chống khoán trắng, chú trọng đến lợi ích của người lao động, chỉ đạo xử lý kịp thời số vụ tranh chấp ruộng đất ở Cam Ranh, giữ được sự đoàn kết trong nông dân và nông thôn; tăng cường các biện pháp khoa học kỹ thuật như chỉ đạo về thời vụ, giống, thủy lợi, phòng trừ sâu bệnh và phòng chống dịch bệnh kịp thời. Ngành nông nghiệp sắp xếp và tổ chức lại các công ty dịch vụ hợp lý hơn, cung ứng đủ và kịp thời các loại vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp. Một số hợp tác xã nông nghiệp được giữ vững và phát triển. Đời sống xã viên các hợp tác xã và nông dân cá thể được cải thiện rõ. Tình hình sản xuất nông nghiệp và nông thôn, nhất là vùng nông thôn đồng bằng có nhiều chuyển biến mới. Sản lượng lương thực quy thóc đạt xấp xỉ 18 vạn tấn, bằng 95% kế hoạch, tăng gần 2 vạn tấn so với năm 1988. Năng suất và diện tích lúa ở đồng bằng tiếp tục tăng, năng suất và diện tích màu ở miền núi khá hơn trước. Tỷ trọng màu trong lương thực trên 21%. Một số cây công nghiệp ngắn ngày như thuốc lá, dâu tằm, bông, mía có phát triển. Đàn trâu bò tăng 5,4% so với năm 1988. Do chính sách khuyến khích chăn nuôi, đàn bò gia đình phát triển mạnh. Nông dân bước đầu chú trọng việc chăn nuôi bò thịt.

Quán triệt Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5, Tỉnh ủy Khánh Hòa họp Hội nghị lần thứ 14 từ ngày 26-28.7.1993, nghiên cứu vận dụng và xây dựng

Chương trình hành động của Đảng bộ về “*tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế-xã hội nông thôn đến năm 1995 và những năm tiếp theo*”. Năm 1994, Đảng bộ tỉnh chủ trương đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, đề phòng nạn đói có thể xảy ra, tăng cường đầu tư để chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, kịp thời đưa các giống lúa, bắp lai, mía... cho năng suất cao, kháng bệnh và sâu rầy thay cho một số giống cũ; đưa hàng ngàn tấn giống, phân urê và thuốc trừ sâu cho nông dân vay; chi gần chục tỷ đồng để sửa chữa, tu bổ các công trình thủy lợi nhỏ và giao thông nông thôn; đẩy mạnh công tác khuyến nông, chú trọng công tác khoa học kỹ thuật phục vụ kịp thời cho sản xuất. Đồng thời, tiến hành giao đất nông nghiệp ổn định lâu dài cho 46.993 hộ trong tổng số 100.000 hộ nông dân, với 24.439 ha, chiếm 46,5% tổng số diện tích đất nông nghiệp.

Nhờ những cố gắng của Đảng bộ và nhân dân, nông nghiệp năm 1994 có sự tăng trưởng khá so với năm 1993: Năng suất lúa tăng 2,2 tạ/ha (38,9 tạ/ha). Sản lượng lương thực tăng 7%, bình quân lương thực/đầu người tăng 3,5kg (194,1kg). Cây công nghiệp ngắn ngày tăng 20%. Giá trị tổng sản lượng ngành nông nghiệp đạt 165 tỷ đồng (giá cố định 1989), tăng 4,1%.

Cuối năm 1994, Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 21 họp đánh giá kết quả tình hình kinh tế - xã hội năm 1994 và ra Nghị quyết lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội năm 1995. Trong đó đề ra phương hướng tiếp tục đẩy mạnh việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công - nông nghiệp - dịch vụ và du lịch. Theo hướng đó, Tỉnh ủy chỉ đạo đầu tư xây dựng mới Nhà máy đường Ninh Hòa công suất 1.250 tấn mía/ngày, cùng các chủ trương chính sách hỗ trợ vốn cho nông dân vay, các hoạt động khuyến nông, nhân giống mới có tác động thúc đẩy nhân dân tích cực chuyển sang trồng mía.

Năm 1995, cơ cấu cây trồng chuyển dịch tương đối mạnh. Diện tích trồng màu giảm, diện tích cây công nghiệp hàng năm tăng 55% so với cùng kỳ, trong đó diện tích mía tăng từ 3.633 ha năm 1990 lên 6.652 ha năm 1994 và 11.121 ha vào năm 1995. Diện tích và năng suất mía mỗi năm đều tăng góp phần xây dựng và phát triển ngành công nghiệp mía đường của tỉnh. Nổi bật trong chuyển dịch nhanh cơ cấu cây trồng từ cây màu sang cây công nghiệp có giá trị

kinh tế cao, khá nhất là các huyện Diên Khánh, Ninh Hòa, Vạn Ninh. Toàn tỉnh chuyển 2.283 ha trồng lúa và màu hiệu quả kém sang trồng các loại cây có hiệu quả cao. Rõ nhất là chuyển sang trồng mía, các loại đậu, cây ăn quả, dưa... Diện tích cây ăn quả ở vùng Diên Khánh và Nha Trang ngày càng mở rộng. Trên diện tích 2 vụ lúa, nông dân ở nhiều nơi phát triển thêm một vụ đậu phụng như ở Vạn Lương; trồng dưa ở nhiều xã thuộc Diên Khánh, Nha Trang.

Kinh tế vườn có bước phát triển khá. Ở đâu cũng có phong trào làm VAC, nổi bật nhất là phong trào trồng táo, trồng chanh, trồng sầu riêng... và bước đầu có phong trào xây dựng vườn đồi.

Sản xuất nông nghiệp phát triển tương đối toàn diện, bình quân hàng năm 3,8%. Trong khu vực nông nghiệp, những kết quả đạt được cơ bản là giữ vững và phát triển sản xuất lương thực cả về diện tích và sản lượng. Diện tích trồng cây lương thực từ 51.917 ha năm 1992 lên 62.151 ha năm 1994; sản lượng quy thóc từ 161.000 tấn năm 1992 lên 180.581 tấn năm 1994, năm 1995 ở mức 181,3 ngàn tấn. Nhờ ổn định được lương thực tạo điều kiện cho các ngành sản xuất phát triển. Cơ sở vật chất phục vụ nông nghiệp tăng lên đáng kể. Hệ thống thủy lợi đảm bảo tưới tiêu cho 33.000 ha diện tích gieo trồng, tăng 6.000 ha so với năm 1990.

Chăn nuôi được chú trọng, đàn gia súc được giữ vững và phát triển, đàn trâu ổn định 15.000 con. Do được tỉnh đầu tư từ các nguồn vốn xóa đói giảm nghèo, đi đôi với việc thực hiện các dự án cải tạo đàn bò, nhờ vậy đàn bò tăng ở tất cả các huyện, nhất là hai huyện miền núi. Đàn bò từ 61.421 con năm 1992 lên 65.150 con năm 1994, đến cuối năm 1995 đạt 69.602 con; trong đó, các huyện miền núi đưa đàn bò tăng hơn trước 2.000 con (nhờ vốn hỗ trợ của Nhà nước). Đàn heo từ 105.302 con năm 1992 lên 112.240 con năm 1994, năm 1995 giảm 23.000 con (do giá bán thấp, giá thức ăn gia súc tăng); đàn gia cầm ổn định và có phát triển về số lượng. Một số giống mới cho năng suất cao (đàn bò, gà, vịt, heo) lai tạo có hiệu quả. Tuy nhiên trong nông nghiệp, vấn đề chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho nông dân còn lúng túng, nhất là khi hợp tác xã chuyển đổi cơ chế hoạt động. Sâu, dịch, bệnh cây trồng và gia súc diễn biến

phức tạp là một trong những nguyên nhân làm giảm an toàn lương thực và thực phẩm, khiến cho nhiều hộ nông dân bị thiệt hại trong sản xuất.

Kinh tế lâm nghiệp được Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo thực hiện tổ chức lại các lâm trường, gắn việc khai thác với lâm sinh; lập một số xí nghiệp chế biến gỗ. Tiến hành kiểm kê rừng tự nhiên trong cả tỉnh, xác định diện tích rừng và đất rừng 156.835 ha, rừng phòng hộ 42.000 ha, rừng đặc dụng 4.000 ha. Tổ chức một bước sắp xếp lại 3 cơ sở chế biến gỗ quốc doanh, 2 cơ sở song mây, cấp 50 giấy phép chế biến lâm sản, 100 giấy phép làm mộc dân dụng. Trong số này, diện tích rừng giao cho các lâm trường quản lý 116.624 ha (chiếm 74% diện tích rừng tự nhiên trong tỉnh). Năm 1991 khai thác được 23.000 mét khối gỗ; trồng rừng được 542 ha; trồng cây phân tán 1.300.000 cây. Đến năm 1994 khai thác 38.000 mét khối gỗ các loại; trồng 2.980 ha rừng tập trung và 3 triệu cây phân tán, đạt 90% kế hoạch. Giao khoán cho dân quản lý 3.370 ha rừng, đạt 100% kế hoạch.

Thực hiện đóng cửa rừng (không cho khai thác rừng tự nhiên) tại một số địa phương như Cam Ranh, Khánh Sơn, Vạn Ninh, tổ chức trồng thử nghiệm cây đặc sản như quế, gió bầu; hạn chế lưu thông gỗ tròn, gỗ nguyên liệu. Lâm sản khai thác được đưa một phần sang chế biến hàng xuất khẩu. Riêng chế biến của quốc doanh, năm 1991 xuất khẩu trị giá 100.000 USD, năm 1993 đạt 1.240.000 USD, năm 1994 tăng lên 1.600.000 USD. Trong khi đó các ngành và các thành phần kinh tế xuất khẩu lâm sản đạt 4.500.000 USD. Sử dụng các nguồn vốn của chương trình PAM và 327 duy trì và phát triển phong trào phủ xanh đất trống đồi trọc, số hộ nông dân xin nhận đất trồng rừng từ 1.700 hộ năm 1993 lên 2.700 hộ năm 1994. Tổng diện tích rừng mới trồng đến năm 1995 là 16.000 ha. Nhiều hộ ở Cù Hin (Cam Ranh), Sơn Lâm (Khánh Sơn) coi trồng cây bạch đàn, phi lao, điều... là một nghề làm giàu. Ngành lâm nghiệp tuy có bước tiến bộ, song công tác giao rừng, trồng rừng, bảo vệ lâm sinh và việc ngăn chặn nạn khai thác gỗ lậu còn hạn chế và hiệu quả thấp.

Về kinh tế thủy sản, Tỉnh ủy chỉ đạo thực hiện phát triển các phương tiện đánh bắt hải sản. Số tàu thuyền ngày càng nhiều. Riêng ghe thuyền sản xuất

thủ công năm 1990 là 1.490 chiếc, năm 1994 lên 1.560 chiếc. Công suất tàu gắn máy từ 54.100 CV năm 1992 lên 73.125 CV năm 1994, đến cuối năm 1995 đạt trên 75.000 CV, tăng gần 1,8 lần so với năm 1990. Bước đầu có tàu thuyền đi khai thác ở ngư trường xa dài ngày. Nhờ đó sản lượng khai thác tăng từ 36.910 tấn năm 1991 lên 39.847 tấn năm 1994.

Các cơ sở chế biến hải sản phát triển, mở rộng, một số cơ sở được đổi mới công nghệ và trang bị, sản xuất và chế biến được nhiều mặt hàng chủ lực. Toàn tỉnh có 15 cơ sở chế biến đông lạnh, khả năng cấp đông 89 tấn/ngày. Kho bảo quản 2.500 tấn vẫn còn thừa công suất. Nhờ có cơ sở vật chất được bảo đảm, số hải sản chế biến ngày một tăng. Năm 1994, ngành chế biến đông lạnh xuất khẩu cả tỉnh đạt 2.910 tấn cá, 906 tấn mực, 500 tấn tôm, 535 tấn cá cơm. Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng nhanh, từ 7.279.000 USD năm 1992 lên 26.201.000 USD năm 1993 và 32.083.000 USD năm 1994, chiếm 60% tổng giá trị xuất khẩu của tỉnh. Ngoài ra còn sản xuất phục vụ nội địa hàng năm 4.200.000 lít nước mắm, 58 tấn hải sản khô và 10.000 tấn chượp.

Phong trào sản xuất tôm giống được đẩy mạnh, đảm bảo đủ dùng trong tỉnh và còn phục vụ cho các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long mỗi năm 606 triệu con tôm "pot" trong tổng số 1.270 triệu con sản xuất được trong năm 1994. Từ chỗ năm 1990 chỉ có 16 trại tôm đẻ, năm 1994 cả tỉnh có gần 300 trại với khối tích bể 6.500 mét khối. Nhiều gia đình giàu có nhờ nuôi tôm đẻ, thu hút hàng vạn lao động vào dịch vụ nuôi tôm.

Cùng với phong trào sản xuất tôm giống, tỉnh cũng chỉ đạo đẩy mạnh phong trào nuôi tôm, bắt đầu mở rộng việc nuôi tôm hùm lông, cá mú. Từ một số gia đình nuôi ban đầu đã kịp thời rút kinh nghiệm mở rộng diện tích. Năm 1992 diện tích nuôi tôm 1.809 ha với sản lượng 1.050 tấn. Năm 1994 diện tích lên 3.588 ha với sản lượng 1.528 tấn. Năm 1995 diện tích nuôi tôm tăng gần 3 lần so với năm 1990. Từ phong trào nuôi tôm rút ra nhiều bài học bổ ích về khai thác tiềm năng, phân bổ lại lao động, quy hoạch và làm giàu bằng thế mạnh kinh tế biển. Một số người bắt đầu chuyển quy trình sản xuất theo hướng công nghiệp thu lợi ích rõ rệt. Tổ nuôi tôm ở Cam Thịnh Đông (Cam Ranh) có

9 ha với quy trình sản xuất mới đạt năng suất 1 tấn/ha/vụ. Tuy nhiên, vấn đề mới đặt ra là phải xây dựng các vùng nuôi tôm như các khu công nghiệp tập trung mới khắc phục được tình hình ô nhiễm môi trường, áp dụng kỹ thuật mới, đầu tư chiều sâu, hạn chế ảnh hưởng môi trường mới có hiệu quả kinh tế cao.

Sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp phát triển khá. Thực hiện cơ chế mới, một số xí nghiệp quốc doanh kịp thời chuyển hướng sản xuất kinh doanh, mở rộng hợp tác, liên doanh, liên kết, tự tạo thêm nguồn vốn, thị trường, thay đổi mặt hàng hợp với thị hiếu người tiêu dùng; Theo hướng này, một số hợp tác xã, tổ hợp cơ khí, gỗ, giấy, thêu, đan mây tre cũng được phát triển và sản xuất có hiệu quả. Năm 1992, Tỉnh ủy chủ trương tiếp tục chỉ đạo đầu tư chiều sâu để đổi mới thiết bị, mở rộng liên doanh liên kết trong và ngoài nước, ngân sách hỗ trợ vốn kinh doanh, tháo gỡ bớt nợ ngân hàng, giao vốn cho xí nghiệp, sắp xếp lại sản xuất kinh doanh. Các ngành tiểu, thủ công nghiệp có nhiều cố gắng, duy trì được sản xuất, giá trị tổng sản lượng đạt 345,6 tỷ, trong đó công nghiệp địa phương 282,9 tỷ; khu vực quốc doanh 244,4 tỷ. Công nghiệp quốc doanh địa phương nộp ngân sách chiếm 56% trong tổng thu ngân sách. Tỉnh ủy cũng chủ trương thực hiện đầu tư mở rộng sản xuất và đầu tư mới các xí nghiệp quốc doanh như xí nghiệp đường Khánh Hòa, xí nghiệp đông lạnh Nha Trang, nhà máy bia nước ngọt, nhà máy thủy tinh, tuyển rửa cát, dây khóa kéo Nha Trang, nhà máy bia liên doanh 35 triệu lít/năm... Năm 1993, giá trị tổng sản lượng công nghiệp tăng khá, các xí nghiệp quốc doanh địa phương nộp ngân sách chiếm gần 1/2 nguồn thu ngân sách của tỉnh. Trước thử thách của cơ chế thị trường, nhiều doanh nghiệp công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp vẫn đứng vững, một số mặt hàng của địa phương sản xuất như thuốc lá, xi măng, nước khoáng, cát, may mặc xuất khẩu, chế biến hải sản, đường, dây khóa kéo... có uy tín trên thị trường và được tiêu thụ khá mạnh. Năm 1994, giá trị tổng sản lượng công nghiệp địa phương đạt 313,4 tỷ đồng; một số sản phẩm tăng nhanh so với năm 1993 như thuốc lá tăng 91%, dây khóa kéo tăng 2 lần, may mặc xuất khẩu tăng 57%, xà phòng các loại tăng 122%, xi

măng tăng 39%, nước ngọt tăng 25%. Năm 1995, Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật cho một số cơ sở công nghiệp địa phương như Nhà máy gạch Tuy-nen, Nhà máy thủy tinh, Nhà máy đường... năng lực sản xuất công nghiệp được nâng lên. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp tăng 21% so với năm 1994, trong đó công nghiệp quốc doanh tăng 24,3%, công nghiệp ngoài quốc doanh tăng 11,4%. Sản xuất công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp của tỉnh cơ bản vượt qua thời kỳ khó khăn lúc mới chuyển đổi cơ chế. Tuy nhiên, doanh nghiệp vẫn thiếu vốn để đầu tư mở rộng sản xuất, quy mô nhà xưởng còn nhỏ, máy móc thiết bị quá cũ kỹ, lạc hậu; đầu tư thực sự cho sản xuất còn ít. Mặt hàng tiểu, thủ công nghiệp truyền thống địa phương chưa được khuyến khích phát huy.

Dưới sự chỉ đạo tập trung của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và các ngành, các cấp, từ cuối năm 1989 nhịp độ xây dựng cơ bản không những được khôi phục mà còn được đẩy nhanh hơn các năm trước. Bằng nhiều nguồn vốn đầu tư như ngân sách của Nhà nước, huy động nguồn vốn liên doanh liên kết và hợp tác quốc tế, vốn tự có của xí nghiệp, vốn của tập thể, cá thể... Năm 1991, tỉnh tập trung xây dựng các công trình sớm phát huy hiệu quả và kết cấu hạ tầng thiết yếu như: hệ thống thủy lợi Đá Bàn, cấp nước Nha Trang, cảng Hòn Khói. Tỉnh Khánh Hòa gọi vốn đầu tư nước ngoài xây dựng xí nghiệp mới, mở rộng sản xuất trên 10 tỷ đồng. Bổ sung 2.025 tỷ vốn xây dựng cơ bản để hoàn chỉnh các công trình đường 2/4, nút giao thông Mã Vòng, xây dựng nhà máy bia. Vốn sự nghiệp kinh tế 4,9 tỷ đồng xây dựng thủy lợi nhỏ, cầu cống, đường xá đem lại hiệu quả thiết thực. Năm 1993, tỉnh đầu tư cho xây dựng cơ bản 66 tỷ 792 triệu đồng, trong đó đầu tư chiều sâu gần 7,4 tỷ đồng. Năm 1995, tổng mức vốn đầu tư xây dựng cơ bản thực hiện đạt 104,9% kế hoạch, tăng 23,8% so với năm 1994, hầu hết các công trình thực hiện được chủ trương giảm chi phí, tiết kiệm 5-7%. Có 38 công trình và trên 30 hạng mục công trình của tỉnh được hoàn thành và đưa vào sử dụng, tạo thêm năng lực mới gồm: hệ thống công trình thủy lợi đảm bảo tưới tiêu 280 ha, công trình nước sạch cung cấp 6.000 m³/ngày nước sinh hoạt; xây dựng 954m² trạm y tế

xã, 494 km đường điện trung hạ thế; 27,4 km đường giao thông, 4 cầu, 115 căn hộ chung cư, 641m² nhà làm việc, 3.922 m² nhà khác... Cùng năm 1995, nhiều công trình của các cơ quan Trung ương đóng tại địa phương và các công trình liên doanh nước ngoài được khởi công xây dựng, với vốn đầu tư xây dựng cơ bản thực hiện hơn 100 tỷ đồng.

Tổng các nguồn vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt 1.400 tỷ đồng, năng lực sản xuất của tất các ngành đều tăng. Hệ thống đường giao thông đô thị và nông thôn, kể cả các bến bãi được xây dựng, cải tạo và nâng cấp một bước, đường ô tô đã đến tất cả các xã. Các phương tiện vận tải của các thành phần kinh tế tăng đáng kể. Điện lưới quốc gia đến tất cả các huyện lỵ và 85/125 xã, phường trong tỉnh. Hệ thống thông tin liên lạc được mở rộng và nâng cấp với thiết bị công nghệ mới, hiện đại. Các huyện đều có tổng đài điện tử, 100/128 xã, phường có máy điện thoại, bình quân 100 người dân có 01 máy điện thoại.

Nhiều cơ sở sản xuất được đầu tư mới hoặc nâng cấp và mở rộng, tạo ra nhiều sản phẩm mới, chất lượng cao, một số sản phẩm có chỗ đứng ở thị trường trong nước và thế giới.

Các công trình phúc lợi công cộng như cấp thoát nước, văn hóa, thể dục thể thao, giáo dục, y tế, phát thanh truyền hình... được cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới, góp phần đáp ứng yêu cầu đời sống của nhân dân.

Các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển du lịch và dịch vụ ngày càng nhiều: xây dựng mới và nâng cấp hàng chục khách sạn quốc doanh, tư nhân và liên doanh với các tỉnh, với nước ngoài, thu hút khách hàng năm tăng 20%, trong đó 1/3 là khách nước ngoài.

Du lịch của tỉnh Khánh Hòa được Tỉnh ủy xác định là một ngành kinh tế có nhiều tiềm năng, do đó tiếp tục đầu tư chiều sâu và đầu tư phát triển quy mô rộng hơn. Năm 1994, cơ sở vật chất được tăng cường thu hút số lượng khách đông, trong đó khách quốc tế chiếm 72.500 người, chiếm 28%; nộp ngân sách trên 9 tỷ đồng, tăng 3 tỷ so với năm 1993. Năm 1995, bên cạnh việc đầu tư nâng cấp các khách sạn cũ, xây dựng và đưa vào sử dụng một số khách sạn

hiện đại. Ngành du lịch tổ chức được một số dịch vụ sinh hoạt, giải trí đa dạng hơn, đáp ứng nhu cầu khách du lịch trong nước và quốc tế. Tuy số lượng khách đến năm 1995 giảm 11,6% so với năm 1994, nhưng khách quốc tế tăng hơn 33% và số ngày khách quốc tế tăng 28,3%. Tổng doanh thu của ngành du lịch tăng hơn 14% so với năm 1994.

Hoạt động thương mại có tiến bộ. Thương nghiệp quốc doanh được sắp xếp tổ chức và kinh doanh; những công ty hoạt động kém hiệu quả, thua lỗ kéo dài được giải thể như các công ty nông sản, trang thiết bị, chế biến thực phẩm, thương nghiệp Vạn Ninh. Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo đổi mới phương thức kinh doanh với mục tiêu thực sự có lãi, nhờ đó năm 1991 toàn ngành thương nghiệp quốc doanh thực hiện được 107,7 tỷ đồng (doanh số bán ra) vượt mức kế hoạch, tăng hơn cùng kỳ 60%, thực sự có lãi 1,8 tỷ đồng, góp phần ổn định giá cả thị trường. Thương nghiệp quốc doanh tuy có nhiều khó khăn nhưng đã đi dần vào thế ổn định. Thương nghiệp tư nhân được mở rộng, đến năm 1993 toàn tỉnh có 21.144 hộ tư thương, trong đó 15.883 hộ chuyên nghiệp, doanh thu bình quân gần 4,5 triệu đồng/tháng/hộ. Doanh số bán lẻ tăng 7% so với năm 1992. Năm 1994, tổng mức bán lẻ hàng hóa trên thị trường toàn tỉnh đạt 1.000 tỷ đồng, tăng 27% so với năm 1993. Thương nghiệp quốc doanh sau một thời gian chao đảo, bước đầu vươn lên thích ứng trong cơ chế quản lý mới, chi phối khoảng 35% các mặt hàng bán buôn như xăng dầu, xi măng, bia, thuốc lá... trên thị trường. Hoạt động phục vụ miền núi có chuyển biến khá hơn trước, bán ra 2,7 tỷ đồng hàng hóa và mua vào trên 800 triệu đồng nông sản các loại của đồng bào miền núi. Năm 1994 có 31/34 đơn vị thương nghiệp quốc doanh làm ăn có lãi. Thương nghiệp tư nhân có 22.170 hộ, tăng 2,7% so với năm 1993, trong đó có 16.610 hộ chuyên nghiệp nhưng chỉ có 13.869 hộ đăng ký kinh doanh theo Nghị định 66/HĐBT.

Kinh tế đối ngoại được mở rộng, từng bước tranh thủ thêm bạn hàng và đối tác, tiền vốn, thị trường và phương thức hợp tác, tiếp nhận được một số thiết bị kỹ thuật, công nghệ tiên tiến và kinh nghiệm quản lý. Năm 1991, kim ngạch xuất khẩu đạt 22 triệu USD, bằng 91,66% kế hoạch. Mặt hàng xuất khẩu

chủ yếu là gỗ xẻ 11.000 mét khối, song mây sơ chế 4.500 tấn, muối 1.500 tấn, hải sản 650 tấn, súc sản đông lạnh 1.000 tấn, cát 40.000 tấn, yến sào, hàng thủ công mỹ nghệ... thị trường xuất khẩu chủ yếu là các nước Đài Loan, Singapore, Philippines, Nhật, Canada, bước đầu tạo được các mối quan hệ kinh tế với một số khách hàng ở các nước này. Kim ngạch nhập khẩu đạt 23 triệu USD (102% kế hoạch). Trong đó, tư liệu sản xuất chiếm 90%, hàng tiêu dùng 10%. Hàng nhập chủ yếu là nguyên phụ liệu, thiết bị sản xuất thuốc lá, dây khóa kéo, nhựa đường, phân bón, dầu Diezen, nguyên liệu sản xuất xà phòng hương phẩm... phục vụ nhu cầu sản xuất trong tỉnh. Năm 1994 tổng kim ngạch xuất khẩu đạt trên 46 triệu USD (xuất khẩu trực tiếp 41,4 triệu USD), bằng 125% kế hoạch, tăng 25% so với năm 1993. Trong đó, hải sản chiếm 64%, mây 7%, gỗ 2%, cát 2%. Tổng kim ngạch nhập khẩu 43 triệu USD, bằng 122% kế hoạch, tăng 25% so với năm 1993, trong đó máy móc, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất 66%, hàng tiêu dùng 30%.

Năm 1995, kinh tế đối ngoại tiếp tục phát triển khá hơn, 17 cơ sở có vốn đầu tư nước ngoài (5 cơ sở 100% vốn nước ngoài), với tổng vốn đăng ký là 101.750.000 USD (phía nước ngoài đăng ký 67,3 triệu USD), thu hút 2.500 lao động chủ yếu là sản xuất trực tiếp; doanh thu đạt 6,8 triệu USD, tăng 115% so với năm 1994 (giá trị xuất khẩu là 3,2 triệu USD, tăng 15% so với năm 1994). Song số vốn đầu tư cho mỗi dự án còn nhỏ (5,5 triệu USD/dự án), tỷ lệ rút giấy phép so với số được cấp là 37% và 30,8% về vốn là quá lớn so với cả nước, nên hiệu quả kinh tế xã hội do các dự án đầu tư mang lại chưa cao.

Hoạt động xuất nhập khẩu tăng khá, kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 31%, năm 1995 đạt gần 64 triệu USD, tăng 3,8 lần so với năm 1990; nhập khẩu tăng bình quân 75%; kim ngạch nhập khẩu tăng 2,8 lần so với năm 1990.

Công tác tài chính, ngân hàng có tiến bộ. Tỉnh ủy chủ trương chấn chỉnh lại tổ chức và hoạt động của bộ máy tài chính và ngân hàng. Qua cân đối thu chi về tài chính cho thấy, nền kinh tế địa phương có những chuyển biến tiến bộ, mở ra nhiều khả năng tốt cho các năm sau. Năm 1993, thu chi ngân sách đạt khá, trong đó thu ngân sách 275,2 tỷ đồng đạt 140% kế hoạch. Năm 1994,

thu ngân sách đạt 372,4 tỷ đồng, bằng 104% kế hoạch (trong đó thu doanh nghiệp địa phương chiếm khoảng 1/2) tăng 33% so với năm 1993. Tình trạng nợ thuế, lậu thuế, không đăng ký kinh doanh, núp bóng quốc doanh khu vực tư nhân vẫn còn phổ biến. Chi ngân sách địa phương 266 tỷ đồng, bằng 117% kế hoạch, trong đó chi xây dựng cơ bản, chi sự nghiệp kinh tế, văn xã, quản lý hành chính khá cao so với năm 1993.

Ngành ngân hàng huy động vốn 350 tỷ, gấp 2 lần năm 1993, trong đó huy động vốn trong dân 40%. Cho vay ngoài quốc doanh gần 400 tỷ đồng để phát triển sản xuất, trong đó số hộ nông nghiệp, ngư nghiệp được vay vốn chiếm trên 73%.

Hoạt động tích cực của ngành tài chính, ngân hàng góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Tổng thu ngân sách tăng 11 lần so với năm 1990 (giá hiện hành), chiếm 19% GDP của tỉnh, đóng góp cho Trung ương năm sau cao hơn năm trước và dành một tỷ lệ đáng kể để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng. Nền kinh tế bước đầu có tích lũy nội bộ. Đời sống nhân dân được cải thiện một bước. Năm 1995, Khánh Hòa gia nhập "Câu lạc bộ 500 tỷ".

Từ năm 1989 đến 1995, với việc phát triển kinh tế tương đối toàn diện, tốc độ tăng trưởng liên tục cao, từng bước chuyển dịch và hình thành theo cơ cấu kinh tế đã xác định. So với năm 1991, đến cuối năm 1995, trong GDP, công nghiệp từ 33% lên 40%, nông - lâm nghiệp từ 30% còn 24%, dịch vụ và du lịch vẫn giữ ở mức 36%.

Dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, kinh tế nhiều thành phần hình thành phát triển đa dạng, dựa trên sự tồn tại và đan xen nhiều hình thức sở hữu, bước đầu khơi dậy các nguồn lực, tạo ra sự năng động, thúc đẩy kinh tế tăng trưởng, trong đó kinh tế quốc doanh chiếm 47,2%, kinh tế ngoài quốc doanh chiếm 52,8% trong GDP.

Các doanh nghiệp Nhà nước giữ vị trí quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, đại bộ phận được sắp xếp và đăng ký theo Nghị định 388-CP. Năm 1995, chấn chỉnh lại theo Chỉ thị 500 của Thủ tướng Chính phủ, có 60% doanh nghiệp Nhà nước làm ăn có lãi.

Cùng với việc thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, Nghị quyết Trung ương 5 và Luật đất đai, vai trò tự chủ kinh tế của các hộ gia đình được phát huy, nhiều hộ mở ra hướng làm ăn mới và phát triển khá. Kinh tế hợp tác xã nông nghiệp bước đầu đổi mới phương thức sản xuất kinh doanh theo hướng kinh doanh tổng hợp và dịch vụ.

Kinh tế tư nhân (cá thể, tư bản tư nhân...) phát triển nhanh, hoạt động dưới nhiều hình thức, nhất là loại hình dịch vụ, đầu tư nhỏ và mau thu hồi vốn.

Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo đổi mới kế hoạch hóa và công tác quản lý, từng bước đổi mới theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Công tác kế hoạch hóa chuyển từ tập trung xây dựng chỉ tiêu pháp lệnh và phân bổ vật tư, tiền vốn sang định hướng, xây dựng quy hoạch, kế hoạch dài hạn, xác định tổng cân đối là chủ yếu. Việc đổi mới tổ chức, vận dụng cơ chế và chính sách về giá, về tài chính, ngân hàng của Trung ương được xúc tiến kịp thời và mạnh hơn, tạo nên sự đồng bộ của cơ chế quản lý kinh tế mới, tạo thuận lợi thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển. Đồng thời tích lũy thêm kinh nghiệm trong quản lý và điều hành các thành phần kinh tế.

Cùng với chăm lo phát triển kinh tế, công tác văn hóa - xã hội, thực hiện chính sách xã hội được Đảng bộ tỉnh quan tâm, có những chuyển biến tích cực. Trên lĩnh vực văn hóa - xã hội, Tỉnh ủy đề ra các chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 về giáo dục - đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân, dân số và kế hoạch hóa gia đình, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, các chương trình giải quyết việc làm. Kết quả thực hiện các chương trình hành động của Tỉnh ủy đều có những tiến bộ đáng kể.

Sự nghiệp giáo dục và đào tạo được tỉnh chỉ đạo và đầu tư để tu bổ trường lớp, xóa học ca 3 trong toàn tỉnh. Chất lượng dạy và học ở một số trường có chuyển biến. Cha mẹ học sinh quan tâm hơn đến công tác giáo dục, quan hệ giữa gia đình học sinh và nhà trường chặt chẽ hơn, xuất hiện nhiều học sinh đạt giải cao trong các kỳ thi quốc gia. Năm 1991, ngành giáo dục bước đầu có sự chuyển biến mới về nề nếp và kỷ cương trong việc dạy và học, từng bước giải

quyết những khó khăn về cơ sở vật chất và tập trung đầu tư cho các đơn vị trọng điểm. Xây dựng hoàn chỉnh trường phổ thông trung học chuyên Lê Quý Đôn, trang bị phòng máy vi tính cho trường cấp III Lý Tự Trọng, Lê Quý Đôn, Nguyễn Văn Trỗi... giáo dục ở miền núi được quan tâm nhiều hơn về đào tạo, chế độ chính sách, cơ sở vật chất. Các trường trung học chuyên nghiệp được sắp xếp lại hợp lý. Các chính sách ưu đãi đối với giáo viên dạy giỏi, học sinh giỏi được quan tâm. Toàn tỉnh có 19 học sinh các trường phổ thông đạt các giải trong kỳ thi học sinh giỏi toàn quốc. Năm 1993, chất lượng giáo dục được duy trì và phát triển, số trường, số lớp tăng, đạt 20 giải trong kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, 05 học sinh đậu thủ khoa vào các trường đại học, cao đẳng. Năm học 1993-1994, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp phổ thông các cấp và vào đại học khá cao, trong đó có 04 thủ khoa, thi học sinh giỏi toàn quốc đoạt 35 giải. Tỉnh chỉ đạo sửa chữa, xây dựng mới một số trường học, đầu tư gần 5 tỷ đồng cho sự nghiệp giáo dục. Năm 1995, thi học sinh giỏi cấp quốc gia đạt 40 giải, thi học sinh giỏi quốc tế đạt 10 giải. Năm 1995, chi thường xuyên cho sự nghiệp giáo dục 56 tỷ đồng, cấp hơn 5,4 tỷ đồng phục vụ xây mới 272 phòng học và cải tạo, nâng cấp 250 phòng học khác. Sự đa dạng hóa các loại hình trường lớp, số học sinh đến trường năm học 1995-1996 tăng nhanh, so với năm học 1994-1995 tăng hơn 6%.

Công tác giáo dục, xóa mù chữ được coi trọng. Toàn tỉnh có 5/7 huyện, 102/128 xã, phường được công nhận xóa mù chữ và phổ cập tiểu học theo tiêu chuẩn quốc gia. Trường nội trú cho con em các dân tộc thiểu số được duy trì và phát triển. Phong trào học nghề, ngoại ngữ, tin học được mở rộng, nhất là trong thanh niên. Các trường chuyên, lớp chọn phát triển, chất lượng khá. Công tác đào tạo và đào tạo lại hình thức đa dạng hơn. Đầu tư sửa chữa nâng cấp, xây dựng mới trường lớp nhiều hơn trước, cơ bản chấm dứt học ca 3. Tuy nhiên, giáo dục ở tỉnh Khánh Hòa còn bộc lộ yếu kém cả về chất lượng và hiệu quả giáo dục. Sự phát triển giữa các vùng còn chênh lệch lớn. Đội ngũ giáo viên được đào tạo, bố trí chưa cân đối giữa các cấp học, thiếu giáo viên cả số lượng

và cơ cấu, nhất là bậc tiểu học. Chưa có biện pháp tích cực để thu hút sử dụng cán bộ trẻ sau đào tạo.

Hoạt động khoa học và công nghệ bước đầu hướng vào nghiên cứu ứng dụng, góp phần phát triển sản xuất. Lực lượng cán bộ khoa học kỹ thuật của tỉnh đầu tư và tổ chức phối hợp nghiên cứu về sản xuất tôm giống, con giống, nghiên cứu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, về trồng cây gió bầu, ... mang lại hiệu quả kinh tế, hiệu quả của các trang thiết bị khoa học công nghệ hiện đại. Các hoạt động khoa học xã hội được triển khai nghiêm túc và có chất lượng khá, góp phần giáo dục truyền thống và đúc rút kinh nghiệm thực tiễn. Tuy vậy, thông tin về tiến bộ công nghệ và đổi mới cơ chế quản lý còn ít. Nhận thức về vai trò động lực của khoa học, công nghệ chưa đầy đủ, đầu tư kinh phí còn hạn chế. Chưa có những quy định cụ thể để tập hợp sử dụng tốt đội ngũ cán bộ khoa học trên địa bàn tỉnh.

Công tác y tế, phòng chống dịch bệnh được Tỉnh ủy quan tâm chỉ đạo. Ngành y tế từng bước kiện toàn các cơ sở điều trị, nâng cấp một số bệnh viện và tăng thêm trang thiết bị hiện đại. Chất lượng khám và điều trị khá hơn trước. Y học dân tộc được chú trọng. Công tác phòng chống dịch bệnh được quan tâm. Việc tiêm chủng cho trẻ em đạt trên 80%. Bên cạnh hệ thống bệnh viện và trạm xá, mạng lưới y tế tư nhân phát triển, góp phần đáp ứng việc khám và chữa bệnh cho nhân dân. Năm 1991, ngành y tế tỉnh đầu tư sửa chữa bệnh viện Đa khoa, bệnh viện da liễu, bệnh viện Khánh Vĩnh, xây mới 2 trạm y tế và một số phòng khám. Tình hình dịch tả, dịch hạch, sốt xuất huyết giảm so với năm 1990. Tiêm chủng mở rộng đạt 83%, tỷ lệ mắc bệnh của trẻ em giảm rõ rệt. Năm 1993 công tác khám chữa bệnh được quan tâm hơn, số giường bệnh tăng 49,4%, số cán bộ y tế tăng 12,2% so với năm 1992. Năm 1994, ngành y tế tăng cường bổ sung cán bộ y tế cho tuyến huyện xã, tập trung sửa chữa nâng cấp các trạm y tế xã, phường và tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động y tế ở địa phương nông thôn, miền núi. Kinh phí trả lương cho cán bộ y tế cơ sở tăng 19,3% so với năm 1993. Các bệnh viện tỉnh, huyện sử dụng hết công suất giường bệnh, tăng 28,4% so với năm 1993. Công tác bảo hiểm y

tế đạt 147% kế hoạch. Dịch sốt rét, dịch hạch, dịch tả... đều được phát hiện và ngăn chặn kịp thời, tình trạng các loại dịch hoành hành như các năm trước không còn xảy ra. Năm 1995, ngành y tế toàn tỉnh đầu tư 1,2 tỷ đồng và 400.000 USD mua sắm trang thiết bị tiếp tục củng cố mạng lưới y tế cơ sở, tăng cường cán bộ (chủ yếu là bác sĩ) cho tuyến huyện, xã nhằm thực hiện 2 nội dung chính: đẩy mạnh công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu đến tuyến cơ sở và nâng cao chất lượng công tác, phấn đấu hoàn thành các chương trình y tế quốc gia bảo vệ sức khỏe trẻ em như: tiêm chủng mở rộng, VitaminA, chống suy dinh dưỡng; khống chế dịch sốt rét, số bệnh nhân sốt rét giảm 13,5% so với năm 1994, trong đó số bệnh nhân sốt rét ác tính giảm 14,5%.

Tuy nhiên, công tác y tế cũng còn hạn chế, mặt yếu đáng quan tâm là Y học cổ truyền giảm sút; phong trào vệ sinh phòng bệnh chưa được quan tâm đúng mức, ý thức phòng bệnh của nhân dân còn kém, môi trường sống bị ô nhiễm nặng; một số bệnh viện để tình trạng yếu kém kéo dài cả cơ sở vật chất, tổ chức quản lý và tinh thần thái độ phục vụ; quản lý hành nghề y, dược tư nhân và các bệnh xã hội thiếu chặt chẽ. Việc đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho các đối tượng thuộc diện chính sách, người nghèo, đồng bào dân tộc còn ở mức thấp.

Công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình được coi trọng và đi vào vận động đúng đối tượng, tăng nhanh số người tự nguyện hạn chế sinh đẻ, góp phần làm giảm tỷ suất sinh (từ 32‰ xuống còn 27,5‰). Song, tỷ lệ tăng dân số đến năm 1995 vẫn còn cao (2,21%).

Phong trào thể dục, thể thao tiếp tục duy trì và phát triển, thu hút đông đảo quần chúng, nhất là thanh thiếu niên tham gia. Các đội điền kinh của tỉnh được phát triển và giành nhiều giải xuất sắc trong các kỳ thi đấu toàn quốc. Năm 1991, toàn tỉnh giành 156 huy chương (68 huy chương vàng, 40 huy chương bạc, 48 huy chương đồng) ở hầu hết các môn thể thao được tổ chức trong toàn quốc; trong đó có 1 vận động viên đạt kỷ lục quốc gia, 18 kiện tướng quốc gia, 38 vận động viên cấp 1 quốc gia. Đội bóng đá tỉnh giành cúp vô địch hạng A1, được chuyển lên các đội mạnh. Năm 1994, tỉnh Khánh Hòa đăng cai 12 giải

của Trung ương và khu vực, cử các đoàn tham gia thi đấu trong nước đạt 267 huy chương các loại (trong đó có 86 huy chương vàng); 19 vận động viên đạt cấp kiện tướng, 45 vận động viên cấp 1. Năm 1995 hoạt động thể dục thể thao thu hút 43.000 người luyện tập thường xuyên trong 187 câu lạc bộ (vượt 95% kế hoạch). Các đội bóng đá, bóng chuyền của tỉnh được thăng hạng đội mạnh mùa bóng 1995. Các đoàn vận động viên tham gia thi đấu trong nước đạt 192 huy chương (52 huy chương vàng, 61 huy chương bạc, 79 huy chương đồng) vượt chỉ tiêu đề ra 44%. Hai vận động viên của tỉnh (bóng đá và quần vợt) tham gia đội tuyển Việt Nam thi đấu tại Sea Games 18 góp phần vào thắng lợi chung của đội tuyển quốc gia.

Tuy vậy, phong trào và hoạt động thể dục, thể thao ở nông thôn và miền núi còn yếu.

Hoạt động văn hóa, văn nghệ phong phú hơn về nội dung, đa dạng về hình thức và thể loại, phục vụ được nhiệm vụ chính trị, đáp ứng một phần nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân. Nhiều hình thức văn hóa truyền thống được khôi phục. Một số di tích văn hóa, lịch sử được tôn tạo và nâng cấp. Các phương tiện thông tin đại chúng được chú ý nâng cao chất lượng, hoạt động có tiến bộ, đáp ứng tốt hơn nhu cầu thông tin cho đông đảo nhân dân. Đến 1995, trên 70% số dân trong tỉnh được xem truyền hình. Đội ngũ những người làm báo, văn hóa phần đông đã khắc phục khó khăn, gắn bó với Đảng, với chế độ và sự nghiệp đổi mới của đất nước.

Điều đáng quan tâm là công tác quản lý nhà nước về văn hóa, văn nghệ còn lỏng lẻo, chưa ngăn chặn được văn hóa phẩm độc hại lan tràn trên thị trường. Các giá trị truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc bị xói mòn. Lối sống thực dụng chạy theo đồng tiền, các hủ tục mê tín, dị đoan phát triển. Báo chí, văn hóa, văn nghệ thiếu các tác phẩm có chất lượng cao để cổ vũ nhân tố mới, lên án các biểu hiện tiêu cực.

Nhờ đẩy mạnh sản xuất, dịch vụ phát triển giải quyết việc làm cho trên 5 vạn lao động, đời sống nhân dân được cải thiện; số hộ giàu tăng lên, số hộ nghèo, nhất là hộ đói giảm bớt. Đáp ứng khá hơn nhu cầu ăn, mặc, đi lại, học

hành, chữa bệnh của nhân dân. Việc xây dựng nhà ở, đường giao thông, điện, nước sạch, trường học, trạm xá ở nông thôn cũng như đầu tư xây dựng nâng cấp thành phố Nha Trang, các thị trấn khá hơn. Nhân dân tự chủ sản xuất, tự do làm ăn theo pháp luật, yên tâm hơn trong việc bỏ vốn vào sản xuất, kinh doanh.

Việc thực hiện chính sách xóa đói giảm nghèo, chính sách đối với các đối tượng thuộc diện chính sách; giúp đỡ những người tàn tật, cô đơn không nơi nương tựa, những học sinh nghèo vượt khó trở lại trường có nhiều tiến bộ.

Bên cạnh những thành tựu, vẫn còn nhiều vấn đề xã hội nóng bỏng và bức xúc. Tình trạng thiếu việc làm còn nhiều, thực hiện chính sách công bằng xã hội chưa tốt, số người làm ăn phi pháp giàu lên nhanh chóng; những người có công với nước còn nhiều khó khăn, công tác "xóa đói giảm nghèo" hiệu quả chưa cao; sản xuất và đời sống ở 2 huyện miền núi Khánh Sơn, Khánh Vĩnh còn bấp bênh, số hộ đói giáp hạt không giảm, đời sống còn rất nghèo.

Tệ nạn xã hội, nhất là nạn tiêm chích ma túy, mại dâm, bệnh AIDS, trộm cắp có xu hướng gia tăng. Vi phạm trật tự an toàn xã hội, tai nạn giao thông xảy ra còn nhiều.

Thực hiện cuộc đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu, Tỉnh ủy đã có nghị quyết và kế hoạch triển khai, lập ban chỉ đạo các cấp và có nhiều biện pháp tích cực đấu tranh ngăn chặn.

Quán triệt các Chỉ thị 64-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Chỉ thị 15-CT/TW của Bộ Chính trị và Quyết định 114/TTg của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục ngăn chặn và bài trừ tệ tham nhũng, buôn lậu, ngày 30-6-1993 Ban Thường vụ Tỉnh ủy Khánh Hòa ra Nghị quyết số 10-NQ/TVTU về đấu tranh ngăn chặn, bài trừ tệ tham nhũng và buôn lậu. Thực hiện Nghị quyết 10 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các ngành, các cấp, các cơ sở sản xuất kinh doanh trong tỉnh đều thành lập Ban Chỉ đạo chống tham nhũng, buôn lậu và xử lý các biểu hiện tiêu cực về kinh tế ở tỉnh Khánh Hòa thu được một số kết quả bước đầu.

Tỉnh ủy chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền hướng dẫn dư luận, đổi mới tư duy pháp lý, nâng cao trình độ nghiệp vụ, tiến hành nhiều cuộc thanh tra, kiểm tra, kiểm soát đối với những hoạt động lệch lạc hoặc có dấu hiệu tham nhũng, buôn lậu trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, cấp đất, cấp nhà... Tích cực chấn chỉnh những hoạt động sai nguyên tắc quản lý nhà nước. Số vụ việc được kết luận và xử lý nhiều hơn, nghiêm hơn. Từ năm 1991-1995, phát hiện 224 vụ tham nhũng, 659 vụ buôn lậu, khởi tố và đưa ra xét xử 152 vụ, thu lại tài sản cho Nhà nước hàng chục tỷ đồng. Số đơn thư phát hiện của nhân dân đối với cán bộ, đảng viên có biểu hiện tiêu cực nhiều hơn trước và cũng được xử lý nhanh hơn.

Tuy nhiên, đấu tranh chống tham nhũng hiệu quả còn thấp, nhiều vụ còn để kéo dài, chậm đưa ra xử lý hoặc xử lý chưa nghiêm; tình trạng lãng phí của công còn lớn; thu hồi tài sản thất thoát còn ít và chậm, tạo ra tâm lý thiếu tin và dư luận xã hội khá phức tạp. Sự chỉ đạo của các cấp ủy chưa kiên quyết và chưa kịp thời. Công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong nhân dân chưa mạnh và chưa đều khắp. Sự phối kết hợp của các cơ quan pháp luật chưa đồng bộ, một số cán bộ có chức, có quyền, kể cả trong các cơ quan bảo vệ pháp luật, thiếu tu dưỡng rèn luyện, lợi dụng sơ hở trong quản lý để làm ăn phi pháp hoặc tiếp tay cho những kẻ tham nhũng buôn lậu, gây bất bình trong nhân dân nhưng chưa có biện pháp xử lý nghiêm minh.

Thực hiện Nghị quyết 07 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 19 của Tỉnh ủy về nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới, công tác an ninh - quốc phòng được chú trọng. Tỉnh ủy chỉ đạo các lực lượng vũ trang nhân dân cùng với toàn dân thực hiện có kết quả nhiệm vụ an ninh, quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, chống "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đi đôi với củng cố, xây dựng lực lượng và thế trận phòng thủ của địa phương, góp phần giữ vững ổn định về chính trị, phục vụ công cuộc đổi mới đất nước.

Công tác bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội có nhiều cố gắng. Các Nghị quyết 07 của Bộ Chính trị, Chỉ thị 135 của Hội đồng Bộ

trưởng và Nghị quyết 19-NQ/TU ngày 23-8-1990 của Tỉnh ủy được các cấp ủy Đảng, chính quyền, các đoàn thể và nhân dân thực hiện có kết quả. An ninh chính trị tiếp tục được giữ vững. Xuất hiện nhiều địa phương, đơn vị có phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc khá hơn trước. Lực lượng công an làm nòng cốt trong việc thực hiện các chiến dịch truy quét và gọi ra đầu thú bọn tội phạm hình sự.

Chủ động nắm bắt tình hình, kịp thời chỉ đạo công tác bảo vệ an ninh. Phối hợp với các cấp, các ngành trong đấu tranh và thực hiện các đối sách, biện pháp thích hợp có hiệu quả đối với các loại đối tượng cũ chưa chịu cải tạo, những hoạt động của bọn phản động lợi dụng tôn giáo, những phức tạp về an ninh, trật tự, ngăn chặn hoạt động phá hoại, gây rối, không để xảy ra các tình huống đột biến.

Thực hiện phương án bảo vệ các địa bàn trọng điểm, làm tốt công tác điều tra cơ bản và các biện pháp nghiệp vụ, quản lý, ngăn chặn các hoạt động thu thập tình báo, móc nối cơ sở của người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài về nước.

Phối hợp với các cấp, các ngành trong việc đấu tranh chống tham nhũng, bảo vệ tài sản Nhà nước, tăng cường công tác bảo vệ nội bộ, bảo vệ bí mật Nhà nước. Ngăn chặn và thu giữ nhiều tài liệu chiến tranh tâm lý của địch và nhiều văn hóa phẩm đồi trụy, phản động.

Trong đấu tranh chống tội phạm đã chú trọng cả 2 mặt phòng ngừa và tấn công. Liên tục tổ chức các đợt tấn công bọn tội phạm, nhất là ở các tụ điểm, địa bàn phức tạp, các hoạt động nổi của chúng trong từng thời gian. Triệt phá hàng trăm băng, ổ, nhóm lưu manh, côn đồ. Thụ lý điều tra làm rõ và bắt xử lý hàng ngàn đối tượng, thu hồi tài sản hàng tỷ đồng.

Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc phát triển với nhiều hình thức. Nhiều điển hình tiên tiến được tổng kết và nhân rộng. Công tác xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch, vững mạnh được chú trọng. Tăng cường công tác Đảng, công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, chiến sĩ, phát động phong trào thực hiện 6 điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân. Tổ chức

bộ máy công an các cấp được đổi mới, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ công tác của từng lực lượng, đơn vị và cá nhân. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ huy được tăng cường, đảm bảo chất lượng. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ, chiến sĩ công an có chuyển biến.

Tuy nhiên, phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc chưa đủ mạnh, chưa đều khắp; công tác bảo vệ an ninh, trật tự còn nhiều mặt yếu, sơ hở và mất cảnh giác. Trật tự an toàn xã hội còn nhiều phức tạp, tội phạm hình sự có mặt nghiêm trọng. Pháp chế chưa được đề cao, nhiều quy định của Nhà nước không được chấp hành nghiêm chỉnh, trật tự kỷ cương xã hội nhiều nơi còn bị xâm phạm nhưng không được xử lý kiên quyết.

Công tác giáo dục quốc phòng có chuyển biến khá về nhận thức trong lãnh đạo từ tỉnh đến cơ sở. Việc chăm lo giáo dục ý thức quốc phòng trong nhân dân được chú ý.

Thực hiện Nghị quyết 10 của Tỉnh ủy về *"xây dựng tỉnh thành khu vực phòng thủ vững chắc của nền quốc phòng toàn dân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân và an ninh nhân dân"*, tỉnh tập trung chỉ đạo xây dựng lực lượng dự bị động viên, củng cố dân quân tự vệ. Quan tâm xây dựng sức mạnh tổng hợp của khu vực phòng thủ tỉnh và xây dựng lực lượng bảo vệ chủ quyền an ninh vùng ven biển, hải đảo ngày càng vững mạnh. Có kế hoạch phòng chống "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ gắn với phòng thủ địa phương và tổ chức nhiều cuộc diễn tập từ tỉnh đến cơ sở đạt được yêu cầu đề ra.

Ngân sách cho nhiệm vụ quốc phòng địa phương, xây dựng công trình phòng thủ trên một số vùng trọng điểm được đảm bảo. Thực hiện tốt nhiệm vụ đối với huyện đảo Trường Sa. Điều kiện ăn, ở, cơ động của lực lượng vũ trang được cải thiện một bước.

Lực lượng vũ trang tập trung của tỉnh, huyện được củng cố về số lượng và chất lượng. Đội ngũ sĩ quan phần lớn được đào tạo, chất lượng hạ sĩ quan, chiến sĩ được nâng lên.

Việc củng cố và xây dựng lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ được triển khai đều khắp. Đến năm 1995, dân quân tự vệ đạt tỷ lệ 2,73% so với

số dân (năm 1990 là 2,03%), không còn xã phường tỷ lệ dưới 1%. Có 56 xã phường vùng trọng điểm xây dựng được đại đội dân quân tự vệ cơ động. Đảng viên trong dân quân tự vệ chiếm 7,55%.

Công tác dự bị động viên được chăm lo xây dựng nền nếp hơn trước, hàng năm tỉnh quản lý trên 1,2 vạn quân dự bị hạng 1. Công tác giao quân hàng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu.

Các lực lượng vũ trang của tỉnh thường xuyên hiệp đồng chặt chẽ với các đơn vị bạn đóng quân trên địa bàn tỉnh trong việc giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội có hiệu quả.

Tuy nhiên, công tác giáo dục quốc phòng chưa thấu suốt đến mọi người dân, đặc biệt là thế hệ trẻ. Lực lượng tự vệ cơ quan, xí nghiệp còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng. Hàng năm việc huấn luyện và hoạt động chỉ đạt từ 30 - 35% đầu mỗi năm. Chất lượng tuyển quân còn thấp.

Quán triệt Nghị quyết của Bộ Chính trị, trong 5 năm (1991-1995) Tỉnh ủy ra 03 nghị quyết chuyên đề về quân sự địa phương và 02 nghị quyết về nhiệm vụ an ninh. Nội dung các nghị quyết sát hợp với thực tiễn và thể hiện tính nhạy cảm trước tình hình phức tạp, kịp thời đề ra những chủ trương chống âm mưu diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ của các thế lực phản động. Xây dựng lực lượng quân sự, biên phòng, công an đủ sức làm nòng cốt trong việc xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân. Tổ chức diễn tập theo các phương án, xây dựng tuyến phòng thủ, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống xảy ra. Chỉ đạo phối hợp các ngành nội chính xử lý một số vụ án điển hình có tác dụng giáo dục và ngăn chặn tội phạm, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

x x
x

Từ giữa năm 1989 đến cuối năm 1995, dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội VI (1986), Đại hội VII (1991) của Đảng, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã khắc phục khó khăn; tích cực phát huy nội lực, lợi thế; kiên trì phấn đấu và đạt được những kết quả khá toàn diện trên tất cả các lĩnh vực. Sản xuất công - nông nghiệp - dịch vụ - du lịch đều phát triển. Tiềm năng về lao động và tài nguyên bước đầu sử dụng có hiệu quả. Nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần được hình thành, vai trò kinh tế quốc doanh được củng cố và từng bước phát

huy. Công tác quản lý và điều hành hoạt động kinh tế tiến bộ. Hầu hết các chỉ tiêu kinh tế đều đạt và vượt mức kế hoạch. Đời sống của nhân dân nhìn chung ổn định, một bộ phận được cải thiện. Công tác giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa, nghệ thuật, bảo vệ sức khỏe, nâng cao thể lực, dân số và kế hoạch hóa gia đình..., có chuyển biến rõ nét trên một số mặt quan trọng.

Quyền làm chủ của nhân dân bước đầu được phát huy và có thêm những điều kiện bảo đảm. Việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 về đổi mới và chỉnh đốn Đảng thu được những kết quả bước đầu. Hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân có một số chuyển biến, lòng tin của quần chúng đối với Đảng và tin vào thắng lợi của sự nghiệp đổi mới tăng lên. An ninh quốc phòng được giữ vững trước những diễn biến phức tạp từ bên ngoài và hoạt động phá hoại, gây rối ở bên trong tỉnh Khánh Hòa.

Đảng bộ và nhân dân tỉnh Khánh Hòa với tinh thần tự lực tự cường, xác định cơ cấu kinh tế và đầu tư đúng hướng, phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn, trở ngại, nỗ lực phấn đấu giành được những thành tựu bước đầu. Tuy còn một số mặt hạn chế và khuyết điểm, nhưng những thành tựu là quan trọng, tạo tiền đề để đưa tỉnh Khánh Hòa vững bước vào chặng đường đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

*Chương XVIII***ĐẢNG BỘ KHÁNH HÒA LÃNH ĐẠO CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI,
ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA (1996-2005)****I. LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ XÂY DỰNG
ĐẢNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH (1996 - 2000)**

Sau 10 năm thực hiện công cuộc đổi mới và 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Đảng, đất nước ta đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa quan trọng. Nước ta ra khỏi khủng hoảng kinh tế xã hội nhưng còn một số mặt chưa vững chắc song đã tạo tiền đề cần thiết để chuyển sang thời kỳ phát triển mới: đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phấn đấu thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Cùng với cả nước, Đảng bộ và nhân dân Khánh Hòa hăng hái đẩy mạnh phong trào thi đua trên mọi lĩnh vực công tác và đời sống xã hội, nỗ lực phấn đấu hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm 1991-1995, tạo đà cho công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Khánh Hòa cũng đang đối mặt với không ít khó khăn. Đó là nền kinh tế sản xuất hàng hóa vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước vẫn còn mới mẻ; cơ sở vật chất còn yếu kém, đời sống nhân dân nhiều nơi còn khó khăn; tích lũy từ nội bộ nền kinh tế không đáng kể; do vậy làm hạn chế kết quả đạt được trên một số mặt. Bên cạnh đó, các thế lực thù địch lợi dụng tình hình thế giới và khu vực diễn biến phức tạp ra sức chống phá cách mạng nước ta. Đặc biệt, sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu và Liên Xô đã tác động trực tiếp đến công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam nói chung, đối với Đảng bộ và nhân dân tỉnh Khánh Hòa nói riêng.

Đại hội Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XIII.

Thực hiện Chỉ thị 51-CT/TW ngày 9-3-1995 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng, từ ngày 23 đến 26-4-1996, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XIII đã họp với sự tham dự của 298 đại biểu đại diện cho hơn 12.000 đảng viên của Đảng bộ.

Đại hội Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XIII có nhiệm vụ tổng kết quá trình thực hiện đường lối đổi mới của Đảng trên địa bàn tỉnh từ 1991-1995; đánh giá những thành tựu đạt được và chưa được, rút ra nguyên nhân và những bài học, cả ưu điểm và khuyết điểm của công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong nhiệm kỳ qua. Đại hội khẳng định: Trong 5 năm thực hiện đường lối đổi mới toàn diện của Đảng, Đảng bộ và nhân dân Khánh Hòa với tinh thần tự lực tự cường, xác định cơ cấu kinh tế và đầu tư đúng hướng, phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn trở ngại, nỗ lực phấn đấu bước đầu giành được những thành tựu to lớn và quan trọng.

Về mặt kinh tế: Từ năm 1989-1995, nhất là từ khi có Nghị quyết Đại hội VII, kinh tế Khánh Hòa phát triển tương đối toàn diện và liên tục tăng trưởng với nhịp độ cao. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) trên địa bàn tỉnh bình quân hàng năm tăng 13%, gấp 1,9 lần so với năm 1990, bình quân đầu người đạt 3,4 triệu đồng/năm (310 USD).

Sản xuất nông nghiệp phát triển tương đối toàn diện, bình quân hàng năm tăng 3,8%, lương thực ổn định. Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đạt tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm 21%, tăng gần 2 lần so với năm 1990. Tổng các nguồn vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và cơ sở sản xuất, kinh doanh khoảng 1.400 tỷ đồng nên năng lực sản xuất các ngành đều tăng. Các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển du lịch và dịch vụ ngày càng nhiều. Hoạt động thương mại có tiến bộ. Thương nghiệp quốc doanh bước đầu thích ứng với cơ chế quản lý mới, thương nghiệp tư nhân phát triển nhanh, đa dạng. Kinh tế đối ngoại được mở rộng. Công tác tài chính ngân hàng có tiến bộ, thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển.

Nền kinh tế nhiều thành phần dựa trên sự tồn tại và đan xen nhiều hình thức sở hữu bước đầu khơi dậy các nguồn lực, tạo ra sự năng động thúc đẩy kinh tế tăng trưởng, trong đó kinh tế quốc doanh đạt 47,2%, ngoài quốc doanh chiếm 52,8% trong GDP.

Cùng với phát triển kinh tế, công tác văn hóa - xã hội, thực hiện chính sách xã hội và việc xã hội hóa một số lĩnh vực đã có những chuyển biến tích cực.

Công tác bảo vệ sức khỏe, nâng cao thể lực của nhân dân được chú ý và có những tiến bộ rõ rệt. Công tác kế hoạch hóa gia đình được mở rộng và đi vào vận động đúng đối tượng, đạt kết quả khả quan. Về giáo dục và đào tạo, mạng lưới trường học được sắp xếp lại, đa dạng hóa loại hình giáo dục, số học sinh các cấp học, ngành học đều tăng, chất lượng được nâng lên. Trong lĩnh vực khoa học và công nghệ bước đầu hướng vào nghiên cứu ứng dụng, góp phần phát triển sản xuất. Hoạt động văn hóa văn nghệ phong phú hơn về nội dung, đa dạng hơn về hình thức và thể loại, phục vụ được nhiệm vụ chính trị, đáp ứng được một phần nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân. Về đời sống, nhờ sản xuất, dịch vụ phát triển đã giải quyết được vấn đề việc làm cho trên 5 vạn lao động, đời sống nhân dân được cải thiện, số hộ giàu tăng lên.

Công tác xây dựng miền núi và hải đảo, tỉnh có sự đầu tư và quan tâm đáng kể. Các chương trình kinh tế theo các dự án quốc gia bước đầu thu được kết quả. Đối với hải đảo đã đầu tư một số cơ sở trường học, trạm xá, điện thắp sáng, truyền hình, thông tin liên lạc, phương tiện đi lại... góp phần giảm bớt khó khăn cho nhân dân, nối liền các hoạt động giữa đảo với đất liền. Tuy nhiên, mặt yếu là đời sống đồng bào dân tộc còn quá thấp, số hộ đói lúc giáp hạt không giảm, suy dinh dưỡng, nhất là ở trẻ em còn cao. Việc thực hiện các chương trình còn lúng túng, thiếu đồng bộ, thiếu kiểm tra quản lý chặt chẽ, thiếu cán bộ tại chỗ, vẫn còn hiện tượng du canh du cư, điều kiện vật chất và văn hóa tinh thần còn nhiều khó khăn.

Về công tác an ninh quốc phòng, các lực lượng vũ trang nhân dân cùng với toàn dân thực hiện có kết quả nhiệm vụ an ninh quốc phòng, giữ gìn an

ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, chống diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đi đôi với củng cố, xây dựng lực lượng và thế trận phòng thủ của địa phương, góp phần ổn định chính trị, phục vụ công cuộc đổi mới. Vấn đề còn hạn chế là một số cấp ủy, ngành chưa quán triệt mối quan hệ chặt chẽ giữa hai nhiệm vụ chiến lược. Việc kết hợp nhiệm vụ quốc phòng với phát triển kinh tế có lúc, có việc chưa chặt chẽ. Lực lượng dự bị động viên số lượng đông nhưng quản lý chưa tốt.

Hoạt động của các cấp chính quyền, tỉnh, huyện và cơ sở được xây dựng và củng cố từng bước phù hợp với cơ chế mới. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp có tiến bộ trong điều hành và quản lý theo luật định. Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể và các hội quần chúng có những đổi mới về nội dung và phương thức tập hợp, vận động quần chúng theo tinh thần Nghị quyết TW8B. Quyền làm chủ của nhân dân được phát huy, hoạt động của cơ quan dân cử có tiến bộ. Bên cạnh những tiến bộ, việc thực hiện dân chủ, xây dựng chính quyền hoạt động của mặt trận và đoàn thể còn một số tồn tại như: thực hiện dân chủ có mặt còn hình thức, cụ thể hóa quyền làm chủ chậm, ý thức làm chủ của nhân dân chưa cao.

Đổi mới và chỉnh đốn Đảng có những chuyển biến đáng kể. Công tác chính trị tư tưởng đã tổ chức kịp thời cho đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân nghiên cứu, quán triệt và tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, chương trình hành động của Tỉnh ủy; giáo dục bồi dưỡng lý luận chính trị, truyền thống cách mạng; phát huy tinh thần năng động, sáng tạo của các tổ chức Đảng và quần chúng trong công cuộc đổi mới. Tình trạng mất đoàn kết trong nội bộ cơ bản được khắc phục.

Về chỉnh đốn công tác tổ chức đạt được một số mặt quan trọng. Đã tiến hành kiểm điểm, tự phê bình và phê bình theo Chỉ thị 14 của Ban Bí thư, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ; các tổ chức cơ sở Đảng được chỉnh đốn; cụ thể hóa quy chế làm việc. Tổng số tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh tăng lên đáng kể (29,7%, so với năm 1990 tăng 12%).

Công tác đảng viên bước đầu có những chuyển biến. Trong số 12.198 đảng viên, phần lớn giữ vững được phẩm chất đạo đức, đủ tư cách đạo đức (khoảng 72,76%). Nhiều cấp ủy Đảng bước đầu làm tốt việc tổ chức và hướng dẫn đảng viên nâng cao trình độ kiến thức, ý thức tự vươn lên.

Đội ngũ cán bộ đã tạo được một số chuyển biến tích cực về thực hiện các nhiệm vụ chính trị, chấp hành nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng.

Các cấp ủy từng bước đổi mới phương thức lãnh đạo đối với hệ thống chính trị và xã hội. Công tác lãnh đạo chủ yếu tập trung vào các vấn đề trọng tâm, đưa ra những định hướng và hành động cụ thể.

Tuy vậy, những chuyển biến trong công tác đổi mới và chỉnh đốn Đảng chưa đồng đều. Hiện tượng mất đoàn kết nội bộ có lúc, có nơi chưa đấu tranh triệt để, tinh thần tự phê bình và phê bình trong nội bộ chưa cao, tình trạng né tránh không dám đấu tranh với các biểu hiện sai trái, tiêu cực còn khá phổ biến. Công tác tổ chức còn một số cấp ủy, tổ chức cơ sở Đảng có biểu hiện quan liêu, dân chủ hình thức, kỷ luật lỏng lẻo. Tổ chức bộ máy Đảng, chính quyền, đoàn thể còn chồng chéo, chưa phân định rạch ròi về chức năng, nhiệm vụ, chế độ trách nhiệm và lề lối làm việc, cải cách hành chính tiến hành chậm và hiệu quả quản lý chưa theo kịp yêu cầu mới, nhiều vụ việc chậm xử lý còn kéo dài, làm tình hình phức tạp thêm.

Từ thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị, Đại hội rút ra một số kinh nghiệm sau:

Một là, trong việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng cần nắm vững và vận dụng sáng tạo đường lối đổi mới của Đảng vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương.

Hai là, lãnh đạo và chỉ đạo phải nắm vững nhiệm vụ trọng tâm, đi sâu, đi sát giải quyết vấn đề trọng điểm then chốt nhất, đặc biệt là biện pháp tổ chức thực hiện.

Ba là, đánh giá, bố trí và sử dụng đúng đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành và các đơn vị kinh tế trọng yếu là yếu tố hàng đầu quyết định việc ổn định và phát triển mọi mặt của tỉnh nhà.

Bốn là, chăm lo xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong Đảng, trước hết là trong cấp ủy, trong cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành.

Năm là, đổi mới và chỉnh đốn Đảng phải thực sự dựa vào dân. Thường xuyên chăm lo xây dựng thực lực chính trị ở cơ sở và chăm lo công tác vận động quần chúng. Thực hiện dân chủ hóa xã hội, phát huy quyền làm chủ thực sự của nhân dân, đi đôi với giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật của Đảng và pháp luật Nhà nước.

Đại hội xác định phương hướng, nhiệm vụ và những giải pháp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh từ 1996-2000 là:

- Tiếp tục tạo môi trường thuận lợi cho kinh tế hàng hóa phát triển nhanh chóng, ổn định và lành mạnh, có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, có bước tiến đáng kể về chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ và du lịch.

- Khai thác tối đa khả năng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội, với tổng mức trong 5 năm khoảng 6.800 - 7.000 tỷ đồng. Phân đầu tăng tổng GDP và GDP bình quân đầu người gấp hai lần so với 1995, tính đến năm 2000.

- Mở rộng nhanh quan hệ kinh tế với bên ngoài, hướng mạnh xuất khẩu và nhập khẩu để đổi mới công nghệ, đầu tư chiều sâu, tạo ra khối lượng hàng hóa lớn có sức cạnh tranh.

- Triển khai mạnh mẽ và giải quyết tốt hơn các vấn đề văn hóa, xã hội, trọng tâm là giảm tỷ suất sinh hàng năm trên 0,8‰; hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học; giải quyết việc làm mỗi năm 1,2 - 1,5 vạn lao động, không còn hộ đói, giảm hộ nghèo; hạn chế và đẩy lùi các tệ nạn xã hội, xây dựng nền văn hóa văn nghệ lành mạnh.

- Triển khai đồng bộ việc cải cách bộ máy hành chính Nhà nước đi đôi với đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ, thực sự mở rộng dân chủ, gắn liền thực hiện nghiêm minh kỷ luật, kỷ cương, chống tệ tham nhũng, quan liêu và các biểu hiện tiêu cực khác.

- Giữ vững và tăng cường ổn định về chính trị, xã hội, tiếp tục tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, đề cao cảnh giác và chủ động đối phó với mọi

tình huống, trọng tâm là làm thất bại mọi âm mưu và thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

- Tiếp tục đổi mới và chỉnh đốn Đảng, tăng cường sự lãnh đạo và sức chiến đấu, xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, nội bộ đoàn kết gắn bó với nhân dân.

Để thực hiện tốt các định hướng, mục tiêu trên, Đại hội đề ra những nhiệm vụ và giải pháp cụ thể:

Đối với ngành kinh tế để tăng nhịp độ tăng trưởng cần phải tập trung vào các nhiệm vụ cụ thể như: đẩy mạnh đầu tư phát triển, từng bước chuyển dịch cơ cấu theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; phát huy tiềm năng và nâng cao hoạt động của các thành phần kinh tế; mở rộng quan hệ kinh tế với bên ngoài bằng việc tạo điều kiện cho các nhà đầu tư và tăng khả năng xuất khẩu; phát triển và ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và môi trường; tổ chức tốt công việc xây dựng miền núi và hải đảo.

Bên cạnh việc đưa ra các giải pháp kinh tế phù hợp, Đại hội xác định cần phải giải quyết tốt hơn các vấn đề văn hóa, xã hội. Bởi phát triển kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, đảm bảo hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội. Về văn hóa, giáo dục và đào tạo phải nhằm nâng cao dân trí, đào tạo và bồi dưỡng nhân tài, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, đào tạo thế hệ nối tiếp, phát triển một nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, chuẩn bị cho bước tiến mạnh mẽ sau năm 2000, các vấn đề xã hội như việc làm, y tế, dân số và kế hoạch hóa gia đình đều có những định hướng và giải pháp thiết thực như: vấn đề việc làm được ưu tiên hàng đầu thông qua việc khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển, chú trọng xóa đói giảm nghèo, chăm lo tốt đối tượng chính sách; vấn đề y tế coi phòng bệnh là bước đi tích cực và chú trọng thực hiện các chương trình y tế quốc gia. Lĩnh vực đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm. Để nhiệm vụ này đạt được những chuyển biến thực sự, trước hết các cơ quan Nhà nước phải hoạt động theo quy chế, chức trách và nhiệm vụ, giải quyết tốt và kịp thời các vụ án về tham nhũng, buôn lậu.

Song song với nhiệm vụ xây dựng kinh tế, nhiệm vụ an ninh quốc phòng được chú trọng đề cao, nhiệm vụ cấp bách là làm thất bại âm mưu và thủ đoạn "diễn biến hòa bình" bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch. Giải pháp cụ thể về an ninh là đổi mới công tác nắm tình hình, tập trung chấn chỉnh công tác quản lý người nước ngoài; tăng cường công tác bảo vệ an ninh nội bộ, an ninh kinh tế, văn hóa tư tưởng; củng cố và tăng cường đội ngũ cán bộ có phẩm chất, năng lực, đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc; tăng cường chỉ đạo công tác xây dựng Đảng, xây dựng công an nhân dân. Về quốc phòng để thực hiện được mục tiêu xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận phòng thủ vững chắc cần phải tăng cường công tác giáo dục quốc phòng toàn dân, tăng cường phòng thủ đề cao cảnh giác, xây dựng dân quân tự vệ, thực hiện tốt công tác động viên quân đội, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, đảm bảo hậu cần kỹ thuật cho nhu cầu trước mắt và lâu dài.

Cùng với việc thực hiện tốt các nhiệm vụ an ninh quốc phòng là công tác nâng cao hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân. Các cấp chính quyền cần tiếp tục củng cố xây dựng và hoàn thiện tổ chức bộ máy, trọng tâm là tiến hành cải cách một bước nền hành chính Nhà nước, khắc phục thiếu sót, yếu kém xây dựng nhà nước thực sự của dân, do dân, vì dân. Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân, lấy dân làm gốc, làm tốt công tác động viên nhân dân hành động cách mạng; đảm bảo quyền giám sát của nhân dân đối với hoạt động của cơ quan nhà nước; đổi mới tổ chức và hoạt động của mặt trận, đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội, khắc phục bệnh quan liêu, hành chính hóa, cứng nhắc, thụ động, nâng cao trình độ mọi mặt của nhân dân; thực hiện tốt chính sách đại đoàn kết dân tộc.

Công tác xây dựng Đảng bộ nhiệm kỳ (1996 - 2000) đặt ra những yêu cầu trước mắt: củng cố và tăng cường sự thống nhất về chính trị và tư tưởng trong Đảng và nhân dân; kiên định mục tiêu lý tưởng xã hội chủ nghĩa, chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; tạo chuyển biến mới trong công tác lãnh đạo và tổ chức Đảng; đổi mới công tác cán bộ, làm tốt công tác quy hoạch, bồi

dưỡng cán bộ, nâng cao năng lực, phẩm chất đạo đức cách mạng của cán bộ; nắm vững và thực hiện đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ.

Thực hiện những yêu cầu trên, Đại hội đề ra những nội dung và giải pháp như sau:

Xây dựng Đảng về chính trị tư tưởng cần tiếp tục tổ chức cho cán bộ, đảng viên nghiên cứu quán triệt các quan điểm, đường lối đổi mới của Đảng, phát huy truyền thống yêu nước, kiên định chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nâng cao niềm tin vào con đường xã hội chủ nghĩa và vai trò lãnh đạo của Đảng. Tăng cường giáo dục, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, giải quyết kịp thời những vấn đề mới nảy sinh. Giữ nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ trong nội bộ Đảng, đi đôi với giữ vững kỷ cương và pháp luật. Nâng cao chất lượng báo chí, văn hóa văn nghệ. Tiếp tục đổi mới công tác giáo dục lý luận chính trị, bồi dưỡng kiến thức các mặt cho cán bộ, đảng viên.

Mục tiêu xây dựng Đảng về tổ chức là nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng, làm trong sạch đội ngũ cán bộ, đảng viên, tăng cường đoàn kết thống nhất trong Đảng, thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng. Trên tinh thần đó cần làm tốt một số nhiệm vụ như: tiếp tục khảo sát và đánh giá thực trạng các tổ chức cơ sở Đảng; sắp xếp kiện toàn các ban Đảng, Đảng đoàn, Ban cán sự, Đảng ủy trực thuộc; định kỳ bồi dưỡng kiến thức cho cấp ủy viên, đội ngũ cốt cán; trẻ hóa đội ngũ, tăng cường công tác kiểm tra của các cấp ủy Đảng.

Đổi mới và tăng cường công tác cán bộ là công việc có ý nghĩa quyết định đến nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng. Vì vậy phải tạo sự chuyển biến đúng trong nhận thức, trong thực tế về đánh giá, tuyển chọn và sử dụng cán bộ, phải tiến hành khảo sát, đánh giá đội ngũ cán bộ hiện có, kiện toàn đội ngũ cán bộ chủ chốt ở tỉnh và cơ sở, sắp xếp bố trí hợp lý đội ngũ cán bộ, đề bạt bổ nhiệm đúng lúc, giao việc đúng tầm, khuyến khích cán bộ vươn lên đảm nhiệm chức vụ cao hơn. Cần có những quy định cụ thể về chế độ đãi ngộ cán bộ cho phù hợp với địa phương, tiến hành đánh giá cán bộ hàng năm phải thật sự dân chủ, đúng quy trình, tránh tình trạng phiền diện, thành kiến cá nhân.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng bằng việc nghiên cứu, rút kinh nghiệm để bổ sung chức năng, nhiệm vụ của mỗi cấp ủy, Đảng đoàn, Ban cán sự, hoàn thiện quy chế hoạt động của mỗi tổ chức, đưa các hoạt động của tổ chức Đảng vào nề nếp, đúng chức năng, rõ nhiệm vụ, có sự phân công và phối hợp hài hòa trong công việc, quy chế về quan hệ lãnh đạo giữa cấp ủy với chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể.

Trong toàn bộ công tác xây dựng Đảng, Đại hội nhấn mạnh khâu then chốt quyết định nhất là tiếp tục đổi mới và thực hiện tốt công tác cán bộ và chính sách đối với cán bộ, xây dựng tổ chức cơ sở Đảng vững mạnh.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa (khóa XIII) gồm 43 đồng chí. Ban Chấp hành khóa XIII bầu 13 đồng chí vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy, đồng chí Nguyễn Thị Hồng Vân được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy¹; các đồng chí Nguyễn Thiết Hùng, Nguyễn Văn Tự làm Phó Bí thư Tỉnh ủy; bầu 6 đồng chí vào Ủy Ban kiểm tra Tỉnh ủy.

Đại hội Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XIII là một sự kiện có ý nghĩa quan trọng trong đời sống chính trị của nhân dân trong tỉnh. Đại hội xác định nhiệm vụ trước mắt của Đảng bộ và nhân dân toàn tỉnh trong việc tiếp tục thực hiện công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa xây dựng tỉnh nhà giàu mạnh, văn minh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Đại hội đại biểu lần thứ XIII Đảng bộ tỉnh thành công tốt đẹp tạo ra sự đoàn kết thống nhất về chính trị tư tưởng trong Đảng bộ và trong nhân dân, quyết tâm đẩy mạnh công cuộc đổi mới thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa những năm cuối thế kỷ XX và vững bước vào thế kỷ XXI.

Nhằm tổng kết nhiệm kỳ Đại hội VII và chặng đường 10 năm đổi mới, rút ra những bài học kinh nghiệm và đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho giai đoạn cách mạng mới, từ ngày 28-6 đến 1-7-1996 tại Hà Nội, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã họp, tiến hành tổng kết 10 năm thực hiện đường

¹ . Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, đồng chí Nguyễn Thị Hồng Vân được bầu là Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đến Đại hội VII, VIII của Đảng được bầu là Ủy viên chính thức Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

lỗi đổi mới toàn diện và đề ra nhiệm vụ trọng tâm trong những năm 1996 - 2000 là: Đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, tiếp tục phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đại hội chỉ rõ: Mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII, Tỉnh ủy chỉ đạo đẩy mạnh đầu tư phát triển, từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Vận dụng linh hoạt các chính sách của Trung ương, tỉnh có quyết định đầu tư đúng hướng, chủ động xây dựng cơ chế, huy động được nhiều nguồn vốn để đầu tư cơ sở hạ tầng nhất là các công trình trọng điểm, tạo tiền đề cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Trong 5 năm (1996-2000), mặc dù ảnh hưởng cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ khu vực nhưng toàn tỉnh huy động được 6.900 tỷ đồng, vượt kế hoạch Đại hội XIII đề ra; trong đó vốn ngân sách khoảng 1.000 tỷ, chiếm 14,5%, vốn các doanh nghiệp khoảng 1.000 tỷ, vốn đầu tư nước ngoài khoảng 3.000 tỷ chiếm 43,5%, vốn đầu tư trong dân cư khoảng 1.900 tỷ chiếm 27,5%. Kết quả đầu tư trong 5 năm cải thiện đáng kể kết cấu hạ tầng và sản xuất xã hội, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế phát triển, tăng năng lực sản xuất các ngành trọng điểm như sản xuất mía đường, nước khoáng, chế biến cát, thủy sản, phát triển các ngành dịch vụ và du lịch, tạo điều kiện đẩy nhanh tốc độ thực hiện các chương trình kinh tế lớn như chương trình phủ điện nông thôn, chương trình giao thông nông thôn, chương trình mía đường, chương trình phát triển kinh tế thủy sản, mạng lưới giao thông được cải thiện tốt hơn, đảm bảo giao thông thông suốt đến các huyện miền núi. Hệ thống thủy lợi được nâng cấp và phát triển trên các vùng, đặc biệt là đưa công trình hồ Cam Ranh vào sử dụng, khởi công xây dựng hồ Suối Dầu, tăng diện tích tưới

nước 3.200 ha, góp phần tăng diện tích và nâng cao năng suất cây trồng. Hạ tầng cơ sở ở thành phố Nha Trang, các thị trấn và nông thôn được đầu tư và cải tạo, bước đầu tiến hành quy hoạch một số khu công nghiệp Suối Dầu, Ninh Phước, Ninh Thủy.

Cùng với việc đẩy mạnh đầu tư phát triển, cơ cấu kinh tế từng bước được chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ và du lịch, phù hợp với cơ chế thị trường, hình thành một số ngành nghề mũi nhọn, tạo ra các mặt hàng chủ lực mang lại giá trị kinh tế cao. Đến năm 2000, tỷ trọng GDP của ngành công nghiệp chiếm 36,9%, dịch vụ và du lịch chiếm 34,6%, ngành nông lâm thủy sản chiếm 28,5%.

Thực hiện tốt việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, phát triển các thành phần kinh tế và mở rộng quyền tự chủ trong sản xuất kinh doanh nên đã phát huy tiềm năng và nâng cao hoạt động của các thành phần kinh tế; khơi dậy các nguồn lực xã hội, tạo ra sự năng động, sáng tạo thúc đẩy kinh tế tăng trưởng. Các doanh nghiệp Nhà nước từng bước được sắp xếp lại từ trên 110 doanh nghiệp xuống còn 71 doanh nghiệp, nộp ngân sách hàng năm chiếm 50 -55% tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh và giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế của tỉnh. Doanh nghiệp Nhà nước có tác động rất lớn, làm đòn bẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, hướng dẫn hỗ trợ các thành phần kinh tế khác cùng phát triển. Các thành phần kinh tế khác được tạo điều kiện phát triển, đóng góp tích cực vào việc huy động và phát huy nguồn vốn, sử dụng lao động, kích thích thị trường phát triển; hàng năm đóng góp hơn 10% vào tổng thu ngân sách của tỉnh. Nhờ tác động tích cực của luật doanh nghiệp và việc thực hiện khá đồng bộ, đến năm 2000 toàn tỉnh có hơn 1.100 doanh nghiệp hoạt động (1995 có 547 doanh nghiệp) chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ thương mại, xây dựng, du lịch, giao thông vận tải... kinh tế nông nghiệp bước đầu đổi mới sản xuất kinh doanh theo hướng kinh tế tổng hợp và dịch vụ. Các hợp tác xã nông nghiệp được sắp xếp lại, tiến hành giao quyền sử dụng đất lâu dài cho các hộ theo Nghị định 64/CP cho trên 90% số hộ, tạo điều kiện phát triển thêm ngành nghề, khuyến khích phát triển kinh tế hộ.

Các tiềm năng và thế mạnh công nghiệp, dịch vụ và du lịch, đánh bắt nuôi trồng thủy sản cũng được chú ý khai thác và phát huy. Ngành công nghiệp trước yêu cầu đòi hỏi ngày càng cao của thị trường, việc tiêu thụ một số sản phẩm khó khăn, nhưng do chủ động đầu tư chiều sâu có chọn lọc, năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm của nhiều lĩnh vực công nghiệp tăng lên, cạnh tranh được trên thị trường nên vẫn giữ được nhịp độ tăng giá trị sản xuất hàng năm là 12,8%, các doanh nghiệp công nghiệp địa phương tiếp tục được tổ chức và sắp xếp lại sản xuất, lựa chọn sản phẩm có thị trường để đầu tư có chiều sâu, đổi mới công nghệ, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu.

Các ngành dịch vụ và du lịch có thêm nhiều thành phần kinh tế tham gia hoạt động kinh doanh, tích cực cải tiến, nâng cao chất lượng phục vụ, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 11,5%. Các lĩnh vực vận tải đều tiến bộ, trong đó áp dụng hình thức chuyển sở hữu phương tiện, tái đầu tư kịp thời nên dịch vụ vận tải hàng hóa đã tăng bình quân hàng năm 15%. Đặc biệt, du lịch là một thế mạnh của Khánh Hòa từng bước được phát triển đa dạng các loại hình, nhất là khai thác du lịch biển đảo, du lịch sinh thái, tiếp tục tăng cường cơ sở vật chất, doanh thu du lịch hàng năm 17%. Dịch vụ bưu chính viễn thông phát triển nhanh, hiện đại, tỷ lệ tăng điện thoại trong dân khá cao, bình quân 5 máy/100 dân, riêng Nha Trang 8,37 máy/100 dân.

Nuôi trồng đánh bắt thủy sản phát triển, trong đó nuôi trồng thủy sản phát triển mạnh, diện tích nuôi đến năm 2000 là 7.000 ha, tăng hai lần so với năm 1995. Giá trị sản xuất thủy sản tăng bình quân hàng năm là 11,6%; giá trị xuất khẩu thủy sản chiếm phần lớn trong tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh.

Kinh tế đối ngoại được mở rộng và có bước tăng trưởng. Vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài chiếm 43,5% tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Thu từ doanh nghiệp vốn nước ngoài và có vốn đầu tư nước ngoài tăng 16% so năm 1995 (nổi bật là Công ty liên doanh nhà máy đóng tàu Hyundai-Vinashin doanh thu đạt trên 70 triệu USD/năm). Giá trị xuất khẩu bình quân trong thời gian này tăng 22,1%; năm 2000 xuất khẩu đạt khoảng 181 triệu USD, trong đó xuất khẩu địa phương 148 triệu USD, tăng gấp hai lần năm 1995, thị trường xuất

khẩu mở rộng đến 45 nước và vùng lãnh thổ, mặt hàng thủy sản xuất khẩu chiếm từ 55-60% tổng kim ngạch xuất khẩu.

Khoa học và công nghệ từng bước trở thành nhân tố quan trọng trong việc tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và tăng sức cạnh tranh của sản phẩm. Do đó, các hoạt động khoa học và công nghệ hướng vào việc nghiên cứu, ứng dụng; các thiết bị kỹ thuật tiên tiến, hiện đại sử dụng ngày càng nhiều và có hiệu quả hơn vào sản xuất, quản lý, đời sống và nghiên cứu.

Việc xây dựng miền núi và hải đảo ngày càng được quan tâm và có nhiều chuyển biến trong nhận thức, chỉ đạo. Xây dựng và thực hiện các chương trình kinh tế theo các dự án quốc gia (PAM, 327, cho vay vốn tạo việc làm...) bước đầu thu được một số kết quả. Từ 1995 đến 2000, tỉnh đầu tư và hỗ trợ 73 tỷ đồng để xây dựng kết cấu hạ tầng như điện lưới quốc gia (cơ bản hoàn thành phủ điện năm 1999), giao thông, thủy lợi, nước sạch... trợ giúp vốn sản xuất và thực hiện chính sách cho vay ưu đãi với hộ nghèo. Một vài nơi chuyển đổi cơ cấu cây trồng như cà phê ở Khánh Sơn, mía ở Khánh Vĩnh, bước đầu thu được hiệu quả.

Đối với hải đảo, tỉnh đầu tư xây dựng nâng cấp một số cơ sở trường học, trạm xá, điện thắp sáng, truyền hình, thông tin liên lạc, phương tiện đi lại... góp phần giảm bớt khó khăn cho nhân dân.

Cùng với sự tăng trưởng kinh tế, 5 năm (1996-2000) các mặt văn hóa xã hội cũng có những bước khởi sắc, hàng năm tỉnh dành một tỷ lệ ngân sách đầu tư thích đáng đồng thời kết hợp với việc thực hiện xã hội hóa văn hóa xã hội. Do đó, các hoạt động văn hóa xã hội, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân tiếp tục được ổn định và cải thiện, đáp ứng tốt hơn nhu cầu mọi mặt của nhân dân. Phong trào “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được đẩy mạnh và phát triển đi vào chiều sâu đến tận gia đình, địa bàn dân cư làng, xóm và cơ quan, đơn vị.

Hệ thống giáo dục và đào tạo từng bước được quy hoạch, sắp xếp; quy mô và chất lượng tăng lên. Trong 5 năm thành lập thêm 15 trường tiểu học, 16

trường trung học cơ sở, 1 trường dạy nghề ở tỉnh và các trung tâm dạy nghề ở huyện. Quy mô giáo dục tăng nhanh, nhà trẻ tăng 35,9%, mẫu giáo tăng 7,3%, tiểu học tăng 12,04%, trung học cơ sở tăng 25%, trung học phổ thông tăng 89%, trong đó học sinh phổ thông tăng 55%, chất lượng giáo dục và đào tạo có những tiến bộ khả quan, trình độ dân trí được tăng lên rõ rệt, 100% xã phường đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học - xóa mù chữ, tỷ lệ người biết chữ độ tuổi 15-35 đạt 97,86%. Khoảng thời gian này đầu tư giáo dục chiếm từ 20 -25% tổng chi ngân sách.

Các vấn đề xã hội như việc làm, y tế, xóa đói giảm nghèo, dân số kế hoạch hóa, thể dục thể thao từ sau Nghị quyết 13 cũng được quan tâm và có những chuyển biến đáng ghi nhận.

Việc làm là vấn đề bức xúc nhất và được chú trọng quan tâm hàng đầu. Nhờ tăng đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở, sản xuất và dịch vụ nên hàng năm giải quyết việc làm cho 16.000 - 19.000 lao động, giải quyết việc làm cho phần lớn số người trong độ tuổi lao động.

Về y tế, mạng lưới khám chữa bệnh được đầu tư đến cơ sở. Toàn tỉnh có 1.500 giường bệnh, tỉnh xúc tiến xây dựng và sửa chữa nâng cấp các bệnh viện tuyến huyện, bệnh viện lao, bệnh viện tâm thần, các phòng khám khu vực, bệnh viện tỉnh. Đến năm 2000, 100% xã có trạm y tế, 54 xã có bác sĩ, chiếm 41%; các chương trình y tế quốc gia cũng được triển khai tốt.

Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình đạt kết quả tốt, cơ quan chuyên trách được kiện toàn và hoạt động ổn định, có hiệu quả. Việc thông tin, tuyên truyền, vận động, giáo dục được triển khai trên diện rộng, nhận thức của nhân dân được tăng lên, tỷ lệ sinh hàng năm giảm 1,2%. Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em được quan tâm, hạ tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng xuống còn 34%, trẻ em tử vong dưới 1 tuổi còn 3,5%. Các chương trình tiêm chủng mở rộng được thực hiện, trẻ dưới 6 tuổi được chăm sóc sức khỏe ban đầu, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được quan tâm chăm sóc.

Công tác xóa đói giảm nghèo được đẩy mạnh và đạt một số kết quả, nhất là thu hút hầu hết cơ quan, doanh nghiệp quốc doanh, ngoài quốc doanh của

Trung ương, địa phương và toàn xã hội tham gia, hưởng ứng. Tỷ lệ đói nghèo đến năm 2000 còn 5%, giảm 7,6% so với năm 1996.

Phong trào thể dục, thể thao phát triển khắp các địa phương, thu hút đông đảo quần chúng tham gia. Thể thao thành tích cao, đầu tư cơ sở vật chất và đào tạo tài năng trẻ được quan tâm. Những năm 1996-2000, tỉnh được đánh giá là một trong những địa phương có phong trào thể dục thể thao mạnh.

Trong 5 năm (1996-2000), công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng được các cấp, các ngành quan tâm và đạt một số kết quả. Toàn tỉnh tiến hành 1.036 cuộc thanh tra, phát hiện 77 vụ tham nhũng, khởi tố 67 vụ với 99 bị can, xử lý kỷ luật 338 cán bộ công chức; thu hồi cho nhà nước hàng chục tỷ đồng, hàng trăm ngàn m² đất.

Khánh Hòa có vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng và an ninh của cả nước, vì vậy trong phát triển kinh tế, liên kết liên doanh với trong và ngoài nước, tỉnh luôn chú trọng đảm bảo gắn kết chặt chẽ với quốc phòng - an ninh, đặt lợi ích quốc gia lên trên hết. Do xác định vị trí, vai trò quan trọng - địa bàn chiến lược của tỉnh, nên công tác quốc phòng an ninh tiếp tục được củng cố và nâng cao hiệu quả. Khả năng phòng thủ, tinh thần sẵn sàng chiến đấu, cơ sở vật chất của lực lượng vũ trang được tăng cường. Chất lượng của lực lượng vũ trang, nhất là chất lượng chính trị cao hơn trước. Tỷ lệ dân quân tự vệ trong tổng số dân đảm bảo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII đề ra.

An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội giữ vững tương đối ổn định. Phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, phong trào gọi thanh niên nhập ngũ, ý thức về chấp hành pháp luật, tích cực đấu tranh phòng chống tội phạm trong dân có nhiều tiến bộ, ý thức về xây dựng kinh tế kết hợp với quốc phòng an ninh trong cơ quan Nhà nước thường xuyên được coi trọng.

Hiệu lực quản lý của các cấp chính quyền được nâng cao, vai trò làm chủ của nhân dân được phát huy. Bộ máy, cán bộ các cơ quan bảo vệ pháp luật của tỉnh thường xuyên được củng cố, kiện toàn và hoạt động có hiệu quả hơn, từng bước đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ mới.

Nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính được chú trọng và đạt được một số kết quả bước đầu. Công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật và thi hành pháp luật có nhiều tiến bộ. Việc thanh tra, kiểm tra kinh tế, giải quyết các yêu cầu chính đáng của nhân dân được quan tâm và giải quyết nhanh, chặt chẽ hơn trên cơ sở quy định của pháp luật.

Vai trò, trách nhiệm quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội của chính quyền các cấp ngày càng thể hiện rõ nét. Năng lực chuyên môn, hiểu biết về quản lý kinh tế, quản lý xã hội của cán bộ, công chức được nâng lên một bước.

Nội dung hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể các cấp trong tỉnh đã bám sát nhiệm vụ chính trị, các chương trình kinh tế của địa phương đơn vị. Hình thức, phương pháp vận động, tập hợp quần chúng được quan tâm và đổi mới phù hợp với yêu cầu nguyện vọng của nhân dân nói chung và đoàn viên, hội viên nói riêng.

Nhiều hội quần chúng, tổ chức xã hội đã quan tâm công tác tuyên truyền, vận động đông đảo nhân dân tích cực tham gia các phong trào đền ơn, đáp nghĩa, từ thiện nhân đạo... Tình hình thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, đặc biệt là ở nông thôn đã có tiến bộ đáng kể.

Công tác đổi mới và chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, vừa là yêu cầu trước mắt, vừa là yêu cầu lâu dài đối với Đảng cầm quyền. Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các cấp ủy Đảng trong tỉnh thường xuyên coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đề cao sự thống nhất về nhận thức và hành động trong toàn Đảng bộ. Quá trình chỉ đạo công cuộc đổi mới toàn diện ở địa phương, đơn vị luôn đảm bảo giữ vững tính đảng. Trong sinh hoạt Đảng, nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình được đảm bảo, tăng cường củng cố về chính trị, tư tưởng và tổ chức, nghiêm túc quán triệt và tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị, chủ trương của Trung ương và Tỉnh ủy; xác định đúng phương châm lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt; tăng cường các biện pháp củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh.

Hầu hết đảng viên của Đảng bộ có phẩm chất chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu xã hội chủ nghĩa, giữ vững và phát huy tư cách người đảng viên cộng sản, tích cực lao động, công tác, học tập, có ý thức kỷ luật tốt, giữ gìn đạo đức, lối sống lành mạnh. Nhiều cán bộ, đảng viên nêu cao tinh thần vượt qua mọi khó khăn, thử thách, tích cực đấu tranh chống tham nhũng, chống cái xấu, cái ác, góp phần giữ vững đạo đức cách mạng, truyền thống tốt đẹp và bản sắc văn hóa dân tộc. Chính vì vậy, lòng tin của nhân dân, cán bộ, đảng viên vào Đảng, vào công cuộc đổi mới ngày càng được nâng lên.

Tỉnh ủy và các cấp ủy luôn quan tâm chỉ đạo việc xây dựng và củng cố khối đoàn kết nhất trí. Coi trọng nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thiếu số phục tùng đa số. Kiên quyết chỉ đạo đấu tranh với những biểu hiện vô tổ chức, vô kỷ luật; chấn chỉnh khắc phục các biểu hiện gây mất đoàn kết nội bộ như kéo bè, kéo cánh, cục bộ địa phương, cá nhân chủ nghĩa.

Đến năm 2000, toàn tỉnh có 14 Đảng bộ cấp huyện và tương đương, 40 Đảng đoàn, Ban Cán sự, Ban Đảng trực thuộc Tỉnh ủy; có 584 tổ chức cơ sở Đảng và 15.700 đảng viên; số lượng đảng viên tăng 21,3% so với nhiệm kỳ trước. Qua phân loại, chất lượng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh và chất lượng đảng viên đủ tư cách được nâng lên rõ rệt. Năm 1995, tỷ lệ tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh chỉ đạt 43,06%, năm 1999 tăng lên 61,1%, trong đó 123 chi bộ, Đảng bộ cơ sở đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh tiêu biểu 5 năm liền được Tỉnh ủy khen thưởng; tỷ lệ tổ chức cơ sở yếu kém giảm, năm 1999 chỉ còn 4,25% (1995 là 13,5%).

Công tác phát triển đảng viên có nhiều tiến bộ. Đầu nhiệm kỳ đến giữa năm 2000, cả tỉnh kết nạp 3.012 đảng viên, tăng 65,3% so với nhiệm kỳ trước. Trong đó 87,6% có học vấn từ cấp ba trở lên và hơn 40% là đoàn viên Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.

Các cấp ủy Đảng thực hiện tốt nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo và quản lý cán bộ theo chế độ tập thể, đảm bảo dân chủ. Do đó, công tác cán bộ tạo được những chuyển biến tích cực, góp phần thúc đẩy việc thực hiện nhiệm

vụ chính trị. Chất lượng chính trị, kiến thức mọi mặt của cấp ủy viên và cán bộ chủ chốt các cấp tăng lên rõ rệt. Riêng các cấp ủy có trình độ cao đẳng trở lên chiếm gần 77%, trình độ chính trị cao cấp chiếm 70%. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII), hầu hết các đơn vị tiến hành xong công tác quy hoạch các chức danh chủ chốt của cấp ủy, chính quyền và đoàn thể. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có chuyển biến tích cực về số lượng và chất lượng. Việc đánh giá, đề bạt cán bộ bảo đảm đúng quy trình, công tâm, khách quan, trong đó chú trọng xây dựng, đề bạt đội ngũ cán bộ trẻ được đào tạo, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt đảm nhận vị trí chủ chốt. Chính sách đối với cán bộ được quan tâm hơn. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ góp phần tích cực cho việc quy hoạch, bố trí, đề bạt và quản lý cán bộ.

Công tác kiểm tra Đảng có nhiều chuyển biến tiến bộ, nhất là khi triển khai Chỉ thị 29-CT/TW của Bộ Chính trị. Các cấp ủy quan tâm chỉ đạo chặt chẽ hơn đối với công tác kiểm tra. Ủy ban kiểm tra các cấp hoạt động tương đối nề nếp, bảo đảm đúng quy trình, bám sát nhiệm vụ kinh tế - xã hội, công tác xây dựng Đảng. Một số vụ việc lớn được kiểm tra và xử lý kịp thời; chất lượng đội ngũ cán bộ kiểm tra được nâng lên. Từ 1996-2000, toàn Đảng bộ xử lý bằng các hình thức kỷ luật 679 đảng viên, trong đó khai trừ khỏi đảng 96 trường hợp, 20 trường hợp bị truy tố trước pháp luật.

Tuy mức độ thực hiện khác nhau nhưng các cấp ủy có nhiều đổi mới trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị. Chú trọng xây dựng, cải tiến lề lối làm việc và nội dung sinh hoạt cấp ủy, đổi mới phương thức, quy trình nắm bắt và xử lý thông tin, ra nghị quyết hoặc quyết định xây dựng mối quan hệ làm việc chặt chẽ giữa cấp ủy, chính quyền và đoàn thể nhằm đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng đối với mọi hoạt động xã hội, đồng thời phát huy tính chủ động sáng tạo của các tổ chức trong hệ thống chính trị.

Cấp ủy, chính quyền các cấp giành nhiều thời gian kiểm tra, thâm nhập thực tế, tiếp xúc với đảng viên và quần chúng để lắng nghe những yêu cầu, nguyện vọng chính đáng từ cơ sở, qua đó điều chỉnh, bổ sung nội dung lãnh đạo, chỉ đạo được kịp thời.

Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy trên lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội khá rõ nét. Tình trạng lãnh đạo bằng chủ trương, nghị quyết chung chung được khắc phục; chú trọng nghiên cứu xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể, có tính thực tiễn và khả thi, phân công thực hiện rõ ràng.

Đặc biệt, ngày 22-4-1999, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 106/1999/QĐ-TTg công nhận thành phố Nha Trang là đô thị loại 2 và ngày 7-7-2000, Thủ tướng Chính phủ ra Nghị định số 21/2000/NĐ-CP thành lập thị xã Cam Ranh đã tạo điều kiện cho Khánh Hòa tiếp tục ổn định và phát triển trong những năm cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI.

II. ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỶ XXI (2001-2005)

Sau 5 năm 1996 - 2000, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ 13, tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội đạt được những thành tựu quan trọng. Bộ mặt của tỉnh từ thành thị đến nông thôn, từ đồng bằng đến miền núi, hải đảo ngày càng thay da đổi thịt. Đặc biệt năm 2000, hướng về Đại hội Đảng các cấp, Đảng bộ và nhân dân Khánh Hòa đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh tế xã hội của tỉnh, thu ngân sách tăng đưa tỉnh gia nhập "câu lạc bộ 1.000 tỷ".

Tình hình chính trị xã hội trong nước tương đối ổn định. Đất nước đã bước sang thiên niên kỷ mới, thiên niên kỷ của hợp tác, hòa bình và hữu nghị theo xu hướng toàn cầu hóa. Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đạt được những thành tựu quan trọng và đang trên đà phát triển.

Tuy nhiên, tình hình đất nước nói chung, Khánh Hòa nói riêng cũng đứng trước những khó khăn, thách thức mới, trước những yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp cách mạng trong thời kỳ mới, đòi hỏi phải không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, sức mạnh của hệ thống chính trị lãnh đạo đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong thế kỷ XXI.

Đại hội Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XIV

Quán triệt Chỉ thị số 54-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VIII) về Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội IX của Đảng. Sau thời gian chuẩn bị tích cực khẩn trương, từ ngày 18 đến 20-1-2001 tại thành phố Nha Trang, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XIV được tiến hành. Dự Đại hội có 298 đại biểu chính thức, đại diện cho gần 16.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Dự Đại hội còn có các đồng chí lãnh đạo các Ban Đảng ở Trung ương, các đồng chí nguyên là Bí thư, Phó Bí thư, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy các thời kỳ, các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, các đồng chí lãnh đạo sở, ban ngành, đoàn thể, đại diện các đơn vị quân đội đóng trên địa bàn tỉnh.

Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII (1996-2000), Đại hội nêu rõ: Trong vòng 5 năm (1996-2000), bên cạnh những thuận lợi, nền kinh tế - xã hội toàn tỉnh phải vượt qua những khó khăn thử thách, đó là những yếu kém của nền kinh tế tiếp tục bộc lộ, thiên tai gây hậu quả nghiêm trọng và ảnh hưởng cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ khu vực. Trong hoàn cảnh đó, Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đã đoàn kết nhất trí, phát huy tinh thần tự lực tự cường, nỗ lực khắc phục khó khăn, kiên trì phấn đấu để thúc đẩy sự nghiệp đổi mới toàn diện, đạt được một số thành tựu quan trọng trên lĩnh vực phát triển kinh tế, ổn định chính trị, củng cố an ninh quốc phòng và công tác xây dựng Đảng.

Về kinh tế có sự tăng trưởng khá. Các chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm bước đầu đạt được một số mục tiêu, cụ thể là chương trình phủ điện nông thôn, đưa điện lưới quốc gia đến 100% xã nông thôn, đồng bằng, miền núi, xã đảo; 97% số hộ ở nông thôn, 95% số hộ ở đồng bằng, 85% số hộ ở miền núi của tỉnh và một số đảo xa cũng đã có điện. Chương trình giao thông nông thôn, tuy mới triển khai được hai năm nhưng hầu hết đường liên thôn, liên xã được mở rộng, một phần được rải nhựa, đường ô tô đến các thôn trong tỉnh, kể cả miền núi thuận lợi hơn. Chương trình mía đường đạt được một số kết quả bước đầu như diện tích nguyên liệu được mở rộng, thiết bị chế biến được đầu tư hiện

đại hơn. Chương trình kinh tế thủy sản đã khơi dậy được nội lực lớn trong dân, nhất là đầu tư vào nuôi trồng thủy sản, mang lại hiệu quả cao. Việc thực hiện được một số mục tiêu của các chương trình kinh tế trọng điểm đã thúc đẩy GDP tăng bình quân hàng năm 8,2%, thu nhập bình quân đầu người toàn tỉnh năm 2000 đạt 401 USD/người, giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 12,8%. Tổng nguồn vốn đầu tư trong 5 năm đạt 6.900 tỷ đồng.

Văn hóa, xã hội được tỉnh chú trọng chăm lo phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện. Ngân sách hàng năm được dành một tỷ lệ thỏa đáng cho lĩnh vực văn hóa, đặc biệt cho chương trình phát triển giáo dục - đào tạo và xóa đói giảm nghèo, các chính sách xã hội, nhất là chính sách đối với người có công được giải quyết có hiệu quả. Công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của nhân dân, dân số kế hoạch hóa gia đình, khoa học công nghệ, văn hóa nghệ thuật, phát thanh truyền hình, thể dục thể thao, chăm sóc và giáo dục trẻ em đạt được những kết quả thiết thực. Nhìn chung đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân kể cả vùng nông thôn, miền núi, hải đảo có bước cải thiện đáng kể. Bộ mặt thành thị, nông thôn, miền núi có sự thay đổi và khởi sắc rõ rệt.

An ninh chính trị, quốc phòng được đảm bảo ổn định. Khả năng phòng thủ, tinh thần sẵn sàng chiến đấu, cơ sở vật chất của lực lượng vũ trang được tăng cường; bộ máy cán bộ của các cơ quan bảo vệ pháp luật thường xuyên được củng cố và hoạt động có hiệu quả hơn; công tác cải cách hành chính có tiến bộ; công tác phòng chống tham nhũng được các cấp, các ngành quan tâm đạt một số kết quả.

Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và đổi mới hoạt động của hệ thống chính trị không ngừng được tăng cường, tạo ra sự đoàn kết nhất trí cao trong Đảng bộ. Nguyên tắc tập trung dân chủ được giữ vững, tự phê bình và phê bình được thực hiện nghiêm túc, tỷ lệ tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh tăng lên. Công tác phát triển Đảng, kiểm tra Đảng có tiến bộ, các cấp ủy có nhiều đổi mới trong chỉ đạo và điều hành thực hiện nhiệm vụ chính trị, bộ máy chính quyền các cấp được củng cố, cải cách hành chính được chú trọng. Hoạt

động của Mặt trận và đoàn thể các cấp trong tỉnh bám sát nhiệm vụ chính trị, các chương trình kinh tế của địa phương, đơn vị.

Nguyên nhân chủ yếu của những thành tựu đạt được nói trên trước hết có đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng, sự chỉ đạo thường xuyên của Bộ Chính trị, Chính phủ, sự giúp đỡ của các bộ, ngành Trung ương. Sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đoàn kết nhất trí cao đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, chăm lo phát triển kinh tế - xã hội với tinh thần chủ động, vận dụng linh hoạt các chủ trương của Trung ương. Bên cạnh đó, tỉnh coi trọng việc phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, coi công tác cán bộ là yếu tố quyết định cho sự đổi mới, bố trí đúng người, đúng việc, đồng thời tăng cường bồi dưỡng cán bộ, đảng viên để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được vẫn còn những khuyết điểm, thiếu sót, đó là: nền kinh tế hiệu quả mang lại chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế của tỉnh, phát triển chưa vững chắc. Tệ nạn xã hội chưa được đẩy lùi nhất là mại dâm, ma túy, HIV, nạn cướp giết, phá rừng, khai thác lâm sản trái phép, đánh cá bằng chất nổ và sử dụng các phương tiện hủy diệt khác trên biển vẫn chưa giảm. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ở miền núi, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn, các mặt khác thuộc lĩnh vực văn hóa, xã hội chưa đem lại nhiều kết quả.

Công tác đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu, gian lận thương mại và lãng phí tuy có một số kết quả và tiến bộ hơn trước, song nhìn chung hiệu quả chưa cao, chưa đáp ứng sự đòi hỏi của đông đảo cán bộ, đảng viên và quần chúng.

Xây dựng, củng cố hệ thống chính trị còn bộc lộ nhiều yếu kém, chưa theo kịp yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa nhận thức rõ các nguy cơ, thách thức đối với đất nước, thiếu rèn luyện bản lĩnh chính trị và đạo đức cách mạng, ý thức chấp hành các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật Nhà nước không cao. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số cơ sở Đảng còn yếu. Bộ máy một số cơ quan trong hệ

thống chính trị còn công kênh, chức năng nhiệm vụ chồng chéo, kém hiệu lực; cải cách thủ tục hành chính còn chậm.

Đại hội chỉ rõ những nguyên nhân của thiếu sót. Trước hết là do một số cấp ủy chưa nhận thức đúng mức nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội phải luôn luôn gắn bó hữu cơ với công tác xây dựng củng cố hệ thống chính trị. Các khâu kiểm tra, giám sát các chương trình hành động, nghị quyết của cấp ủy cấp trên chưa thực sự có hiệu quả. Thứ hai, vai trò quản lý nhà nước của các cấp chính quyền trong tỉnh đối với mọi mặt của đời sống xã hội chưa toàn diện. Công tác quản lý Nhà nước đối với các thành phần kinh tế còn yếu kém, có lúc, có nơi còn buông lỏng. Thứ ba, cơ chế, chính sách, biện pháp của Nhà nước đối với kinh tế - xã hội chưa kịp thời, đồng bộ và đủ mạnh. Tỉnh cũng chưa có những chủ trương, biện pháp đồng bộ, cụ thể, đúng mức để tạo ra động lực, khơi dậy sự năng động của các thành phần kinh tế. Thứ tư, trình độ của đội ngũ cán bộ nhìn chung còn hạn chế trước tình hình nhiệm vụ mới, nhất là những yêu cầu của nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu và những giải pháp phát triển kinh tế - xã hội của Đảng bộ tỉnh trong 5 năm (2001-2005) là quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, tăng cường lãnh đạo, đoàn kết mọi tầng lớp nhân dân, đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa để tăng tốc độ phát triển kinh tế, trên cơ sở phát huy nguồn lực của nền kinh tế nhiều thành phần, tiếp tục thúc đẩy quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp - dịch vụ, du lịch - nông nghiệp. Coi trọng việc phát triển kinh tế đi đôi với từng bước cải thiện đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân. Tiếp tục giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội. Coi trọng xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh. Giữ vững ổn định chính trị, xây dựng củng cố an ninh - quốc phòng ngày càng vững mạnh. Phân đấu xây dựng Khánh Hòa thành một tỉnh phát triển mạnh trong khu vực.

Đại hội thông qua những mục tiêu cụ thể về kinh tế, văn hóa, xã hội, về công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Từ đó xác định những nhiệm vụ chủ yếu trước mắt là:

- Đẩy nhanh hơn nữa nhịp độ tăng trưởng kinh tế. Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn. Cụ thể là xây dựng các chương trình kinh tế trọng điểm như: phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng chương trình sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu (2001-2010) trong phát triển nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp xây dựng "dự án phát triển giống mới có năng suất và hiệu quả kinh tế cao" (2001-2005), trong phát triển kinh tế thủy sản nghiên cứu, xây dựng hoàn chỉnh và tổ chức triển khai đồng bộ "chương trình phát triển du lịch", "dự án giải tỏa lòng sông, bờ sông ở đô thị", dự án thoát nước thành phố Nha Trang.

- Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp Nhà nước; tạo mọi điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế phát triển mạnh mẽ.

- Phát triển văn hóa, xã hội, từng bước cải thiện đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; ngăn chặn và đẩy lùi các tệ nạn xã hội.

- Chăm lo phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở miền núi, hải đảo. Tiếp tục quan tâm đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, phúc lợi xã hội; tiến hành quy hoạch đất đai, định canh định cư, giao đất khoán rừng, định hướng sản xuất, chăn nuôi, phát triển các ngành nghề phù hợp và đạt hiệu quả để bộ mặt miền núi và hải đảo ngày một khởi sắc, thu hẹp dần khoảng cách mức sống, mức hưởng thụ thành quả kinh tế, văn hóa, xã hội.

- Đẩy mạnh công tác đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, các hiện tượng quan liêu, tiêu cực, chỉ đạo các cơ quan Nhà nước đẩy nhanh cải cách thủ tục hành chính, phát huy dân chủ ở từng cơ sở đi đôi với tăng cường kỷ luật, kỷ cương.

- Xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh, toàn diện, tăng cường giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

- Tiếp tục hoàn thiện bộ máy Nhà nước, tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Quan tâm xây dựng và củng cố, kiện toàn bộ máy chính quyền các cấp theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VII). Phát huy vai trò, chức năng của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; tăng cường vai trò chủ động của cấp chính quyền cơ sở trong công tác quản lý nhà nước trên địa bàn.

- Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân. Các cấp ủy phải nắm vững đường lối, quan điểm đúng đắn của Đảng về công tác vận động quần chúng, không ngừng tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân. Chính quyền, đoàn thể các cấp phải thường xuyên chăm lo phát triển kinh tế, văn hóa, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong toàn dân.

- Tăng cường thực hiện, nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; coi trọng xây dựng cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh.

Đại hội nhất trí về các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong nhiệm kỳ 2001 - 2005: GDP tăng bình quân hàng năm 9-10%; thu nhập bình quân đầu người đến 2005 đạt khoảng 585USD, tốc độ sản xuất công nghiệp tăng bình quân hàng năm 13-14%, tốc độ phát triển dịch vụ du lịch tăng bình quân hàng năm 10 - 11%; tổng kim ngạch xuất khẩu nông nghiệp tăng bình quân 3,5 - 4%; tổng kim ngạch xuất khẩu 5 năm 1.200 - 1.300 triệu USD; tổng kim ngạch nhập khẩu 5 năm 700 - 800 triệu USD, tỷ lệ huy động ngân sách trong GDP 18 - 19%, đến năm 2005 thu ngân sách địa phương bằng 1,6 lần so với năm 2000; huy động vốn đầu tư toàn xã hội 13.500 - 14.500 tỷ VNĐ, chiếm 30% GDP, vốn trong nước chiếm 60-65%, vốn đầu tư nước ngoài chiếm 35-40%; giảm tỷ suất sinh hàng năm 0,4%0, tốc độ tăng dân số đến năm 2005 xuống 1,21%; giải quyết việc làm mới hàng năm 20-22 nghìn lao động; tỷ lệ người đang độ tuổi lao động được đào tạo nghề 25%; đến 2005 không còn hộ đói, giảm hộ nghèo còn 5-6%, 95% dân cư được dùng nước sạch qua lắng lọc; 100% xã phường được trang bị đủ dụng cụ y tế cần thiết cho khám chữa bệnh, 85% số xã có bác

sĩ, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng còn 25%; đến năm 2005 có 70% số xã, phường hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở, 90% cơ quan, 70% hộ gia đình, 40% làng xóm, khu phố đạt tiêu chuẩn văn hóa.

Để hoàn thành thắng lợi các mục tiêu trên. Đại hội đề ra những giải pháp cụ thể cho từng ngành kinh tế, từng mặt đời sống xã hội. Đồng thời chủ trương tiếp tục thực hiện các chương trình kinh tế đã triển khai, xây dựng và tổ chức thực hiện một số chương trình kinh tế - xã hội và các dự án trọng điểm như: Chương trình kiên cố hóa kênh mương các công trình thủy lợi (2000-2005); chương trình phát triển du lịch (2001-2005 và 2006-2010); chương trình phát triển miền núi và hải đảo từ 2001-2005; chương trình sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu (2001-2005 và 2006-2010); chương trình phát triển nhà ở (2001-2005 và 2006-2010); chương trình phổ cập trung học cơ sở (2001-2005 và 2006-2010); chương trình bồi dưỡng đào tạo cán bộ và đào tạo nghề (2001-2005 và 2006-2010); dự án thoát nước thành phố Nha Trang (2001-2005 và 2006-2010); dự án quy hoạch và xây dựng lòng sông, bờ sông các giai đoạn qua thành phố, thị trấn (2001-2005 và 2006-2010); dự án phát triển giống mới có năng suất và hiệu quả kinh tế cao.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XIV (nhiệm kỳ 2001-2005) gồm 43 đồng chí. Ban Chấp hành Đảng bộ bầu 13 đồng chí vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy, đồng chí Nguyễn Văn Tự được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy¹, các đồng chí Bùi Mau, Phạm Văn Chi được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy; bầu 7 đồng chí vào Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy.

Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV thành công có ý nghĩa quan trọng trong đời sống chính trị của Đảng bộ và nhân dân Khánh Hòa. Đây là Đại hội đầu tiên của thế kỷ và thiên niên kỷ mới. Thành công của Đại hội thể hiện sự đoàn kết thống nhất cao trong Đảng bộ và nhân dân quyết tâm thực hiện công cuộc đổi mới, nêu cao tinh thần tự lực tự cường, cần kiệm và năng động sáng tạo đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng tỉnh giàu mạnh và

¹ . Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (từ 19 đến 22-4-2001), đồng chí Nguyễn Văn Tự được bầu làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

phồn vinh, góp phần xứng đáng vào công cuộc xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, các chương trình kinh tế - xã hội của tỉnh được xây dựng và tổ chức thực hiện, đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống. Việc cụ thể hóa nghị quyết của Đảng bằng các chương trình kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng là sự sáng tạo của Đảng bộ Khánh Hòa những năm đầu thế kỷ XXI.

Khánh Hòa có nhiều lợi thế về điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý, tài nguyên thiên nhiên, cảnh quan khí hậu, bờ biển có nhiều cảnh đẹp, nhiều vịnh, nhiều đảo, bãi tắm..., có hệ thống giao thông thuận lợi, nằm trên trục giao thông quan trọng của cả nước gồm đường sắt, đường bộ, đường thủy và đường hàng không cho phép phát triển ngành du lịch mang lại hiệu quả cao.

Với vị trí của du lịch trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, Đảng bộ tỉnh coi dịch vụ, du lịch là bộ phận quan trọng trong cơ cấu kinh tế, từ đó luôn quan tâm tạo điều kiện để phát triển ngành du lịch. Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 2 (tháng 2 năm 2001) thông qua chương trình phát triển du lịch Khánh Hòa đến 2010. Mục tiêu đề ra: Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch đạt 5.000 phòng, 11.000 giường, 230 xe, 140 tàu thuyền du lịch vào năm 2005, đến 2010 đạt khoảng 5.800 phòng, 13.000 giường, 300 xe, 180 tàu thuyền du lịch.

Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng bình quân từ 9-10% năm, chiếm tỷ trọng 36% trong GDP của dịch vụ - du lịch, đón 700.000 khách (trong đó có 240.000 khách quốc tế), doanh thu đạt 320 tỷ đồng vào năm 2005. Năm 2010 đón 1 triệu khách (khách quốc tế 480.000), doanh thu đạt 500 tỷ đồng.

Từ đó tạo việc làm cho 4.120 người lao động vào năm 2005, 7.250 người vào 2010 trong ngành du lịch cũng như việc làm cho lao động xã hội... phục vụ du lịch, đảm bảo hiệu quả về mặt xã hội bằng cách đa dạng hóa sản phẩm du lịch, nâng cao các tiêu chuẩn ngành, trình độ dân trí, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

Để đạt được các mục tiêu trên, cần làm tốt công tác huy động các nguồn vốn, với tổng vốn đầu tư cho toàn bộ chương trình là 3.526 tỷ đồng, giai đoạn 2001-2005 là 1.621 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách tỉnh cấp 190 tỷ đồng, vốn doanh nghiệp 1.429 tỷ, vốn khác 1,6 tỷ.

Chương trình phát triển du lịch được đề ra cụ thể trên nhiều mặt, về kinh phí đầu tư, công tác quy hoạch, xây dựng, phát triển năng lực kinh doanh, công tác thông tin, quảng bá, tiếp thị, xúc tiến du lịch; phát triển loại hình du lịch văn hóa; bảo vệ môi trường du lịch; công tác tổ chức cán bộ, đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao dân trí.

Hội nghị cũng đề ra những giải pháp cụ thể để phát triển du lịch. Gắn thực hiện chương trình phát triển du lịch với chương trình kinh tế - xã hội khác như chương trình kinh tế biển, chương trình xanh, sạch, đẹp văn minh... và các dự án trọng điểm đầu tư cơ sở hạ tầng bảo đảm tính đồng bộ, hài hòa và tiết kiệm vốn đầu tư.

Nhận thức được vai trò quan trọng của kinh tế biển đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV đã xác định phải nghiên cứu, xây dựng hoàn chỉnh và tổ chức triển khai đồng bộ Chương trình kinh tế biển (2001 - 2010). Chương trình nêu rõ: Khánh Hòa nằm trong vùng cực Nam Trung Bộ, có vị trí địa lý thuận lợi, tiến ra có thể khai thác nguồn lợi biển Đông, lùi lại có thể trấn giữ và bảo vệ dải ven biển. Các đảo ven bờ vịnh Cam Ranh, vịnh Vân Phong, đầm Nha Phu, Thủy Triều là những vị trí hết sức thuận lợi cho nghề cá ven bờ, phát triển và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, phát triển du lịch biển và đường thủy nội địa. Khánh Hòa lại được quản lý, khai thác quần đảo Trường Sa, một vùng biển đầy tiềm năng và triển vọng để tỉnh vươn ra làm chủ biển khơi.

Tỉnh ủy chỉ rõ nhiệm vụ, mục tiêu tổng quát phát triển kinh tế biển của tỉnh Khánh Hòa đến 2010 là: Tập trung đầu tư tạo bước nhảy vọt trong phát triển kinh tế biển, đạt mức tăng bình quân của các ngành kinh tế biển là 15-20% năm. Xây dựng nền kinh tế biển Khánh Hòa thực sự là đòn bẩy thúc đẩy kinh tế của tỉnh phát triển với tốc độ cao. Phát triển mạnh một số ngành kinh tế

biển quan trọng như giao thông vận tải biển, Khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản, du lịch và dịch vụ biển... tạo thành một số mũi nhọn, có kỹ thuật - công nghệ hiện đại, có giá trị xuất khẩu lớn lấy xuất khẩu thủy sản làm trọng tâm, ổn định đủ sức đứng vững và cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Đổi mới cơ cấu kinh tế vùng biển và ven biển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tăng cường khai thác thế mạnh và tiềm năng trên địa bàn, phát triển toàn diện kinh tế biển đi đôi với ưu tiên một số ngành và sản phẩm mũi nhọn, quan trọng.

Phát huy tính năng động của các thành phần kinh tế đầu tư vốn phát triển sản xuất kinh doanh. Trong đó, kinh tế quốc doanh nắm những vị trí then chốt; đổi mới kinh tế hợp tác xã; khuyến khích kinh tế tư nhân đầu tư, kể cả liên doanh với nước ngoài.

Coi trọng đào tạo kỹ thuật và nghề nghiệp cho người lao động, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, kinh doanh và khoa học kỹ thuật phù hợp với đặc điểm và yêu cầu phát triển kinh tế biển.

Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế biển với bảo vệ tài nguyên và môi trường sinh thái trong toàn bộ và trong từng công việc, đảm bảo sự phát triển bền vững của biển, ven biển và các đảo.

Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế biển với củng cố quốc phòng và an ninh chính trị, giữ vững chủ quyền quốc gia trên biển.

Chương trình kinh tế biển đến năm 2010 là những chương trình tổng hợp một số ngành lĩnh vực liên quan. Tổng nguồn vốn đầu tư huy động cho chương trình trên 4.000 tỷ đồng. Trong đó, thủy sản 2.200 tỷ, du lịch biển 1.493 tỷ, giao thông vận tải biển 400 tỷ, an ninh phòng tuyến biển 5 tỷ đồng.

Để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ các mục tiêu trên, Tỉnh ủy đề ra những giải pháp cụ thể về công tác quy hoạch; về khoa học công nghệ; về bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ nguồn lợi thủy sản; về quốc phòng an ninh và tổ chức quản lý Nhà nước đối với kinh tế biển; về xây dựng các chính sách khuyến khích phát triển kinh tế biển và về đẩy mạnh công tác đào tạo và đào tạo lại đội ngũ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật chuyên ngành. Gắn kết chặt chẽ việc

thực hiện chương trình kinh tế biển với các chương trình kinh tế - xã hội khác như: Chương trình phát triển du lịch biển tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2001-2005 và 2006-2010, chương trình sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu 2001-2010, chương trình nuôi trồng thủy sản thời kỳ 2001-2010, chương trình kiên cố hóa kênh mương các công trình thủy lợi từ 2001-2005, chương trình phát triển miền núi, hải đảo...

Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 3 (khóa XIV) họp từ ngày 26 đến 29- 6 - 2001, trên cơ sở đánh giá thực trạng tình hình sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu của tỉnh thời gian qua, thông qua chương trình sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu 2001-2010.

Phương hướng phát triển sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu là phát huy cao độ nguồn nhân lực có lợi thế của tỉnh, phát triển nhanh có hiệu quả sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, đáp ứng cơ bản nhu cầu tiêu dùng thiết yếu và đẩy mạnh xuất khẩu. Phát triển sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu trong tổng thể phát triển kinh tế của tỉnh, vùng và cả nước, theo định hướng kinh tế mở, hội nhập nền kinh tế khu vực và thế giới. Chuyển mạnh từ sản xuất sơ chế sang tinh chế. Trên cơ sở những ngành hàng vốn là thế mạnh của tỉnh đã có thị trường tương đối ổn định, tập trung vào các giải pháp đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm để tạo được hiệu quả kinh tế vững chắc. Đồng thời, nghiên cứu để phát triển một số ngành hàng mới nhưng phải cân nhắc kỹ về thị trường tiêu thụ. Tạo điều kiện phát triển vùng nguyên liệu nông, lâm, thủy sản, chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp và nông thôn, đưa sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa. Phát triển sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu gắn với việc bảo vệ tài nguyên môi trường sinh thái và đảm bảo an ninh- quốc phòng.

Phát triển sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu cần đạt các mục tiêu về kinh tế và mục tiêu về xã hội. Về kinh tế, phấn đấu đến năm 2005 đạt giá trị sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu từ 4.200 đến 4.400 tỷ đồng, chiếm khoảng 75% giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp. Năm 2010 là 7.400-7.600

tỷ đồng. Tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2001-2005 là 1.200 - 1.300 triệu USD, giai đoạn 2006-2010 là 2.400 - 2.600 triệu USD.

Về mục tiêu xã hội, cần đáp ứng được nhu cầu hàng tiêu dùng cho nhân dân. Khôi phục và phát triển một số làng nghề truyền thống ở nông thôn, vùng ven biển nhằm thu hút lao động, giải quyết việc làm, góp phần đào tạo nghề cho người lao động.

Nội dung chủ yếu của Chương trình sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu bao gồm: Phát triển các vùng nguyên liệu chuyên canh, chuyển nền nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa, góp phần giải quyết đời sống nông dân, phát triển nông nghiệp nông thôn; xác định một số ngành hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu mũi nhọn; quy hoạch các ngành, các sản phẩm chủ yếu như: chế biến thủy sản, chế biến nông sản, chế biến lâm sản và sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, ngành khai thác và chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng, ngành dệt may, phụ liệu may, giày dép, ngành sản xuất bia, nước giải khát; nước khoáng, ngành sản xuất dụng cụ gia đình, ngành cơ khí, điện, điện tử xuất khẩu.

Để thực hiện phương hướng, mục tiêu và nội dung chủ yếu của chương trình sản xuất hàng tiêu dùng và sản xuất hàng xuất khẩu, Hội nghị Tỉnh ủy thống nhất đề ra các giải pháp cụ thể về phát triển thị trường, trước hết chỉ đạo các doanh nghiệp nhà nước hỗ trợ các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác, xây dựng và thực hiện chiến lược thị trường cho từng ngành hàng, mặt hàng... Về phát triển cơ sở hạ tầng, phát triển thủy lợi, giao thông nông thôn và xây dựng các công trình mới, hoàn thành quy hoạch phát triển mạng lưới điện toàn tỉnh, mạng lưới thông tin liên lạc; phát triển khu dân cư gần các cụm khu công nghiệp... tạo nguồn nguyên liệu với các giải pháp phát triển ngành khai thác và nuôi trồng thủy sản; quy hoạch và thực hiện tốt các chương trình về nông sản, lâm sản; khai thác và sử dụng hợp lý tối đa nguồn tài nguyên khoáng sản và các nguồn nguyên liệu công nghiệp khác.

Hội nghị nhấn mạnh giải pháp phát triển năng lực sản xuất gồm các vấn đề vốn, chính sách khoa học công nghệ, mặt bằng sản xuất và thuế. Về vốn cần

khuyến khích mọi tầng lớp nhân dân, mọi thành phần kinh tế, các nhà đầu tư trong và ngoài nước bỏ vốn đầu tư phát triển hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Chính sách khoa học công nghệ khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư mới có quy mô vừa và nhỏ nhưng có công nghệ tiên tiến hiện đại, phù hợp với yêu cầu của thị trường, áp dụng nhanh các thành tựu khoa học kỹ thuật. Mặt bằng sản xuất, triển khai thực hiện quy hoạch sử dụng đất công nghiệp, tiếp tục đầu tư giai đoạn hai xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Suối Dầu; từng bước xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Ninh Thủy, Ninh Phước, khu công nghiệp chế biến thủy sản bắc Hòn Ông. Về thuế, tiếp tục thực hiện các chính sách ưu đãi về thuế theo luật và các văn bản dưới luật.

Giải pháp đào tạo phát triển nguồn nhân lực bằng các kế hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ công nhân kỹ thuật đủ năng lực, trình độ để tiếp thu công nghệ, vận hành có hiệu quả các nhà máy, xí nghiệp, cơ sở sản xuất. Có chính sách thu hút chuyên gia giỏi, các nghệ nhân, công nhân kỹ thuật bậc cao đến làm việc tại tỉnh và các giải pháp về cải cách hành chính trong cấp đăng ký, cấp phép, tạo môi trường đầu tư thuận lợi...

Từ mục tiêu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc theo Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VIII), Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 8 khóa XIII (họp 14-4-1998) đã thông qua chương trình phát triển giao thông nông thôn đến năm 2000 và 2005, trong đó phần đầu đến năm 2005 hoàn thành cơ bản giai đoạn đầu của chương trình gồm quy hoạch và cắm mốc lộ giới giao thông, quy hoạch phân bổ lại các điểm tập trung dân cư, xây dựng kênh mương, xây dựng đồng ruộng... Các xã đồng bằng ven biển tập trung nâng cấp, mở rộng các tuyến đường cửa ngõ và các đoạn đường khu trung tâm xã, phần đầu 50% các đường này được rải nhựa, xây dựng lại một số cầu tạm. Tổng kinh phí đầu tư cho chương trình 689 tỷ đồng.

Nhiệm vụ từ năm 2001 đến 2005 là tiếp tục phát triển mạnh hệ thống giao thông nội đồng; nhựa hóa 50% tổng chiều dài các tuyến đường do huyện quản lý, kiên cố hóa 60% số cầu tạm do huyện quản lý; các xã phần đầu nâng cấp, mở rộng toàn bộ hệ thống đường nội đồng, đường thôn xóm đạt loại B trở lên,

đường vào các xã miền núi cần được nâng cấp mở rộng và làm cầu cống kiên cố, 100% số xã và vùng đồng bằng phải có mạng đường ở khu trung tâm xã đô thị và có đèn đường, thoát nước tốt; 100% tuyến vận tải thủy nội địa có bến lên xuống an toàn, văn minh; xã đảo Ninh Vân và Vạn Thạnh phần đầu đến năm 2005 có đường ô tô thông tuyến đến trung tâm xã.

Làm tốt công tác thông tin tuyên truyền, các cơ quan chức năng phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các địa phương xây dựng kế hoạch, tổ chức tuyên truyền sâu rộng trên các phương tiện thông tin đại chúng về vị trí, tầm quan trọng, mục tiêu và phương hướng, nhiệm vụ của chương trình với quan điểm phát triển giao thông nông thôn là sự nghiệp của toàn dân, làm cho dân hiểu rõ trách nhiệm và quyền lợi của mình, chủ động, sáng tạo, đồng thời hiệp lực phối hợp với chính quyền địa phương, với tập thể trong sự nghiệp phát triển giao thông nông thôn.

Thành lập và củng cố ban chỉ đạo thực hiện Chương trình giao thông nông thôn ở các cấp, các thành viên trong ban chỉ đạo được phân công nhiệm vụ cụ thể. Chương trình có chỉ tiêu cụ thể, được thực hiện qua kế hoạch hàng năm của chính quyền các cấp và sự tham gia của toàn dân theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, nhân dân làm là chính, Nhà nước hỗ trợ một phần ngân sách, ưu tiên ngân sách cho các xã có khó khăn.

Về các giải pháp, coi trọng giải pháp huy động vốn, thực hiện phân cấp công tác quản lý đầu tư và xây dựng giao thông nông thôn trên địa bàn xã, thị trấn, vừa bảo đảm được nội dung Nghị định 42 và 43/CP của Chính phủ, vừa phù hợp với tính chất công trình giao thông thôn, xã. Tổ chức tốt phong trào thi đua phát triển giao thông nông thôn. Các cấp, các ngành liên quan cần tăng cường công tác quản lý và sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, cùng với vai trò làm chủ của nhân dân là yếu tố quyết định thắng lợi của chương trình.

Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh họp từ 25 đến 27.9.2001, bàn và thông qua chiến lược nhà ở đô thị đến 2010 với mục đích: thông qua các chính sách tạo điều kiện để nhân dân tạo lập nhà ở phù hợp với khả năng của mình. Nhà nước tạo điều kiện để những người có thu nhập thấp cải thiện

nhà ở thông qua chính sách đất ở, cho vay vốn, hỗ trợ đầu tư hạ tầng, chính sách điều tiết. Phần đầu giảm khoảng cách chênh lệch quá lớn về nhà ở giữa các đối tượng.

Nhà ở là tài sản của mỗi gia đình và là cơ sở vật chất to lớn của quốc gia, là sản phẩm hóa của một ngành kinh tế quan trọng. Thị trường nhà ở góp phần vào việc thực hiện mục tiêu tăng tổng sản phẩm trong nước và nâng cao mức sống của nhân dân. Vì vậy, Nhà nước phải phát triển và quản lý nhà ở một cách có hiệu quả thông qua hệ thống pháp luật và chính sách phù hợp. Nhà ở không thể tách rời khỏi đất đai, vì vậy việc quản lý nhà ở và đất đai phải thống nhất, có sự phối hợp chặt chẽ và phân công, phân cấp hợp lý. Giải quyết tốt nhà ở phải đi đôi với việc thực hiện tốt kế hoạch hóa gia đình. Việc phát triển nhà ở phải đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, giảm thiểu tối đa mức độ ô nhiễm môi sinh, môi trường.

Hội nghị nêu rõ: Phần đầu đến năm 2010, mở rộng và phát triển quỹ nhà ở đạt chỉ tiêu sử dụng cao hơn so với hiện tại từ 30-40%. Bình quân diện tích đầu người tối thiểu đạt 11-12m² cho mỗi người ở đô thị và 15m² cho mỗi người ở nông thôn. Phần đầu mỗi hộ tại đô thị được ở trong một căn hộ độc lập với kiến trúc nhà phải đảm bảo tiện nghi, an toàn, kinh tế, thích hợp với điều kiện thiên nhiên, môi trường sống, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

Nhà nước và xã hội tiếp tục thực hiện chính sách nhà ở đối với người có công, quan tâm xây dựng nhà tình thương, giúp đỡ những đối tượng không thể tự lực tạo lập nhà ở.

Đi đôi với chăm lo phát triển nhà ở, Nhà nước từng bước xây dựng và ban hành đồng bộ các văn bản quy phạm pháp luật về cơ bản chính sách và hệ thống các tiêu chuẩn chất lượng, đảm bảo đưa công tác quản lý vào nề nếp.

Để thực hiện thắng lợi chiến lược phát triển nhà ở đến 2010 và chương trình phát triển nhà ở đến 2020 của tỉnh, đòi hỏi phải tiến hành đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó gồm những giải pháp cơ bản sau:

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện Nghị quyết 60/CP về cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất nhằm thu hẹp diện nhà ở trái phép,

chưa hợp pháp. Tạo điều kiện cho việc cấp giấy phép xây dựng, xin thế chấp tài sản, cho thuê nhà, phát triển thêm quỹ nhà, mở mang kinh doanh phát triển nhà và đưa việc quản lý nhà đất vào nề nếp.

Đẩy nhanh tốc độ tư nhân hóa nhà ở bằng cách bán nhà mới, xây dựng cho dân theo phương thức trả tiền một lần hoặc nhiều lần. Thực hiện chính sách nhà ở với người có công.

Giải quyết thông thoáng việc chuyển dịch sở hữu nhà tư, chuyển nhượng quyền sử dụng nhà công; lập lại sổ quản lý nhà đất, nâng cao chất lượng hiệu quả thông tin và xử lý thông tin về nhà đất.

Thành lập lực lượng thanh tra chuyên ngành, nâng cao hiệu quả và rút ngắn thời hạn giải quyết khiếu tố về nhà đất. Đẩy mạnh công tác quản lý hành chính, chống phiền hà trong thủ tục cho dân quản lý nhà ở.

Đẩy mạnh công tác quy hoạch, nhất là quy hoạch chi tiết các khu nhà ở, các điểm dân cư đô thị mới, các khu chung cư; quy hoạch đường nút giao thông phải kết hợp với việc quy hoạch nhà ở theo tuyến phố, gần các dự án phát triển nhà ở với các dự án phát triển xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị.

Đa dạng hóa về kiến trúc kết cấu căn hộ, vật liệu xây dựng để có các căn hộ phù hợp với nhu cầu và khả năng kinh tế của các đối tượng. Đồng thời tăng cường việc giáo dục cho người dân ý thức chấp hành pháp luật, kỷ cương xây dựng, thi công đúng quy hoạch, đúng giấy phép, đúng thiết kế.

Cải tiến công tác cấp giấy phép xây dựng, đơn giản hóa thủ tục, tạo điều kiện thuận lợi cho mọi đối tượng có nhu cầu xây dựng được cấp giấy phép dễ dàng, nhanh chóng.

Xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm và đến năm 2005-2010 có chính sách giao đất, cho thuê đất phù hợp đối tượng sử dụng, áp dụng chính sách lấy đô thị nuôi đô thị, dành những khu đất có khả năng sinh lợi cao chủ yếu đối với các dự án phát triển nhà dọc theo các tuyến phố, để các công ty kinh doanh đầu tư giải phóng mặt bằng xây dựng, đồng thời điều tiết lại một phần lãi tùy theo dự án để phát triển hạ tầng xây dựng nhà ở cho người nghèo.

Nguồn tài chính cho phát triển nhà ở của tỉnh gồm: Vốn đầu tư từ ngân sách của tỉnh và Nhà nước hỗ trợ, nguồn vốn huy động của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước thông qua phát triển trái phiếu, huy động tiền ứng trước của khách hàng; vốn huy động từ các thành phần kinh tế trong và ngoài nước; vốn của các cá nhân có nhu cầu về nhà ở; vốn liên doanh liên kết, vốn từ quỹ phát triển đô thị.

Việc đền bù, giải phóng mặt bằng sau khi thu hồi đất để thực hiện các dự án phát triển nhà ở phải theo đúng các quy định của Nhà nước. Tuy nhiên, dự án nhà ở có những đặc thù riêng, do vậy cần xây dựng chính sách giải phóng mặt bằng cho các loại hình phù hợp.

Đối với từng đối tượng có nhu cầu nhà ở khác nhau, Hội nghị đề ra những chủ trương, chính sách ưu tiên, hỗ trợ phù hợp để từng đối tượng có được nhà ở vừa với khả năng của mình. Đặc biệt chú trọng các đối tượng chính sách, cán bộ công nhân viên Nhà nước, người có thu nhập thấp.

Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khoá XIV) họp từ ngày 17 đến ngày 18 tháng 12 năm 2001 đã thảo luận và thông qua Chương trình phát triển giống nông - lâm nghiệp giai đoạn 2001 - 2005. Hội nghị đã đánh giá, trong những năm qua, tỉnh đã quan tâm đầu tư ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật, nhất là các tiến bộ về giống vào sản xuất nông - lâm nghiệp; góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm nông - lâm nghiệp, giúp nông dân nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống, từng bước xây dựng và phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Tuy nhiên, các loại giống cây trồng, vật nuôi trong tỉnh chủ yếu vẫn là các loại truyền thống, có năng suất và chất lượng thấp, chưa hình thành được hệ thống sản xuất giống đáp ứng yêu cầu đa dạng của nông dân. Hoạt động dịch vụ cung ứng giống còn lúng túng, cơ chế sản xuất kinh doanh chưa thích hợp; công tác quản lý nhà nước về giống còn nhiều bất cập.

Để khắc phục tình trạng trên và xây dựng hệ thống sản xuất và cung ứng giống cây trồng, vật nuôi thích hợp với cơ chế thị trường, có khả năng tiếp cận và triển khai các tiến bộ về giống nhằm nâng cao chất lượng, năng suất và

chuyển đổi cơ cấu cây trồng, cơ cấu sản xuất nông nghiệp, tạo cơ sở cho nông nghiệp phát triển bền vững; chương trình cần đạt được các mục tiêu chủ yếu sau:

- Phấn đấu đến năm 2005, đưa năng suất lúa 2 vụ bình quân trong toàn tỉnh lên 48 tạ/ha, đảm bảo 70 - 80% diện tích lúa 2 vụ được sử dụng giống lúa xác nhận.

- 80% diện tích mía sản xuất đại trà trồng bằng hom giống đảm bảo chất lượng, phấn đấu đưa năng suất mía lên 60 - 65 tấn/ha ở những vùng sản xuất tập trung.

- Đảm bảo đáp ứng 70 - 80% giống cây ăn quả có năng suất, chất lượng cao.

- Tiếp tục Chương trình cải tạo đàn bò, phấn đấu tỷ lệ bò lai đạt 50% tổng đàn; cải tạo đàn heo theo hướng lạc hoá, cung cấp đủ heo đực giống cho các trạm truyền giống, đảm bảo 80% đàn heo nái được thụ tinh bởi giống tốt, thay thế từ 20 - 30% đàn heo nái trong tỉnh.

Để hoàn thành các mục tiêu trên, cần tập trung thực hiện một số giải pháp như: Xây dựng Trung tâm giống nông - lâm nghiệp công nghệ cao, các vườn ươm để tạo thành mạng lưới sản xuất giống chất lượng cao; áp dụng công nghệ sinh học trong sản xuất giống; xây dựng hệ thống chính sách khuyến khích phát triển giống tốt; xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật chuyên về công tác phát triển giống và tăng cường công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực giống.

Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng kiểm điểm công tác giữa nhiệm kỳ họp từ ngày 5 đến ngày 7- 8-2003, hội nghị tập trung kiểm điểm tình hình hai năm rưỡi thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV và đề ra nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của Đảng bộ trong hơn hai năm còn lại của nhiệm kỳ 2001-2005.

Hội nghị thống nhất nhận định: sau hai năm rưỡi thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, Đảng bộ và nhân dân Khánh Hòa đã đoàn kết, nhất trí, phát huy tinh thần năng động sáng tạo, ý chí tự lực tự cường, nỗ lực phấn đấu, vượt qua khó khăn

thử thách và đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, toàn diện trên khắp các lĩnh vực của đời sống xã hội. Nét nổi bật là nền kinh tế của tỉnh tăng trưởng cao và ổn định. Một số mục tiêu, chỉ tiêu quan trọng do Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV đề ra đến nay đã đạt và vượt. Giá trị tổng sản phẩm (GDP) trên địa bàn tỉnh tăng bình quân hai năm 11,05%, GDP bình quân đầu người năm 2002 đạt 504 USD, giá trị sản xuất công nghiệp tăng 27,2% giá trị sản xuất các ngành dịch vụ - du lịch tăng 16%. Nổi bật trong lĩnh vực thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh liên tục tăng nhanh qua từng năm, năm 2000 vào “Câu lạc bộ 1.000 tỷ”, đến năm 2001 đạt trên 1.300 tỷ, năm 2002 là 1.784 tỷ và dự kiến trong năm 2003 sẽ đạt trên 2.000 tỷ đồng.

Về chuyển dịch cơ cấu kinh tế, năm 2000 cơ cấu kinh tế của tỉnh là công nghiệp - xây dựng 35,3%, dịch vụ du lịch 37,8% và nông lâm - thủy sản 26,9%. Đến cuối năm 2002, cơ cấu tương ứng là 39,1% - 39,4% và 21,5%.

Bên cạnh đó, lĩnh vực văn hóa- xã hội được thường xuyên chăm lo và có bước tiến bộ mới; công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị được đẩy mạnh; quốc phòng - an ninh không ngừng được củng cố, trật tự trị an được giữ vững; bộ mặt thành thị, nông thôn, hải đảo, miền núi có nhiều khởi sắc; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện, nâng cao. Đây là những thành tựu quan trọng, tạo nền tảng cơ bản, vững chắc và tiền đề thiết yếu để Khánh Hòa tiếp tục đẩy nhanh tốc độ phát triển trong những năm tiếp theo.

Trên cơ sở đánh giá, dự báo tình hình, Hội nghị đã quyết định một số nhiệm vụ trọng tâm đến cuối nhiệm kỳ 2001-2005 là: tập trung hơn nữa sức mạnh tổng hợp của toàn Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh, phấn đấu hoàn thành toàn diện những chỉ tiêu trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa-xã hội, quốc phòng-an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV đề ra. Hội nghị đã nhất trí biểu quyết thông qua một số chỉ tiêu mới của nửa nhiệm kỳ còn lại cao hơn so với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV đề ra để phấn đấu, cụ thể: Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm đạt từ 10-11%; GDP bình quân đầu người đến năm 2005 đạt 650 USD; tốc độ

phát triển công nghiệp hàng năm tăng bình quân 15-16%; tốc độ phát triển dịch vụ- du lịch hàng năm tăng bình quân từ 14-15%; tỷ lệ huy động vào ngân sách từ 19-20% GDP; thu ngân sách năm 2005 đạt từ 2.400-2.500 tỷ đồng. Hội nghị cũng đã giao cho các cơ quan chức năng nghiên cứu để chuẩn bị trình Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV (nhiệm kỳ 2006-2010) điều chỉnh cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng dịch vụ, du lịch - công nghiệp - nông nghiệp.

Sau 5 năm (2001-2005) thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV; toàn Đảng, toàn dân và toàn quân tỉnh ta đã tận dụng triệt để mọi thời cơ, thuận lợi, khắc phục khó khăn, nỗ lực phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiều chỉ tiêu quan trọng đề ra trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV.

Tăng trưởng kinh tế của tỉnh bình quân hàng năm đạt 10,86% vượt mục tiêu đề ra, cao hơn tốc độ tăng 8,2% của giai đoạn 1996-2000. Về giá trị tuyệt đối, đến năm 2005 GDP tăng gấp 1,7 lần so với năm 2000, GDP bình quân đầu người năm 2005 đạt trên 768 USD.

Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch tích cực theo hướng tăng nhanh tỷ trọng các ngành dịch vụ và công nghiệp. Năm 2005, cơ cấu tổng sản phẩm theo khu vực kinh tế là: công nghiệp chiếm 40,9%; dịch vụ 41,1%; nông nghiệp 18%.

Các ngành dịch vụ tăng bình quân hàng năm trên 13,44%, trong đó về du lịch có thêm nhiều cơ sở vật chất kỹ thuật và ngành dịch vụ mới, phát triển đa dạng với nhiều loại hình hoạt động, nhiều thành phần kinh tế tham gia, thu hút được nhiều dự án, trong đó một số dự án có quy mô lớn được triển khai xây dựng và đưa vào sử dụng như: khu du lịch 5 sao Hòn Ngọc Việt, khu du lịch Ninh Vân, khách sạn Sunrise....Đặc biệt, năm 2003 vịnh Nha Trang được công nhận là một trong những vịnh đẹp nhất thế giới đã mở ra một hướng phát triển mạnh cho ngành du lịch, dịch vụ Khánh Hòa .

Giá trị sản xuất công nghiệp tăng trưởng bình quân 22,67% năm (*Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XIV đề ra từ 13,5 – 14,5%*), luôn nằm trong số các địa phương dẫn đầu cả nước về tốc độ tăng trưởng và giá trị sản xuất công nghiệp.

Thu ngân sách luôn vượt kế hoạch hàng năm; năm 2005 đạt 3.406 tỷ đồng, gấp 2,9 lần so với năm 2000 (*Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV đề ra tăng 1,6 lần*), chiếm 24,6% GDP.

Vốn đầu tư phát triển xã hội 5 năm đạt hơn 14.000 tỷ đồng, đạt 100% chỉ tiêu đề ra.

Kinh tế đối ngoại, kim ngạch xuất nhập khẩu tăng nhanh về số lượng và chuyển biến về chất lượng. Năm 2005, kim ngạch xuất khẩu đạt 458 triệu USD, trong đó xuất khẩu địa phương 416 triệu USD; nhập khẩu 205 triệu USD. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu chiếm 71% GDP. Khách du lịch trong và ngoài nước đến Khánh Hòa tăng bình quân 15-20%/năm. Hợp tác với một số thành phố của các nước trên thế giới bước đầu mang lại hiệu quả tích cực.

Các thành phần kinh tế phát triển, trong đó kinh tế Nhà nước phát triển ổn định và giữ vai trò chủ đạo. Đã cơ bản hoàn thành việc sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp nhà nước theo đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Kinh tế tư nhân phát triển mạnh, các doanh nghiệp và hộ kinh doanh cá thể có sự tăng trưởng nhanh cả về số lượng và quy mô, đến năm 2005 có hơn 1.200 doanh nghiệp tư nhân và hơn 25.000 hộ kinh doanh cá thể. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển, tính đến tháng 12 năm 2005, có 57 dự án đầu tư nước ngoài có hiệu lực với tổng vốn đăng ký 442,8 triệu USD.

Cơ sở vật chất kỹ thuật được tăng cường, đặc biệt là cơ sở hạ tầng về giao thông, điện, thủy lợi, trường học, bệnh viện, thiết chế văn hóa... nhiều dự án lớn được triển khai xây dựng như: Đại lộ Nguyễn Tất Thành, đường Phạm Văn

Đồng, đường Khánh Lê - Lâm Đồng... Tốc độ đô thị hóa tăng nhanh, bộ mặt thành thị, nông thôn, miền núi có sự thay đổi đáng kể.

Chính phủ thông qua quy hoạch phát triển khu kinh tế tổng hợp Vân Phong trong đó khu cảng trung chuyển container quốc tế giữ vai trò chủ đạo, kết hợp phát triển kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực với trọng tâm là phát triển công nghiệp, du lịch, dịch vụ, nuôi trồng thủy sản, các ngành kinh tế khác và xây dựng các đô thị. Chuyển phía Bắc bán đảo Cam Ranh sử dụng vào mục đích kinh tế, đưa sân bay Cam Ranh vào hoạt động thương mại, cho phép đầu tư nước ngoài vào khu vực Thị xã Cam Ranh... đã mở ra nhiều cơ hội mới cho thu hút đầu tư và phát triển.

Văn hóa - xã hội có tiến bộ mới, đời sống của nhân dân tiếp tục được cải thiện, đặc biệt đối với miền núi.

Các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, thể dục thể thao, y tế, dân số kế hoạch hóa gia đình có nhiều tiến bộ, đạt nhiều kết quả khả quan. Hoạt động văn hóa, văn nghệ, báo chí, phát thanh, truyền hình có bước phát triển mới cả về số lượng và chất lượng.

Đặc biệt, tỉnh đã mở hội thảo khoa học xác định năm 1653 là mốc thời gian hình thành địa phận hành chính tỉnh Khánh Hòa và quyết định tổ chức kỷ niệm Khánh Hòa 350 năm (1653-2003) vào ngày 2-4-2003; quyết nghị lấy ngày 16 tháng 7 hàng năm là Ngày truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Quan tâm đầu tư phát triển toàn diện khu vực miền núi của tỉnh, trọng tâm là các lĩnh vực giáo dục, y tế, xóa đói giảm nghèo và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. Bình quân mỗi năm ngân sách Nhà nước đầu tư gần 60 tỷ đồng cho miền núi.

Công tác xóa đói giảm nghèo có tiến bộ, năm 2000 toàn tỉnh không còn hộ đói, đến năm 2005 số hộ nghèo còn dưới 2% (theo chuẩn cũ), hoàn thành trước 2 năm so với mục tiêu đề ra.

Giải quyết việc làm và thực hiện các chính sách xã hội được chú trọng, hàng năm tạo việc làm mới cho hơn 22.000 lao động, lao động qua đào tạo

nghe đạt trên 26%. Thực hiện tốt chương trình chăm sóc người có công, các hoạt động từ thiện, đền ơn đáp nghĩa, phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng được mở rộng và thực hiện tốt.

Chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng - an ninh giữ vững. Ngày 23 tháng 6 năm 2003, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Trần Đức Lương đã ký Quyết định số 355/2003/QĐ/CTN phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân cho nhân dân và lực lượng vũ trang tỉnh Khánh Hòa.

Công tác xây dựng Đảng và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng được đẩy mạnh; hoạt động của hệ thống chính trị tiếp tục được đổi mới. Đoàn kết trong Đảng tốt và không ngừng được củng cố, tăng cường; đảng viên và các tổ chức cơ sở Đảng được kiểm tra và đánh giá đúng thực chất hơn. Việc tổ chức thực hiện Nghị quyết 17 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XIV) về một số giải pháp chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương và chế độ trách nhiệm của cán bộ đảng viên, công chức, viên chức trong thi hành nhiệm vụ, phục vụ nhân dân bước đầu đạt được một số kết quả.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XV.

Thực hiện Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 6-12-2004 của Bộ Chính trị về Đại hội Đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, Tỉnh ủy có kế hoạch chỉ đạo các tổ chức cơ sở Đảng tiến hành Đại hội; đồng thời chọn một số tổ chức Đảng bộ làm Đại hội điểm, sau đó rút kinh nghiệm để chỉ đạo trong toàn Đảng bộ.

Sau thời gian tích cực chuẩn bị, từ ngày 24 đến 26-12-2005 Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ XV tại thành phố Nha Trang. Dự Đại hội có 300 đại biểu chính thức đại diện cho hơn 20.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đồng chí Phan Diễn, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng dự và chỉ đạo Đại hội.

Đại hội tập trung thảo luận, đánh giá thành tựu đạt được trong 5 năm (2001-2005) và khẳng định: *Kinh tế liên tục tăng trưởng với nhịp độ cao, nhiều chỉ tiêu kinh tế hoàn thành vượt mức kế hoạch, cơ cấu kinh tế chuyển dịch*

theo hướng tăng tỷ trọng các ngành dịch vụ, du lịch và công nghiệp. Tiềm năng thế mạnh của tỉnh bước đầu được phát huy, tạo bước đột phá về phát triển kinh tế trong những năm tới.

Bên cạnh những kết quả đạt được về kinh tế - xã hội, Đại hội cũng chỉ rõ 4 yếu kém, khuyết điểm chủ yếu:

- Kinh tế phát triển nhanh nhưng còn một số khuyết điểm, yếu kém cần khắc phục.

- Có nhiều cơ chế và chủ trương đúng đắn thông qua các chương trình kinh tế - xã hội nhưng một số chương trình triển khai còn chậm, hiệu quả đạt chưa cao.

- Một số vấn đề xã hội bức xúc và phức tạp chưa được giải quyết tốt.

- Hệ thống chính trị còn bộc lộ một số yếu kém, nhược điểm.

Trong đó nhấn mạnh một số khuyết điểm cần tập trung và kịp thời khắc phục: Thu hút đầu tư nước ngoài chưa tương xứng với tiềm năng của tỉnh; các ngành dịch vụ có giá trị cao phát triển chậm. Công tác quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực về kinh tế - xã hội còn nhiều hạn chế; việc giải quyết các vấn đề xã hội phát sinh trong quá trình đô thị hóa như bồi thường, hỗ trợ tái định cư, lao động thiếu việc làm... chưa tốt, phát sinh nhiều đơn thư khiếu tố, khiếu nại của nhân dân nhưng chưa được giải quyết kịp thời.

Công tác cải cách thủ tục hành chính chưa tạo được chuyển biến căn bản; giải quyết công việc liên quan tới các hoạt động kinh tế - xã hội, các vụ việc liên quan đến lợi ích của người dân... còn chậm. Việc áp dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực quản lý nhà nước chưa được triển khai rộng rãi và hiệu quả đạt chưa cao. Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, công tác xây dựng đội ngũ cán bộ chưa chuyển biến kịp với nhiệm vụ chính trị.

Đại hội chỉ rõ những nguyên nhân dẫn tới tình trạng trên, trong đó nhấn mạnh 5 nguyên nhân chủ yếu:

- Công tác tổ chức chỉ đạo thực hiện một số mặt còn hạn chế, sự phối hợp giữa các ngành, các cấp chưa đồng bộ; việc bố trí ngân sách cho một số chương trình kinh tế - xã hội chưa được quan tâm đúng mức, thực hiện xã hội

hóa cũng như công tác vận động nhân dân và các thành phần kinh tế tham gia thực hiện các chương trình còn hạn chế, chưa nhạy bén tận dụng thời cơ để tranh thủ các nguồn vốn.

- Kết cấu hạ tầng và các dịch vụ còn yếu, thiếu và chưa đồng bộ; cải cách thủ tục hành chính chậm, thiếu kiên quyết, chưa tạo được môi trường đầu tư thật sự minh bạch, năng lực cạnh tranh không cao; do đó chưa thu hút mạnh các nhà đầu tư nước ngoài.

- Chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của phát triển kinh tế - xã hội; trong một số ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh còn thiếu các chuyên gia đầu ngành và lao động có tay nghề cao.

- Quản lý Nhà nước trong một số lĩnh vực: Quy hoạch, đất đai, xây dựng cơ bản, tài chính, trật tự xã hội... có mặt còn buông lỏng và sơ hở; một số dự án triển khai chậm; việc đầu tư cơ sở hạ tầng tại các khu tái định cư chưa đồng bộ, chưa giải quyết được việc làm để đáp ứng yêu cầu ổn định cuộc sống tại nơi ở mới.

- Một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng, rèn luyện về phẩm chất và năng lực, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và kiến thức quản lý nhà nước còn yếu, không đáp ứng nhiệm vụ được giao... nhưng các cấp ủy chậm phát hiện và xử lý.

Từ thực tiễn quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đảng, Đại hội nêu lên 5 bài học kinh nghiệm:

Một là, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và một số cấp ủy trong Đảng bộ tỉnh sâu sát thực tiễn, năng động, sáng tạo trong việc quán triệt và vận dụng các chủ trương, đường lối của Đảng vào hoàn cảnh cụ thể của tỉnh, đề ra các chỉ thị, nghị quyết, kế hoạch, chương trình hành động sát đúng với tình hình thực tế của địa phương, được thể chế hóa kịp thời; trên cơ sở đó tổ chức chỉ đạo thực hiện tập trung, kiên quyết.

Hai là, huy động được tiềm lực của các doanh nghiệp trong nước đầu tư vào Khánh Hòa. Phát huy tinh thần tự lực, tự cường; phát huy mọi tiềm năng, thể mạnh của địa phương kết hợp với tranh thủ sự giúp đỡ của các bộ, ngành Trung ương, sự hợp tác của các địa phương trong cả nước và hợp tác quốc tế.

Ba là, phát hiện và tập trung chỉ đạo giải quyết kịp thời các vấn đề trọng tâm, trọng điểm mang tính đột phá trong một số lĩnh vực như xây dựng kết cấu hạ tầng, trước hết là giao thông; từng bước đổi mới nội dung và phương pháp chỉ đạo thực hiện theo phương châm hướng mạnh về cơ sở "tỉnh sát xã, huyện sát thôn, xã sát hộ dân"; trực tiếp giải quyết những phát sinh, vướng mắc ngay từ cơ sở.

Bốn là, phát triển kinh tế phải gắn kết với phát triển văn hóa, phát triển con người, thực hiện dân chủ và công bằng xã hội; coi trọng bảo vệ môi trường, giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc, nâng cao chất lượng cuộc sống và yêu cầu phát triển bền vững.

Năm là, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy dân chủ phải gắn liền với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương; tăng cường đoàn kết thống nhất trong Đảng, sự phối hợp đồng bộ trong hệ thống chính trị; sự ủng hộ, đồng thuận của nhân dân; cán bộ, đảng viên gương mẫu là nhân tố quyết định của sự thành công.

Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu và các giải pháp chủ yếu đến năm 2010. Định hướng khái quát cho toàn Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh là: *Ra sức nâng cao hơn nữa năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn dân trong tỉnh, đẩy mạnh đổi mới toàn diện và đồng bộ, phấn đấu nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, quyết tâm xây dựng tỉnh Khánh Hòa thành trung tâm kinh tế - xã hội của khu vực Nam Trung Bộ vào năm 2010.*

Phương hướng chung là huy động tối đa các nguồn lực đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội, khai thác tốt tiềm năng, lợi thế của tỉnh kết hợp với liên kết, hợp tác phát triển với các địa phương trong cả nước, trong đó đặc biệt chú trọng đến các tỉnh lân cận, với các vùng kinh tế động lực của cả nước; phát triển kinh tế đối ngoại, để duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và bền vững, tạo chuyển biến mạnh về chất lượng tăng trưởng. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng dịch vụ, du lịch - công nghiệp - nông nghiệp. Đảm bảo sự gắn kết giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế là trọng tâm, xây dựng chính ổn Đảng là then chốt với xây dựng văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội; không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, đặc biệt đối với đồng bào dân tộc thiểu số; giải quyết tốt các vấn đề xã hội bức xúc; tạo bước chuyển biến cơ bản về chất lượng nguồn nhân lực và nâng

cao dân trí; giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ và phát triển môi trường sinh thái.

Các mục tiêu chủ yếu về kinh tế: Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm trên 12%; GDP bình quân đầu người đến năm 2010 trên 1.200 USD; nâng tỷ trọng dịch vụ lên 43,5%, giảm tỷ trọng nông nghiệp còn 13% để đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng dịch vụ, du lịch - công nghiệp - nông nghiệp. Các mục tiêu cụ thể về xã hội, văn hóa, môi trường và về công tác xây dựng Đảng, phấn đấu hàng năm có từ 75 đến 80% số tổ chức cơ sở Đảng đạt trong sạch vững mạnh...

Để hoàn thành mục tiêu đề ra, Đại hội thông qua 7 nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu của từng ngành, từng lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh và xây dựng hệ thống chính trị của tỉnh đến 2010.

Phát biểu với Đại hội, đồng chí Phan Diễn biểu dương sự năng động, nỗ lực phấn đấu và thành tựu quan trọng của Đảng bộ và nhân dân Khánh Hòa trong 5 năm qua. Về định hướng phát triển, đồng chí Phan Diễn nhấn mạnh: Khánh Hòa cần đẩy mạnh và làm tốt hơn nữa công tác thu hút đầu tư của mọi thành phần kinh tế trong và ngoài nước; tập trung phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn đi đôi với phát triển các ngành dịch vụ; tiếp tục coi trọng, quan tâm lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn; thường xuyên coi trọng và kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ toàn diện về mọi mặt trên cơ sở thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân; cần làm tốt công tác quản lý, giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên; đẩy mạnh đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; phấn đấu xây dựng Khánh Hòa trở thành trung tâm kinh tế - xã hội của khu vực Nam Trung Bộ.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XV gồm 49 đồng chí. Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XV bầu 12 đồng chí vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Đồng chí Nguyễn Văn TỰ, Ủy viên Trung ương Đảng được bầu lại làm Bí thư Tỉnh ủy; các đồng chí Võ Lâm Phi, Mai Trục làm Phó Bí thư Tỉnh ủy; bầu Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy gồm 8 đồng chí; bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X gồm 13 đại biểu chính thức (trong đó có 01 đại biểu đương nhiên), 02 đại biểu dự khuyết.

X X

X

Từ năm 1996 đến 2005 Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa trải qua ba kỳ Đại hội (XIII, XIV, XV). Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội VIII, Đại hội IX của Đảng và Nghị quyết các Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương; Ban Chấp hành Đảng bộ lãnh đạo nhân dân trong tỉnh thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị do Đại hội XIII, XIV đề ra, tạo tiền đề mới hoàn thành nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cùng nhân dân cả nước thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, trong quá trình tổ chức chỉ đạo thực hiện những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước còn bộc lộ nhiều hạn chế. Nhiều vấn đề mới nảy sinh từ thực tiễn công cuộc đổi mới chậm được tổng kết. Thực tế đó đòi hỏi Đảng bộ, các tổ chức cơ sở Đảng phải không ngừng vươn lên, nâng cao năng lực lãnh đạo ngang tầm với yêu cầu của thời kỳ mới, xứng đáng là hạt nhân chính trị của Đảng.

KẾT LUẬN

Khánh Hòa là một vùng đất giàu truyền thống cách mạng, hội tụ nhiều yếu tố thuận lợi, có nhiều tiềm năng, lợi thế để phát triển. Hơn ba thập niên qua, trong điều kiện gặp không ít khó khăn do thiên tai, những tác động bất lợi của tình hình khu vực và quốc tế, Đảng bộ và nhân dân Khánh Hòa đoàn kết, nhất trí, năng động, sáng tạo, phát huy tinh thần tự lực, tự cường, vượt qua khó khăn, thử thách, kiên trì phấn đấu giành được những thành tựu quan trọng.

Sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng (30-4-1975), cùng với nhân dân cả nước, Đảng bộ và nhân dân Khánh Hòa bắt tay ngay vào công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh mới: cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã kết thúc thắng lợi, nước nhà độc lập thống nhất, có điều kiện tập trung các nguồn lực vào nhiệm vụ hàng đầu là hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, khó khăn buổi ban đầu còn bộn bề vì khởi đầu với một mặt bằng đầy tàn tích chiến

tranh, nền kinh tế của tỉnh phần lớn phụ thuộc vào bên ngoài và phục vụ cho cuộc chiến tranh do Mỹ thực hiện tại địa phương; sản xuất nông nghiệp là chủ yếu với trình độ canh tác thủ công, lạc hậu, manh mún; các cơ sở sản xuất công nghiệp vốn đã nhỏ bé lại bị đình đốn do máy móc thiết bị hư hỏng, thiếu nguyên liệu, thiếu đội ngũ cán bộ kỹ thuật lành nghề; hệ thống đường giao thông, cầu cống hư hỏng, xuống cấp nghiêm trọng; lưu thông hàng hóa ách tắc; cơ sở vật chất và mạng lưới y tế, giáo dục, văn hóa vừa thiếu lại vừa yếu; hàng vạn người không có việc làm; nhân dân ở các huyện miền núi, vùng sâu, vùng xa bị đói ăn, ốm đau bệnh tật; trật tự an toàn xã hội chưa ổn định, các thế lực phản động do Mỹ cài lại len lút hoạt động chống phá cách mạng ...

Để nhanh chóng vượt qua những khó khăn, thách thức to lớn đó, Đảng bộ Khánh Hòa tiếp tục phát huy truyền thống yêu nước và ý chí cách mạng tiến công, kịp thời đề ra những chủ trương, chính sách đúng đắn nhằm lãnh đạo nhân dân khắc phục hậu quả chiến tranh, tháo gỡ khó khăn vướng mắc, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, từng bước khôi phục và phát triển về kinh tế, bước đầu xây dựng cơ sở vật chất và tinh thần, chăm lo đời sống nhân dân; từng bước củng cố bộ máy chính quyền các cấp và các đoàn thể quần chúng làm chỗ dựa vững chắc cho việc phát động các phong trào cách mạng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, bộ mặt quê hương có nhiều thay đổi: sản xuất được phục hồi, tình hình trật tự xã hội và đời sống nhân dân từng bước ổn định, chính sách hòa hợp, hòa giải dân tộc của Đảng và Nhà nước được thực hiện có hiệu quả ...

Để đảm bảo việc thống nhất lãnh đạo phù hợp với tình hình miền Nam sau giải phóng, tháng 8-1975, Ban Chấp hành trung ương Đảng (khóa III) quyết định sáp nhập một số đơn vị hành chính kinh tế (tỉnh, thành phố) với quy mô cần thiết. Theo chủ trương của Trung ương và sự chấp thuận của Quốc hội, tháng 11-1975, hai tỉnh Khánh Hòa và Phú Yên được hợp nhất thành tỉnh mới là tỉnh Phú Khánh. Từ đây, Đảng bộ Khánh Hòa bước vào một giai đoạn mới với những thuận lợi lớn hơn, nhưng những khó khăn, thách thức cũng không kém phần gay go, phức tạp.

Sau hơn 13 năm hợp nhất, Đảng bộ Phú Khánh đã lãnh đạo quân và dân trong tỉnh ra sức khắc phục hậu quả nặng nề của chiến tranh, thiên tai; ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; đẩy mạnh công cuộc cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên địa bàn tỉnh; công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và các đoàn thể có nhiều bước tiến vượt bậc. Đặc biệt, trong những năm đầu thực hiện đường lối đổi mới của Đảng (1986-1989), Đảng bộ và nhân dân Phú Khánh, trong đó có các Đảng bộ huyện, thị xã và quân dân trên địa bàn Khánh Hòa đã nỗ lực phấn đấu đạt nhiều thành tựu quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh và xây dựng Đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng; từng bước khắc phục hậu quả nặng nề của chiến tranh, cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế, khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân. Đó là những tiền đề vững chắc và rất cơ bản để Đảng bộ và quân dân Khánh Hòa giành những thắng lợi tiếp theo trong công cuộc đổi mới trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, trong quá trình hợp nhất, nhiều hạn chế cũng được bộc lộ khá sâu sắc: Địa bàn tỉnh Phú Khánh quá rộng và phức tạp; điều kiện tự nhiên của hai địa phương Phú Yên và Khánh Hòa có nhiều đặc điểm khác nhau, truyền thống lịch sử tuy có nét chung nhưng hoàn toàn độc lập; hiện tượng mất đoàn kết nội bộ nảy sinh và tồn tại qua nhiều nhiệm kỳ Đảng bộ nhưng không giải quyết kịp thời dẫn đến làm giảm sức mạnh của Đảng bộ, làm tổn thương đến truyền thống tốt đẹp của Đảng bộ và nhân dân Phú Yên, Khánh Hòa.

Trước nhu cầu phát triển, đổi mới của công cuộc xây dựng đất nước, đặc biệt là quán triệt tinh thần Đại hội VI của Đảng và xuất phát từ những đòi hỏi của thực tiễn, ngày 4-3-1989, Bộ Chính trị ra Quyết định số 83 về việc chia tách tỉnh. Trên tinh thần đó, ngày 30-6-1989, Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa VIII ra Nghị quyết về việc chia tỉnh Phú Khánh thành hai tỉnh mới là Phú Yên và Khánh Hòa. Ngay sau khi được tái lập, Đảng bộ Khánh Hòa đã bám sát chủ trương, đường lối của Trung ương, tăng cường chỉ đạo công tác tư tưởng, tập trung sức lãnh đạo nhân dân thực hiện những nhiệm vụ mới: tiếp nhận bàn giao

giữa hai tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa, kiện toàn và ổn định bộ máy các cấp, chăm lo đời sống quần chúng, lãnh đạo sản xuất, triển khai các công việc nhằm đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh, tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới của Đảng.

Kế thừa và phát huy những thành tựu đạt được trong suốt chặng đường đầy khó nhọc mà rất đổi tự hào ấy, Đảng bộ và nhân dân Khánh Hòa nỗ lực tạo dựng nền tảng, chuẩn bị tăng tốc trong xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội. Trên cơ sở thống nhất, hòa hợp giữa ý Đảng và lòng dân, các tầng lớp nhân dân trong tỉnh đã phát huy trí tuệ, tài năng tham gia thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị. Sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát và giúp đỡ có hiệu quả của Bộ Chính trị, Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương tạo điều kiện thuận lợi cho Khánh Hòa khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế. Nhiều chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm, nhiều nghị quyết chuyên đề và chủ trương lớn phù hợp với thực tiễn địa phương được xây dựng và triển khai. Những vấn đề trọng tâm, trọng điểm được lựa chọn trúng, đúng và tập trung thực hiện như: Điều chỉnh quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, cơ cấu đầu tư để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng du lịch, dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp; ưu tiên đầu tư nhằm hoàn thiện đồng bộ kết cấu hạ tầng; nghiên cứu, quyết định một số cơ chế, chính sách tạo vốn, huy động vốn cho đầu tư phát triển; tập trung chuẩn bị các điều kiện hội nhập kinh tế; tăng cường quan hệ hợp tác quốc tế, hợp tác với các địa phương...

Trải qua 30 năm từ khi đất nước hoàn toàn thống nhất, đặc biệt là từ khi cùng cả nước tiến hành công cuộc đổi mới (1986) đến nay, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn, thách thức, nhưng với truyền thống yêu nước, bản chất cách mạng vốn có, ý thức tự lực, tự cường, cộng với tinh thần nỗ lực, sáng tạo, phấn đấu không ngừng của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Khánh Hòa đã đạt được những thành tựu to lớn trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội và an ninh - quốc phòng. Những thành tựu đó có thể khái quát ở những mặt chủ yếu sau:

1. Thành tựu về phát triển kinh tế

Sau 30 năm giải phóng, kinh tế Khánh Hòa đã có những phát triển vượt bậc. Từ một tỉnh nghèo, sản xuất nông nghiệp là chủ yếu, đời sống nhân dân gặp rất nhiều khó khăn, Khánh Hòa trở thành tỉnh công nghiệp, dịch vụ và du lịch phát triển. Đạt được thành tựu này là do Đảng bộ Khánh Hòa có những định hướng đúng đắn bằng các chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương và các chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm.

Kinh tế liên tục tăng trưởng với nhịp độ cao, tổng sản phẩm quốc nội (GDP), thời kỳ 1991 - 1995 tăng gần 14%, đến cuối năm 1995 bình quân đầu người đạt 3,4 triệu đồng (khoảng 310 USD). Thời kỳ 1996-2000, mặc dù có năm phải đối mặt với nhiều khó khăn nhưng nhịp độ tăng trưởng vẫn đạt 8,2%, GDP bình quân đầu người đến năm 2000 là 401 USD. Từ năm 2001 đến năm 2005, GDP tăng bình quân hàng năm gần 11%, năm 2004, GDP bình quân đầu người đạt 670 USD, năm 2005, GDP của tỉnh tăng gấp 1,7 lần so với năm 2000; thu nhập bình quân đầu người đạt 768 USD/năm.

Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch tích cực theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đại hội lần thứ XIII Đảng bộ tỉnh (1996) xác định cơ cấu kinh tế là công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ và du lịch. Đến Đại hội lần thứ XIV (2001) xác định là công nghiệp - dịch vụ, du lịch - nông nghiệp. Và đến Đại hội lần thứ XV (12-2005) quyết định chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng dịch vụ, du lịch - công nghiệp - nông nghiệp. Tỷ trọng cơ cấu kinh tế của tỉnh năm 2000 là: công nghiệp: 35,3%; dịch vụ: 37,82%; nông nghiệp 26,9%; năm 2004, tỷ trọng tương ứng là: 40,97%; 39,6%; 19,43%. Đến năm 2005, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng chiếm 40,9%, dịch vụ - du lịch 41,1%, nông nghiệp chiếm 18% trong GDP.

Thu ngân sách tăng nhanh và luôn vượt kế hoạch hàng năm. Nếu như năm 1976, Trung ương còn trợ cấp cho Phú Khánh 44% ngân sách và năm 1990, số thu ngân sách của tỉnh Khánh Hòa mới đạt 58 tỷ đồng, thì đến năm 1995 đã đạt 651 tỷ đồng, năm 2005 là 3.400 tỷ đồng, là một trong 8 tỉnh có số thu ngân

sách lớn nhất cả nước. Kinh tế đối ngoại được mở rộng, từng bước tranh thủ thêm được bạn hàng đối tác, tiền vốn, thị trường và phương thức hợp tác, tiếp nhận một số thiết bị kỹ thuật, công nghệ tiên tiến và kinh nghiệm quản lý. Năm 2005, tổng kim ngạch xuất khẩu đạt trên 450 triệu USD, doanh thu du lịch đạt hơn 600 tỷ đồng. Toàn tỉnh có trên 100 doanh nghiệp tham gia xuất khẩu đến hơn 50 nước và vùng lãnh thổ. Đến hết năm 2003, Khánh Hòa đã thu hút được 52 dự án đầu tư nước ngoài với tổng số vốn đăng ký là 396,8 triệu USD.

Các thành phần kinh tế phát triển tương đối tốt. Công tác đổi mới sắp xếp doanh nghiệp nhà nước có chuyển biến tích cực, tiến hành cổ phần hóa, bán khoán cho thuê 50 doanh nghiệp nhà nước, góp phần nâng cao hiệu quả sức cạnh tranh của doanh nghiệp quốc doanh. Kinh tế tư nhân phát triển mạnh mẽ, bước đầu khai thác và phát huy hiệu quả nguồn nội lực trong dân. Hiện có hơn 1.200 doanh nghiệp tư nhân và hơn 25.000 hộ kinh doanh cá thể, đóng góp trên 50% trong tổng GDP của tỉnh và tham gia giải quyết việc làm cho hơn 90.000 lao động.

Về xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng, vận dụng linh hoạt các chính sách của Trung ương, tỉnh có quyết định đầu tư đúng hướng, chủ động xây dựng cơ chế, huy động được nhiều nguồn vốn để đầu tư cơ sở hạ tầng, nhất là các công trình trọng điểm, tạo tiền đề cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Thời kỳ 1996- 2000, tỉnh huy động khoảng 6.900 tỷ đồng đầu tư, cải thiện đáng kể kết cấu hạ tầng sản xuất và xã hội, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế phát triển, tăng năng lực của các ngành trọng điểm.

Với tổng nguồn vốn đầu tư nhiều chục tỷ đồng được huy động từ mọi thành phần kinh tế, trong và ngoài nước, tỉnh tập trung thực hiện một số chương trình kinh tế - xã hội lớn và một số dự án, công trình trọng điểm, bước đầu phát huy hiệu quả trong thực tiễn, góp phần nâng cao năng lực sản xuất và cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội. Có thể thấy, dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng bộ tỉnh, hầu hết các chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm đều đã và đang phát huy hiệu quả trong thực tiễn. Nhiều công trình, dự án trọng điểm có ý nghĩa kinh tế - xã hội hết sức to lớn đã và đang được xây dựng, như: Đại lộ

Nguyễn Tất Thành, đường Cổ Mã - Đầm Môn, đường lên Khu du lịch Hòn Bà, đường Khánh Lê - Lâm Đồng, đường Phạm Văn Đồng nối quốc lộ 1A, đường từ Sông Lô-Cù Hin đến sân bay Cam Ranh, đường Trần Phú và hệ thống công viên bờ biển, phát triển một số khu du lịch, khu công nghiệp mới, đô thị mới... góp phần thúc đẩy hạ tầng cơ sở phát triển mạnh, làm cho bộ mặt đô thị và nông thôn, miền núi ngày càng khởi sắc. Bên cạnh đó, tỉnh tiếp tục đầu tư phát triển các khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí có quy mô lớn ở các khu vực có điều kiện tự nhiên lý tưởng, như vịnh Nha Trang, Vân Phong (Vạn Ninh) và Bãi Dài (Cam Ranh)... nghiên cứu, xây dựng các sản phẩm du lịch có chất lượng cao gắn với nâng cao chất lượng các ngành dịch vụ. Trong tương lai, khi những dự án phát triển du lịch Bãi Dài - Cam Ranh, Nha Trang, khu kinh tế tổng hợp Vân Phong được triển khai thực hiện sẽ tiếp tục tạo bước phát triển đột phá trong lĩnh vực dịch vụ, du lịch, từng bước thúc đẩy cơ cấu kinh tế của tỉnh chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Những năm 1996-2005, tỉnh đã tập trung thu hút các nguồn lực để khai thác tiềm năng, thế mạnh của tỉnh nhằm tạo bước đột phá về phát triển kinh tế trong những năm tới. Đặc biệt, sau khi Chính phủ cho phép đưa khu vực Bắc bán đảo Cam Ranh và sân bay Cam Ranh sử dụng vào mục đích dân dụng và quy hoạch xây dựng vịnh Vân Phong thành khu kinh tế tổng hợp (thương mại, công nghiệp, du lịch đa ngành và cảng trung chuyển Container quốc tế), đã thu hút nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước đến Khánh Hòa; Đây là nền tảng quan trọng, tạo đà thúc đẩy kinh tế - xã hội Khánh Hòa tiếp tục phát triển mạnh mẽ và bền vững trong thời gian tới.

2. Thành tựu về văn hóa - xã hội và an ninh - quốc phòng

Cùng với nhịp độ phát triển kinh tế, sự nghiệp giáo dục, y tế, dân số kế hoạch hóa gia đình, khoa học công nghệ, văn hóa văn nghệ, báo chí, thể dục thể thao... cũng không ngừng phát triển, đáp ứng và nâng cao rõ rệt đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân. Hệ thống trường lớp được xây dựng mới, kiên cố hóa, tiến tới hoàn thành giáo dục phổ cập trung học cơ sở. Đến 2005, 100% xã phường có trạm y tế, trên 90% xã, phường có bác sĩ, tỷ lệ trẻ em suy dinh

đường 22,7%. Từ năm 2001, hàng năm tạo việc làm mới cho trên 22.000 lao động, nâng cao lao động có trình độ kỹ thuật, lao động qua đào tạo trên 26%. Bình quân mỗi năm đầu tư gần 60 tỷ đồng cho miền núi, giúp đồng bào có nhà, vườn nhà, vườn rừng hoặc ruộng lúa nước, tạo động lực cho bà con vươn lên xóa đói giảm nghèo. Trình độ công nghệ của một số ngành sản xuất, xây dựng, dịch vụ... được nâng cao và đổi mới đáng kể, phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ vào sản xuất và phục vụ dân sinh được đẩy mạnh. Phong trào thể dục-thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao được duy trì, công tác xã hội hóa thể dục thể thao có nhiều tiến bộ. Hoạt động văn học nghệ thuật có nhiều tiến bộ, nhiều tác phẩm đạt giải cao trong các cuộc thi quốc gia, quốc tế. Hoạt động bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể có bước tiến đáng kể. Truyền thống văn hóa của các dân tộc từng bước được khôi phục và phát triển. Các cơ quan báo chí có bước phát triển khá cả về số lượng và chất lượng. Hệ thống phát thanh, truyền hình từ tỉnh đến huyện, xã đều được đầu tư nâng cấp, cải tạo. Đến 2005, 100% xã có trạm truyền thanh, 95% địa bàn dân cư được phủ sóng phát thanh truyền hình. Phong trào xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa được giữ vững và phát huy tác dụng tốt trong đời sống xã hội.

Công tác từ thiện xã hội, giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo có chuyển biến tích cực, đến năm 2005 tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn dưới 2% (theo chuẩn cũ). Các phong trào “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở”, “đền ơn đáp nghĩa”, các hoạt động từ thiện, nhân đạo... ngày càng đi vào chiều sâu và đạt kết quả đáng trân trọng. Đặc biệt, tỉnh đã quan tâm đầu tư phát triển toàn diện khu vực miền núi cả về phát triển hạ tầng cơ sở, giáo dục, y tế, giúp đồng bào xây dựng nhà ở, phát triển kinh tế hộ, từng bước giảm nghèo và vươn lên làm giàu.

Quốc phòng, an ninh được củng cố, chính trị ổn định, công tác phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Thành tựu về xây dựng Đảng và đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị.

Công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ Khánh Hòa được coi trọng từ khâu tư tưởng, đào tạo bồi dưỡng cán bộ đến khâu tổ chức, sắp xếp bố trí cán bộ đúng vị trí nhằm phát huy hết năng lực của cán bộ, đảng viên trên các lĩnh vực công tác. Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp ủy Đảng tăng cường các biện pháp giáo dục ý thức học tập, thực hiện các nghị quyết của Đảng, không vi phạm những điều quy định đảng viên không được làm, xây dựng khối đoàn kết trong Đảng và các tổ chức chính trị của Đảng vững mạnh. Tỉnh ủy đặc biệt coi trọng và thường xuyên thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) về xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Nhận thức tư tưởng chính trị của cán bộ, đảng viên trước hết là cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành và đoàn thể, đoàn kết trong Đảng ngày càng được củng cố.

Công tác kiểm tra Đảng được thực hiện nghiêm túc, thường xuyên với phương châm "không kiểm tra là không lãnh đạo". Nhờ vậy, các cấp ủy kịp thời phát hiện, uốn nắn và chấn chỉnh những sai phạm của đảng viên, tổ chức Đảng ở cơ sở, đưa ra khỏi Đảng những phần tử biến chất, thoái hóa, giúp các cơ sở Đảng hoạt động có nền nếp, hiệu quả. Ban Thường vụ Tỉnh ủy sớm chỉ đạo việc thành lập Ban chỉ đạo chống tham nhũng, tăng cường thanh tra, kiểm tra và có kết luận cụ thể các vụ việc nổi cộm ở địa phương, thực hiện tốt qui chế dân chủ, giải quyết dứt điểm các đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân, công khai thu chi tài chính để củng cố lòng tin của quần chúng, ngăn ngừa "điểm nóng", phát huy tính chủ động và tự giác của nhân dân. Tỷ lệ tổ chức cơ sở Đảng đạt trong sạch vững mạnh hàng năm đều tăng, tỷ lệ đảng viên đủ tư cách phát huy tác dụng tốt đạt trên 80%.

Cùng với nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy và các ban Đảng, Tỉnh ủy chỉ đạo đổi mới hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp theo hướng tăng cường vai trò kiểm tra, giám sát các hoạt động của chính quyền, tôn trọng ý kiến và kiến nghị của cử tri để nâng cao lòng tin của quần chúng đối với Đảng và chính quyền các cấp. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tập trung chỉ đạo

việc sắp xếp, kiện toàn bộ máy tổ chức của các cấp ủy, các tổ chức chính quyền, đoàn thể theo hướng đồng bộ, hiệu quả, mạnh dạn đề bạt những cán bộ, đảng viên trẻ, có năng lực, trình độ giữ các cương vị chủ chốt để thay thế những cán bộ yếu kém không đảm nhiệm nổi công việc, để tạo sức mạnh và hiệu quả công việc cao. Hoạt động của Hội đồng nhân dân và chính quyền các cấp, các cơ quan tư pháp ngày càng mang tính chuyên nghiệp hơn, quản lý nhà nước được tăng cường trên nhiều mặt của đời sống kinh tế - xã hội, góp phần nâng cao kỷ cương phép nước. Phương thức hoạt động của mặt trận và các đoàn thể từng bước được đổi mới và có chất lượng hơn trước. Triển khai Quy chế thực hiện dân chủ cơ sở một cách tích cực, quyền làm chủ của nhân dân được phát huy. Các tầng lớp nhân dân được khuyến khích làm ăn, tham gia các hoạt động theo hiến pháp, pháp luật.

Công tác xây dựng Đảng ở Khánh Hòa thực sự là khâu then chốt, làm chuyển biến các mặt hoạt động kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng, tạo ra những bước đi vững chắc, những kết quả kinh tế, xã hội to lớn.

4. Những khuyết điểm, hạn chế

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu cơ bản đã đạt được, sự phát triển của Khánh Hòa cũng còn nhiều hạn chế, khuyết điểm, yếu kém. Kinh tế phát triển có nhanh nhưng còn nhiều điểm yếu. Sản xuất công nghiệp tăng chậm dần. Một số chương trình kinh tế - xã hội triển khai chậm, kém hiệu quả. Tốc độ tăng trưởng kinh tế còn chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Quy mô nền kinh tế còn nhỏ; công nghiệp và nhiều loại hình dịch vụ chưa phát triển, chưa có những sản phẩm công nghiệp chủ lực có sức cạnh tranh cao; tiềm năng kinh tế biển chưa được khai thác và phát huy mạnh. Thu hút đầu tư, nhất là đầu tư từ nước ngoài còn thấp. Công tác cải cách thủ tục hành chính tuy đã triển khai theo tiến độ chung của cả nước nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới. Hệ thống chính trị ở cơ sở nhiều nơi còn bộc lộ nhiều yếu kém, khuyết điểm.

Bên cạnh mặt năng động, dám nghĩ, dám làm thì quản lý nhà nước về quy hoạch, đất đai, đền bù giải tỏa, xây dựng cơ bản, tài chính... vẫn còn sự buông lỏng và sơ hở. Một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng rèn luyện, sa sút ý chí phấn đấu, bản thân thiếu gương mẫu. Tình hình trên gây ảnh hưởng xấu tới kết quả thực hiện các mặt nhiệm vụ và uy tín của Đảng và chính quyền trước nhân dân.

5. Một số kinh nghiệm

Từ những thành tựu và hạn chế của Đảng bộ Khánh Hòa trong suốt 30 năm lãnh đạo thực hiện phát triển kinh tế - xã hội, dựa trên yêu cầu phát triển của tỉnh trong những năm tới, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm trong hoạt động của Đảng bộ như sau:

5.1. Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các cấp ủy Đảng luôn sâu sát thực tiễn, năng động, sáng tạo trong việc quán triệt và vận dụng các chủ trương đường lối của Đảng, đặc biệt là đường lối đổi mới và chiến lược đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương. Trên cơ sở đó, đề ra các chỉ thị, nghị quyết, kế hoạch, chương trình hành động sát đúng với tình hình thực tế của tỉnh, của các địa phương và tổ chức chỉ đạo thực hiện tập trung, kiên quyết. Cùng với đó, Tỉnh ủy đã xây dựng các quy chế, quy định nhằm giải quyết mối quan hệ giữa các cơ quan Đảng - Nhà nước - đoàn thể theo hướng nâng cao sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, tăng cường hiệu lực quản lý của các cấp chính quyền, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân thông qua nội dung hoạt động của các đoàn thể chính trị - xã hội.

5.2. Đảng bộ Khánh Hòa luôn năng động, sáng tạo trong lãnh đạo phát triển kinh tế. Điều này được thể hiện qua các công việc cụ thể như: Khuyến khích những tìm tòi mới trong làm ăn kinh tế (hiện tượng "khoán" ở xã Vĩnh Ngọc, thành phố Nha Trang thời kỳ trước đổi mới). Xây dựng các ngành kinh tế mũi nhọn, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh (kinh tế biển, khai thác và nuôi trồng thủy sản, du lịch...). Xây dựng các chương trình phát triển kinh tế - xã hội theo hướng chuyên sâu, như chương trình phát triển kinh tế biển, xây

dựng các khu công nghiệp tập trung, sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu... Đây là những chủ trương lớn thúc đẩy kinh tế phát triển toàn diện, tạo đà cho các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế... phát triển theo, đồng thời làm cơ sở cho việc giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội (chương trình mía đường, phủ điện nông thôn...). Xây dựng và khuyến khích, tạo điều kiện cho các mô hình kinh tế phát triển thuận lợi (Tổng công ty Khánh Việt - KHATOCO, Xí nghiệp Tư doanh điện tử TQT, Hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp Vĩnh Phước...). Đồng thời, Khánh Hòa đã huy động được tiềm lực của các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào địa phương; phát huy tinh thần tự lực, tự cường, khai thác có hiệu quả mọi tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, kết hợp với tranh thủ sự giúp đỡ của các bộ, ban, ngành ở Trung ương, sự hợp tác với các địa phương trong cả nước và hợp tác quốc tế.

5.3. Thường xuyên phát hiện và tập trung lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết kịp thời các vấn đề trọng tâm, trọng điểm mang tính đột phá trong một số lĩnh vực như xây dựng kết cấu hạ tầng, trước hết là giao thông; từng bước đổi mới nội dung và phương pháp chỉ đạo thực hiện theo phương châm hướng mạnh về cơ sở “tỉnh sát xã, huyện sát thôn, xã sát hộ dân”, trực tiếp giải quyết những vướng mắc ngay từ cơ sở.

5.4. Phát triển kinh tế phải gắn chặt với phát triển văn hóa, phát triển con người; kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố an ninh - quốc phòng; thực hiện dân chủ và công bằng xã hội; coi trọng bảo vệ môi trường sinh thái; giải quyết kịp thời các vấn đề xã hội bức xúc, nâng cao chất lượng cuộc sống và yêu cầu phát triển bền vững. Làm tốt công tác vận động nhân dân, thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới, giải quyết kịp thời các khiếu kiện của nhân dân.

5.5. Các cấp ủy Đảng trong toàn Đảng bộ, từ Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đến các Đảng ủy, Chi ủy cơ sở thường xuyên chăm lo công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh đúng với yêu cầu của nhiệm vụ then chốt, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, tăng cường đoàn kết, thống nhất trong Đảng, sự phối hợp đồng bộ trong hệ

thống chính trị. Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước của các cấp chính quyền. Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, thực hiện phân cấp quản lý, đẩy mạnh cải cách hành chính từng bước xây dựng nền hành chính văn minh hiện đại. Nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy quyền làm chủ và tinh thần tự lực, tự cường của nhân dân gắn liền với thực hiện nhiệm vụ chính trị và chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo ngang tầm với đòi hỏi của sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa tỉnh nhà chuyển sang giai đoạn phát triển nhanh, bền vững.

5.6. Xác định công tác cán bộ chính là chìa khóa để quyết định việc ổn định và phát triển của tỉnh. Do có đặc thù là địa phương hội tụ nhiều cán bộ của cả nước qua các thời kỳ cách mạng từ kháng chiến đến đổi mới xây dựng đất nước và do thực tiễn đã vấp phải tình trạng mất đoàn kết nội bộ kéo dài và sự vi phạm phẩm chất của một số cán bộ lãnh đạo, nên Đảng bộ Khánh Hòa rất chú trọng đến việc chăm lo xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong Đảng, trong cấp ủy, trong đội ngũ cán bộ chủ chốt; chú trọng đến việc tăng cường giáo dục phẩm chất cho cán bộ, đảng viên; kiên quyết chống các biểu hiện gây mất đoàn kết nội bộ như tư tưởng bè cánh, cục bộ địa phương, cá nhân chủ nghĩa...; trên cơ sở đó đánh giá, bố trí và sử dụng đúng đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành và các đơn vị kinh tế trọng yếu.

Như vậy, trong 30 năm qua, nhất là trong quá trình thực hiện sự nghiệp đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Chính phủ, Đảng bộ và nhân dân Khánh Hòa đã nỗ lực khắc phục khó khăn, phát huy cao độ tinh thần năng động, vận dụng sáng tạo các nghị quyết, chủ trương, đường lối của Đảng vào thực tiễn địa phương, xác định hướng đi đúng đắn, khai thác có hiệu quả những tiềm năng, thế mạnh để đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh, tạo ra những khởi sắc toàn diện, đưa Khánh Hòa vươn lên trong công cuộc đổi mới đất nước. Trên cơ sở phát huy truyền thống cách mạng và những thành tựu to lớn đạt được trong 3 thập niên qua, hoàn

toàn có thể tin tưởng rằng, Đảng bộ và nhân dân Khánh Hòa nhất định sẽ nỗ lực phấn đấu nắm bắt được thời cơ để phát triển nhanh hơn, hiệu quả và vững chắc hơn, hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X và Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV đã đề ra, xây dựng Khánh Hòa trở thành một trung tâm kinh tế - xã hội của khu vực Nam Trung Bộ, có những đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của các tỉnh khu vực miền Trung và cả nước.

PHỤ LỤC

BAN CHẤP HÀNH LÂM THỜI ĐẢNG BỘ TỈNH PHÚ KHÁNH (11/1975 – 3/1977).

Theo Nghị quyết số 245-NQ/TW của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, Đảng bộ Phú Yên hợp nhất với Đảng bộ Khánh Hòa thành Đảng bộ Phú Khánh từ ngày 3-11-1975, Ban Chấp hành Lâm thời Đảng bộ Phú Khánh gồm các đồng chí:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Nguyễn Xuân Hữu	Bí thư
2	Lê Trọng Khoan	Phó Bí thư
3	Mai Dương	Phó Bí thư
4	Hồ Ngọc Nhưông	Ủy viên Thường vụ
5	Lê Tụng	Ủy viên Thường vụ
6	Nguyễn Quyết	Ủy viên Thường vụ
7	Nguyễn Hữu Ái	Ủy viên Thường vụ
8	Bùi Tân	Ủy viên Thường vụ
9	Ông Văn Bưu	Ủy viên Thường vụ
10	Võ Cự (Thế)	Ủy viên Thường vụ
11	Triết Giang (Võ Tòng)	Ủy viên Thường vụ
12	Bùi Hồng Thái	Ủy viên Thường vụ
13	Nguyễn Lương	Ủy viên Thường vụ
14	Mai Xuân Cống	Ủy viên Thường vụ
15	Lê Bác	Ủy viên Thường vụ
16	Đặng Nhiên	Ủy viên
17	Nguyễn Điều (Hoài Sơn)	Ủy viên
18	Nguyễn Thị Minh	Ủy viên
19	Nguyễn Văn Ánh	Ủy viên
20	Trần Quốc Khánh	Ủy viên
21	Nguyễn Văn Hiến	Ủy viên
22	Đình Hòa Khánh	Ủy viên
23	Võ Danh	Ủy viên
24	Nguyễn Đình Quế	Ủy viên
25	Cao Huỳnh	Ủy viên
26	Cha La	Ủy viên
27	Nguyễn Hữu Xuân	Ủy viên

28	Trần Thanh Hà	Ủy viên
29	Ma Nhân	Ủy viên
30	Lê Duy Tường	Ủy viên
31	Đới Ngọc Cầu	Ủy viên
32	Nguyễn Cúc	Ủy viên
33	Dương Dụ	Ủy viên
34	Bích Hải	Ủy viên
35	Mai Văn Minh	Ủy viên
36	Hoàng Sơn	Ủy viên
37	Ma Noa	Ủy viên
38	Nguyễn Văn Trúc	Ủy viên
39	Mạnh Hùng Thiên	Ủy viên
40	Trịnh Tấn Lực	Ủy viên
41	Nguyễn Đức Bảo	Ủy viên
42	Trần Hồng Châu	Ủy viên
43	Nguyễn Chung	Ủy viên

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
TỈNH PHÚ KHÁNH KHÓA I (3/1977 - 10/1979).**

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Nguyễn Xuân Hữu	Bí thư
2	Mai Dương	Phó Bí thư
3	Trần Suyên	Phó Bí thư
4	Nguyễn Phụng Minh	Ủy viên Thường vụ
5	Nguyễn Duy Luân	Ủy viên Thường vụ
6	Võ Cự (Thế)	Ủy viên Thường vụ
7	Nguyễn Lương	Ủy viên Thường vụ
8	Lê Huân	Ủy viên Thường vụ
9	Lê Tụng	Ủy viên Thường vụ
10	Hồ Ngọc Nhường	Ủy viên Thường vụ
11	Nguyễn Hữu Ái	Ủy viên Thường vụ
12	Lê Văn Đại	Ủy viên
13	Bùi Thị Thanh Vân	Ủy viên
14	Triết Giang (Võ Tòng)	Ủy viên
15	Phạm Công Minh	Ủy viên
16	Nguyễn Văn Ánh	Ủy viên
17	Ma Trung	Ủy viên

18	Nguyễn Quý Hanh	Ủy viên
19	Mai Xuân Công	Ủy viên
20	Cao Xuân Thiêm (Văn Công)	Ủy viên
21	Lâm Trường Thắng	Ủy viên
22	Nguyễn Tiến Thanh	Ủy viên
23	Nguyễn Cúc	Ủy viên
24	Đặng Anh (Nhiên)	Ủy viên
25	Nguyễn Chính	Ủy viên
26	Huỳnh Trúc	Ủy viên
27	Nguyễn Điều	Ủy viên
28	Phạm Hồng Quang	Ủy viên
29	Nguyễn Văn Thắng (Quyết)	Ủy viên
30	Võ Đông Thu	Ủy viên
31	Nguyễn Tường Thuật	Ủy viên
32	Quyết Tâm (Nguyễn Biện)	Ủy viên
33	Bùi Đức Nhung	Ủy viên
34	Phạm Cư	Ủy viên
35	Nguyễn Thị Minh	Ủy viên
36	Đinh Hòa Khánh	Ủy viên
37	Lê Bích Hải	Ủy viên
38	Cao Sơn Hà	Ủy viên dự khuyết
39	Võ Hóa	Ủy viên dự khuyết

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
TỈNH PHÚ KHÁNH KHÓA II (10/1979 - 2/1983)**

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Nguyễn Xuân Hữu	Bí thư
2	Mai Dương	Phó Bí thư
3	Nguyễn Phụng Minh	Phó bí thư
4	Trần Suyên	Ủy viên Thường vụ
5	Hồ Ngọc Nường	Ủy viên Thường vụ
6	Nguyễn Duy Luân	Ủy viên Thường vụ
7	Võ Cự (Thế)	Ủy viên Thường vụ
8	Cao Xuân Thiêm	Ủy viên Thường vụ
9	Triết Giang (Võ Tòng)	Ủy viên Thường vụ
10	Lê Huân	Ủy viên Thường vụ
11	Nguyễn Lương	Ủy viên Thường vụ

12	Nguyễn Quyết	Ủy viên Thường vụ
13	Bùi Hồng Thái	Ủy viên Thường vụ
14	La Chí Noa	Ủy viên
15	Mai Xuân Công	Ủy viên
16	Nguyễn Điều	Ủy viên
17	Phạm Cư	Ủy viên
18	Nguyễn Văn Ánh	Ủy viên
19	Lương Công Đoan	Ủy viên
20	Huỳnh Trúc	Ủy viên
21	Phạm Hồng Quang	Ủy viên
22	Cao Sơn Hà	Ủy viên
23	Võ Hòa	Ủy viên
24	Nguyễn Tiến Thanh	Ủy viên
25	Quyết Tâm	Ủy viên
26	Nguyễn Văn An	Ủy viên
27	Nguyễn Quý Hanh	Ủy viên
28	Đinh Hòa Khánh	Ủy viên
29	Trần Quốc Khánh	Ủy viên
30	Nguyễn Tường Thuật	Ủy viên
31	Lê Bích Hải	Ủy viên
32	Bùi Thị Thanh Vân	Ủy viên
33	Bùi Tân	Ủy viên
34	Tạ Sơn Xuân	Ủy viên
35	Nguyễn Thị Minh	Ủy viên
36	Võ Đông Thu	Ủy viên
37	Nguyễn Hữu Ái	Ủy viên
38	Nguyễn Thị Miễn	Ủy viên
39	Nguyễn Minh Trung	Ủy viên
40	Nguyễn Thị Hồng Vân	Ủy viên
41	Nguyễn Ngọc Hoanh	Ủy viên
42	Nguyễn Văn Vấn	Ủy viên
43	Huỳnh Môn	Ủy viên
44	Nguyễn Chính	Ủy viên dự khuyết
45	Võ Việt Hùng	Ủy viên dự khuyết

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
TỈNH PHÚ KHÁNH KHÓA III (2/1983 - 11/1986).**

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Nguyễn Xuân Hữu	Bí thư
2	Nguyễn Phụng Minh	Phó Bí thư
3	Hồ Ngọc Nhưông	Phó Bí thư
4	Trần Suyên	Ủy viên Thường vụ
5	Nguyễn Duy Luân	Ủy viên Thường vụ
6	Võ Cứ	Ủy viên Thường vụ
7	Lê Huân	Ủy viên Thường vụ
8	Cao Xuân Thiêm	Ủy viên Thường vụ
9	Nguyễn Lương	Ủy viên Thường vụ
10	Bùi Hồng Thái	Ủy viên Thường vụ
11	Triết Giang (Võ Tòng)	Ủy viên Thường vụ
12	Võ Hòa	Ủy viên Thường vụ
13	Huỳnh Trúc	Ủy viên Thường vụ
14	Trần Việt Á	Ủy viên
15	Nguyễn Văn Ánh	Ủy viên
16	Lương Duy Ánh	Ủy viên
17	Phạm Cư	Ủy viên
18	Nguyễn Cúc	Ủy viên
19	Nguyễn Điều	Ủy viên
20	Bùi Sơn Hải	Ủy viên
22	Nguyễn Ngọc Hoanh	Ủy viên
21	Võ Hóa	Ủy viên
23	Lê Văn Kế	Ủy viên
24	Phạm Tuấn Kiệt	Ủy viên
25	Trần Quốc Khánh	Ủy viên
26	Đình Hòa Khánh	Ủy viên
27	Nguyễn Thị Miên	Ủy viên
28	Mai Văn Minh	Ủy viên
29	Huỳnh Môn	Ủy viên
30	La Chí Noa	Ủy viên
31	Phạm Hồng Quang	Ủy viên
32	Nguyễn Thành Quang	Ủy viên
33	Quyết Tâm	Ủy viên
34	Bùi Tân	Ủy viên
35	Nguyễn Tường Thuật	Ủy viên

36	Nguyễn Văn Trúc	Ủy viên
37	Đỗ Vĩnh Tân	Ủy viên
38	Nguyễn Minh Trung	Ủy viên
39	Trần Văn Trung	Ủy viên
40	Nguyễn Thị Hồng Vân	Ủy viên
41	Nguyễn Ngọc Xuân	Ủy viên
42	Cao Sơn Hà	Ủy viên dự khuyết
43	Nguyễn Thị Minh	Ủy viên dự khuyết
44	Lê Duy Tùng	Ủy viên dự khuyết

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
TỈNH PHÚ KHÁNH KHÓA IV (11/1986 - 2/1989)**

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Nguyễn Duy Luân	Bí thư
2	Võ Hòa	Phó Bí thư
3	Bùi Hồng Thái	Phó Bí thư
4	Nguyễn Văn Ánh	Ủy viên Thường vụ
5	La Chí Noa	Ủy viên Thường vụ
6	Nguyễn Điều	Ủy viên Thường vụ
7	Lê Thái	Ủy viên Thường vụ
8	Nguyễn Biện (Quyết Tâm)	Ủy viên Thường vụ
9	Trần Minh Mạch	Ủy viên Thường vụ
10	Triết Giang (Võ Tòng)	Ủy viên Thường vụ
11	Lê Văn Kế	Ủy viên Thường vụ
12	Nguyễn Thị Hồng Vân	Ủy viên Thường vụ
13	Nguyễn Văn Trúc	Ủy viên Thường vụ
14	Trần Việt Á	Ủy viên
15	Trần Nguyên Cung	Ủy viên
16	Phạm Cư	Ủy viên
17	Ngô Văn Chính	Ủy viên
18	Trần Diệu	Ủy viên
19	Trần Minh Duân	Ủy viên
20	Nguyễn Sỹ Dư	Ủy viên
21	Lương Công Đoan	Ủy viên
22	Đinh Thanh Đồng	Ủy viên
23	Bùi Sơn Hải	Ủy viên
24	Nguyễn Xuân Hải	Ủy viên

25	Cao Mà Hân	Ủy viên
26	Võ Hóa	Ủy viên
27	Nguyễn Thiết Hùng	Ủy viên
28	Trần Khắc Huỳnh	Ủy viên
29	Lê Văn Hữu	Ủy viên
30	Phạm Tuấn Kiệt	Ủy viên
31	Mâu Văn Liên	Ủy viên
32	Trần Thị Lượng	Ủy viên
33	Nguyễn Thị Minh	Ủy viên
34	Mai Văn Minh	Ủy viên
35	Nguyễn Thị Miên	Ủy viên
36	Nguyễn Thị Nở	Ủy viên
37	Nguyễn Thành Quang	Ủy viên
38	Nguyễn Thanh Sơn	Ủy viên
39	Hoàng Tám	Ủy viên
40	Đỗ Vĩnh Tân	Ủy viên
41	Lê Duy Tùng	Ủy viên
42	Nguyễn Văn Thám	Ủy viên
43	Nguyễn Tường Thuật	Ủy viên
44	Vũ Văn Thoại	Ủy viên
45	Phạm Ứng	Ủy viên
46	Nguyễn Thị Kim Cúc	Ủy viên dự khuyết
47	Phạm Văn Chi	Ủy viên dự khuyết
48	Nguyễn Đình Hoàn	Ủy viên dự khuyết
49	Dương Văn Khang	Ủy viên dự khuyết
50	Lê Tỷ Khởi	Ủy viên dự khuyết
51	Phạm Thị Lành	Ủy viên dự khuyết
52	Lê Văn Liêm	Ủy viên dự khuyết
53	Phạm Xuân Luân	Ủy viên dự khuyết
54	Nguyễn Văn Lộc	Ủy viên dự khuyết
55	Bùi Mau	Ủy viên dự khuyết
56	Phan Xuân Ngọc	Ủy viên dự khuyết
57	Nguyễn Thị Nhon	Ủy viên dự khuyết
58	Nguyễn Tô Phương	Ủy viên dự khuyết
59	Lê Văn Tiến	Ủy viên dự khuyết
60	Bùi Thị Hồng Tiến	Ủy viên dự khuyết

Ngày 26-1-1987, Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định bổ sung đồng chí Huỳnh Trúc, trưởng đoàn chuyên gia Stung-Treng Campuchia vào Ban chấp hành Đảng bộ Phú Khánh.

**BAN CHẤP HÀNH LÂM THỜI
ĐẢNG BỘ TỈNH KHÁNH HÒA (7/1989)**

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Bùi Hồng Thái	Quyền Bí thư
2	Nguyễn Thị Hồng Vân	Phó Bí thư
3	Võ Hòa	Phó Bí thư
4	Nguyễn Điều	Ủy viên Thường vụ
5	Nguyễn Văn Ánh	Ủy viên Thường vụ
6	Lê Văn Kế	Ủy viên Thường vụ
7	Võ Hóa	Ủy viên
8	Nguyễn Thị Minh	Ủy viên
9	Nguyễn Văn Thám	Ủy viên
10	Trần Diệu	Ủy viên
11	Trần Khắc Huỳnh	Ủy viên
12	Phạm Tuấn Kiệt	Ủy viên
13	Cao Mà Hân	Ủy viên
14	Mẫu Văn Liên	Ủy viên
15	Mai Văn Minh	Ủy viên
16	Trần Minh Duân	Ủy viên
17	Trần Thị Lượng	Ủy viên
18	Trần Nguyên Cung	Ủy viên
19	Nguyễn Thiết Hùng	Ủy viên
20	Hoàng Tám	Ủy viên
21	Trần Việt Á	Ủy viên
22	Nguyễn Xuân Hải	Ủy viên
23	Nguyễn Thị Nở	Ủy viên
24	Phạm Văn Chi	Ủy viên dự khuyết
25	Dương Văn Khang	Ủy viên dự khuyết
26	Nguyễn Văn Lộc	Ủy viên dự khuyết
27	Bùi Mau	Ủy viên dự khuyết
28	Phan Xuân Ngọc	Ủy viên dự khuyết
29	Bùi Thị Hồng Tiến	Ủy viên dự khuyết
30	Nguyễn Đình Hoàn	Ủy viên dự khuyết

Ngày 23-10-1989, Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định:

- Chuẩn y bổ sung 3 đồng chí vào Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Khánh Hòa.

1. Phạm Tuấn Kiệt
2. Trần Minh Duân
3. Trần Thị Lượng.

- Chỉ định bổ sung 4 đồng chí vào Ủy viên chính thức Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa:

1. Huỳnh Thanh Bình, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy
2. Nguyễn Khánh Toàn, Quyền Bí thư Huyện ủy Vạn Ninh
3. Nguyễn Văn Tự, Bí thư Thành ủy Nha Trang
4. Nguyễn Bá Cường, Quyền Bí thư Huyện ủy Ninh Hòa

- Chuẩn y 7 đồng chí Ủy viên dự khuyết lên Ủy viên chính thức Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa:

1. Phạm Văn Chi
2. Nguyễn Đình Hoàn
3. Dương Văn Khang
4. Nguyễn Văn Lộc
5. Bùi Mau
6. Phan Xuân Ngọc
7. Bùi Thị Hồng Tiến.

Ngày 26-10-1989, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã quyết định cử đồng chí Bùi Hồng Thái, quyền Bí thư Tỉnh ủy Khánh Hòa làm Bí thư Tỉnh ủy Khánh Hòa.

Năm 1990, ông Võ Hòa qua đời, ông Hồ Ngọc Nhường bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh.

Ngày 26-3-1994, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã quyết định:

Chỉ định các đồng chí có tên dưới đây bổ sung vào Ban chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa.

1. Nguyễn Tăng Thường, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy
2. Trần Đình Trọng, Chỉ huy Quân sự tỉnh
3. Cao Minh Nhạn, Phó giám đốc Công an tỉnh
4. Võ Lâm Phi, Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh
5. Nguyễn Thị Minh Châu, Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy DCD
6. Trần Ngọc Hòa, Giám đốc Sở Nông nghiệp
7. Võ Thiên Lăng, Giám đốc Sở Thủy sản
8. Chu Công Định, Giám đốc Sở Giao thông vận tải
9. Lâm Đức Thanh, Giám đốc Sở Tài chính vật giá
10. Võ Thị Rồi, Chánh Thanh tra tỉnh
11. Đỗ Đăng Cao, Phó giám đốc Sở Giáo dục

12. Phạm Đài, Phó Bí thư Huyện ủy Ninh Hòa

13. Mầu Minh Địa, Bí thư Huyện ủy Khánh Sơn

Ngày 5-5-1994, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã quyết định:

- Chuẩn y đồng chí Nguyễn Thiết Hùng giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy Khánh Hòa.

- Chuẩn y 3 đồng chí vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy Khánh Hòa:

1. Nguyễn Thị Nở

2. Nguyễn Văn Tự

3. Trần Đình Trọng

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
TỈNH KHÁNH HÒA KHÓA XIII (1996 – 2000)**

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Nguyễn Thị Hồng Vân	Bí thư
2	Nguyễn Văn Tự	Phó Bí thư
3	Nguyễn Thiết Hùng	Phó Bí thư
4	Trần Minh Duân	Ủy viên Thường vụ
5	Trần Thị Lượng	Ủy viên Thường vụ
6	Nguyễn Thị Nở	Ủy viên Thường vụ
7	Nguyễn Xuân Hải	Ủy viên Thường vụ
8	Phạm Văn Chi	Ủy viên Thường vụ
9	Trần Ngọc Hòa	Ủy viên Thường vụ
10	Cao Minh Nhạn	Ủy viên Thường vụ
11	Nguyễn Ngọc Nhị	Ủy viên Thường vụ
12	Võ Lâm Phi	Ủy viên Thường vụ
13	Bùi Mau	Ủy viên Thường vụ
14	Nguyễn Văn Lộc	Ủy viên
15	Bùi Thị Hồng Tiến	Ủy viên
16	Trần Diệu	Ủy viên
17	Nguyễn Tăng Thường	Ủy viên
18	Võ Thị Rồi	Ủy viên
19	Đỗ Đăng Cao	Ủy viên
20	Võ Thiên Lăng	Ủy viên
21	Lâm Đức Thanh	Ủy viên
22	Chu Công Định	Ủy viên
23	Nguyễn Thị Minh Châu	Ủy viên
24	Mai Trục	Ủy viên

25	Nguyễn Minh Sơn	Ủy viên
26	Lê Xuân Thân	Ủy viên
27	Nguyễn Thị Minh Lý	Ủy viên
28	Nguyễn Thị Lại	Ủy viên
29	Lê Trọng Quý	Ủy viên
30	Phan Văn Kính	Ủy viên
31	Nguyễn Thị Bích Thủy	Ủy viên
32	Lê Thị Độ	Ủy viên
33	Cao Thụy	Ủy viên
34	Nguyễn Trọng Hòa	Ủy viên
35	Mai Thị Tuyết Trinh	Ủy viên
36	Nguyễn Thành Đồng	Ủy viên
37	Trương Tấn Minh	Ủy viên
38	Nguyễn Ngọc Hưng	Ủy viên
39	Phạm Đài	Ủy viên
40	Mâu Minh Địa	Ủy viên
41	Lương Minh Dũng	Ủy viên
42	Bùi Hồng Ngọc	Ủy viên
43	Pi Năng Pắc	Ủy viên

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
TỈNH KHÁNH HÒA KHÓA XIV (2001 – 2005)**

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Nguyễn Văn Tự	Bí thư
2	Bùi Mau	Phó Bí thư
3	Phạm Văn Chi	Phó Bí thư
4	Trần Diệu	Ủy viên Thường vụ
5	Trần Minh Duân	Ủy viên Thường vụ
6	Trần Văn Hạnh	Ủy viên Thường vụ
7	Nguyễn Ngọc Hưng	Ủy viên Thường vụ
8	Bùi Hồng Ngọc	Ủy viên Thường vụ
9	Cao Minh Nhạn	Ủy viên Thường vụ
10	Võ Lâm Phi	Ủy viên Thường vụ
11	Nguyễn Minh Sơn	Ủy viên Thường vụ
12	Lê Xuân Thân	Ủy viên Thường vụ
13	Mai Trục	Ủy viên Thường vụ
14	Pi Năng Pắc	Ủy viên

15	Đỗ Đăng Cao	Ủy viên
16	Phạm Minh Chánh	Ủy viên
17	Nguyễn Văn Chánh	Ủy viên
18	Phạm Đài	Ủy viên
19	Mâu Minh Địa	Ủy viên
20	Lương Kiên Định	Ủy viên
21	Nguyễn Thành Đồng	Ủy viên
22	Lê Xuân Hạnh	Ủy viên
23	Nguyễn Thị Thu Hằng	Ủy viên
24	Nguyễn Trọng Hòa	Ủy viên
25	Trần An Khánh	Ủy viên
26	Nguyễn Lạc	Ủy viên
27	Trương Tấn Minh	Ủy viên
28	Nguyễn Phùng Mỹ	Ủy viên
29	Võ Nghiệp	Ủy viên
30	Lê Thanh Quang	Ủy viên
31	Bùi Ráng	Ủy viên
32	Huỳnh Sáng	Ủy viên
33	Lâm Đức Thanh	Ủy viên
34	Nguyễn Chiến Thắng	Ủy viên
35	Trần Văn Thịnh	Ủy viên
36	Phan Thông	Ủy viên
37	Vũ Thị Hồng Thu	Ủy viên
38	Cao Thụy	Ủy viên
39	Nguyễn Thị Bích Thủy	Ủy viên
40	Mai Thị Tuyết Trinh	Ủy viên
41	Hoàng Văn Trường	Ủy viên
42	Nguyễn Tấn Tuân	Ủy viên
43	Nguyễn Trọng Vinh	Ủy viên

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
TỈNH KHÁNH HÒA KHÓA XV (2005-2010)**

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Nguyễn Văn Tự	Bí thư
2	Mai Trục	Phó Bí thư
3	Võ Lâm Phi	Phó Bí thư
4	Nguyễn Ngọc Hưng	Ủy viên Thường vụ

5	Cao Minh Nhạn	Ủy viên Thường vụ
6	Trần Văn Hạnh	Ủy viên Thường vụ
7	Nguyễn Chiến Thắng	Ủy viên Thường vụ
8	Nguyễn Phùng Mỹ	Ủy viên Thường vụ
9	Bùi Ráng	Ủy viên Thường vụ
10	Phạm Minh Chánh	Ủy viên Thường vụ
11	Hoàng Văn Trường	Ủy viên Thường vụ
12	Lê Thanh Quang	Ủy viên Thường vụ
13	Nguyễn Đắc Tài	Ủy viên
14	Nguyễn Chuyện	Ủy viên
15	Lương Kiên Định	Ủy viên
16	Lê Xuân Hạnh	Ủy viên
17	Nguyễn Thị Thu Hằng	Ủy viên
18	Nguyễn Trọng Hòa	Ủy viên
19	Trần An Khánh	Ủy viên
20	Trương Tấn Minh	Ủy viên
21	Cao Cường	Ủy viên
22	Nguyễn Việt Dân	Ủy viên
23	Trần Mạnh Dũng	Ủy viên
24	Huỳnh Sáng	Ủy viên
25	Nguyễn Tấn Tuân	Ủy viên
26	Nguyễn Nam Hà	Ủy viên
27	Phan Thông	Ủy viên
28	Trần Văn Thịnh	Ủy viên
29	Phạm Thị Như Hồng	Ủy viên
30	Trần Sơn Hải	Ủy viên
31	Nguyễn Thị Bích Thủy	Ủy viên
32	Nguyễn Văn Kháng	Ủy viên
33	Lê Văn Khải	Ủy viên
34	Nguyễn Thị Kiều	Ủy viên
35	Nguyễn Lạc	Ủy viên
36	Nguyễn Yên Sơn	Ủy viên
37	Lưu Quốc Thanh	Ủy viên
38	Trần Ngọc Thanh	Ủy viên
39	Lê Xuân Thân	Ủy viên
40	Võ Tấn Thái	Ủy viên
41	Nguyễn Hữu Thấu	Ủy viên
42	Võ Thị Tuyết Na	Ủy viên
43	Nguyễn Xuân Long	Ủy viên

44	Nguyễn Thị Tường Anh	Ủy viên
45	Nguyễn Ngọc Minh	Ủy viên
46	Nguyễn Thị Trang	Ủy viên
47	Hồ Văn Truyền	Ủy viên
48	Lê Đức Vinh	Ủy viên
49	Cao Hồng Vân	Ủy viên

Phụ lục 2: DANH SÁCH TẬP THỂ VÀ CÁ NHÂN CỦA
TỈNH KHÁNH HÒA ĐƯỢC TUYÊN DƯƠNG
ANH HÙNG LAO ĐỘNG (1975 - 2005)

*** Tập thể:**

1. Công ty Điện báo Điện thoại thuộc Bưu điện tỉnh Khánh Hòa

(Quyết định số 354KT/CTN, ngày 22-7-1998)

2. Kho Bạc Nhà nước tỉnh Khánh Hòa

(Quyết định số 365KT/CTN, ngày 26-8-2000)

3. Điện Lực Khánh Hòa

(Quyết định số 528KT/CTN, ngày 20-10-2000)

4. Xí nghiệp Liên hiệp Thuốc lá Khánh Hòa

(Quyết định số 606KT/CTN, ngày 20-11-2000)

5. Cục thuế Khánh Hòa

(Quyết định số 1141/2005QĐ/CTN, ngày 30-9-2005)

6. Trường Tiểu học Phước Tiến

(Quyết định số 1051/2005QĐ/CTN, ngày 16-9-2005)

7. HTX Thủ công mỹ nghệ xuất khẩu Vĩnh Phước

(Quyết định số 1051/2005QĐ/CTN, ngày 26-9-2005)

8. Xí nghiệp Điện tử TQT

(Quyết định số 993/2005/QĐ-CTN, ngày 01-9-2005)

*** Cá nhân:**

1. **Đinh Miên**, Giám đốc Công ty Truyền tải Điện 3

(Quyết định số 287KT/CTN, ngày 14-7-2000)

2. **Nguyễn Xuân Hoàng**, Tổng Giám đốc Xí nghiệp Liên hiệp Thuốc lá Khánh Hòa

(Quyết định số 287KT/CTN, ngày 14-7-2000)

**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TỈNH KHÁNH HÒA (1975 – 2005)**

*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

HOÀNG VĂN TRƯỜNG

Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Khánh Hòa

Chịu trách nhiệm bản thảo:

NGUYỄN HỮU CÁT

LÊ VĂN THỈNH

Trình bày

HÒA BÌNH

Sửa bản in:

HÒA BÌNH

NGUYỄN THỊ SÂM

In 2.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm tại Công ty cổ phần In và Thương mại Khánh Hòa. Số 08 Lê Thánh Tôn – Nha Trang. Giấy phép xuất bản số 02/GP-SVHTT do Sở Văn hóa – Thông tin Khánh Hòa cấp ngày 8-01-2007. In xong và nộp lưu chiểu tháng 02-2007.

